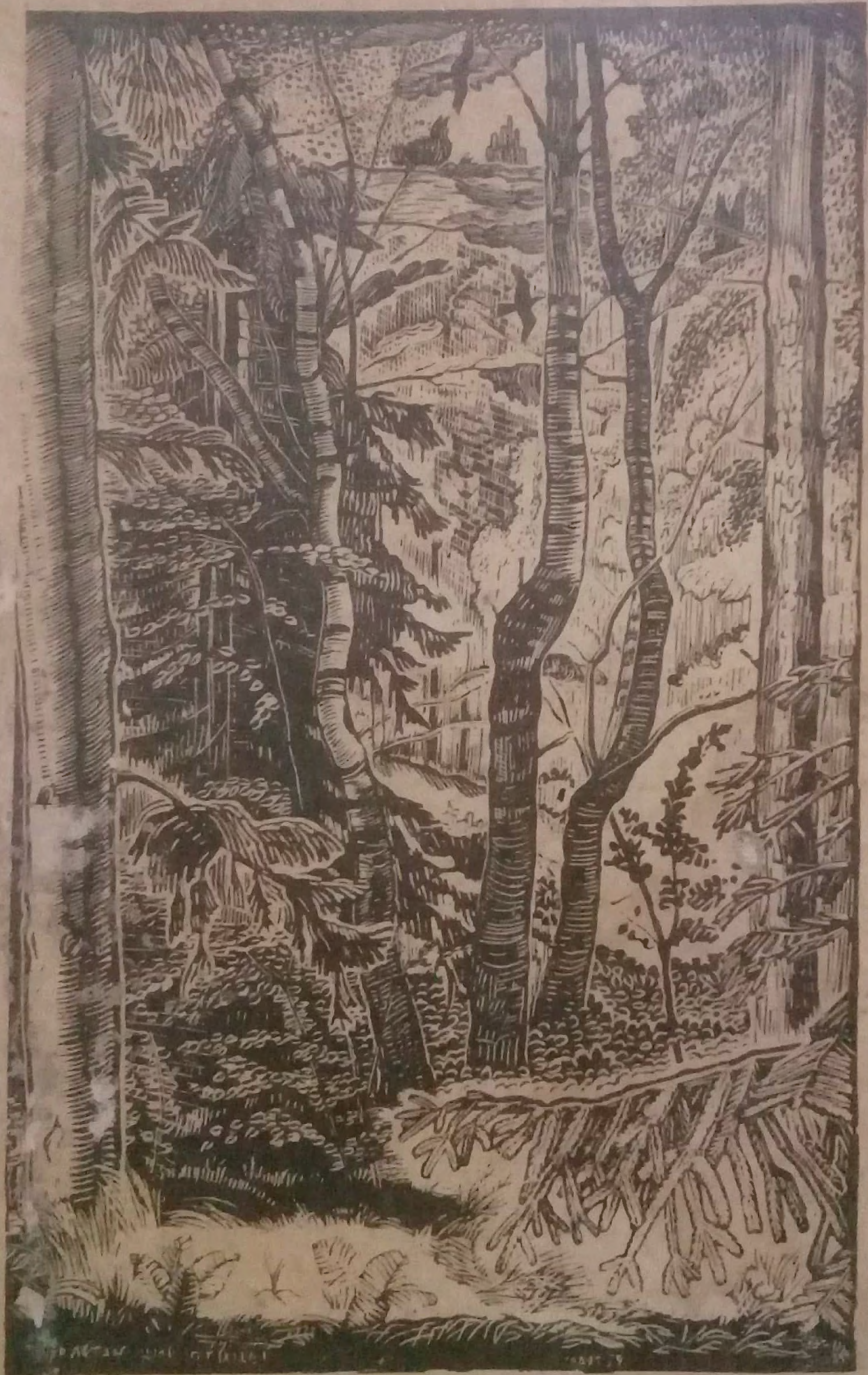


Mikhail Prisvin

BỐN MÙA - LỊCH THIÊN NHIÊN

Mikhail Prisvin

BỐN MÙA
LỊCH THIÊN NHIÊN



Nhà xuất bản Tiến bộ
Matxcơva

Người dịch: Trường Sơn
Minh họa ngoài bìa: V. Favoocxki
Trình bày mỹ thuật: V. Đôbe

М. ПРИШВИН
Времена года
Календарь природы
На вьетнамском языке

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Mikhail Mikhailôvich Prisvin (1873—1954), nhà văn Liên-xô nổi tiếng, sinh tại thị trấn Eletxơ cổ kính của nước Nga. Ông đã sống nửa đời người trong điều kiện của nước Nga Sa hoàng cũ. Những tác phẩm đầu tay của ông thuộc vào thời kỳ này — ông bắt đầu viết từ năm 1906. Nhưng thời kỳ hưng thịnh sức sáng tác của nhà văn đã diễn ra trong những năm chính quyền xô-viết, trong một nước đang được cuộc cách mạng tái sinh.

Prisvin là một người có số phận phức tạp và thú vị. Là tổ viên của những tiểu tổ cách mạng đầu tiên trong nước Nga chuyên chế, nhà nông học về mặt học vấn, hội viên Hội địa lý toàn Nga, nhà nhân chủng học, nhà vật hậu học, người đi săn say sưa và nhà du lịch, ông đã trở thành nhà văn nổi tiếng, đã viết được vài chục cuốn sách đủ loại (tiểu thuyết, truyện vừa, truyện cổ tích, truyện ký, ký sự, v. v...). Prisvin đã nồng nhiệt đáp lại những giọng nói muôn hình vạn trạng của cuộc sống. Dường như nhà văn muốn được tham gia vào tất cả những công việc đang tiến hành trong Tổ quốc thân yêu, và không chỉ là tham gia, mà còn muốn với đôi chân của mình đi qua khắp hàng nghìn cây số đường sá, rừng núi và cánh đồng của Tổ quốc, với đôi tay của mình sờ mó, vuốt ve những cành lá mềm mại cả của cây bạch dương vùng trung bộ nước Nga lẫn của cây bá hương vùng Xibêri... Nhưng đời sống con người quá ngắn ngủi, dù số phận có hào hiệp, rộng lòng kéo dài ra chăng nữa, như đối với Prisvin — nhà văn từ trần hưởng thọ trên tám mươi mốt tuổi. Đời sống của con người quá ngắn ngủi, và vì thế mỗi người sinh ra trên đời này phải chọn cho mình cái gì là chủ yếu nhất.

Đối với Prisvin cái chủ yếu nhất là Thơ. Ông không bao giờ làm thơ. Trái lại, tất cả những cái gì ông đã viết ra, thì đó là văn xuôi «thông thường» nhất. Ông rất thích sự chính xác. Ông không bao giờ bị cám dỗ bởi sự bịa đặt, mà muốn kể lại cho bạn đọc của mình sự thật rất bình dị. Nhưng «sự thật rất bình dị» ấy trong các tác phẩm của Prisvin thực ra hết sức tinh vi, rất phức tạp và nên thơ cao độ, vì Prisvin viết về một trong những mặt phức tạp nhất và nên thơ nhất của cuộc sống — viết về thiên nhiên.

Prisvin đã dành trên năm mươi năm hoạt động sáng tác của ông vào việc nghiên cứu, mô tả và ca ngợi thiên nhiên. Là một người biết rất rõ về phong cảnh miền bắc nước Nga, Prisvin đã viết nhiều sách, và mỗi cuốn dường như là bài ca hùng tráng về đất đai Nga thân yêu của ông. Cả *Lịch thiên nhiên*, cả *Nước nhỏ giọt trong rừng*, cả *Kho mặt trời*, *Nhân sâm*, *Bốn mùa*, *Rừng thông cao vút*, và cả những sách khác của nhà văn đều như thế cả. Những tác phẩm của Prisvin được xuất bản hàng triệu bản, cho đến nay đã và đang được nổi tiếng rất rộng rãi. Bạn đọc của Prisvin rất đông đảo và đa dạng. Những người thuộc các nghề nghiệp, các khuynh hướng, các trạc tuổi rất khác nhau đã đánh giá Prisvin là một nhà thơ chân chính của đất nước mình.

Trong cuốn sách này, chúng tôi giới thiệu với bạn đọc Việt-nam hai tác phẩm trong số những tác phẩm nổi tiếng nhất của Prisvin — *Bốn mùa* và *Lịch thiên nhiên*. Hai tác phẩm ấy là một loạt chuyện kể về thiên nhiên Nga, không có một chủ đề nhất định. Đúng hơn đó là những nét phác họa diễn đạt rất hình ảnh, những bức tranh truyền cảm, có khi là những cảnh rất nhỏ — chỉ trong vài câu, — những quan sát trực tiếp của nhà vật hậu học nghiệp dư, của nhà tự nhiên. *Mùa xuân*, *Mùa hè*, *Mùa thu*, *Mùa đông* — nhà văn đã gọi tên các chương trong hai tác phẩm của mình như thế.

Không ai có thể kể lại như Prisvin về vẻ đẹp tuyệt vời của ngày hè nóng bức, về tiếng reo vui tươi của con suối

rừng, về câu chuyện bí ẩn của đàn gà lôi non, về những mạng nhện hạ xuống trên cánh đồng, những lá vàng mùa thu kêu sột soạt dưới chân người đi săn, những giọt mưa lấp lánh sa xuống đất... Vẻ hùng vĩ của rừng núi Nga mùa thu, những đường viền đăng ten của nàng mỹ nữ mùa đông, vẻ kiều diễm của đất đai đã thức dậy trong mùa xuân, vẻ tươi sáng trang trọng của bầu trời hè trong vắt — đấy chính là Thơ ca chân chính rất gần gũi và dễ hiểu đối với trái tim của nhà văn. Bí mật của sức hấp dẫn lạ thường của Prisvin chính là ở cái nhìn tinh vi của ông, *ở* «niềm vui không bờ bến của những phát hiện thường xuyên» của ông. Trong mỗi chi tiết nhỏ nhặt, Prisvin tìm thấy được điều thú vị và quan trọng. Trong mỗi ngọn cỏ, trong mỗi lá cây, nhà văn thấy được nội dung sâu sắc của cuộc sống trên trái đất, và kể lại một cách rất hay đến nỗi bạn đọc cảm thấy thế giới quen thuộc của thiên nhiên chung quanh dường như sống lại và tràn đầy âm thanh.

Ngôn ngữ của Prisvin rất bình dân. Nhưng chính trong tính chất bình dân đó có cả một sự chính xác kỳ lạ lẫn tính muôn màu muôn vẻ. Thật đúng là Prisvin đã dùng ngôn ngữ để vẽ, chẳng khác gì họa sĩ sử dụng cây bút lông. Văn xuôi của ông lấp lánh muôn nghìn màu sắc của chính thiên nhiên, chan chứa thanh tươi và ánh sáng. Prisvin trân trọng quý báu vốn tiếng Nga nhịp nhàng, du dương, như trân trọng quý báu tính chất nên thơ của đất đai Nga thân yêu của ông.

Những tác phẩm *Bốn mùa* và *Lịch thiên nhiên* của Prisvin đều chứa đựng một tinh thần yêu nước sâu sắc. Những sách ấy giáo dục tình yêu vô hạn đối với đất nước, thiên nhiên và những con người của đất nước. Những con người trong hai tác phẩm ấy của Prisvin là những chủ nhân chân chính của đất nước mình. Trong đó bạn đọc sẽ thấy cả những nhà khảo cổ học, cả những nông dân ở các làng lân cận, cả những cậu bé hiếu học, cả những người đi săn say mê. Và đối với tất cả những người đó, cũng như đối với bản thân tác giả, tài nguyên thiên nhiên của đất nước họ thật là vô cùng quý báu.

Đất đai cho con người để mà sống — đó chính là tư tưởng chủ yếu của Prisvin. Một nhà văn Liên-xô nổi tiếng khác, người đồng thời của chúng ta vừa mới từ trần, Cônxtantin Pauxtôpxki, đã nói về điều đó một cách rất đúng và rất hay: «Nếu như thiên nhiên có thể cảm thấy lòng biết ơn đối với con người, vì con người đã đi sâu được vào bí mật cuộc sống của nó và đã ca ngợi vẻ đẹp của nó, thì lòng biết ơn ấy trước hết phải dành cho nhà văn Mikhain Mikhailôvich Prisvin».

LỊCH THIÊN NHIÊN

MÙA XUÂN

MÙA XUÂN ÁNH SÁNG VÀ NƯỚC NÔI

LẦN ĐẦU TIÊN NƯỚC NHỎ GIỌT

Đối với chúng tôi, những nhà vật hậu học* quan sát sự thay đổi những hiện tượng thiên nhiên từ ngày này qua ngày khác, thì mùa xuân bắt đầu bằng sự tăng thêm ánh sáng, khi trong dân gian người ta nói rằng dường như gấu ở trong hang đang quay trở mình; khi đó mặt trời cũng quay trở lại theo mùa hè, và mặc dầu mùa đông càng rét hơn, thế mà «người Digan vẫn bán áo lông của mình», như tục ngữ vẫn thường nói.

Tháng giêng ở miền Trung nước Nga: những tiếng kêu rộn ràng đầu xuân của đàn quạ xám, những trận đá nhau của chim sẻ quanh nhà, chó cái bắt đầu động đực và quạ đen bắt đầu những trận nô đùa hôn phối.

Tháng hai: lần đầu tiên nước nhỏ giọt từ mái nhà phía có mặt trời, những tiếng hót của chim vành khuyên lớn, chim sẻ quanh nhà làm tổ và chim gõ kiến rúc lên những hồi dài đầu tiên.

Tháng giêng, tháng hai, đầu tháng ba đều là những tháng của mùa xuân ánh sáng. Trên trời một đám mây

---

* Còn gọi là sinh vật khí hậu học, môn học nghiên cứu đời sống thực vật và động vật tùy theo sự thay đổi của thời tiết. — *ND.*

trắng tựa hồ dòng băng trôi, trông rõ nhất trong thành phố lớn giữa những khối đồ sộ của các ngôi nhà bằng đá. Trong thời gian này, ở thành phố, tôi làm việc nhiều đến nỗi không kịp thở, kiếm nhặt từng đồng bạc như một kẻ hà tiện, và sau khi đã cãi nhau đủ với mọi người vì tiền, cuối cùng tôi có thể được lên đường đi đến nơi kia, ở đấy tôi không thể kiếm ra tiền, thì lúc đó tôi trở thành một con người tự do và sung sướng. Phải rồi, người sung sướng chính là người có thể gặp được đầu mùa xuân ánh sáng trong thành phố và sau đó đón được mùa xuân nước nôi, cỏ cây, rừng núi và có thể cả mùa xuân con người nữa ở gần đất đai.

Sau mùa đông đầy tuyết, khi mùa xuân ánh sáng rực rỡ lên, thì mọi người gần đất đều hồi hộp, xúc động, và mỗi người đều tự hỏi không biết mùa xuân năm nay sẽ như thế nào, — và mỗi năm mùa xuân đến không giống năm ngoái, và không bao giờ mùa xuân này lại giống hệt mùa xuân kia cả.

Năm nay, mùa xuân ánh sáng đã kéo dài quá, và mắt hầu như không chịu nổi sự phát quang chói lòa của tuyết trắng, nên khắp nơi người ta đều nói:

— Sẽ hết rất nhanh!

Khi ngồi trên xe trượt lên đường đi xa, người ta sợ là sẽ phải vứt xe trượt ở đâu đấy và cầm dây cương dắt ngựa trở về.

Phải rồi, không bao giờ mùa xuân mới lại như mùa xuân cũ và do đó sống thích biết bao, vì sống với niềm xúc động và nỗi mong chờ một cái gì mới trong năm nay.

Bà con nông dân chúng ta khi gặp nhau chỉ nói về mùa xuân mà thôi:

— Sắp kết thúc rồi!

— Sẽ hết rất nhanh!

NHỮNG ĐÁM MÂY TÍCH ĐẦU TIÊN XUẤT HIỆN

Trước nhà chúng tôi, gió dồn lại một đống tuyết lớn, và nó nằm ngoài nắng, sáng lên giống như ngực trinh bạch của thiên nga. Khó khăn lắm tôi mới mở được cánh cửa lấp đầy tuyết rơi đêm qua, và khi lấy xẻng đào một đường hào, tôi hắt cả tuyết xốp mịn màng và trắng tinh đã rơi xuống đêm qua và đào cả những lớp tuyết cứng rắn và nặng nề bên dưới.

Tôi không tiếc đống tuyết. Kia kìa, trên trời tràn ngập màu tuyết, một đám mây to lớn, tươi màu; trong mùa đông chẳng hề có những đám mây như thế, và đám mây này cũng giống như ngực trinh bạch của thiên nga. Cùng với mùa xuân, ở khắp nơi dưới đất cũng như trên trời, lại hiện ra điều ước mơ tuyệt vời của tôi, và giờ đây tôi đón nó mà không lo âu dữ dội và tiễn nó mà không thất vọng tràn đầy: điều ước mơ đó, cũng như mùa xuân, đến rồi lại đi và, chừng nào tôi còn sống, thì nhất định nó sẽ trở lại. Thế thì tôi buồn làm chi? Giờ đây tôi không còn là trẻ con, mà đã là người bố và chủ nhân mọi ước mơ của tôi rồi.

Gần năm mươi tuổi rồi — chẳng phải là ít! Hãy nhớ rằng trong một cuốn sách cổ xưa* đã nói đến điều đó: sáu năm bạn hãy cày bừa đất đai, còn năm thứ bảy, cứ để cho đất đai nghỉ ngơi, và khi thực hiện được bảy lần bảy năm như thế, thì đó sẽ là năm

---

* Tác giả muốn nói đến kinh thánh. — *ND.*

thứ năm mươi của cuộc đời bạn, và bạn hãy cầm lấy kèn mà thổi lên đi, vì đó sẽ là lễ mừng ngũ tuần của bạn.

— Nào, các con ơi, — tôi gọi to, — dậy nhanh lên đi, đến giúp bố một tay với nào, sắp đến lễ mừng ngũ tuần của bố rồi.

Tên của chúng là Liôva và Pêcha, cả hai đứa đều say mê đi săn trong rừng. Tôi đã giáo dục một cách có suy nghĩ sự ham thích ấy của mình cho chúng: nếu chỉ vì để trổ tài bắn giỏi thôi thì các con tôi không bao giờ giết hại chim muông, chúng chỉ bắn để chúng tôi ăn thịt hoặc để giữ cho bảo tàng mà thôi. Sau Tết và trước lúc đầu xuân, khi chưa đến mùa săn bắn, có khi chúng đi khiêu vũ ở thị trấn và rất khuya mới trở về chỗ tôi ở làng quê, và cái đó chúng cũng gọi là *đi bắn*. Ở mặt Liôva sớm nhú ra những sợi ria, và nó đã bí mật lấy dao cạo của tôi để cạo sạch và vì thế bây giờ ria của nó mọc thật sự rồi. Còn em nó, mép mồm vẫn trơ trụi.

Bắt đầu từ lễ Bốn Mươi*, khi đàn quạ nhỏ, chim sơn ca và các loài chim nhỏ bay đến, thì chúng không còn nghĩ đến việc khiêu vũ nữa và trong những lúc rỗi rãi chúng bắt đầu chuẩn bị đón lúc chim chóc say nhau nên rất dạn, lúc gà rừng và gà lôi gọi nhau tìm mái. Còn khi bắt đầu mùa săn bắn, buổi tối đi xem chim muông say nhau trở về, đôi khi chúng ngạc nhiên nhớ lại những buổi khiêu vũ, thì chúng bảo là vì trước đây *chẳng có việc gì làm*. Rồi chúng lại bắt đầu dùng sai các từ và nói là bọn con gái, chứ không

---

* Lễ tôn giáo về bốn mươi người tử vì đạo. — *ND.*

phải *các cô gái*, như tôi đã dặn chúng. Và giờ đây chẳng hiểu vì sao tôi không sửa cho chúng nữa.

— Nào, các con, — tôi nói với chúng, — các con có cảm thấy hôm nay ngày đẹp làm sao! Mùa xuân ánh sáng đang giữa kỳ sôi nổi nhất. Chẳng bao lâu, nước sẽ tràn xuống hầm nhà. Làm nhanh, làm nhanh lên, các con ơi!

Chúng tôi làm cần cù, và do công việc đó mà tâm hồn sảng khoái tràn đầy.

Tôi đứng, chống xẻng thọc vào tuyết và không thể hiểu được tôi yêu con gì mãnh liệt như thế.

Trên dải rừng tim tím, hai con quạ nô đùa nhau, nhào lộn trong không.

Đây, chính là con gì mà tôi yêu — con chim kia! Trong những ngày đông lạnh lẽo khủng khiếp, khi do băng giá ác liệt mà mặt trời dường như bị treo trên những cột ánh sáng, mọi vật đều bị tuyết phủ, con người ẩn kín trong nhà, muông thú giấu mình trong chỗ kín, chim chóc bình thường đang bay rơi xuống chết cóng, thế mà chỉ một mình tôi — một con người sống — đi mà không chắc có đến nhà được không, — thì lúc đó chính con quạ đen ấy vẫn bay cao tít trên lớp tuyết trắng tinh, vỗ phành phạch những lông cánh lạnh cứng.

Còn giờ đây, loài quạ đang giữa mùa yêu đương sôi nổi: con bay dưới vút lên, chạm vào con bay trên và bay lên cao hơn nữa, còn con bị chạm cũng làm như vậy; và cứ thế lần lượt nhau, chúng bay mỗi lúc một cao hơn, cao hơn mãi, và bỗng, quác lên một tiếng, chúng lao xuống thấp và ngay lập tức lại vút lên cao.

Những con quạ nhào lộn trong không — hay quá! Trong tâm hồn tôi, những âm thanh ngân vang, và thay cho lời đáp lại tôi là cả bầu trời xanh lam, và trên khoảng mênh mông tràn đầy ánh sáng, đám mây tươi màu lững lờ trôi, giống như một con chim trắng to lớn đang ưỡn cao bộ ngực thiên nga không bị ai làm ô bẩn.

ĐẤT ĐÃ LỘ RA RỒI

Ba ngày rồi không có băng giá, và sương mù dần dần tác động đến tuyết. Pêcha nói rằng:

— Bố ơi, đi ra đây mà nhìn và nghe đàn chim sơn tước hót hay làm sao!

Tôi đi ra và lắng nghe. Đúng, hót hay thật, và cơn gió nhẹ mơn man âu yếm vô cùng. Con đường trở thành đỏ choạch và mấp mô.

Cảm thấy dường như có ai đấy chạy theo nàng xuân rất lâu, cố đuổi theo và cuối cùng đụng được nàng; còn nàng xuân thì dừng lại và trầm ngâm... Những con gà trống bắt đầu gáy vang khắp tứ phía. Từ trong đám sương mù dần dần hiện ra dải rừng xanh lam.

Pêcha chăm chú lặng nhìn đám sương mù đang tan dần và sau khi nhận thấy cái gì đấy đen đen trên cánh đồng, liền thốt lên:

— Bố xem kìa, đất đã lộ ra rồi!

Nó chạy vào nhà, và tôi nghe rõ tiếng nó kêu trong đó:

— Liôva, đi ra nhanh mà xem, đất đã lộ ra rồi!

Cả mẹ chúng cũng không chịu được nữa, vội vã bước ra ngoài, lấy bàn tay che mắt cho khỏi chói, và nhìn xa:

— Đất đã lộ ra ở đâu?

Pêcha đứng phía trước, đưa tay chỉ ra khoảng rộng xa xăm phủ đầy tuyết, giống như Côlôm* khi ở giữa biển, và nhắc lại:

— Đất, đất!

SƯƠNG MÙ

Đến bữa ăn trưa thì bầu trời quang mây, và dải rừng trở nên xanh lam mỗi lúc một đậm hơn cho đến khi trở thành tím hẳn. Liôva đi về báo một tin quan trọng:

— Ở hạ lưu, nước đang dâng lên!

Pêcha nhận xét rằng những con gà lôi đậu trên cây và tìm chỗ gọi mái.

— Hay là chỉ để kiếm ăn thôi? — tôi hỏi.

— Không, — nó đáp, — chúng đậu rất thấp trên vỏ gốc cây, ở đấy thì có gì mà ăn.

Theo con đường mới đào lên, tôi đi vào làng để mua thức ăn. Bên cạnh, những chiếc xe ngựa tải đi đến chợ theo con đường cũ. Ở con đường cao mà tôi đi, tuyết đã tan nhiều và nước róc rách chảy trong rãnh, còn ở con đường cũ thì tuyết rắn chắc và phủ bên trên một lớp phân ngựa, cứng như thép. Nó sẽ còn nằm ở đây lâu nữa, và những người đàn ông vẫn sẽ còn đánh ngựa kéo xe ra chợ trên con đường cũ khá lâu nữa; chỉ có con đường cũ này bây giờ nối liền tất cả các đường làng thành một lối duy nhất mà thôi.

---

* Crixtôp Côlôm (1451—1506) — nhà hàng hải nổi tiếng, người Ý, đã thực hiện những cuộc viễn du lớn vào thế kỷ XV và XVI. — *ND*.

Sương mù vẫn chưa tan hẳn, và không trông thấy làng. Nhưng tôi đã nghe tiếng gà gáy trong đó. Tôi càng đi đến gần, thì tiếng gà gáy càng rộn ràng, mạnh mẽ, thậm chí không còn là tiếng gáy nữa mà là tiếng gà trống rống lên, cả làng quê rộn rã tiếng gà. Như thế thì chẳng mấy chốc đàn quạ nhỏ sẽ quang quác kêu lên trên tổ để đuổi những con quạ xám đi, rồi đến ngày lễ thánh Êgo thì bò và cuối cùng thì bọn con gái sẽ bắt đầu kêu lên.

BÀI HÁT ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC

Gần tối, chúng tôi ra đi để xem những con đa đa có chạy đến, khi nghe tiếng còi mồi gọi chúng hay không. Mùa xuân chúng tôi không bắn chúng, nhưng đùa nghịch với chúng; thật rất thích khi thấy chúng vừa chạy trên mặt lớp tuyết cứng, vừa đứng lại lắng tai nghe, và có khi chúng chạy đến rất gần hầu như có thể với tay bắt được.

Khi đi trở về thì chúng tôi gặp khó khăn hơn: cơn băng giá buổi tối đến, lớp tuyết cứng bên trên còn chưa chịu được dưới sức nặng của đôi chân nên tụt xuống, và thật là khó rút chân ra. Ráng chiều ửng đỏ màu da cam, trông nghiêm nghị và lạnh lùng, những vũng nước nhỏ trên đầm lầy đỏ rực lên vì phản chiếu nó, giống như mặt kính cửa sổ. Chúng tôi rất cần biết: có thật con gà lôi đang lầu bầu kêu hay là chúng tôi tưởng như thế thôi. Cả ba chúng tôi bò lên mô đất lớn nổi lên trên tuyết và lắng tai nghe.

Lúc đó, tôi phì khói từ tẩu thuốc lá, thì té ra khói hơi bay về phía nam. Chúng tôi bèn lắng tai về phía

bắc và bỗng hiểu tất cả: ở dưới thấp, rất gần chúng tôi, nước đang dâng lên ép vào cái cầu con, chảy tràn qua và róc rách kêu lên tựa hồ như tiếng gà lôi.

GÀ RỪNG GỌI NHAU TÌM MÁI

Sau một đêm rất nhiều sao, trong phòng trở nên mát lạnh, — tôi đi ra ngoài xem ở sân như thế nào. Đúng lúc đó cả ông láng giềng của tôi, một ông cụ nông dân, cũng ra để đi ngoài.

— Trời băng giá, — tôi nói.

Ông ta không trả lời ngay, mà nhìn quanh mình — tuyết, bầu trời đầy sao —, lấy chân gạt tuyết và nói về băng giá:

— Ông đi rồi, bây giờ chỉ có cháu thôi!

Tôi thử đi trên mặt tuyết — tuyết không sụt.

— Cháu tốt thật, — tôi nói với ông cụ và đi vào đánh thức các con.

Tôi bảo cho chúng có thể đây là lớp tuyết cứng bên trên cuối cùng và chúng tôi nhất định phải đi đến Vôrôgôt để xem gà rừng gọi nhau tìm mái, và thậm chí nếu không nghe chúng gáy tè te đi nữa, thì cũng sẽ được thấy dấu cánh của chúng trên mặt tuyết.

— Bố ạ, bố cừ thật, — Liôva vui vẻ nói và lắc Pêcha dậy.

Mọi vật đều đóng băng lại và thậm chí bên trên mặt còn phủ một lớp tuyết bụi mịn màng. Có thể đi dễ dàng và vui vẻ ở khắp nơi mà không cần đường sá gì cả. Chúng tôi đã từng đi khắp hàng chục cây số qua rừng và đầm lầy, chạy cùng với những con chó săn nòi, và chúng tôi đã đặt tên cho tất cả những

hòn đảo nhỏ, những miền đất thấp, những mô đất nhỏ: chúng tôi có «Quãng Trống Tươi Sáng»* với ba cây thông cao, dưới gốc cây thỏ rừng bao giờ cũng đi qua, có một chỗ khô ráo giữa hai đầm lầy lớn gọi là «Chỗ Nghỉ Chân», có «Nội Cỏ Vàng», còn cách chỗ chúng tôi chừng tám cây số, giữa những đầm lầy có khi hầu như không đi qua được, một chỗ rừng thông nổi lên cao, từ xa đã trông thấy, dân địa phương gọi một cách đơn giản là *Chỏm Tóc*, còn chúng tôi thì đặt lên là «Đồi Alaun». Với sức lực còn hăng, chúng tôi đã vượt rất nhanh tất cả tám cây số đó qua mặt lớp tuyết cứng bên trên phủ tuyết bụi mịn màng đến tận Chỏm Tóc, và lúc đó ngay trên cao điểm ấy, má của tôi đón được sự chuyển động đầu tiên của ngọn gió nam. Lúc đó tôi sực nhớ là mọi người đã nói về mùa xuân — «sẽ hết rất nhanh», và tôi bắt đầu lo lắng: «Nếu gió nam thổi đến và lại có ngày nắng ấm, thì làm thế nào chúng tôi ra khỏi những chỗ có nhiều gà rừng này được?»

Trong lúc đợi trời sáng tinh mơ, chúng tôi dựa lưng vào cây và lắng nghe. Quả thật: suốt đời đi trong rừng, hầu như đã biết hết, đã thuộc hết, thế mà cũng có khi xảy ra cái gì mà mình không thể nào hiểu được. Chúng tôi nghe tiếng kêu răng rắc ở dưới thấp trên đầm lầy, tiếng kêu mạnh lắm đến nỗi băng vỡ ra bay lên, như thủy tinh, và những mảnh băng thủy tinh này rơi xuống cũng âm vang. Con quái vật đang làm vỡ băng trên đầm lầy, chuyển động rất nhanh về phía chúng

---

* Tên địa phương, nơi nhà văn Nga nổi tiếng Lep Tônxtôi đã sống. — *ND.*

tôi, và cả ba chúng tôi nín thở, tay đặt lên cò súng đã lên đạn sẵn sàng, chờ đợi nó trong bóng tối. Nhưng nó đi đến gần hòn đảo của chúng tôi thì quay trở lại và đi xa, xa mãi trong đầm lầy. Ở trên chỗ khô ráo kia mà chúng tôi gọi là «Chỗ Nghỉ Chân», tiếng kêu răng rắc ngừng lại một lúc, rồi lại bắt đầu làm vỡ băng và cứ nghe mãi như thế, và chắc là chỉ vì đoán nên nghe tiếng mà thôi. Sau đó, khi ở phía bên kia, bình minh đỏ thắm đã bắt đầu rực cháy thì Pêcha đã nghe được từ phía ấy tiếng gáy rất mong đợi, rồi đến Liôva cũng nghe. Chắc là tiếng đó xa lắm, tôi không nghe được, vì trong tai tôi ù lên như tiếng dế kêu, và vì đoán nên tôi cho rằng vẫn như trước con nai đang làm vỡ, làm vỡ mãi băng thủy tinh trên đầm lầy. Các con tôi đã nghe đầu tiên, thì giờ đây cứ để chúng phóng nhanh xuống dưới và sau đó chạy trên mặt đầm lầy đóng băng mà rất dễ làm cho chim bay mất.

Còn đối với tôi thì ánh bình minh tuyệt đẹp kia lẫn cơn gió nam nhẹ nhàng âu yếm kia đã đủ lắm rồi. Tôi đứng trên mỏm đồi và nhìn xuống dưới thấp đằng kia, trên đầm lầy có những cây thông già sẫm màu mọc lưa thưa.

Tôi đã đứng như thế bao nhiêu lâu? Hàng thế kỷ đỏ rực đã trôi qua theo ánh bình minh, và bỗng nhiên, ở đằng kia, ở chỗ các con tôi, một phát súng nổ vang: chúng bắn được thì tốt hơn tôi bắn. Chẳng hiểu vì sao lại thành ra thế này: thắng lợi của các con làm tôi vui mừng hơn là của chính bản thân. Nhưng cả tôi cũng phải chạy một ít. Chạy được ba bước, tôi nghe một tiếng đặc biệt, không thể nào tả được, tiếng những cánh to vỗ mạnh; tôi nhanh chóng quay lại,

và trên nền đỏ của ánh bình minh, giữa các ngọn cây, tôi bắt gặp một vệt đen to và tôi bắn vào đấy như vào bức tường. Còn con gà rừng kia mà tôi đã chạy đến thì vụt bay đi. Thôi mặc kệ nó, tôi chẳng cần nữa. Nó rơi trên mô kiến đất dưới những cây thông; và ngay trên mô ấy kiến còn chưa sống lại, tôi ngồi xuống, quay mặt về phía bình minh.

Ở chỗ các con tôi lại còn thêm một phát súng nữa, nhưng tôi hầu như không để ý đến nó, vì rằng khi mặt trời mọc, cạnh mô kiến đất cả một thế giới huyền bí đã mở ra mà tôi cố suy nghĩ nát óc để bắt đầu đoán ra những điều huyền bí đó. Ở đây, có một rãnh nhỏ trong vũng nước dưới lớp băng, và theo rãnh đó nước chảy ra thành một tia nhỏ. Do đâu mà có rãnh nhỏ này? Tôi đoán là: khi tuyết chỉ mới bắt đầu tan, một con chuột đã chạy qua và làm lún tuyết, rồi trời băng giá, và khi tuyết lại bắt đầu tan thì chỗ bị con chuột làm lún xuống không thể như tuyết nhanh chóng biến thành nước được, và khi ở bên trên lại đóng băng một lần nữa thì ở dưới lớp băng, nước theo con đường chuột chạy mà chảy ra.

Có lẽ, tôi đã ngủ thiếp đi rồi, nhưng khi ngủ ngoài trời thì cả những cảm giác lẫn những ý nghĩ của tôi vẫn tiếp tục hoạt động, chỉ có thời gian trôi qua mà tôi không biết được thôi. Đánh thức tôi là một cành cây đã bị tuyết đè nặng uốn cong, đọt của nó đã bị đóng băng và nhúng vào chính vũng nước kia, nơi nước theo con đường chuột chạy mà chảy ra. Chính cành cây đó bỗng nhiên nhảy bật lên và đứng sừng sững trước mặt tôi thành một cây con. Tôi giật mình, đứng lên và thấy cái gì từ chỗ này mà chúng tôi gọi

là Đồi Alaun: chung quanh toàn là nước, nước một màu xanh lam!

Tôi không nghĩ đến điều là lúc này chúng tôi đã bị tách rời ở trên hòn đảo. Chẳng sao đâu, bằng cách nào đấy chúng tôi cũng sẽ trở về được kia mà. Thật là hạnh phúc vô bờ được thấy lại một lần nữa mùa xuân ánh sáng và nước nổi. Trong nháy mắt tôi sực nhớ lại điều đã viết trong cuốn sách cổ xưa: sáu năm bạn hãy cày bừa đất đai, còn năm thứ bảy cứ để cho đất đai nghỉ ngơi, và khi thực hiện được bảy lần bảy năm như thế, thì bạn hãy cầm lấy kèn và thổi lên đi, vì đó sẽ là lễ mừng ngũ tuần của bạn.

Tôi tháo nòng súng và cố hết sức thổi. Các con tôi lo lắng chạy đến. Tôi bảo chúng cũng tháo nòng súng và nói:

— Các con ơi, hãy thổi lên, vì hôm nay là lễ mừng ngũ tuần của bố!

MÙA XUÂN NƯỚC NỔI

Trong năm nay, chính là năm mà đất đai của tôi được nghỉ ngơi, thì tôi sẽ không tìm tòi, nghĩ ngợi gì: tôi sẽ viết, mà thậm chí không đổi cả tên nhân vật theo ý thích của mình, và nhận xét từng ngày một của mùa xuân; cứ để cho chính bản thân đất đai sẽ trở thành nhân vật chính trong truyện của tôi.

Nhu cầu ghi chép lại mọi hiện tượng thiên nhiên xuất hiện trong người tôi, khi tôi bắt đầu nén mình không du hành xa xôi trong mùa xuân nữa; và khi tôi đã đứng lại thì thế giới chung quanh lại chuyển động. Trong năm nay, tôi đã kiếm được một bản chương trình vật hậu học và tôi ghi chép đúng theo

yêu cầu của khoa học; nhưng trong cuốn vở nháp, tôi cũng ghi ngay ở đấy cả những sự kiện đời tư của mình, những gặp gỡ, những ý định, và như thế là toàn bộ cuộc đời tôi trong mùa xuân này được xếp đặt theo vật hậu học.

Đúng vào ngày mà tôi ghi: *sự ghép đôi của chim vành khuyên đuôi dài,* thì ở trường trung học người ta nói với Pêcha rằng cấp hai của chúng sẽ cải tổ thành hệ thống bảy năm và nó đã được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp rồi, còn nếu muốn học tiếp nữa thì phải chuyển đến thành phố khác. Mà trước đấy, chúng tôi cũng đã nghĩ là làm sao đi đến được chỗ nào đấy gần nước và đã viết thư đến thành phố Pêrêxlap-Zaletxki, ở đấy có hồ Plêsêêvô tuyệt đẹp. Chuyện xảy ra thế này: đúng vào ngày tôi ghi về chim vành khuyên đuôi dài và Pêcha nghe nói về hệ thống bảy năm, chúng tôi nhận được thư trả lời của người phụ trách nhà bảo tàng Pêrêxlap. Trong thư cho biết rằng trường Pêrêxlap không tồi, và bọn trẻ có thể nghiên cứu về mọi mặt của địa phương ở nhà bảo tàng; rằng chim chóc ở đấy thì nhiều vô kể, còn đi sâu hơn một ít vào trong rừng thì còn có nai, linh miêu và gấu; rằng cách thành phố ba cây số, trên bờ cao của hồ Plêsêêvô có một dinh cơ lịch sử, ở đấy còn giữ lại được chiếc xuồng con của Piôt Đệ nhất*, và ở đấy có một lâu đài bỏ trống trong đó định đặt trạm nghiên cứu sinh vật học, và nếu tôi bắt đầu làm

---

* Piôt Đệ nhất (1672—1725) — Sa hoàng có nhiều cố gắng để đưa nước Nga theo con đường phát triển chủ nghĩa tư bản. — *ND.*

việc quan sát vật hậu học, thì tôi có thể nhận được bất cứ căn nhà nào trong lâu đài này.

Sau đó, trong thư còn chỉ rõ cặn kẽ đường đi xe ngựa thẳng hoặc vòng qua Matxcơva, theo đường sắt đến ga Bêrenđêêvô.

Có những tên lạ thường làm sao! Và chúng tác động đến tôi biết bao: tôi tưởng tượng lâu đài kia là một lâu đài kỳ diệu tại vương quốc của nhà vua Bêrenđây trong truyện cổ tích. Và cứ nghĩ như thế, nghĩ như thế mãi.

«Nào, Bêrenđây, — tôi tự nhủ mình như thế, — chẳng cần suy nghĩ gì nữa».

Cảm tình nồng nàn đối với thiên nhiên hoàn toàn không ngăn trở tôi yêu những thành phố to lớn, đẹp đẽ và cuộc đời phức tạp của chúng: ở trong thành phố khi tôi muốn ra nơi khoáng đãng, thì tôi lên tàu điện ngồi, và cứ thế chừng hai mươi phút sau tôi lại ở trên cánh đồng rồi. Tôi chắc là một người tự do. Tôi sống hằng năm trong những túp lều của dân đánh cá, của dân đi săn, của dân cày, tôi yêu những người lao động, tôi thấy lạnh lùng và vụng về ở chỗ những người trọc phú, nhưng điều đó không ngăn trở tôi yêu thành phố và lâu đài. Mẹ kiếp! Cái lều này của tôi! Cái lều mà khi mưa to thì chỉ ở trong lò sưởi mới khô ráo mà thôi, còn mùa đông thì lạnh buốt chẳng có thể cởi áo lông cộc ra được.

Rèn sắt, khi sắt còn nóng*. Búa ơi, hãy nện nhanh hơn trên mặt hòm! Dây ơi, hãy thắt chặt hơn!

---

* Tục ngữ Nga, ý nói làm việc gì cũng phải kịp thời. — *ND.*

— Liôva, — tôi bảo, — lấy dầu gội mà ăn, ăn mạnh, để dọc đường không bị bung ra. Pêcha hãy lau chùi thật kỹ và bôi mỡ cẩn thận các khẩu súng của chúng ta, con dã nghe rồi dấy: có cả linh miêu và gấu nữa.

Để các con ở lại thi, chúng tôi lên dường, và trên đầu chúng tôi đàn ngỗng trời bay về phương bắc, có thể là cũng bay đến hồ Plêsêêvô.

ĐÀN SẾU BAY ĐẾN

Chúng tôi ở trong hàng giậu của *Tu Viện Trên Núi*. Khu đất trong hàng giậu lớn, có thể chứa hàng nghìn người dân thành phố, nằm theo hình chữ thập trên đôi bờ sông Tơrubêjơ và hồ Plêsêêvô. Và có thể là trước đây cũng đã có thời như thế, khi người ta rút về đây để tránh quân thù. Giờ đây, ở trong bốn bức thành trống trải, một vài cái chuông dã bị lấy mất lưỡi và cạnh cái ao của giáo chủ, — ao làm theo đúng từng ly từng tí kích thước của chiếc tàu Nôê*, — chỉ có hai con dê đi lang thang và cô bé Galia chạy theo chúng. Hai con dê này của ông phụ trách nhà bảo tàng, nhà sử học địa phương, còn Galia là con gái của người phó phụ trách, nhà động vật học.

Từ trên lầu chuông nhỏ trông rõ toàn bộ cuộc sống ở ngoài bốn bức thành: rất nhiều tu viện và nhà thờ của thành phố cổ, ở giữa những tu viện và nhà thờ là một dòng người nông thôn đi đến chợ. Cứ như

* Theo kinh thánh, chiếc tàu của Nôê đóng để tránh nạn đại hồng thủy. — *ND.*

thể mọi vật ở đây, ở trong thành phố bảo tàng này, đều đảo lộn cả: nhà tu cổ kính, nơi đặt nhà bảo tàng của chúng tôi, tên là *Nữ Đồng Trinh Trên Núi*, còn chỗ đất có nhà tu Nữ Đồng Trinh thì gọi là *Núi Rận*, và trên Núi Rận thì có đường *Huýt Gió*, bây giờ đã đổi tên thành đường *Vôlôđacxki**, rồi đến đường *Chim Ưng*, nơi xưa kia những người nuôi chim ưng cho Ivan Hung dữ** đã từng ở đây. Ở dưới thấp là vô vàn nhà thờ đứng dày, chỉ còn lối đi qua mà thôi. Trong số đó, một ngôi nhà thờ — *Bốn Mươi Vị Tuẫn Giáo* — đứng ngay ở cửa sông Tơrubêjơ đổ vào hồ, và cái tên đó để tưởng nhớ đến bốn mươi vị tuẫn giáo đã bị dìm chết trong một hồ nào đấy; một ngôi nhà thờ khác — vừa vặn đối diện ngôi nhà thờ trên, cũng ở trên bờ sông Tơrubêjơ và hồ Plêsêêvô, có tên là *Mở Đầu*, vì theo những dân đánh cá nói rằng từ chỗ ấy mở đầu cho việc đánh cá mòi nổi tiếng ở Pêrêxlap, còn xa hơn nữa lại đến cao điểm, và trên đó là thánh đường — nhà thờ *Fêôđo Trên Núi*.

Lạ thay, trong vùng đầm lầy rải rác nhiều dòng sông con, chúng tôi đã được gặp mùa xuân nước nôi, còn hồ Plêsêêvô vẫn nằm đấy, phủ đầy tuyết, như giữa cánh đồng mùa đông, chỉ có theo mép rìa hình răng cưa của rừng mà mắt khó nhận ra, thì mới có thể đoán được rằng toàn bộ cánh đồng lớn lao trắng xóa ấy là cái hồ.

---

* Vôlôđacxki (1891—1918) — nhà cách mạng Nga. — *ND.*

** Ivan Hung dữ (1530—1584) — Sa hoàng. — *ND.*

Bên trái của Tu Viện Trên Núi, trên hồ ấy trông rõ một cao điểm cùng với một lâu đài màu trắng để tưởng nhớ Piôt Đệ nhất và nơi khai sinh của hạm đội Nga, ở phía khác là cao điểm của *núi Alêcxăng* có một tu viện rất cổ ở ngầm dưới đất, và núi đó tên là núi Alêcxăng chính là để tưởng nhớ Alêcxăng Nepxki*, vị hoàng tử của Pêrêxlap, còn trong dân gian người ta gọi là *Đầu Hói của Iarilô***.

Tất cả những điều đó tôi được nhà sử học địa phương cho biết ngay. Ông ta đã cống hiến suốt đời mình cho việc nghiên cứu công quốc Pêrêxlap quê hương và là người vẫn giữ được thổ âm Vlađimia thuần túy, khi nói thì nhấn mạnh chữ «ô».

— Tôi là người thứ bảy ở Tu Viện Trên Núi, — ông nói theo thổ âm Vlađimia, — người đầu tiên là một người hề: do đó mà có tên là Rừng Hề, Mương xói Hề, và thậm chí một trong những cái tháp của chúng tôi còn gọi là Tháp Hề.

Người hề, rồi đến các tu sĩ Phần-lan, rồi đến người nào đấy nữa, rồi cuối cùng là giáo chủ... Tôi nhớ rất rõ về người hề và cứ nghĩ đến ông ta, khi nhà sử học kể về một làng nào đấy tên là Phục Sinh, trong dân gian gọi là *Làng Quỷ*.

«Người hề đã trở thành Quỷ, — tôi nghĩ bụng, — có phải là vì trong cuộc đấu tranh với thần Iarilô vui vẻ, hay nói một cách khác với người hề, các cha

---

* Alêcxăng Nepxki (1218—1263) — hoàng tử Nôpgôrôt đã đánh tan bọn xâm lược nước Nga những năm 1240, 1242. — *ND.*

** Iarilô là tên vị thần của người cổ Xlavơ. — *ND.*

cô thiêng liêng đã đề ra một nhiệm vụ Phục Sinh không thể làm được, và một cái không làm thể được này lại gây ra cái không thể làm được khác, và thần Iarilô hiền lành, thân mật kia lại trở thành con quỷ hung dữ và huyền bí».

Tất cả các tu viện, tất cả các nhà thờ có giá trị nghệ thuật, cả chiếc xuồng con của Piôt Đệ nhất, cả Đầu Hói của Iarilô, — tất cả đều thuộc về nhà bảo tàng.

— Nhà bảo tàng tuyệt thật! — tôi nói, — từ thần Iarilô cho đến Piôt Đệ nhất...

— Và sau Piôt nữa, — nhà sử học đáp lại, — nếu các bạn muốn thì tôi sẽ đưa xem Êcatêrina, Êlizaveta*...

Và lúc đó những người tham quan nhà bảo tàng đi đến, tất cả chúng tôi cùng đi xem Nhà thờ Đức Mẹ Qua Đời.

Nhà sử học ấy là một vị chủ nhân rất tốt và là một nhà sưu tầm về lịch sử đất đai ở Pêrêxlap, mà cái chính là một người Đại Nga: ông ta có thể trình bày toàn bộ hoàn cảnh đất nước cả trong phạm vi rộng lớn lẫn khi cần, có thể quay lại theo lối mòn nhỏ hẹp của địa phương...

Sau khi nhận thấy rằng không phải mọi người đều thích nghe kể về bức thánh tượng bình của Êcatêrina và kiểu thức kiến trúc cầu kỳ của Êlizaveta, và nhiều người hững hờ đưa mắt nhìn lơ đễnh trên vòm mái xanh lam, thì ông bắt đầu kể về giáo chủ Gênnađi Crôtinxki đã chết vì bệnh dịch tả và an táng dưới ngôi đền này. Chỗ nấm mộ trên sàn đền được vây trong mạng lưới mắt cáo và trong đó có một mô

---

* Tên các nữ Sa hoàng. — *ND.*

con gì đấy đậy lại. Trước đây, người tu sĩ thò tay vào dưới tấm khăn đậy và lấy cát ở đấy phân phát cho tín đồ, và những người này nghĩ rằng dường như đất đó từ dưới vòm chui qua các đá ong, đá tảng xây móng và gỗ ở sàn nhà và thòi ra bên trên. Còn bây giờ thì người nào cũng có thể lấy tay dỡ tấm khăn đậy và thấy rõ cát được đổ vào một cái hộp sắt tây trước đây dùng để đựng kẹo và thậm chí người ta chẳng chịu chùi sạch cái nhãn hiệu: *«Âynem* — Hỗn hợp»*.

Trong số những người tham quan có một anh chẳng để ý gì đến nghệ thuật thời Êcatêrina và Êlizaveta và cũng không cười khi thấy cái nhãn hiệu «Âynem — Hỗn hợp». Mikhain Ivanôvich chỉ cho anh thanh niên rầu rĩ ấy bức bích họa «Người giàu và thánh Laza» và nói:

— Đó là giai cấp tư sản bị đốt trên lửa, còn giai cấp vô sản, anh hãy xem kìa, được nâng lên núi trong lòng của Avraam!

Anh thanh niên vui lên và nói:

— Đấy, bà con có thấy không, từ đời nảo đời nao mà cái đó đã tồn tại rồi.

— Ông bạn trẻ ạ, — nhà sử học đáp, — cái đó quả thật đã có từ rất lâu rồi.

Khi chúng tôi đi ra khỏi nhà thờ và từ bức thành nhìn ra hồ thì mọi người thấy là hôm nay, trong ngày rất ấm, cái dải hẹp màu xanh lam của nước băng tan ven bờ đã lộ rõ và trong không trung ở trên cao đàn sếu vừa chậm rãi bay, vừa kêu quang quác.

---

* Tên một hiệu sản xuất kẹo trước đây. — *ND*.

CHIM CẮT BAY ĐẾN

Ánh nắng sưởi ấm rất dễ chịu ở ngoài sân nhà bảo tàng. Những con bướm đen chập chờn bay. Nhà động vật học Xecgây Xecgâyich nhận xét một sự kiện lớn trong ngày: những con bọ rầy — giống này rất hại cho nhà bảo tàng — đã bò vào những bức tường bên trong. Ông ta nhặt rất nhiều lá khô cho vào một cái bao, rồi bỏ vào cái rây và lắc. Và chúng tôi nhìn hồi lâu trong kính lúp xem những con bọ rầy-rác ấy tỉnh lại.

— Xecgây Xecgâyich, — tôi hỏi, — trong số sáu nghìn con bọ rầy mà bác đã thu thập được, chắc là, có con nào bác thích nhất, từ nó mà bắt đầu tất cả? — Ông ta không hiểu tôi, nên tôi nhắc lại: — Có con bọ rầy nào bác thích nhất?

Ông trầm ngâm suy nghĩ.

— Có con bọ rầy cá biệt nào đấy? — tôi nói lầu bầu.

— Có, — ông nói nhanh nhảu, — nhưng đó không phải là một con bọ rầy cá biệt, mà là một loài bọ rầy.

Thế thì... loài vậy. Tôi đã hỏi như thế chính là để từ loài mà tìm đến một con bọ rầy cá biệt nào đấy mà, có thể là trong phút thất vọng cuối cùng của Xecgây Xecgâyich, nó biểu hiện toàn bộ vẻ đẹp của thế giới và cứu cuộc đời của ông ta. Nhưng nếu thích cả một loài...

— Dù loài cũng được, — tôi nói, — nhưng loài nào?

Nhà khoa học có năng khiếu, Xecgây Xecgâyich, to béo, râu ria xồm xoàm, giống như một côn trùng to lớn, mặt tươi rói lên và nói:

— Con bọ rùa!

Sau đó chúng tôi vào phòng làm việc và xem những con bọ rùa — vài nghìn con dưới mặt kính, vài nghìn con trên bông, và con nào cũng có phiếu ghi, có thẻ kèm theo.

Tôi nghe kể về những con bọ rùa và tôi rất muốn hỏi về con bọ rùa đầu tiên mà ông đã gặp được, và muốn biết tình hình cá biệt rất tỉ mỉ đã gắn bó Xecgây Xecgâyich vào công việc đính những con bọ rùa yêu thích vào kim găm.

Suốt đời, tôi mong ước tìm cho mình một đề tài khoa học nào đấy, như con bọ rùa, và nghiên cứu suốt đời mình chỉ một con đó thôi, và nhiều lần thậm chí tôi đã bắt tay vào việc rồi, nhưng tôi nhanh chóng hưởng thụ hết những vui thú trong công việc và nó trở thành rỗng tuếch, không có hứng thú, không có kết quả. Như vậy tôi không thể chuyên môn hóa được, nếu không coi tài khéo léo trong việc ghi chép các hiện tượng của đời sống là một chuyên môn.

Trong khoảng chừng một giờ thôi, tôi đã rút được toàn bộ cái gì đáng chú ý nhất trong những bộ sưu tập của Xecgây Xecgâyich và bây giờ tôi lại đưa mắt lang thang tìm cái mới và tôi để ý thấy trong không trung một con chim cắt đang rung động và dải nước băng tan ven bờ xanh lam mỗi lúc một tăng thêm. Người ta nói rằng nếu băng cứ tiếp tục tan như thế này, thì một tuần nữa sẽ bắt đầu mùa đâm cá măng trên hồ Pêrêxlap. Tôi áp dụng những biện pháp cương quyết để có thể được gần thiên nhiên hơn, tôi đã triệu tập hội đồng bảo tàng và đọc báo cáo về vấn đề nghiên cứu địa phương.

Tôi có kinh nghiệm trong việc nghiên cứu địa phương, và trong óc tôi đang hình thành một cái gì đấy đại loại như là phương pháp. Bản chất của phương pháp nghiên cứu địa phương ấy là: muốn hiểu được bộ mặt của địa phương thì phải dùng cái cảm tình đồng hương thông thường đối với địa phương, trong đó có cả cảm tình đối với thiên nhiên, và không nghi ngờ gì nữa, ngay cả phép tổng hợp của nghệ thuật, ít nhất cũng bằng những phương pháp nghiên cứu khoa học thông thường. Tôi cho rằng một người tìm hiểu thiên nhiên giỏi xuất thân từ bình dân bằng một hay thậm chí hai nhà khoa học giỏi.

Vài lần, khi nói chuyện với các nhà khoa học giỏi nhất, tôi đã trình bày những ý đó thì hóa ra, những con người tài ba kia cũng làm việc hoàn toàn giống như chúng tôi, những người tìm hiểu thiên nhiên bình thường nhất của cuộc sống. Còn khi tôi nói cũng về những điều ấy với các nhà khoa học giỏi bình thường, thì họ nhìn tôi với vẻ mặt tự cao tự đại và nghe một cách lơ đễnh. Chính vì thế tôi nghĩ rằng: chắc là tôi chưa biết cách thuyết phục họ bằng những ý kiến của tôi, cho nên tôi lặng thinh về điều ấy, mà chỉ báo cáo về công việc trạm nghiên cứu sinh vật học của các nhà vạn vật thiếu niên ở Xôcônhiki mà thôi và tôi đề nghị lập một trạm như thế ở Pêrêxlap.

— Nhưng ở đây, — tôi nói, — ở Xôcônhiki, ngoại ô Matxcơva*, tương đối ít tài liệu, vì đặc điểm chung của nghiên cứu có thể gọi là *vi*-đặc điểm: vi-khí hậu, vi-khu bảo tồn và những tác phẩm nghiên cứu tốt

---

* Ngày nay ở trong thành phố Matxcơva. — *ND.*

nhất đã làm được là về con muỗi. Còn ở chỗ chúng ta thì toàn bộ hoàn cảnh thiên nhiên đòi hỏi phải lấy *đại*-đặc điểm: hồ rộng mênh mông, rừng dài vô tận. Ở địa phương chúng ta giá tổ chức trạm nghiên cứu sinh vật học có bộ môn địa lý và hợp tác chặt chẽ với trạm ở Xôcônhiki thì rất tốt: cứ để cho họ là *vi*, còn chúng ta là *đại*.

Xecgây Xecgâyich bắt đầu lo lắng, ông nghĩ là tôi muốn tránh sự lao động tất yếu, tránh công việc tỉ mỉ và buồn chán, mà công việc ấy lại chính là để giáo dục thiếu nhi.

Tôi hoàn toàn không muốn nói về điều ấy, nhưng tôi sẵn sàng tranh luận là không phải bản thân vi-lao động giáo dục thiếu nhi, mà chính là sự hào hứng cơ bản, vì nó người ta phải chịu sự buồn chán và nhờ nó công việc gì cũng trở thành dễ dàng.

Ý kiến bất đồng nhau: đứng về phe *đại* có tôi và nhà sử học, và thêm vào đó có cả người đại diện của hội đồng giáo khoa; đứng về phía Xecgây Xecgâyich thì có trưởng ban giáo dục nhân dân. Nhà khí tượng học, gầy còm, một con người bệnh hoạn, thì do dự, dao động.

Trước khi cuộc tranh luận kết thúc và biểu quyết, tôi nói:

— Các anh nên chú ý rằng những định luật dao động trong cốc nước trà và trong hồ Plêsêêvô cũng giống nhau, nhưng bão táp trong cốc nước trà và trong hồ Plêsêêvô thì khác nhau...

Lúc đó, Xecgây Xecgâyich, chắc là muốn phản đối điều gì đấy, vung tay lên và làm đổ cốc nước trà nóng lên đầu gối nhà khí tượng học. Ông này nhảy lên và

chạy ra ngoài. Một lúc sau, ông trở vào, và mọi người lo lắng hỏi ông:

— Thế nào?

— Chẳng sao, — nhà khí tượng học thản nhiên trả lời, — các anh người dại, kẻ vì, còn tôi thì chẳng vì, chẳng dại, mà bị vãi nước ướt cả quần.

Hội đồng quyết định: 1) để tìm hiểu rõ hơn vấn đề về phương hướng hoạt động của trạm nghiên cứu sinh vật học, cần mời các phái viên của trạm Xôcônhiki đến trong vụ nghỉ đông; 2) giao cho người quan trắc vật hậu học một căn nhà bốn phòng ở trong lâu đài tại Chiếc Xuồng Con.

ĐÀN THIÊN NGA BAY QUA

Từ sáng, ngày quang đãng, băng giá ban mai tan nhanh, và đến gần trưa mặc áo bành tô đi thì vất vả lắm. Chim mòng bay đến sớm hơn tôi và bây giờ đang kêu vang trên các ao tu viện bị cỏ mọc lấp đầy.

Tôi đi theo bờ hồ để thu xếp căn nhà của mình ở trong lâu đài tại Chiếc Xuồng Con. Hồ này có hai bờ: một bờ cổ xưa, cao và bị những mương xói và dòng nước chảy cắt ra; một bờ khác, thấp, ở gần nước lầy lội, còn trong nước thì cát. Mương xói ở đây người ta gọi là *khe*: cái đầu tiên cách Tu Viện Trên Núi là khe Hề, một sông con rất nhỏ cạnh làng Vetxcôvô với núi Mêmêca, sau khe Vetxcôvô là khe Phục-Sinh với núi Hoàng Tử Nhỏ, và ở đây cạnh núi Ầm Vang với nguồn nước Ầm Vang. Chính ở trên núi Ầm Vang này đã bảo tồn, như báu vật, chiếc xuồng con của Piôt Đệ nhất, và vì thế nên cả dinh cơ này tên là Chiếc Xuồng Con.

Tôi chưa kịp leo lên núi Âm Vang để nhìn, thì Nađejơđa Paplôpna, vợ của người gác cổng Chiếc Xuồng Con, đã kể cho tôi nghe về hoàng đế Piôt. Bà nói rằng ngày trước hoàng đế rất thích nước, và có một bận, từ xa nhìn thấy hồ Plêsêêvô, hoàng đế quay ngựa lại và cứ thế cho ngựa phi thẳng qua cánh đồng lúa chín để đến gần nước. Còn ở làng Vetxcôvô, có một bà đang gặt lúa mạch đen; khi bà ta trông thấy một kỵ sĩ nào đấy đang giẫm trên lúa chín, bà liền hết lời thóa mạ, chửi rủa. Người ta nói rằng dường như việc đó làm hoàng đế Piôt rất hài lòng, hoàng đế đã ban thưởng rất hậu cho các ông ở làng Vetxcôvô và thậm chí còn mời một số người vào cung tham gia hội đồng đuma bàn định việc nước. Từ đó trong làng này xuất hiện họ Đumnôp, và ông gác cổng Ivan Akimưt cũng họ Đumnôp, như thế tức là tổ tiên của ông ta nhất định đã có người tham gia hội đồng đuma cùng Piôt Đệ nhất bàn định việc nước.

Tôi đã xem kỹ ngôi nhà nhỏ, nơi bảo tồn chiếc xuồng con có đáy bị mục, chiếc duy nhất còn nguyên vẹn trong toàn bộ đoàn thuyền lớn xưa kia là đồ chơi tiêu khiển của Piôt Đại đế. Tôi nhớ lại trong sử đã chép rằng ba mươi năm sau, khi Piôt Đệ nhất đi đến đây, hoàng đế rất phẫn nộ vì sự bảo tồn không chu đáo những di vật của đoàn chiến thuyền và ngay lúc đó bèn viết một chiếu chỉ nghiêm khắc cho các nhà đương cục ở Pêrêxlap. Tất nhiên, lúc đầu việc đó có làm cho các nhà đương cục lo lắng sửa chữa, nhưng rồi đâu lại vào đấy, đoàn chiến thuyền lại tiếp tục mục nát, cho đến khi tất cả các chiến thuyền đều hư hỏng, chỉ còn lại một chiếc xuồng con duy nhất mà thôi.

Chiếc xuồng này chuyển tay từ người chủ này đến người chủ khác nắm quyền sở hữu dinh cơ này. Cuối cùng, Sa hoàng Nicôlai I bắt ép những nhà quý tộc ở Vlađimia mua chiếc xuồng con, xây dựng ở đây một lâu đài không lớn, một khải hoàn môn và một bia cẩm thạch có những dòng chữ trích ở chiếu chỉ hoàng đế Piôt:

«Trẫm hạ chiếu cho các ngươi, những nhà đương cục ở Pêrêxlap, phải bảo tồn những di vật của các chiến thuyền, thuyền buồm và thuyền chèo, nhược bằng các ngươi không làm đúng lời Trẫm dặn thì các ngươi và con cháu của các ngươi sẽ bị trừng phạt, vì đã dám coi thường chiếu chỉ này».

Xúc động vì những lời của Piôt Đệ nhất, tôi đi đến gần dốc đứng của núi Âm Vang và nhìn ra hồ, nơi chôn nhau cắt rốn của hạm đội nước Nga. Qua một ngày, vòng nước băng tan ven bờ lại càng rõ hơn và trở thành đỏ rực vì phản chiếu ánh mặt trời tà to lớn, đỏ rực, đang lặn. Theo những tiếng đập cánh đều đặn như một khúc hòa âm bay đến tai tôi, tôi biết rằng đàn thiên nga đang bay qua cao tít trên trời.

Chúng tôi tìm được trong nhà những cái giá, những tấm ván và dùng làm bàn, giường. Vừa dọn dẹp tất cả, vừa khoái trá thưởng thức tiếng gầm gừ của một cây trong rừng: tiếng kêu đó thường chỉ nghe được trong các mương xói hẻo lánh, nhưng chúng tôi đã nghe được từ trong lâu đài có cửa sổ to rộng. Chỉ tiếc một điều không ở đâu có một lỗ nhỏ để đặt ông khói ấm đun nước xamôva, và đành phải đặt ấm ngoài bậc thềm. Thế nhưng, sau khi tôi đặt ấm xong, thì bỗng tôi nghe được tiếng gà lôi đang gọi mái cách bậc

thềm chừng vài trăm bước, còn khi tôi đi xuống hầm nhà để lấy đóm nhen lửa thì một con thỏ rừng to, do tôi làm nó hoảng sợ, đã phóc qua cửa sổ.

Chúng tôi uống trà và khoái trá nghe tiếng gầm gừ của một cây.

BỤI HỒ ĐÀO RA HOA

Trong rừng, màu trắng và màu đen tương phản, không đồng màu, trong mương xói nước chảy rộn rã, còn trên mặt nước thì cây hồ đào được ánh nắng sưởi ấm, buông xuống những bông hoa dài, vàng đẹp như những chiếc hoa tai. Con chó Iaric nghe tiếng và lần đầu tiên nó đứng lại rình mồi, báo hiệu cho chủ. Nó tưởng gà lôi đang gọi mái, nhưng té ra đó là nước róc rách chảy, giống tiếng gà lôi, gần như ngay dưới chân nó. Còn gà lôi gọi mái thì ở đằng xa kia. Chúng tôi làm con gà trống đang kêu bay lên, cùng với nó có bốn con mái. Cây của chúng tôi vẫn cứ gầm gừ, ban ngày và ngay cả ban đêm vẫn nghe được dù cửa sổ đóng kín. Tôi yêu cây đó, nó trở thành ruột thịt của tôi: cả ở trong tâm hồn tôi vào mùa xuân cũng có cái gì đấy gầm gừ, nhưng chỉ vì tôi không thích nói ra điều đó mà thôi...

Mép băng trên hồ đối diện Chiếc Xuồng Con được phủ một lớp băng cứng, nhưng theo rãnh nước ở dưới lớp băng, cá măng vẫn có thể bơi ra đến gần bờ. Ông gác cổng Đumnôp của chúng tôi đứng cầm cái đinh ba, như thần Neptuyn, còn xa hơn là những người đâm cá nổi tiếng, hai anh em Cômitxarôp, sau họ đến cha trợ tế — và cứ như thế trên khắp mép băng quanh bờ từ phía Vetxcôvô của chúng tôi đến Thượng

Thành, từ phía Ôna đến Ngoại Hồ — chung quanh chỉ toàn những thần Neptuyn.

Người ta nói với tôi rằng cá măng thường bơi ra từ sáng tinh mơ đến khi mặt trời mọc, lúc chín giờ sáng, lúc buổi trưa, lúc năm giờ chiều và trước khi hoàng hôn. Tôi kể cho họ nghe rằng khi vét những ao đầm ở Xarixưn đã bắt được một con cá măng nặng bốn mươi tám cân có chiếc nhẫn vàng của Bôric Gôđunôp*, và tôi hỏi họ ở hồ Plêsêêvô có thể có con cá măng như thế không.

— Có, — họ nói, — chỉ có điều là hồ sâu lắm, và con cá măng ấy từ dưới sâu không bơi lên. Còn với nhẫn vàng thì trong hồ có con cá gáy do Piôt Đệ nhất thả.

— Trong mấy ngày nay đã có ai đâm được con cá măng nào chưa? — tôi hỏi.

— Cá măng cái còn chưa ra, — họ trả lời, — nhưng đâm được *cá măng đực* rồi.

Cá măng đực nhỏ hơn cá măng cái.

Anh thợ xay lúa mì đến gọi tôi đi săn với vịt mồi. Chẳng hiểu vì sao tôi không tin con vịt của anh ta sẽ kêu, nên tôi từ chối. Cả người anh lấm đầy đất sét. Tôi nói với anh: người quý tộc cũ mà đi ra ngoài bẩn như thế là không tốt.

— Việc của tôi nó như thế, — anh đáp.

— Thế vì sao người công nhân kia, — tôi chỉ vào người thợ cả của anh, — lại sạch?

Anh bối rối và, không làm thế nào được, đành phải thú nhận là hôm nay anh đến Ủy ban hành chính, và khi nào anh đến đấy thì không bao giờ anh rửa ráy và

---

* Bôric Gôđunôp (1552—1605) — Sa hoàng. — *ND.*

thậm chí còn cố ý làm bẩn mình: phải leo được lên bước thang danh vọng của giai cấp công nhân.

Buổi tối, trời muốn mưa.

Do những khung cửa sổ đơn và rừng ở sát cạnh nhà, nên khi bắt đầu ngủ, tôi cảm thấy như nằm ở trong lều giữa rừng, và giấc ngủ phản ánh thế giới bên ngoài như một chiếc gương. Cây gầm gừ ảnh hưởng đến giấc mơ của tôi và như vậy dường như chính bản thân tôi cũng ở trong mương xói, như cây kia. Và bỗng nhiên, tiếng kêu the thé của con vịt mái, và không có một quá trình chuyển tiếp nào từ giấc mơ đến thực tế cả, tôi đoán ngay đó là con vịt mồi của anh thợ xay đang kêu. Sau đó vang lên những tiếng «cạc, cạc!» inh ỏi — đó là nó đã thấy con vịt đực. Tôi đứng phắt lên, rời khỏi giường, và khi tôi chạy đến cửa ra, thì chắc là con vịt đực đã bơi đến gần con vịt mái, và khi tôi vừa mới đưa tay cầm quả nắm, thì một phát súng vang lên. Trời còn mờ mờ tối, nên từ trên núi Ầm Vang tôi không thể trông rõ con vịt mồi được, mà chỉ thấy cái lều thôi.

Trong khi tôi đun ấm xamôva, anh thợ xay còn bắn được thêm hai con vịt đực nữa.

Sau khi uống trà xong, tôi cho rằng cuộc săn vịt chắc là kết thúc rồi, tôi bèn xuống núi đến cối xay. Và khi tôi thấy chỗ ở của anh ta, thì từ giờ phút này tôi bắt đầu gọi anh thợ xay là *Rôbinsơn**, vì trong túp nhà gỗ nhỏ bẩn thỉu, gãy nát, lộn xộn, qua trần nhà trông rõ nền trời. Còn bản thân Rôbinsơn thì ngồi

---

* Tên nhân vật chính cuốn tiểu thuyết «Rôbinsơn Cruzôê» của nhà văn Đanien Đêfôê, xuất bản năm 1719. — *ND.*

cạnh bếp lò bằng sắt nóng đỏ, đang vặt lông vịt, và những người đi săn cũng ngồi ở đây gọt khoai tây. Iôjơca, một người đi săn cừ nhất trong bọn, kể chuyện rất nhiều về gà lôi, nói rằng có giống gà lôi xanh hơn một ít, cũng có giống vàng hơn một ít, và có loại chim dẽ giun hơi to hơn, cũng có loại hơi nhỏ hơn, còn vịt mái thì khác nhau rất rõ rệt, thậm chí có thể nói rằng không một con vịt mái nào giống con vịt mái nào cả, hoàn toàn cũng như người và thỏ nữa...

Những người này là ai? Những viên chức nhỏ, những kỹ thuật viên nào đấy mà trong thị trấn người ta coi như những người bán hoang dại, nhưng họ là những người bẩm sinh tìm hiểu thiên nhiên-nghiên cứu địa phương, là những nhà vật hậu học, và cảm tình chân chính của họ đối với thiên nhiên — chứ không phải là cảm tình theo lối đa sầu đa cảm nhỏ nhen, không phải là cảm tình theo lối sách vở, không phải là cảm tình của Rutxô* và Tônxtôi**, — còn được bảo tồn hầu như chỉ trong họ mà thôi. Đây, cần phải tìm những cộng tác viên để nghiên cứu địa phương trong số những người ấy. Tôi nói cho họ nghe về tất cả, và chúng tôi đồng ý hợp tác với nhau trong việc quan trắc vật hậu học và thỏa thuận với nhau không bắn chim đang làm tổ ở gần dinh cơ Chiếc Xuồng Con, và cố gắng không bắn cả thỏ rừng nữa.

Khi nói chuyện về thỏ rừng, tôi kể với họ rằng ở

---

* Jăn Jăc Rutxô (1712—1778) — nhà văn và nhà khai sáng Pháp. — *ND.*

** Lep Tônxtôi (1828—1910) — nhà văn hào Nga. — *ND.*

Chiếc Xuồng Con, một con thỏ rừng đã phóc từ hầm nhà ra.

— Thỏ rừng à? — Iôjơca hỏi. Và khi biết là thỏ rừng thì anh nói: — Thỏ rừng thường bao giờ cũng nằm ở Chiếc Xuồng Con, có vài con còn nằm ngay cả trong thị trấn Pêrêxlap nữa. Anh có biết nhà K. không? Không biết à? Thế nhà M.? Cũng không biết à, thế thì anh biết cái gì?

Tôi nói là tôi biết Pêrêxlap cổ kính, nhà thờ thế kỷ XII, di tích của cối xay, pháo đài, chỗ lấy đất sét, nơi mà bây giờ là tu viện Đanhila, cột trụ Tôkhơtômưt...

— Anh biết cột trụ Tôkhơtômưt, thế thì vừa vặn đối diện là cái nhà gỗ nhỏ có vườn rau lớn và có một con thỏ rừng sống ở vườn rau ấy, gặm bắp cải. Khi đợt tuyết bột đầu tiên vừa xuống thì chúng tôi thả chó đuổi thỏ.

Iôjơca kể rất tỉ mỉ con thỏ rừng đã chạy thế nào qua các địa điểm lịch sử: từ thị trấn đến Chiếc Xuồng Con và qua hồ Pêrêxlap đến núi Alêcxăng nổi tiếng, nơi nhờ khai quật đã phát hiện được ngôi đền đa thần giáo của dân tộc Xlavơ, sau đó nó lại chạy vào thị trấn trên đường phố Xô-viết và chạy qua pháo đài, va con mắt phải vào một cái chấn song sắt ở đâu đấy, bọn trẻ con «làm tình làm tội nó» và khi thoát được khỏi tay bọn trẻ, nó chạy phóng vào cánh cửa mở của đồn công an. Trong lúc đó, những người đi săn, sau khi mất con thỏ, bèn gọi chó quay trở lại, buộc chó và đi về nhà, thì bỗng thấy dấu chân thỏ còn mới trên đường phố Xô-viết, họ đi vòng quanh dấu chân đó và thả chó ra. Chó chẳng phải chạy lâu, dấu chân dẫn vào đồn công an, thế là cả đàn chó vừa sủa vang, vừa xông

vào cơ quan và theo sau chúng những người đi săn thình thịch chạy vào. Trong thời gian đó, những người công an không những đã bắt được con thỏ rừng, mà còn rút thăm xong để quyết định con thỏ rừng thuộc về ai.

Về nhà, tôi định viết lại câu chuyện đó, nó lý thú vì trong đời tôi chưa bao giờ dồn đuổi thú trong thị trấn cả, và đặc biệt là còn thỏ chạy qua các di tích lịch sử. Nhưng tiếc rằng tôi quên tên của nơi con thỏ rừng va vào cái chắn song sắt, và để hỏi lại, tôi phải xuống núi đến chỗ cối xay. Ở đấy chỉ còn lại một mình Rôbinsơn thôi.

— Anh có nhớ, — tôi hỏi, — con thỏ rừng va con mắt phải vào cái chắn song sắt ở chỗ nào không?

Rôbinsơn đáp:

— Khi chạy qua bãi sân nhà thờ Thiên Thần, nơi đó có rào chắn song sắt.

TÌNH YÊU NHANH CHÓNG

Mẹ con vịt mồi của tôi chỉ là một con vịt mái *Nga*, vịt nhà, nhưng con vịt trời đực đã đạp nó vài lần, và những con con của nó giống vịt trời như đúc. Trong số đó, tôi chọn con nào kêu khỏe nhất và dùng nó làm mồi dử những con vịt trời đực đến gần lều của tôi. Vô số những con vịt trời đực, lông lá đẹp đẽ như mặc áo cưới, đã bị cái giọng sát phu của con vịt mái mồi này gạ đến... Trái tim của người đi săn thật là tàn nhẫn, nhưng có một trường hợp thế này: con vịt trời đực đạp con vịt mái của tôi, mà tôi không dám bắn nó.

Việc đó xảy ra vào lúc hoàng hôn. Tôi đi ra gần đến rừng và tới bãi bồi. Tôi lấy con vịt mái mồi từ trong

bu ra, buộc vào chân nó một sợi dây dài ở đầu dây có quả cân nhỏ, tôi vứt quả cân, thả con vịt ra chỗ nước sâu, còn tôi thì ngồi trong lều đối diện và bắt đầu nhìn qua khe hở ra ngoài bãi bồi.

Một đôi vịt bay qua: một con vịt mái lông xám bay trước, theo sau là một con vịt đực lông lá đẹp đẽ, như mặc áo cưới. Bỗng từ đâu đấy, một đôi khác bay lại về phía đôi đầu tiên. Khi hai đôi sắp gặp nhau thì bất thình lình một con diều lao xuống con vịt mái ở đôi thứ hai, và mọi việc bị đảo lộn tất cả. Con diều bắt trượt. Con vịt mái lao nhanh xuống dưới và lẩn trốn trong những bụi cây. Con diều bàng hoàng, sửng sốt, từ từ bay lên dưới đám mây đen màu xanh. Còn con vịt đực lẻ bạn, sau khi hoàn hồn, nó liệng một vòng nhỏ: trong không trung chẳng đâu có con mái của nó cả. Ở đằng xa đôi vịt đầu tiên vẫn tiếp tục bay. Con vịt đực lẻ bạn tưởng rằng một con vịt đực khác đang đuổi theo con mái của nó đã lạc mất, thế là nó bay về phía ấy và ra sức đuổi theo.

Con vịt mái lạc đôi chẳng mấy chốc hoàn hồn sau trận bị con diều bắt hụt, nó bơi ra khỏi bụi đến chỗ nước sâu và bắt đầu kêu. Một con vịt đực đơn độc bay đến. Giữa con vịt trời mái và con vịt mồi của tôi diễn ra một trận đấu khẩu. Con vịt mái của tôi hết sức kêu to, nhưng con vịt trời mái vẫn kêu khỏe hơn nó. Con vịt đực chọn con vịt trời mái và đạp nó.

Sau khi đã bay một vòng rộng lớn, đôi đầu tiên quay trở về, và theo sau chúng là con vịt đực đã lạc mất con mái, vì con diều xông đến tấn công, nó đang hết sức lao nhanh. Phải chăng nó vẫn tưởng con vịt mái ấy

là con của nó đang bay mà một con vịt đực khác đang đuổi theo?

Con vịt mái thật của nó, thỏa thích, hài lòng, rỉa lông ở chỗ nước sâu và lặng thinh. Thế nhưng con vịt mồi của tôi bắt đầu kêu một mình, không còn đối thủ nữa, để gọi con vịt đực. Và con này đã nghe tiếng con vịt mồi... Có phải là trong tình yêu của chúng, con vịt mái nào cũng thế thôi, miễn là có con vịt mái! Hay có thể là thời gian của chúng qua nhanh hơn nhiều so với thời gian của chúng ta, và một phút phân ly với con vịt mái yêu quý bằng mười năm mối tình tuyệt vọng của chúng ta? Có thể là trong sự theo đuổi vô hy vọng sau một con vịt mái tưởng tượng, nó nghe ở bên dưới tiếng kêu nổi bật của một con vịt mái tự nhiên, nhận ra trong tiếng kêu đó giọng quen thuộc của con mái đã mất, thì lúc đó, đối với nó cả bãi bồi đã trở thành con vịt mái yêu quý chăng?

Nó lao tới con vịt mái của tôi nhanh đến nỗi tôi không kịp bắn: nó đã đạp con vịt mái. Sau đó, nó bắt đầu lội quanh con vịt mái một vòng, như các con vịt đực vẫn thường làm để cảm tạ con mái. Lúc này thì tôi có thể bình tĩnh ngắm bắn, nhưng bỗng sực nhớ lại thời niên thiếu nồng nhiệt của tôi, khi toàn thế giới đối với tôi đã trở thành như người yêu, và tôi không nỡ bắn con vịt đực ấy.

DỊCH BẮT ĐẦU DI CHUYỂN TRONG CÂY BẠCH DƯƠNG

Tôi cắt một nhánh con rất nhỏ của cây bạch dương để thông cái tẩu thuốc lá. Ở chỗ cắt, đọng lại một hạt dịch bạch dương và lấp lánh ngoài ánh nắng. Trong

rừng lồm đồm nhiều màu: vừa tuyết trắng, vừa vũng nước màu lam, giữa ngày ấm áp. Sau khi đã nhìn kỹ chung quanh, tôi cho rằng hôm nay chim dẽ giun sẽ bắt đầu gọi mái; và trước khi trời tối, tôi đi đến Xôlômiđinô, đến nhà người đi săn già tên là Mikhain Ivanôvich Minêep, để nhờ ông ta chỉ cho tôi chỗ săn chim dẽ giun trong mùa gọi mái. Bề ngoài không ai nghĩ rằng cụ Mikhain này đã là ông nội của đàn cháu nhỏ, dù rằng cụ còn nhớ Sa hoàng Alêcxăng II*, và cháu trai của cụ, một xã viên, vừa có đứa con mới ra đời không lâu. Tìm được cụ Mikhain thật là không dễ, vì cụ có bốn người con trai, và khi nào ông lão cũng vắng nhà cả, — cụ, ông vua Lia nông thôn ấy, sống khi với người con này, khi với người con khác: với hai người, cụ đã cãi nhau cạn tàu ráo máng rồi, bây giờ cụ đến ở với người con thứ ba.

Người ta kể cho tôi nghe nhiều về chuyện đó, khi tôi đi tìm nhà; sau đó, khi ngồi trong nhà đợi trời tối, chính ông lão cũng đã kể cho tôi nghe nhiều. Và khi câu chuyện kể còn tiếp tục mãi cả trên đường đi đến chỗ rình săn, thì tôi không nghe nữa và nghĩ thầm làm sao chóng thoát khỏi ông lão này được. Thế nhưng những lời của cụ vẫn đến tai tôi, và tôi vì lịch sự mà cứ đáp lại một cách hú họa.

— Và tòa án xử cho chúng một con bò-ò.

— Một con bò cơ à? — tôi nói.

— Thật đấy, nói có trời có đất: một con bò.

Ông lão đứng trước mặt tôi, cầm tay áo của tôi, không cho tôi đi lên trước, nói huyên thiên không

---

* Alêcxăng II (1818—1881) — Sa hoàng. — *ND.*

ngớt và đợi ý kiến của tôi. Tôi làm thế nào đây? Tôi buột miệng nói:

— Thế rồi sao?

Cụ bỏ tay áo tôi, đi lên trước và nói:

— Thế là lão bỏ thằng con ấy, như bỏ tay áo của bác và đến ở nhà thằng khác.

Lúc đó, trên đầu chúng tôi vang lên tiếng vịt kêu bình thường «vít-vít», nhưng vì câu chuyện cà kê dê ngỗng của ông lão nên tôi không kịp bắn.

— Trong nhà cụ, — tôi nói, — ấm xamôva đã đặt rồi kìa, đi vào mà uống trà đi.

— Phải rồi, — cụ nói, — phải đi, nhưng lão không uống trà. Trà! Trong đó phiến gỗ, phải vào giúp đưa các phiến gỗ lên.

— Thế thì cụ đi vào đi.

— Thế mà bác lại bảo trà; phiến gỗ-ỗ-ỗ đấy...

Ông lão bật cười, đi một quãng ngắn, không nhịn được, đứng dừng và nhắc lại:

— Phiến gỗ-ỗ-ỗ!

Lúc đó tôi nghĩ rằng chắc bây giờ các con của ông lão này vất vả lắm đây, phải chịu bao nhiêu lo lắng nhọc nhằn để kiếm sống, còn ông lão này dù sao vẫn có thì giờ đi săn bắn và vui mừng vì sự tái sinh của thiên nhiên và gặp người mới! Tôi nói:

— Mà cụ thì mánh khóe lắm!

Ông lão vui mừng ra mặt, lại bước đến gần tôi, vui vẻ nháy mắt.

— Đúng thế, chính là thuế lương thực người ta không thu của lão, mà thu của chúng, ngoài ra còn đóng quỹ bảo hiểm, ngoài ra còn...

Và trong nháy mắt đó, tôi không ngắm mà cứ bắn

vào con bay sau trong số hai con chim gì đấy đang vút qua thật nhanh. Té ra đó là một con vịt trời đực to phóng theo con vịt mái trên không. Nó giãy giụa trên cây bạch dương và rơi xuống tấm thảm tuyết còn sót lại dưới gốc cây.

— Thôi, cụ đi đi, đi đi nhé, — tôi nói với ông lão, — đi uống trà đi.

— Và lão sẽ uống trà nữa, — cụ đáp, — và đi săn nữa, và không lo nghĩ gì cả: lão sẽ đi, sẽ đi, còn chúng thì cứ nói mãi về thuế lương thực và quỹ bảo hiểm.

Trái hẳn với mọi sự chờ đợi và kinh nghiệm cũ của tôi, sự yên lặng có được sau khi ông lão đi, không phải là sự yên lặng sâu sắc kia, tràn đầy sức sống mới, mà là sự yên lặng như tờ và không sinh khí. Chỉ có một con chim sáo đầu tiên đơn độc hót trong rừng, và giọt dịch bạch dương từ cành con bị cắt óng ánh và rơi xuống đụng vào cái gì đấy trầm lặng vang lên. Tôi không chịu nổi sự yên lặng này, dường như sự cân đối đã mất, và rừng trở nên dễ sợ vô cùng khi đủ mọi điều bịa đặt có thể đến trong trí óc những người mê tín, — đối với tôi nữa, trong những phút ấy rừng cũng rất dễ sợ, vì rằng tôi mất cảm giác và muốn thét lên thật to hoặc bắn bừa vào cây...

Và bỗng nhiên, tôi nghe tiếng nói ồn, tiếng cãi nhau, tiếng kêu to của những người đi trên đường dẫn cây trong rừng, và khi họ đến gần thì tôi nhận ra giọng nói của Rôbinsơn, Iôjơca và biết rằng đó là những người đi săn buổi sáng sớm đang trở về sau buổi săn.

— Các anh cãi nhau gì thế? — tôi hỏi khi họ đã đến gần.

— Chúng tôi cãi, — Iôjơca đáp, — vì cậu Rôbinsơn kia nói dối, buổi sáng nó nói dối với bác đấy.

— Tôi chẳng nói dối gì hết, — Rôbinsơn nói, — con thỏ rừng hoàn toàn có thể va vào chấn song sắt của nhà thờ Thiên Thần.

— Thế cậu có ở đấy đâu: ở đấy thì mỗi thanh chấn song to bằng ngón tay, còn nó bị lồi mắt ra chỉ vì dây thép gai mà thôi...

Ý kiến của những người đi săn về chim dẽ giun khác hẳn nhau: một số thì bảo là còn sớm; một số khác lại nói là chim dẽ giun ở đây rồi, nhưng bình minh còn lạnh lắm, nên chúng chưa gọi mái; một số thứ ba thì cho rằng chúng bị lạnh ở miền nam và hoàn toàn sẽ không gọi mái.

— Còn chim mỏ nhác bà chưa gọi mái à? — tôi hỏi.

— Chim mỏ nhác bà đã bay đến rồi.

— Có nghe chim mỏ nhác không?

— Đang kêu.

— Lạ thật, chim dẽ giun không có!

— Chắc là chúng bị lạnh.

CON CÁ MĂNG GIÀ

Có một bận đêm khuya, từ thị trấn tôi đi bộ trở về nhà ở làng. Thường thì trong những trường hợp như vậy, những người chở củi trở về làng cho tôi đi nhờ xe. Và hôm nay cũng thế. Một thanh niên đánh xe ngựa, đã uống rượu hơi say sau một ngày làm việc vất vả, đuổi kịp tôi và mời tôi lên xe. Theo phép lịch sự tôi từ chối, nhưng anh cố mời. Tôi ngồi vào xe

trượt. Anh đánh xe tự giới thiệu là Ivan Bazunôp quê ở Vêxlêvô.

Tôi đã từng nghe cái tên đó.

— Người đâm cá măng nổi tiếng có phải không? — tôi hỏi.

— Tôi vốn là chuyên môn, — Bazunôp trả lời. — Xin phép hỏi quý danh?

Tôi nói tên họ của mình.

— Mikhain Mikhailôvich ạ, — anh nói, — trong lòng bác có bị lây hạnh phúc gì không?

— Thường xuyên, anh Bazunôp thân mến ạ. Lẽ nào anh không nghe nói tôi là người đi săn à?

— Ồ, chính là bác à! — anh ngạc nhiên khi được biết tôi. — Sao lại không biết... Rất mừng được gặp bác! Người đi săn chính cống! Còn tôi thì đâm cá măng, việc này tôi đã tốt nghiệp đại học rồi. Tôi nói danh từ ấy có đúng không?

— Đúng.

— Rất thích. Bây giờ tôi giải thích cho bác cách đâm cá, thì bác khắc hiểu. Tất nhiên, tôi là người đâm cá măng và trong việc đó tôi có bị lây hạnh phúc. Cá măng là mục tiêu của tôi, nhưng giá dụ như con người chẳng hạn. Có người nào đấy giữa ban ngày ban mặt mà lại muốn lấy nhau với người yêu của mình, cái đó thì không thể được, sợ người ta thấy, không thể nào được. Mikhain Mikhailôvich, bác đã gặp trường hợp như thế không?

— Ai mà lại không gặp!

— Nghĩa là về người, bác đồng ý. Thế thì tôi sẽ nói cho bác nghe. Cả sinh vật cũng như thế. Con cá măng cái nó cũng muốn lấy nhau, vì trong bụng đầy trứng

rồi, nhưng mà không thể nào được. Giống như con người ban đêm là lúc thuận tiện, thì con cá măng cũng thế, nó có thời gian để làm cái việc yêu đương.

— Cái đó thì tôi biết, — tôi nói. — Cá măng đẻ trứng thường vào con nước đầu.

— Hoàn toàn đúng thế. Khi những dòng nước đầu tiên chảy và đổ vào hồ, thì cá măng cái bơi ngược dòng, và lúc đó thì tôi bỏ hết công việc và ra đứng ở dòng nước...

Bazunôp kể cho tôi nghe hồi lâu về việc anh ta đấu tranh với vợ như thế nào để thực hiện hạnh phúc ấy của mình, về việc anh đối xử thế nào với vợ và cuối cùng vợ phải để cho anh đi đâm cá măng. Cứ như thế chúng tôi đã đi đến chỗ rẽ ngoặt, nhưng Bazunôp vẫn chưa chịu cho tôi xuống xe và yêu cầu tôi nghe hết câu chuyện của anh.

— Khi mặt trời sưởi ấm, — anh nói tiếp, — thì con người muốn lập gia đình, cả con cá măng cũng thế, vì bụng trứng của nó làm tình làm tội. Con cá măng cái bơi đến chỗ nông, chỗ có ít nước, nằm ép mình sát đáy, cố ép trứng, còn những con cá măng đực thì phủ tinh màu trắng cho nó. Thường có đến bảy con đực cứ quay cuồng trên một con cá cái to, con này bao giờ cũng nằm dưới, và lúc đó, — nếu ai không thạo — đâm thì nhất định trúng vào những con đực, còn con cái, con to nhất, thì bơi đi mất. Nhưng tôi biết, phải đâm thế nào và tôi đâm đinh ba dưới những con đực, vì tôi vốn là chuyên môn.

Nghe anh nói xong, đến lượt mình, tôi kể một trường hợp mà chính tôi không hiểu: có một bận, hồi tháng bảy lúc nhá nhem tối, tôi thấy ở trên mặt hồ

dường như có một cánh tay đen sẫm của người nhô lên, rồi khuất hẳn, sau đó lại nhô lên. Thật là giống như sóng đẩy một cái xác chết trôi giạt. Theo bãi nông tôi đi đến gần, và đó không phải là cánh tay người, mà là một con cá măng cái rất to. Tôi dùng súng săn bắn nó. Thịt cá hóa ra lại cứng: con cá măng già.

— Thế mà sao anh lại bảo, — tôi hỏi, — là cá măng cũng như người biết thời gian của mình và bơi lên đẻ trứng vào đầu xuân, trong khi đó việc tôi vừa kể lại xảy ra cuối hè. Vì sao thế?

— Tôi sẽ trả lời bác, — Bazunôp nói. — Trong những ngày hè nóng nực cũng có khi cá măng bơi đến gần bờ, vì ở nó, cũng như ở con người, còn lại những hồi ức. Tôi nói với bác rất đúng, vì tôi vốn là chuyên môn. Có khi một ả già lại làm bậy hơn một ả trẻ, vì ở ả ta còn lại hồi ức yêu đương của những ngày son trẻ.

ĐÂM CÁ MĂNG

Thời tiết đã như thế này: ban ngày ấm, gần như nóng, còn ban đêm thì có trăng và băng giá rất dữ đến nỗi dải nước băng tan ven bờ đã đông lại dày gần bằng một ngón tay. Mà những dải nước băng tan ven bờ ấy giờ đây giống như một dòng sông xanh lam rộng. Băng chỉ còn lại như những mũi nhọn mà thôi. Nhưng từ Diêm Thôn đến Pêrêxlap, trong những phiên chợ, bà con vẫn đi xe trượt qua mặt hồ như trước.

Mùa đâm cá măng đã bắt đầu. Những người đâm cá chỉ mất có buổi sáng không đâm được thôi vì ban

đêm nước đông lại, và nếu có cá măng lội ra ở đâu nữa, thì không thể cầm đinh ba đến gần nó được, vì có tiếng động. Thế nhưng những người đâm cá từ sáng sớm đã chiếm chỗ và từng người một cầm đinh ba đứng bất động để chờ. Tôi đến khắp nơi trên bờ hồ đều có ánh lửa: người ta canh cá, cầm đuốc lội trong nước ngập đầu gối giữa bờ và băng, một người cầm *đóm* soi, hai người khác cầm đinh ba. Người ta chờ những con cá măng lớn nhất sắp bơi ra.

Tôi thử đến gần những người đâm cá và nói chuyện với họ. Chẳng ai ưa gì cái đó cả, và khi họ thấy tôi đến gần, thậm chí họ lảng tránh đi. Tôi thử cầm súng đứng một mình, nhưng thế thì chán không chịu được, tôi không hiểu vì sao mà họ kiên nhẫn đến như thế được. Tuy nhiên, sau khi quan sát rất lâu thì tôi hiểu ra: khi có người nào đấy nhận thấy con cá măng, tay giơ cao cái đinh ba lên và bắt đầu len lén, nhẹ nhàng đi đến gần nó, thì mọi người hồi hộp theo dõi anh ta: chắc là lòng kiên nhẫn của họ không chỉ do hy vọng đâm được cá, mà còn do sự ham mê nữa.

Khi trời xẩm tối, người ta bắt đầu tập hợp lại, chuẩn bị đi soi cá, thì trên khắp bờ hồ từ người đánh cá này đến người đánh cá kia truyền cho nhau những tin tức trong ngày.

Hôm nay có tin lạ: ở cửa sông Torubêjơ đã đâm được một con cá măng nặng trên mười bảy cân. Một người đâm cá ngồi trên một cái cột đóng dưới nước thấy một con cá rất lớn và đâm nó, và giống con diều hâu: đâm nhưng không giết được nó, mà chỉ thọc được đinh ba vào thân nó, như những vuốt chân của con diều hâu mà thôi. Con cá măng quẫy mạnh, người

đánh cá ngã xuống nước băng giá, nhưng không buông cái đinh ba khỏi tay, anh ta lặn xuống nước, nhô đầu lên cạnh băng, bò lên bờ và kéo theo con cá măng đã kiệt sức.

Người ta nói rằng ở ngay trong thị trấn có người nào đấy từ cầu phóng cái đinh ba vào một con cá măng to, trúng đích và đang lúc hăng tiết nhảy ầm xuống nước, nhưng con cá măng đã bơi đi, mang theo cả cái đinh ba.

Trong bóng tối mờ mờ, Đumnôp, một trong những người «đã tham gia hội đồng đuma cùng Piôt bàn định việc nước», tách ra khỏi những người khác ở một chỗ nông, đang kéo một cái cột to, bắc ngang từ nước lên mép băng và leo qua trên băng. Ông nhận thấy từ dưới băng thỉnh thoảng một cái đầu kỳ quái nhô lên...

Người ta thấy Đumnôp giơ cao cái đinh ba nhằm đúng đích, nhưng cứ đứng như thế. Thì ra ông không dám đâm, sợ con cá măng có thể lôi ông xuống dưới băng.

Ở trên bờ, người thì chửi rủa, kẻ lại cười vang, còn Đumnôp đòi uống rượu ngang, nốc một hơi hết sạch chai và đợi...

Và bỗng mọi nghi ngờ về con cá măng của Đumnôp bị tiêu tan: mọi người đã thấy rõ một cái đầu to tướng từ dưới băng nhô lên và lại tụt xuống. Đumnôp xin thêm một chai rượu thứ hai.

Sau khi ông uống chai thứ hai, cái đầu kỳ quái lại nhô lên. Đumnôp đâm mạnh — trúng đích: găm con cá măng vào đáy. Nhưng phải làm thế nào bây giờ? Cái đinh ba dài chỉ còn lại một đoạn cuối rất nhỏ trên mặt nước mà thôi. Con cá măng to lớn như thế thì

không thể nhấc đinh ba lên mà lấy được, còn tay thì chẳng với tới được, thế thì làm sao đây? Đumnôp uống hết hai chai rượu ngang thật là đúng, bây giờ ông chẳng sợ gì cả: ông lội xuống nước băng, đứng chân lên con cá, lặn hẳn xuống nước, móc ngón tay vào mắt cá, và từ dưới nước lại ngoi đầu lên, kéo theo con cá đâm được. Mọi người trông thấy: một cá măng cái to tướng và cùng với nó là một con cá đực nặng chừng bốn cân.

Đumnôp vứt con cá vào cái hồ, ở đây nó bỗng tỉnh lại, và nó khỏe đến thế này: nó quẫy đuôi một cái, và con cá đực nặng chừng bốn cân bắn xa nó chừng năm mươi bước.

Đumnôp lấy thắt lưng xâu vào mang cá, vác con cá để đầu nó ngang với gáy ông ta, mà đuôi cá vẫn lòng thòng kéo lê dưới đất. Ông đi về làng, các bà tụ tập lại, cả làng chạy ra, và khắp nơi đều có tiếng đồn: Đumnôp đâm được con cá măng và khó khăn lắm mới vác nổi.

Và tiếng đồn truyền quanh cả cái hồ từ Vecxcôvô đến Thượng Thành, từ Thượng Thành đến Ngoại Hồ ở phía Ôna, qua Cửa Sông đến Diêm Thôn, — khắp nơi đều có tiếng đồn: Đumnôp ở làng Vecxcôvô đã đâm được con cá măng cái, nặng trên hai mươi bốn cân và cùng với nó cả con cá đực nặng chừng bốn cân.

ẾCH NHÁI SỐNG LẠI

Ban đêm, chúng tôi ngồi trong lều với con vịt mồi. Lúc bình minh, trời băng giá, nước đông lại, tôi bị lạnh buốt. Và suốt ngày tôi thấy khó chịu trong người,

đến tối thì lên cơn sốt. Và tôi nằm liệt giường thêm một ngày, hình như tôi không còn tồn tại nữa và thả mình cho cuộc đấu tranh giữa cái sống và cái chết. Đến rạng đông ngày thứ ba, tôi nằm mơ thấy bờ như đường ren của hồ Plêsêêvô và cạnh các mũi băng dày đặc trên mặt nước xanh lam có rất nhiều chim mòng trắng phau. Cả trong cuộc sống thường cũng giống như trong giấc mơ. Và những con mòng trắng phau kia đẹp biết bao trên mặt nước xanh lam và tương lai sẽ còn có nhiều cái đẹp vô cùng: tôi sẽ còn được thấy toàn bộ cái hồ đã tan hết băng, mặt đất sẽ phủ đầy cỏ xanh non mơn mởn, những cây bạch dương ra lá tốt tươi, và sẽ được nghe những âm thanh đầu tiên của đám lá xanh rờn.

Chẳng hiểu vì sao cây đã thôi gầm gừ. Vì sao cây ấy không gầm gừ nữa? Thay vào đấy có con gì hót thật hay.

— Hình như đó là chim mai hoa?

Người ta trả lời cho tôi rằng từ hôm qua trời trở ấm và đã nghe tiếng sấm ầm ì nhè nhẹ ở rất xa.

Bị yếu đi bởi cuộc đấu tranh cho sự sống, nhưng sung sướng vì thắng lợi, tôi đứng dậy khỏi giường và qua cửa sổ nom thấy cả thảm cỏ trước mặt nhà đều phủ kín đủ loài chim nhỏ: chim mai hoa rất nhiều, đủ loại chim sáo hay hót, sáo xám, sáo đen, sáo sậu, sáo đá, — tất cả những con chim đều chạy nhảy trên thảm cỏ rất đông, chập chờn bay từng đoạn ngắn, tắm trong vũng nước to. Những chim hay hót đã bay đến rất nhiều rồi.

Những con chó của chúng tôi, buộc vào gốc cây,

chẳng hiểu vì sao bỗng sủa vang và nhìn xuống đất một cách ngây dại thế nào ấy.

— Xem kìa, sấm đã làm cái gì, — Đumnôp nói và chỉ cho chúng tôi chỗ những con chó đang nhìn.

Một con nhái lấp lánh cái lưng ướt, nhảy thẳng đến chỗ những con chó, và khi chúng sắp vồ được, thì nó quay trở lại và nhảy đến vũng nước to.

Ếch nhái đã sống lại, và dường như cái đó do sấm làm ra: cuộc sống của loài ếch nhái quan hệ mật thiết với tiếng sấm, — sấm động thì ếch nhái sống lại, cùng nhau giao phối, nhảy từng đôi từng cặp, làm lấp lánh cái lưng ướt dưới ánh nắng, và tất cả bọn chúng đều tìm đến vũng nước to kia. Tôi đi đến gần chúng, tất cả đều thò đầu lên khỏi mặt nước nhìn tôi: thật là thú vị vô cùng!

Ở chỗ nắng, rất nhiều côn trùng bay, và ở thảm cỏ thì có vô số chim chóc. Nhưng hôm nay, sau khi mới dậy khỏi giường, tôi không muốn nhớ đến tên của chúng. Hôm nay, tôi cảm thấy cuộc sống của thiên nhiên một cách toàn bộ, và tôi không cần những tên riêng lẻ. Tôi cảm thấy rằng toàn bộ loài vật bay được, bơi được, chạy được ấy có một quan hệ họ hàng với tôi, và mỗi một loài vật ấy đều có một hình tượng lưu niệm, bây giờ hiện ra trong dòng máu của tôi qua hàng triệu năm: tất cả cái đó đã từng có trong tôi, bây giờ chỉ cần xem và nhớ lại.

Xuất phát từ cảm giác về sự sống, hôm nay những ý nghĩ của tôi được sắp xếp một cách giản đơn: trong một thời gian ngắn, vì ốm mà tôi phải tạm xa cuộc sống, tôi đã mất cái gì đấy và bây giờ tôi đang phục hồi lại. Hàng triệu năm trước đây chúng ta đã bị mất

cánh, những cánh cũng đẹp như của chim mòng, nhưng vì việc ấy xảy ra từ ngày xửa ngày xưa, lâu lắm rồi, nên bây giờ chúng ta ngắm nhìn những cánh chim một cách say sưa đến thế.

Chúng ta đã mất khả năng biết bơi như cá, và không còn đu đưa được trên cuống lá dính vào một thân cây to lớn, và không còn bay được từ miền này đến miền khác như những quả cánh. Chúng ta thích tất cả những cái đó, chính vì tất cả những cái đó là của chúng ta, chỉ có điều là cách đây rất lâu, từ xửa từ xưa mà thôi.

Hôm nay, tôi nghỉ vì bị ốm, tôi không làm việc được. Thì sao tôi không thể tự cho phép mình bỏ phí chút ít thì giờ vào việc triết lý thô thiển này? Con người sáng tạo ra thế giới theo hình tượng của mình và tương tự như mình; trong nhận xét đó có sự thật thô lỗ. Nhưng tất nhiên là thế giới tồn tại cả khi không có con người. Hơn ai cả, nhà nghệ sĩ phải biết điều đó, và một điều kiện nhất quyết phải có của sự sáng tác nghệ thuật là phải *tự quên mình* đến mức tin được vào sự tồn tại của những vật hữu sinh và vô sinh mà không có bản thân mình. Tôi nghĩ rằng khoa học chỉ làm nốt cái hình tượng đã mất mà bản thân nhà nghệ sĩ đã phục hồi lại. Chẳng hạn, nếu nhà nghệ sĩ hòa mình với chim chóc, để cho các mơ ước của mình chắp cánh bay lên — và chúng ta cùng với chim chóc bay bổng một cách tưởng tượng, thì chẳng bao lâu nhà khoa học xuất hiện với những tính toán của mình — và chúng ta sẽ bay trên những cánh cơ khí. Nghệ thuật và khoa học, gộp chung lại, là những lực lượng phục hồi lại quan hệ họ hàng đã mất.

Gần trưa, khi có tiếng sấm xa xa như hôm qua, thì một cơn mưa ấm trút xuống. Trong một giờ, băng trên hồ từ trắng xóa đã trở thành trong vắt và màu xanh của bầu trời thâm nhập vào nó, như nước băng tan ven bờ, làm cho tất cả giống như một cái hồ nguyên vẹn.

Sau hoàng hôn, một lớp sương mù bốc lên trên các đường trong rừng, và cứ đi chừng mươi bước thì lại gặp một đôi đa đa bay lên. Gà lôi cố hết sức kêu lầu bầu, và cả rừng cũng kêu lầu bầu và xào xạc rít lên. Cả những chim dẽ giun cũng bắt đầu gọi mái.

Trong bóng tối, ở phía thị trấn có ba thứ ánh sáng: ở bên trên là những ngôi sao xanh lam, trên chân trời là những ngọn đèn màu vàng, to hơn, trong các nhà ở thị trấn và ở trên hồ là những ngọn đuốc to, gần như màu đỏ rực, của những người đánh cá. Khi một vài ngọn đuốc ấy đến gần bờ chúng tôi thì trông rõ cả khói, cả người cầm đinh ba, làm nhớ lại những hình người với rồng trên các bình lọ Ôlivia và Panticapê.

À, tôi quên ghi điều quan trọng nhất: sau những cố gắng tìm tòi, cuối cùng chúng tôi đã tìm ra cây gầm gừ. Đó là một cây bạch dương đã cọ mình với cây hoàn diệp liễu mỗi khi có cơn gió nhẹ; bây giờ trên thân cây bạch dương, ở chỗ bị cọ xát, dịch chảy ra nhiều và vì thế cây không gầm gừ nữa.

MÙA XUÂN CỎ XANH

CHIM MAI HOA BAY ĐẾN

Kể từ khi chim mai hoa bay đến cho tới khi có chim tu hú, thì toàn bộ vẻ đẹp mùa xuân được phô bày, vẻ đẹp ấy rất tinh tế và phức tạp, như những cành bạch

dương chưa ra lá đan lẫn nhau một cách kỳ lạ. Trong thời gian đó, tuyết tan, nước chảy, đất xanh um và phủ đầy những bông hoa đầu tiên mà chúng ta rất quý, những mầm non căng nhựa nở ra trên các cây dương, những lá non xanh mơn mởn dinh dính, thơm thơm, và khi đó thì chim tu hú bay đến. Chỉ sau khi tất cả những cái tuyệt đẹp đã qua rồi, thì người ta sẽ nói: «Mùa xuân đã bắt đầu rồi! Ôi, đẹp biết bao!»

Còn đối với chúng tôi, những người đi săn, khi chim tu hú bay đến là mùa xuân đã hết rồi. Còn gì là mùa xuân nữa, khi chim chóc đã ấp trứng và chúng đã bắt đầu thời gian căng thẳng!

Khi chim tu hú bay đến thì nhiều người vào rừng. Phát súng của một tên vô lại nào đấy làm cho luồng ý nghĩ bị gián đoạn và tôi cố chạy thật xa để khỏi phải nghe một phát súng khác nữa. Cũng giống như một buổi sáng tinh mơ, đi đâu đấy trên cỏ đầy sương và bỗng theo dấu vết trên cỏ đoán được rằng đã có một người nào đấy đi trước rồi. Thường lập tức rẽ ngay về phía khác, thay đổi toàn bộ dự định của mình chỉ vì đã thấy dấu chân của ai đấy trên cỏ. Có khi, tôi đi vào chỗ thật hẻo lánh, ngồi nghỉ trên gốc cây và suy nghĩ: «Dù sao thì rừng cũng lớn lắm, và chắc là trong rừng có chỗ nào đấy, dù chỉ một thước đất thôi, ở đấy bàn chân con người chưa giẫm đến, và cả trên gốc cây này rất có thể là chưa hề có người nào ngồi cả...» Còn mắt thì nhìn quanh và thấy bên cạnh gốc cây một cái vỏ trứng.

Tôi thường nghe nói dường như nấm ngừng mọc, khi có mắt người nhìn thấy chúng; nhưng nhiều

lần tôi đã kiểm tra thì nấm vẫn mọc. Thậm chí tôi đã nghe nói là chim chuyển trứng đến chỗ khác khi có mắt người nhìn thấy; nhưng tôi đã kiểm tra thì chim cả tin một cách ngây thơ... Trong thời gian từ khi chim hoa mai bay đến, khi trong rừng tuyết còn chưa bắt đầu tan, tôi rất thích đi trên dải núi thấp và chờ đợi một cái gì đấy. Rất hiếm khi được hoàn toàn tốt, bao giờ cũng thấy thiếu cái gì đấy, — khi thì lạnh quá, khi thì mưa lất phất, khi thì gió rít lên trên những cây còn chưa ra lá như trong mùa thu vậy. Nhưng cuối cùng, một buổi chiều đã đến, khi cây liễu đã mở lá ra sớm hơn cả, khi phảng phất mùi thơm của cỏ xanh, khi cây ngọc trâm hoa từ dưới đất đâm lên. Lúc đó, tôi nhìn lại thời gian qua, nhớ lại bao nhiêu buổi hoàng hôn tôi đã chờ đợi, bao nhiêu lần tôi đã hồi hộp, xúc động, để gặp được buổi chiều tuyệt đẹp ấy. Lúc đó cảm thấy dường như tôi đã tham gia vào công cuộc sáng tạo ấy cùng với mặt trời, với gió lộng, với mây đen, và vì thế trong buổi chiều hôm ấy tôi đã nhận được câu trả lời của chúng:

— Bạn đã không uổng công chờ đợi!

DÒNG NƯỚC

Sau khi nhận thấy những chim mai hoa đã bay đến rất nhiều, tôi nhớ cánh đồng Cha Đạo có những cây ngây lam vây quanh và đi xem có phải những chim bay đến đang nghỉ ở đấy không. Tôi không nhầm: cả bìa rừng đầy chim nhỏ, trong không trung khắp nơi đều có chim, có những chỗ dày đặc như phủ đầy hạt anh túc. Từ cánh đồng rất nhiều cu cườm bay lên, và một con đã bị diều ăn thịt. Một con ó đang liệng, thì

bỗng con quạ từ đâu bay đến, quấy rầy nó. Hai đôi sếu gặp nhau và cùng bay với nhau. Tiếp đến cả một đàn sếu bay qua theo hình tam giác đều góc. Thỉnh thoảng thấy một con chim gì có hình dáng lạ lùng, và khi nhìn trong ống nhòm, té ra là con quạ hay là con quạ khoang đang tha rác làm tổ. Nhưng có một con chim tôi nhìn hồi lâu mà không thể xác định được, con chim trắng xóa và rất to. May thay, con chim bí ẩn ấy bay gần lại, và cuối cùng tôi nhận ra được: đó là con quạ tha một tờ báo; vì tờ báo che lấp, nó không thấy được tôi, và khi nó bay đến chỗ tôi thì tôi thét to lên, nó buông tờ báo rơi xuống dưới chân đồi.

Ngay sau buổi rạng đông, một đám mây đen bay đến và cơn mưa ngắn ngủi trút xuống, rồi mặt trời bắt đầu sưởi nóng thì nước tăng thêm. Cánh đồng đã trở nên lốm đốm rồi. Trên đường đi, lớp băng vẫn đóng dày cao đến một thước rưỡi, nhưng ở nhiều chỗ băng tan và đường đã lộ ra. Cụ già ở làng Điatcôvô đánh xe chở cỏ khô ra thị trấn. Qua ống nhòm tôi nhận thấy cụ rất rõ — chính là cụ già mà trong chiến tranh tất cả các con trai đều bị giết sạch, và bây giờ cụ ở với vợ của các con trong một túp nhà xiêu vẹo. Chắc cụ đã cố giữ cỏ chờ đến lúc giá cao nhất mới đưa đi bán. Tôi rất muốn cụ được gặp may mắn trong việc đó, nên tôi hồi hộp chờ đợi cụ đến gần và sẽ thấy hố đường ngập nước. Hình như ở bên trên — từ đó mà nước chảy trên đường — ít nước, còn ở bên dưới, ở phía này thì có bùn và cả một dòng sông đầy nước. Nhưng chẳng biết vì sao cụ già cứ cho ngựa chạy trong nước, tất nhiên cụ bị vướng. Sau khi cố gắng một ít, cụ đã vượt qua được và đánh ngựa đi tiếp. Sau cụ già

chẳng bao lâu, một thanh niên đánh xe đi đến, cũng chở cỏ khô. Chẳng suy nghĩ gì cả, anh ta cứ đánh xe chạy phía bên kia đường, nơi từ đó nước dâng lên. Nhưng anh chỉ vừa cho xe chạy đến đấy thì con ngựa bị ngập, và trên tuyết nước chỉ còn trông rõ cái đầu của nó mà thôi... Anh thanh niên lội xuống nước đến thắt lưng, vừa tháo ngựa, vừa chửi rủa. Những người đi bộ tụ tập lại, và mọi người, cả đàn bà nữa, xúm lại kéo giúp chiếc xe ra. Hình như họ dùng càng xe làm như là đòn bẩy, đàn bà cầm ở đầu xe, đàn ông đun ở phía sau, và cứ như thế dần dần họ kéo xe ra để trên đường. Khi đó anh thanh niên thắng xe lại và đánh xe trở về. Khi chia tay có người nào đấy nói to với anh: «May đấy! Chỗ này năm ngoái, một ông đã chết đuối rồi cơ đấy.»

Quay mặt về phía nam, tôi nhận thấy những con gà lôi mái đang bay vào mương xói Nhâm Lê Đỏ. Tôi bắt đầu gọi chúng; chúng đáp lại và chạy về phía tôi qua cánh đồng Cha Đạo, giống như những con gà nhà. Một con diều mướp bay qua trên cánh đồng. Một con ó đậu trên cây thông con. Một đàn cu cườm đang ăn. Chắc là con diều đã làm chúng sợ. Khi tôi đưa mắt theo dõi chúng và ngoái cổ lại thì tôi thấy: anh thanh niên xuýt nữa bị chết đuối kia lại đánh xe chở cỏ khô quay trở lại. Tôi nghĩ là anh này từ sáng đã có ý định bán cỏ khô và đánh chén ở thị trấn nên đã không thể kiên nhẫn được và quay trở lại cố thử một lần nữa; mà cũng có thể là ai đấy đã nói với anh là cụ già đã đi qua được và anh biết được phải đi thế nào rồi: không phải theo phía trên, mà đi phía dưới. Bây giờ anh không suy nghĩ gì nữa, cứ việc cho ngựa theo lối đi của cụ

già, vượt qua mà không phải dừng lại và cho ngựa phóng nước kiệu.

Dòng nước chảy ầm ĩ vào hồ, tràn ra ở các rìa. Một con diều hâu bay qua, những con quạ khoang đuổi theo nó. Những con sáo hay hót đã bay đến, trong số đó có một con tuyệt đẹp tách riêng ra, đó là một con sáo đen, rất mảnh dẻ, có cái mỏ vàng tươi.

Dưới đáy mương xói, dòng nước ầm ĩ, cuồn cuộn chảy; trên bờ tôi ngồi huýt còi gọi chim đa đa đến; trên cây cây bạch dương mảnh khảnh, một con gà lôi cô đơn đang gọi mái, còn ở đâu đấy con cu cườm đang gù. Chưa bao giờ tôi được nghe và thấy nhiều chim nhỏ đến thế! Đó là cả một cơn lốc: bất thình lình chúng bốc lên rất nhiều, như muỗi, chúng chạy, rúc vào trong đám lúa mì non, giao phối nhau trong không trung, bay cả đám đông đến bìa rừng và tất cả các con đều hót vang. Tiếng hót của chim chóc hòa lẫn với tiếng hát của nước nôi, tiếng lầu bầu của gà lôi, tiếng gù của bồ câu rừng, tiếng kêu của đàn sếu, gợi lại cho con người những ý nghĩ sâu sắc nhất ẩn náu dưới đáy tâm hồn.

Tôi tìm được lối mòn đi xuống dưới, tìm được thanh gỗ bắc ngang làm cầu, lấy rìu đẵn một cây sào dài; và chống sào, tôi đi qua phía bên kia dòng nước rồi để cây sào ở chỗ dễ thấy, hy vọng rằng nó còn có thể giúp đỡ cho ai đấy đi qua dòng nước cuồn cuộn chảy xiết.

Bây giờ tôi đi mò trong rừng, tôi cần phải đoán xem những chim dẽ giun sẽ gọi mái ở đâu. Ở đây, các quãng trống giữa rừng đều đẹp, nhưng bây giờ đang còn thì giờ thì tôi tìm quãng trống tốt nhất. Và cuối cùng một quãng trống đã giữ chân tôi tại chỗ. Ở đây,

phía bên phải của tôi, trong nước đầm lầy cạnh suối có một dải bạch dương; đằng sau chúng, trông rõ rừng thông đen thẫm, còn bên trái nổi lên khu đất cao ráo mọc đầy những bụi cây con. Tôi dừng lại đợi chim dẽ giun sẽ bay từ ranh giới khu đất cao ráo và khu rừng đầm lầy.

Ở quãng trống của tôi, rải rác những bụi đỗ tùng, giữa những bụi đỗ tùng ấy có một cây thông rất cao vươn lên, còn trên ngọn thông, trên đọt của nó giống như một ngón tay, có một con sáo đậu và thỉnh thoảng hót vang, dường như nó đang điều khiển muôn nghìn âm thanh của rừng núi lúc hoàng hôn đang xuống.

Tôi không tin lắm rằng hoàng hôn sẽ kéo dài và tôi có thể ngồi đợi rạng đông ngay ở đây dưới bụi cây. Cho nên khi trời chưa tối hẳn, thì tôi nhìn lối mòn quen thuộc trong rừng dẫn đến nhà hầm, nơi trước đây người ta đã nấu rượu. Ở đây, tôi hì hục làm hồi lâu, chặt những cành thông lòa xòa trải xuống đất để nằm và nhen đống lửa. Tôi ngủ cạnh đống lửa, tôi nghe rõ tiếng ngáy của tôi và tôi biết rõ khi nào cần thôi ngáy và bỏ thêm củi vào đống lửa...

Tôi thức giấc khi băng giá ban mai đã biến thành sương, và những hạt sương treo đầu ngọn cây, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Muôn nghìn chim chóc (chúng nhiều như thế chỉ trong mấy ngày chim di cư), hót vang quanh tôi, ca ngợi mặt trời và đất đai đã phủ đầy cỏ non xanh mơn mởn. Tôi lắng tai nghe hồi lâu và khi nào tôi muốn thì chiếc ống nhòm lăng kính tuyệt vời của tôi sẽ đưa con sáo đang hót đến tận mắt tôi, rõ đến nỗi tôi có thể ngắm nhìn từng sợi lông của nó. Chiếc ống nhòm của tôi chuyển hình ảnh của ca sĩ

ấy từ lăng kính này đến lăng kính khác, từ mặt kính này đến mặt kính khác, chọn từ trong mớ hỗn độn một hình dáng. Bản thân nó đã là một họa sĩ ưu tú rồi, còn tôi thì thêm vào đấy sự thụ cảm của mình mà thôi.

Sau đó, tôi đi ra bìa rừng và nhìn qua ống nhòm thấy một cô gái mặc chiếc váy màu da cam vắt ngược lên vai, đang đi trên đường đồng, mỗi lúc một đến gần con suối, nơi tôi đã để lại cây sào bằng gỗ trăn khi đi qua dòng nước. Trong tay cô gái là đôi giày cao su mới bóng loáng mà cô chỉ dùng để đi trong nhà thờ và một cái ô che mưa rất hiếm khi chống lên; chỉ ở chỗ đông người và trong ngày nắng ráo, trời tốt nhất cô mới dùng đến mà thôi.

Tôi rất mừng là cây sào của tôi giúp cô đi qua được phía bên kia dòng nước, nhưng tôi đau lòng khi thấy cô giấu nó trong bụi và phủ kín lá bên trên.

Thế nhưng ở phía bên kia, có người nào đấy theo dõi cô và khi cô vừa mới đi xa thì anh ta tìm cây sào, mang đi, giấu ở một chỗ khác và ngồi đợi trong bụi cây. Tôi hiểu là chẳng bao lâu cô sẽ quay trở lại và tôi ngồi trên gốc cây, chờ xem bao giờ cây sào của tôi được trở lại phía bên này.

Như một cơn lốc, đàn chim mai hoa bay vụt từ bìa rừng lên trên các cây, chúng đuổi theo nhau trong cuộc bay hôn phối, rơi xuống đất, giao hợp nhau và quay trở lại, hót vang bìa rừng.

Rồi tôi thấy cô gái mặc váy màu da cam quay trở lại, đi đến gần con suối, tìm cây sào, chạy lui, chạy tới ở đây, chạy từ chỗ này đến chỗ kia.

Tôi đặt ống nhòm xuống. Mắt thường tôi cũng thấy

được một anh chàng từ trong bụi chui ra, lấy cây sào và giúp cô đi qua phía bên kia dòng nước.

ĐỀ TÀI

Tại một làng chài sống cực khổ và chật chội, tôi thấy đàn mòng đậu ở trên những cột và cũng ngay ở đấy bọn trẻ nô đùa, chạy nhảy, nhưng không làm chúng sợ. Biết rõ các con của mình, những đứa trẻ có văn hóa hơn, tôi bỗng nhớ là phải tốn bao nhiêu công sức mới làm cho bọn trẻ mất cái thói độc ác được và tôi nghĩ thầm: «Đã phải trải qua bao nhiêu thế hệ, dân chài truyền tụng cho nhau lời khuyên răn bảo vệ những con chim tuyệt đẹp và hình như vô dụng, để bọn trẻ không ném đá vào chúng, và những cái mà một số người biết được do tiếp xúc với Đức Mẹ của Rafaen *, thì những người nghèo này biết được nhờ đàn chim mòng».

Hôm nay, Pêcha và Liôva đến, hai đứa chạy ùa đến đàn chim mòng và ngạc nhiên ngắm nhìn chúng. Đàn chim bị bọn trẻ làm hoảng sợ ở các nơi làm tổ, bỗng nhiên, tất cả đều cất cánh bay tung lên, che khuất cả bầu trời và cánh đồng, rồi hạ xuống, giống như *tuyết rơi,* và khi chúng đậu trên cỏ xanh thì cả cánh đồng xanh đã trở thành trắng xóa. Chúng tôi biết là nhân dân bảo vệ chim mòng, người ta cấm bắn chúng và trong dân gian cho đến bây giờ một số vẫn gọi chúng là *những con vật bay.*

Tình hình của bọn trẻ thì khá tốt: hai con của Mikha-

---

* Xanti Rafaen (1483—1520) — họa sĩ thiên tài người Ý, đã để lại nhiều bức tranh nổi tiếng. — *ND.*

in Ivanôvich là Xônha và Xêva, sắp tốt nghiệp cấp hai, con của Xecgây Xecgâyich là Galia và ba cậu con trai, sinh viên, mới đến và các con tôi cũng mặc diện nhân ngày lễ. Tất cả bọn chúng nhân ngày lễ đều uống rượu gọi nhau bằng «bạn» và bắt đầu chơi ở trên sân nhà bảo tàng.

Và bỗng, hoàn toàn bất ngờ, có ba đại biểu các nhà vạn vật trẻ tuổi của trạm sinh vật học Xôcônhiki đến, mà không báo trước gì cả. Một cậu mặc áo ca-pốt lính Áo, cậu thứ hai — áo ca-pốt lính Anh, cậu thứ ba — áo ca-pốt lính Nga, còn khi các cậu cởi áo ca-pốt thì tệ hơn: quần ngắn cũn cỡn. Các cậu đều có túi dết, túi lưới và ở thắt lưng đeo súng lục. Các nhà vạn vật gặp nhau với thanh niên ăn mặc diện của chúng tôi, giống như những người ở các thế giới khác nhau, làm quen nhau và chia tay, mà không thích nhau. Thậm chí cả Liôva tiền tiến nhất cũng diện nhân ngày lễ, và khi nó đưa các cậu thanh niên đến chỗ tôi ở Chiếc Xuồng Con thì nó báo cáo:

— Có những cậu nào đấy từ Xôcônhiki đến gặp bố.

Chúng tôi chào hỏi nhau. Các cậu biết tôi và tỏ ra rất kính trọng tôi. Xúc động vì sự thông cảm, tôi như được gãi đúng chỗ ngứa, nói với các cậu rằng: tôi muốn tổ chức trạm sinh vật học với khuynh hướng nghiên cứu mọi mặt của địa phương và bản thân tôi muốn hoạt động để khoa học và nghệ thuật được gần nhau hơn.

— Phần lớn động vật và thực vật, — tôi nói, — gắn bó mật thiết với cuộc sống con người, nhưng cho đến nay khoa học còn nghiên cứu rất ít về mối quan

hệ ấy và có lẽ, ở đây nghệ thuật phải giúp đỡ cho khoa học. Hãy lấy ví dụ như con chim mòng và người dân chài, các anh hãy xem đấy, cuộc sống của những người nghèo khổ kia kết hợp một cách lạ lùng với con chim tuyệt đẹp ấy...

Cậu lớn tuổi hơn cả trong số các nhà vạn vật nói:

— Đấy là đề tài!

Và cậu ghi vào sổ tay.

Hai cậu kia nói khẽ:

— Hôm nay, ngay sau cuộc họp, chúng ta sẽ bàn vấn đề đó.

— Các anh bàn tất cả các vấn đề à? — tôi nói.

— Vâng, — cậu lớn tuổi đáp, — chúng tôi bàn với nhau mọi vấn đề, sau đó chúng tôi cùng hành động tập thể, và như thế chúng tôi không bỏ phí một phút nào.

— Thế là các anh đến đây với tôi không phải chỉ để nói chuyện thôi à?

— Chúng tôi đến đây để nghiên cứu khả năng thực tế của đồng chí.

— Thế thì các anh thấy thế nào, cái đó không bí mật chứ?

— Chúng tôi thấy rằng đồng chí rất có thể có ích cho chúng tôi để làm công tác tuyên truyền, cổ động: đồng chí nói và viết rất hay. Là một nhà vạn vật, có lẽ, đồng chí hời hợt, nhưng đồng chí có thể làm tốt việc quan sát vật hậu học. Và giá đồng chí làm việc thắt vòng chân chim thì rất tốt, vì đồng chí là người đi săn và thường đồng chí bắt được chim.

Tôi mỉm cười, bắt tay các cậu, và các cậu bắt đầu sẵn lòng kể chuyện về mình. Cậu lớn tuổi hơn cả đã hai mươi tuổi, tốt nghiệp trường trung học cấp hai

rồi và làm cán bộ nghiên cứu ở trạm sinh vật học và giảng viên vật lý ở trường trung học — một thanh niên cao, bộ mặt có duyên, rõ ràng là cán bộ lãnh đạo và nói chung là chủ tịch. Cậu thứ hai trẻ hơn, người nhỏ nhắn hơn, trầm tĩnh hơn và chín chắn, chắc là làm việc giỏi: thư ký. Cậu thứ ba với những hình thủy thủ xăm trên cánh tay, là một thanh niên mạnh mẽ, có một số phận lạ thường: bản thân cậu vốn là một đứa bé lưu lạc, bơ vơ, nhưng có một bận, tình cờ cậu đến trạm sinh vật học, nhìn và thấy những cậu bé lưu lạc như mình làm việc với kính hiển vi, cậu nhìn vào mặt kính, và cũng như thời xưa, có người nào đấy bỗng bắt đầu tin Chúa trời và vào tu viện, cậu ta bắt đầu tin khoa học, học tập và bây giờ cũng tốt nghiệp trường trung học rồi. Cậu có bộ mặt hơi giống người phương Đông, còn họ là Pankin.

— Chắc đồng chí hiểu chúng tôi, — các cậu nói, — chà, làm việc với đoàn viên thanh niên cộng sản thì khó khăn lắm.

— Lẽ nào các anh không phải là đoàn viên?

— Vâng, chúng tôi là đoàn viên và hơn nữa là đảng viên cộng sản, và vì thế chúng tôi hiểu các hiện tượng của sinh hoạt xã hội sâu sắc hơn.

Bỗng cả ba cậu cùng nhìn đồng hồ: các cậu phải vội vã đi họp với đoàn viên thanh niên cộng sản địa phương, tại đấy sẽ tuyên truyền phương pháp mới của mình.

Khi chia tay, tôi hỏi:

— Các anh nghĩ thế nào, hay là chúng ta cùng nhau xây dựng trạm sinh vật học ở đây nhé?

Chủ tịch nói:

— Chúng tôi sẽ nghiên cứu khả năng thực tế của đồng chí và sau đó sẽ trả lời dứt khoát.

ĐÁM CỎ XANH RỜN

Từ sáng, cả bầu trời phủ kín mây. Một cơn mưa nhỏ và ấm.

Trên các đám cỏ trong rừng đã hiện lên màu xanh đầu tiên, mùa xuân của thảm cỏ xanh rờn đang bắt đầu.

Trong bếp, người ta nói:

— Bây giờ cừu đã có thể ăn no bụng được rồi.

Tuyết chỉ còn lại vài ba đám nhỏ ở trong các rãnh sườn phía bắc núi Ầm Vang. Công việc của những con chuột chũi rất dễ thấy.

Vào khoảng năm giờ chiều, mặt trời ló ra và không khí trở nên trong trẻo lạ thường. Mắt thường có thể trông thấy rất rõ ở phía bên kia cả Di Chỉ lẫn núi Alêcxăng với Đầu Hói của Iarilô. Từ phía làng quê đã nghe rõ tiếng hát đầu tiên của điệu múa vòng tròn. Cơn gió nhẹ đông-nam trong một ngày đã thầm kín dồn băng từ bờ chúng tôi lên phía bắc, và bây giờ băng màu vàng nhạt do phản chiếu ánh sáng ban chiều, hòa màu với khoảng mênh mông của những đám mây đen xanh thẫm.

Cả ba cậu công xã viên ấy đến gặp tôi, yêu cầu cho mượn súng và đưa các cậu đến chỗ rình bắn chim. Tôi cho các cậu mượn súng, nhưng tôi không thân hành đi được và bảo Pêcha dẫn đường. Các cậu nhìn nhau, và chủ tịch nói rằng cậu ta sẽ ở lại với tôi để nói chuyện. Tôi biết là cậu hy sinh buổi săn bắn để nghiên cứu khả năng thực tế của tôi. Cả việc nghiên

cứu ấy không làm tôi phật lòng chút nào. Bản thân tôi cũng nghiên cứu, tôi có ý định của tôi, và hơn nữa sẽ xem: ai nghiên cứu ai. Thời thanh niên của tôi cũng đã diễn ra trong một công xã bí mật, và sự nghiên cứu của tôi đúng hơn giống như hồi ức.

— Thế là trong công xã của các anh, — tôi nói, — có mươi lăm thanh niên: tám nam và bảy nữ, như thế thì có một nhà vạn vật trẻ tuổi không có bạn gái.

— Cái đó thì không thể như thế.

— Anh không hiểu tôi rồi, tôi nói về sự thông cảm chuyển dần thành tình yêu.

— Tình yêu như thế chẳng làm phiền cái gì cả, và tất cả cái đó chỉ biểu hiện ở chỗ hai người cùng làm việc với một kính hiển vi mà thôi.

— Nhưng nếu anh, chẳng hạn, áo quần bị rách, thì dù sao anh cũng phải mượn kim của cô ta chứ?

— Vâng, lúc đầu tôi cũng đã phải như thế. Tôi kêu to: «Catca*, chữa cái quần cho tớ!» Và đồng chí có biết cô ta trả lời tôi thế nào không?

— Tất nhiên, cô không chữa quần.

— Hơn thế nữa, cô còn nói: «Xêriôja, tôi không hiểu cách đặt vấn đề như thế.»

— Chà, cô gái dễ thương làm sao, thế mà tôi nghĩ là cô ta nói với anh câu gì thật thô cơ đấy. Tôi rất không thích cái câu của anh: «Catca, chữa cái quần cho tớ».

— Đúng thế, cô gái ấy thật là giác ngộ, cô đưa sự việc đó ra thảo luận trong toàn công xã. Hội nghị quyết định: xét thấy rằng cô may vá rất giỏi, nên từ

---

* Cách gọi khá thô của Êcatêrina. — *ND.*

nay việc chữa quần áo sẽ là công tác xã hội của cô. Cô đồng ý và từ đó cô sẵn lòng chữa quần cho tôi.

— Có thể coi việc chữa quần áo là công tác xã hội, — tôi nói, — cái đó thì dễ hiểu, nhưng tình yêu nhất định biểu lộ dưới tình cảm cá nhân, và tình cảm cá nhân ấy rồi sẽ được hôn nhân củng cố.

CÔ GÁI TRONG RỪNG BẠCH DƯƠNG

Trên các cây bạch dương mới nhú ra một ít màu xanh mơn mởn, và rừng trở nên rất to lớn, rất trinh bạch. Chuyến tàu lửa của chúng tôi trong những cánh rừng ấy không có vẻ *kỳ quái,* — trái lại, tôi cảm thấy chuyến tàu lửa rất tiện nghi. Tôi rất mừng là có thể ngồi bên cửa sổ và ngắm nhìn phong cảnh những cánh rừng bạch dương sáng trắng xóa, liên tục. Một cô gái đứng trước cửa sổ bên cạnh, trẻ măng, nhưng không đẹp lắm: trán hơi cao, có vẻ thông minh, rẽ lên đỉnh đầu hầu như thành một góc vuông và cái đó làm tôi nghĩ rằng cô ta làm việc trong hiệu thuốc. Thỉnh thoảng cô ngả đầu ra sau và nhìn quanh toa tàu, giống như một con chim: chẳng biết có anh chàng nào, hoặc ai đấy theo dõi cô hay không? Rồi cô lại chăm chú nhìn trong rừng.

Tôi rất muốn xem cô cảm giác như thế nào khi đứng một mình ngắm nhìn đám lá xanh mơn mởn của rừng bạch dương. Tôi khe khẽ đứng lên và thận trọng nhìn qua cửa sổ. Cô nhìn đám lá xanh của rừng bạch dương trắng xóa, vừa mỉm cười với rừng, vừa thì thầm cái gì đấy, và hai gò má của cô đỏ ửng.

CÂY CỎ MẬT RA HOA

Cây dương, cây hoàn diệp liễu, cây cỏ mật, cây sao hoa và tất cả những cây hoa đầu mùa đều đâm bông.

Do sự chăm chú theo dõi và thông cảm của tâm hồn mình, nên tôi đã đoán được nhiều điều trong sự thay đổi của thiên nhiên, ở đâu cây gì đã ra hoa, cái gì đã chui xuống đất, đã bay đi; đôi khi tôi đoán đúng cả thời tiết nữa, nhưng vào đầu xuân, trong một ngày thời tiết thay đổi bao nhiêu lần đến nỗi ngay cả dân chài lưới cũng nhầm lẫn.

Sáng nay, lúc bình minh, ở phía đông trời quang đãng, còn trên khắp bầu trời thì mây xám dăng kín dường như chúng thỏa thuận với nhau để chống lại mặt trời. Trong thời gian đó, dân chài cũng thỏa thuận với nhau về chuyến xuất phát đầu tiên đi đánh cá trên hồ. Người đầu tiên đến bờ hồ là cụ Ivan Ivanưt, bố ông trùm đạo, một người già nhất và có kinh nghiệm nhất, — bây giờ thì cụ không đi đánh cá trên hồ nữa, nhưng cụ như là chiếc phong vũ biểu của dân chài. Khi mọi người dân chài đã họp lại, cụ Ivan Ivanưt chẳng biết dựa vào đâu mà kết luận rằng đến tối thì gió sẽ đẩy băng giạt về phía nam và sẽ giam ép những người đánh cá, vì thế không nên đi.

Dân chài suy nghĩ.

Tôi hỏi cả cụ già lẫn người đánh cá về điều suy nghĩ của họ, nhưng cái đó, có lẽ, đúng hơn là cảm giác, và nghiên cứu chúng cũng phải từ từ, như nghiên cứu thiên nhiên. Chỉ có điều tôi biết đúng là bây giờ cá dầy *đẻ trứng*, rồi đến cá măng, còn sau đó thậm chí cả trình tự các loài cá đẻ thì họ nói khác nhau.

Để xoa dịu những ý kiến mâu thuẫn nhau, cụ già kết luận:

— Trên hồ này có *những tiên đoán* khác nhau.

Trái với sự chờ đợi của mọi người, mặt trời mọc mà không bị mây che, và những người dân chài đã chèo thuyền đi giữa băng và bờ nam đến Cửa Sông, ở chỗ hồ đổ vào dòng sông Vecxa.

Đến bảy giờ sáng, mặt trời đã nhìn vào cửa sổ, và gió rất nhẹ, chỉ thấy hơi phe phẩy, bắt đầu thổi từ phía bắc. Đến trưa một cơn gió mát nổi lên và mưa đá rơi xuống.

Đến chiều tối, một trận cuồng phong thổi mạnh, tuyết xuống nhiều và tất cả bãi cỏ xanh rờn của chúng tôi trở nên trắng xóa. Băng trôi giạt về phía chúng tôi, ép vào bờ, và mọi việc đã xảy ra đúng như nhà tiên tri đã nói buổi sáng: những người đánh cá bị băng giam ép ở Cửa Sông.

Đây là tối đầu tiên mà ở vùng chúng tôi người ta không soi cá măng, cả bờ hồ hoàn toàn bị băng dồn ép, phủ kín, và chỉ thấy ánh đuốc ở phía bắc, nơi nước không có băng.

Nhìn băng xấu xí và chết cứng, như xác của mùa đông tàn tạ chưa chôn vẫn còn nằm đấy, Đumnôp, người đâm cá măng, nói:

— Chàng rể xấu đã đến thăm mẹ vợ.

BĂNG GIÁ THÁNG NĂM

Theo mọi dấu hiệu thì ban đêm sẽ có băng giá gay gắt. Lúc một giờ sáng, dưới ánh trăng lờ mờ, tôi đi ra khu rừng sồi, ở đây có nhiều chim nhỏ và hoa đầu mùa màu tím.

Chẳng bao lâu ở phía tây trời bắt đầu rạng đông và ánh sáng chuyển sang phía đông, dường như rạng đông từ bên dưới, không thấy được dưới đường chân trời, đã bắt lấy hoàng hôn và kéo về phía mình. Tôi đi rất nhanh và do đó sưởi ấm người đến nỗi tôi không nhận thấy băng giá gay gắt đã làm cỏ và những bông hoa đầu mùa cứng đờ lại. Khi trời bắt đầu sáng và băng giá đang lúc ác liệt nhất, tôi cầm một bông hoa tím và muốn sưởi cho nó bằng hơi ấm của bàn tay, nhưng bông hoa cứng đã gãy trong lòng bàn tay.

CON SÁO SẬU

Người phụ trách nhà bảo tàng rõ ràng là không bằng lòng những nhà vạn vật, ông đưa cho tôi xem những điều ghi chép hoàn toàn sai văn phạm của các cậu ở trong cuốn sổ nhà bảo tàng và nói:

— Tôi không tin cái món sinh vật học của những người thiếu học. Họ sẽ là những giáo viên hạng bét!

Xét về một quan điểm nào đấy thì ông nói đúng, nhưng tôi có quan điểm lạ lùng của tôi: trước đây khi còn học ở trường tôi cũng viết kém.

Ở trường, tôi học môn toán cực kỳ vất vả, và môn khoa học ấy đối với tôi khó đến mức hình như không khắc phục nổi. Nhưng hai mươi lăm năm sau, khi cần phải giúp cho con tôi, thì chỉ trong ba ngày tôi đã đọc xong môn đại số.

Bây giờ, ai hiểu tất cả những điều đó, cân nhắc cả phương pháp học ấy mà tôi đã không tiếp thu được môn đại số, thì gọi đó là phương pháp *tri thức có sẵn*, còn phương pháp kia mà sau đó, khi từ bên trong của tôi cần đến, và chính *bản thân tôi* đã học qua thì gọi

đó là phương pháp *nghiên cứu*. Tức là sự khác nhau ở chỗ, trong phương pháp có sẵn, người ta *bắt buộc*, còn trong phương pháp nghiên cứu thì tự tôi học lấy, và nhiệm vụ nhà sư phạm là làm sao thức tỉnh được *tính tự bản thân* ấy của mỗi một học sinh.

Nhưng cái đó là tôi hiểu những nhiệm vụ hiện nay như thế, còn ở trên tường thậm chí của cái cơ quan rất tích cực, như trạm sinh vật học ở Xôcônhiki, thì phương pháp nghiên cứu đã được các nhà phương pháp học mô tả bằng đồ thị với rất nhiều mũi tên, dấu ngoặc, đường tia đến nỗi hiểu được cũng rất khó, như tìm đáp số của một bài toán phức tạp nhất về phép lượng giác hình cầu và nếu đưa phương pháp nghiên cứu ấy vào trong tỉnh, thì cái xác chết ấy của sự sáng tạo sẽ hoàn toàn không khác gì cái xác chết của tri thức có sẵn.

— Này, ông bạn quý Mikhain Ivanôvich của tôi, cái xấu là ở chỗ đó, — tôi nói với người phụ trách nhà bảo tàng, — chứ không phải ở chỗ các cậu ấy thiếu học.

— Nhưng chính họ lại muốn dạy chúng ta cơ mà!

— Việc gì mà phải xét đoán một cách nghiêm trọng đến thế: nhiệm vụ của các cậu ấy là nghiên cứu khả năng thực tế của chúng ta thôi.

Buổi tối, chủ tịch đến chỗ tôi với những ống nghiệm đầy côn trùng đủ loại và hơn nữa có cả cái bình đựng nước mạch trên núi Âm Vang. Tôi hỏi cậu ta cần nước để làm gì, thì cậu trả lời là để phân tích. Tôi nói rằng trong nhà bảo tàng có sẵn bản phân tích tỉ mỉ nhất rồi. Cậu đổ nước đi. Việc làm không cần thiết, vì trong phương pháp nghiên cứu loại trừ việc tìm hiểu sơ bộ với tài liệu trong sách: trong sách viết về tri thức có

sẵn, mà chính là phải tự bản thân mình thấy. Nhưng trong trường học, thầy giáo làm một cách kín đáo đến nỗi học sinh chỉ cảm thấy hình như chính cậu ta đã tự mình đi đến nhận thức được môn học; nhưng thực ra, chính là thầy giáo đã đưa cậu đến; còn trong cuộc sống thì nhất định phải tự mình làm quen với những tác phẩm có trước của người khác, nếu không thì nhất định sẽ có rất nhiều lần làm việc người khác đã biết từ lâu rồi.

Khi đi ra khỏi nhà, mặc dù phong cảnh mùa đông, nhưng chúng tôi vẫn nghe trong rừng tiếng chim thỉnh thoảng hót lúc chiều tối.

Chủ tịch hỏi tôi:

— Đồng chí nghe con chim gì hót đấy?

— Con sáo hót.

— Vâng, nhưng trong số loài sáo hót thì nó là con nào?

— Tôi không biết. Con nào thế?

— Tôi không thể nói cho đồng chí được, ở trường chúng tôi có thể lệ là nếu biết cũng không nói. Đồng chí hãy bắn nó và tự mình xác định lấy.

— Nhưng, anh bạn ơi, — tôi yêu cầu, — anh hãy làm cho tôi một ngoại lệ vậy, tôi không thể nào bắn chim chỉ để thỏa mãn tính tò mò và nhất là trong khi nó đang hót, tôi hiểu tiếng hát của thiên nhiên trước hết như là lời ca, rồi sau đó tôi mới nghiên cứu như một hiện tượng. Anh hãy nói giúp tôi theo tình bạn vậy.

Cậu nghĩ lại và nói:

— Đó là con sáo sậu hót đấy.

Không, tôi không thấy điều gì xấu trong các cậu đó cả, khi tôi bằng trạc tuổi các cậu thì tôi xấu hơn

nhiều, và tôi sống với bố mẹ và nếu đầu óc tôi bị căng thẳng thì đôi khi bố mẹ tôi cho tôi uống brôm để an thần, còn những cậu bé lưu lạc kia, trước đây là những đứa bé lang thang trên đường phố, có lẽ, có khi nào đấy đã ngửi côcain rồi. Chắc chắn là Pankin đã ngửi rồi.

CHÀNG RỂ XẤU

Sau một đêm ấm trời, ánh nắng trở nên nóng ngay và cảnh vật hoàn toàn yên tĩnh. Vẫn như trước, cái hồ của chúng tôi bị chia ra thành hai vùng: ở phía bắc nước không có băng, ở phía chúng tôi một lớp băng độc ác, màu lục với những bọt bong bóng màu trắng.

Ngay sau khi mặt trời lên, cơn gió thổi từ phía nam dần dần mạnh hơn, và đến trưa thì nghe tiếng kêu:

— Đã đi rồi, đã đi rồi!

— Ai đi? — tôi hỏi qua cửa sổ.

— Chàng rể xấu, — Ivan Akimưt đáp lại.

Chúng tôi hiểu đó là lớp băng đã bị dồn từ bờ của chúng tôi đến bờ vách đứng của núi Ẩm Vang.

Trong lúc đó thì «chàng rể xấu» đã ở xa rồi, và những người đánh cá bị băng dồn ép, sau hai ngày đêm trên bờ ở đâu đấy vùng Cửa Sông, vui vẻ cùng với thuyền bè trở về nhà, còn ở bờ chúng tôi nước màu lam vỗ óc ách. Những người dân chài tụ tập ở gần bờ, mang theo những chiếc đinh ba. Hàng nghìn chim mòng hạ cánh xuống nước xanh lam, và chẳng hiểu vì sao chúng dồn lại ở một điểm, nên gần bờ của chúng tôi trở thành một hòn đảo trắng xóa trên màu xanh lam, và đôi khi có cảm tưởng hình như nước xanh lam cao hơn mực đường của thị trấn và thế mà nước vẫn

không tràn ra. Bỗng nhiên, cả hòn đảo trắng xóa kia tan ra thành những chim mòng và thị trấn tươi sáng của nước Nga hiện ra từ dưới nước, như một câu chuyện cổ tích màu lam qua những cánh trắng phau.

Khi nhìn thành phố Kichejơ* này mà những cánh chim mòng quạt gió lộng, tôi sực nhớ là các nhà vạn vật hôm nay đọc báo cáo về chim mòng ở nhà bảo tàng, và các con tôi nói với tôi rằng dường như các cậu ấy hỏi một phát súng giá bao nhiêu tiền và tính toán rằng bắn hết chim mòng và tiêu diệt loài chim tác hại ấy thì có lợi hay không.

Tại nhà bảo tàng, tập hợp đông đủ thanh niên vùng chúng tôi, những người đi săn, — nếu thực ra mọi người đều bắt tay vào việc tiêu diệt vẻ đẹp ấy thì sẽ thế nào?

Tôi đi xuống tận hồ và hỏi một cụ già đánh cá, có thật chim mòng là một loài chim có hại không.

Cụ trả lời:

— Loài chim có hại à... Ai nói với bác thế? Bác hãy xem, bao nhiêu lần chim mòng hạ xuống nước và đều bắt trượt cả, trong việc bắt cá chim mòng vụng về thế nào ấy. Còn khi bác leo lên bờ và nhìn, thì thấy cả đàn chim mòng đi theo người thợ cày. Có một lần cũng như thế trong buổi đi săn: có những khách từ Matxcơva đến, họ bắt đầu phân loại cái gì có lợi, cái gì có hại. Họ nghe con chim gõ kiến gõ vào cây và nói: «Chim gõ kiến tác hại cho cây vô cùng!» Còn lúc đó ở đây có người bác học làm bác sĩ ở vùng này, một người rất

---

*Tên một thành phố thần thoại của Nga bị chìm ngập dưới nước. — *ND.*

tốt, ông ta tìm ra cây đó và hỏi: «Vì sao cây này đang bị chết khô?» Họ trả lời: «Vì sâu đục thân».

— «Thế đấy, — người của chúng tôi nói, — còn chim gõ kiến thì bắt loài sâu ấy, nó không phải là kẻ thù của cây, mà là bác sĩ». Thế đấy, cả bác nữa, hãy đi lên trên cao mà nhìn xem bao nhiêu là chim mòng đi theo sau người thợ cày.

NẤM NHĂN* XUẤT HIỆN

Sáng nay ấm trời và có nhiều sương. Sau bữa ăn trưa, một cơn «mưa đám mây» rơi xuống, rồi sau đó trận mưa to trút xuống, như để bác bỏ ý kiến phổ biến cho rằng: nếu buổi sáng nhiều sương thì nhất dịnh ban ngày tốt trời.

Nước hồ vẫn còn đầy tràn bờ cũ. Trong rừng màu nâu sẫm, hình như những ngọn cây gì đấy đã chớm nhú màu xanh, nhưng cái đó chưa phải là cây đã ra lá mà là bãi cỏ đã xanh thấp thoáng qua khu rừng trụi lá. Một con chim chìa vôi má trắng, như trùm chiếc khăn đen, mặc yếm đen, chạy trên bờ hồ, làm ướt đôi chân. Một con chim dẽ gà đứng lắc lư. Từ trong đám cỏ vàng năm ngoái còn lại, mào lông chim te te nhô lên. Con vịt trời đực bơi với con vịt mái.

Con đường cái chạy cắt ngang rừng, nó đang chết, vì vào mùa xuân xe cộ không còn chạy trên đường nữa. Nếu cứ như thế mãi, thì chẳng bao lâu rừng sẽ nuốt trửng con đường với tất cả những cột dây thép. Một số vết xe hằn sâu đến nỗi trong những ngày mưa đã trở thành dòng nước chảy và do đó, tất nhiên mỗi

---

* Một loại nấm ăn được và ngon, hình thù nhăn nheo. — *ND.*

lúc một sâu hơn. Trong những vết xe khác, những cây cao tung hạt xuống, và ở những nơi trước đây là dấu xe ngựa, bây giờ đã trở thành lối đi con hai bên mọc đủ loại cây. Giữa những cây non là cỏ, hoa, — tôi chưa hề gặp ở đâu nhiều hoa bạch đầu ông và hoa đồng thảo đến thế. Nhưng ở đây lối mòn trắng phau do bàn chân con người vạch ra thì thật là tuyệt đẹp; bây giờ lối mòn ấy uốn khúc quanh co giữa vô số những mầm đang nở của các bụi cây anh đào dại, hồ đào và bạch dương tơ. Một con bướm vàng đang chập chờn bay. Đi qua lối mòn như thế thật là hạnh phúc biết bao! Tôi ngạc nhiên, vì sao những người quen mạnh khỏe của tôi lại đi Crimê nghỉ.

Đất bốc hơi mạnh. Người ta đang cày lúa xuân. Lúc này chính là lúc nấm nhăn đang mọc. Trong rừng ẩm ướt, cứ mỗi bước đi, chân lại kêu lép nhép: dường như những cái hôn vô tận. Khi đi ra quãng trống giữa rừng thì những cái hôn ngừng bặt. Đây là một gốc cây bạch dương già, trên gốc mọc lên một cây thông hiên ngang. Cạnh gốc cây đó là những nấm nhăn mà ta mong ước. Tôi hái nấm, còn chim mai hoa thì cứ hót vang mãi. Tôi sung sướng đã thực hiện được những ước mong của mình. Tôi không đi Crimê, tôi kiên nhẫn chờ đợi thời gian khắc nghiệt qua và giờ đây tôi được lĩnh phần thưởng xứng đáng. Và chính là Crimê đã thân hành đến đây với tôi.

EO ƠI

Trong nhà bảo tàng, những nhà vạn vật đã nói ngay từ đầu: chắc là những cán bộ có kinh nghiệm không thể từ Matxcơva đến chỗ chúng tôi để lãnh đạo được.

Nhưng theo sự quan sát của các cậu, thì ngay tại chỗ đã có đầy đủ khả năng thực tế để có thể bắt tay vào việc ngay được.

Người đầu tiên đọc báo cáo là Pankin. Cậu nói rằng cần nghiên cứu cái gì có ích nhất, vì trong nước bị tàn phá nặng nề, cho nên không thể làm những việc xa xỉ, phù phiếm, chẳng hạn như đo con ngươi của loài cóc xám. Những nhà vạn vật phải nghiên cứu trước hết toàn bộ nền kinh tế quốc dân và chủ nghĩa duy vật.

Một trong số những người nghiên cứu địa phương trẻ tuổi giỏi nhất của chúng tôi, khi nghe nói chữ «chủ nghĩa duy vật», đã không giữ mình được và buột miệng nói:

— Nhưng lẽ nào nghiên cứu một cách vô tư à?

— Eo ơi! — Pankin thốt lên. — Chủ nghĩa duy vật không phải là vụ lợi, chủ nghĩa duy vật là... cái gì từ đâu mà ra và vân vân. Có hiểu không?

— Tôi hiểu, nhưng không có người lãnh đạo thì làm sao chúng tôi nghiên cứu được cái đó?

— Thế thì sự thông minh? Sự thông minh... cái đó đối với các anh không phải là đồ vớ vẩn, mà rất quan trọng, các anh hãy bắt tay làm việc một cách thông minh theo phương pháp nghiên cứu của chúng tôi, và các anh sẽ thấy là hai mươi nhà vạn vật trẻ tuổi có thể thay một giáo sư.

Cách giải thích hơi nguy hiểm ấy của tư tưởng chung về số lượng chuyển thành chất lượng, làm cho những nhà vạn vật nhao nhao phản đối, và một người nói:

— Cái đó còn tùy giáo sư nào.

Pankin đồng ý với điều đó, cậu cho rằng vấn đề không phải là ở đây, mà chủ yếu là phải đấu tranh với tình trạng vô kỷ luật và phải nhớ rằng hiệu quả công việc của chúng tôi tùy thuộc mối quan hệ của chúng tôi với các nhiệm vụ quốc gia, và vì thế sự phối hợp phải được đặt lên hàng đầu.

Sau lời phát biểu chung, chủ tịch nêu ra ví dụ, cần phải sử dụng phương pháp nghiên cứu như thế nào.

— Chẳng hạn, — cậu nói, — chúng ta lấy đề tài: con chim mòng. Các bạn hãy bắt đầu nghiên cứu chim mòng, mà nhất thiết không đọc một cuốn sách nào về chim mòng cả, các bạn hãy dùng sách sau, như là sổ chỉ nam. Và trước hết, các bạn hãy đếm tất cả chim mòng; khi đó thì các bạn sẽ thấy lợi ích của phương pháp tập thể của chúng ta: làm một mình không thể nào đếm được như thế; nếu các bạn tập hợp tất cả các trường, trong ngày giờ nhất định, hãy bố trí ở khắp các ao và bờ hồ, thì các bạn sẽ làm việc ấy rất dễ...

Sau đó, các bạn hãy tìm hiểu xem tất cả chim mòng trên hồ nuốt bao nhiêu cá, rồi tìm hiểu xem tất cả chim mòng có thể cho bao nhiêu lông tơ. Lợi ích của chim mòng là lông tơ; tác hại là ăn cá; thế thì lợi hại cái gì trội hơn. Nếu chim mòng gây ra tác hại,thì cần phải khắc phục thành kiến của nhân dân và tiêu diệt sạch sành sanh tất cả loài chim mòng. Nhưng thậm chí trong khi tiêu diệt cũng không được rời bỏ nguyên tắc kinh tế và tính xem một phát súng giá bao nhiêu và có bằng giá lông tơ thu được hay không...

Đến chỗ nguy hiểm này thì tôi thân mật nói với chủ tịch rằng để đề phòng trường hợp lòng hăng say săn bắn của những nhà nghiên cứu địa phương trẻ tuổi của chúng tôi cao hơn lòng hăng say của nhà nghiên cứu chim mòng, thì cần phải nói về tính tương đối của khái niệm *loài ăn thịt*, chẳng hạn con cáo...

Chủ tịch rất hài lòng kể là con cáo, tất nhiên, là loài ăn thịt, nó tiêu diệt gà, nhưng đồng thời nó tiêu diệt chuột đồng, và lợi ích của việc đó lớn hơn nhiều so với tác hại của việc tiêu diệt gà, như thế thì dù con cáo là loài ăn thịt, nhưng nó có ích.

Thế thì chim mòng cũng tiêu diệt loài côn trùng, và cũng có thể là rất có ích.

Sau sự chuẩn bị như thế, tình cảm của mọi người đối với chim mòng tăng lên nhiều, và có thể kín đáo nói chêm vào rằng: trước khi bắt tay vào công việc phức tạp nghiên cứu lợi ích hay tác hại do chim mòng gây ra, thì tốt hơn nên tìm hiểu trong các sách khoa học, — vì có thể là vấn đề về chim mòng ấy đã được giải quyết từ lâu rồi. Nhưng điều chủ yếu và cần thiết thì cuối cùng đã tìm được. Té ra là những nhà vạn vật của chúng ta mổ chim để nhồi rơm rất giỏi, và chúng tôi có thể học được cách làm của các cậu. Hơn nữa, các cậu có mang theo những vòng bằng nhôm để đeo vào chân những chim di cư bay qua và thả chúng bay đi đến phương nào chúng cần đến, và ở đấy, chẳng hạn ở nơi nào đấy tại Tân Ghinê, người ta bắt chúng, — cũng như chúng ta bắt chim của họ, — như thế thì con người biết được đường bay của chim, và theo những con đường đó biết được nhiều điều trong cuộc sống của hành tinh chúng ta.

MÙA XUÂN RỪNG NÚI

MẶT HỒ ĐÃ TAN BĂNG

Trong lịch sử trái đất, cuộc sống của các hồ rất ngắn ngủi: chẳng hạn, xưa kia đã từng có cái hồ tuyệt đẹp Bêrenđêêvô, nơi phát sinh ra câu truyện cổ tích về Bêrênđây, còn bây giờ cái hồ ấy đã tàn tạ và trở thành đầm lầy. Hồ Plêsêêvô còn rất trẻ và hình như không những không bị lấp bùn và mọc cỏ, mà còn luôn luôn trẻ mãi. Ở hồ ấy, có nhiều nguồn nước mạnh, nhiều dòng nước từ rừng đổ vào hồ, còn theo dòng sông Tơrubêjơ thì cùng với nước còn lại của hồ Bêrenđêêvô, cả câu truyện cổ tích về các Bêrenđây cũng trôi qua.

Các nhà khoa học nói khác nhau về cuộc sống của hồ; tôi không chuyên môn về cái đó, không thể hiểu những giả thuyết của họ, nhưng chính vì cuộc sống của tôi cũng giống như hồ: nhất định tôi sẽ chết; cả hồ, cả biển, cả hành tinh — tất cả đều sẽ chết. Hình như chẳng có vấn đề gì phải tranh cãi nữa, nhưng vì sao khi nghĩ đến sự chết thì lại nảy ra câu hỏi vô nghĩa: «Thế thì làm thế nào?»

Tôi nghĩ rằng chắc là cái đó do cuộc sống rộng lớn hơn khoa học. Không thể nào sống được chỉ độc với một ý nghĩ buồn chán về sự chết, và người ta nói lên cảm giác về cuộc sống chỉ bằng câu truyện cổ tích hoặc bằng một tiếng cười khe khẽ: «Ai cũng chết cả, còn tôi thì bằng cách nào đấy sẽ tránh được». Những tiếng cười khe khẽ thảm hại ấy của những người riêng lẻ trước sự không thoát khỏi tận số, thì những «bêren-đây» giản dị quét sạch đi bằng đạo luật lao động vĩ

đại của họ: cứ chuẩn bị để chết, nhưng lúa thì hãy cứ gieo.

Sức sống vô cùng mạnh hơn lôgich, và vì thế nên đừng sợ khoa học. Tôi không còn trẻ, luôn luôn bận rộn để chiếc bình của tôi được đầy nước, và tôi biết rằng khi bình đầy nước thì mọi ý nghĩ về sự chết sẽ vô nghĩa. Sau đây dù có thế nào đi nữa, thì bây giờ sáng sáng tôi vẫn cứ hài lòng đặt ấm xamôva, chiếc ấm xamôva của tôi đã phục vụ tôi một thời gian lâu, kể từ cuộc gặp gỡ đầu tiên cho đến ngày lễ ngân hôn* của tôi với nàng Bêrenđêepna.

Chỉ có điều là vào lúc ngày dài nhất, ánh sáng ban mai dậy sớm hơn tôi, nhưng dù sao thì tôi vẫn dậy trước mặt trời, khi ngay cả những «bêrenđây» bình thường của đồng áng và rừng rú còn chưa dậy. Đổ ấm xamôva trên chậu gỗ, tôi lắc để tro ngày hôm qua của nó rơi ra, rót nước suối Ầm Vang vào, thắp đóm và đặt nó ngoài trời, sau khi đã bắc ống khói vào vách lâu đài, ở cửa sau. Và khi ấm xamôva sôi, thì lúc đó ngay trên sân thượng, tôi chuẩn bị sẵn hai bộ đồ trà trên bàn. Khi đã chuẩn bị xong, lần cuối cùng tôi thổi những mảnh than, pha trà, ngồi xuống cạnh bàn — và từ lúc đó không phải là tôi, một người bình thường bận rộn, ngồi cành bàn, mà chính là Bêrenđây đang ngắm nhìn cái hồ tuyệt đẹp của mình và đón mặt trời mọc.

Chẳng bao lâu Bêrenđêepna cũng đến uống trà, và

---

*Theo phong tục châu Âu, ngày vợ chồng kết hôn với nhau được 25 năm thì gọi là lễ ngân hôn, 50 năm — lễ kim hôn, 75 năm — lễ ngọc hôn. — *ND.*

nhìn xem mọi thứ của chồng mình có ổn cả không nàng ra lệnh:

— Lại để râu rồi, trông mà sợ, anh hãy lau ria đi.

Nàng càu nhàu quở trách Bêrenđây, và bao giờ cũng gọi bằng *các bố con*, như thế đặt Bêrenđây ngang hàng với các con, và Bêrenđây vui thích phục tùng nàng. Ở Bêrenđây, cái quan hệ bình thường đối với người phụ nữ, được gọi bằng danh từ *vợ*, đã qua rồi, và đối với Bêrenđây, vợ đã trở thành mẹ, còn các con của mình đã trở thành anh em trong nghề đi săn. Có lẽ, sẽ đến lúc Bêrenđêepna trở thành vừa là vợ, vừa là bà đối với Bêrenđây, còn các cháu là những anh em mới, — Bêrenđây đã đến dưới dạng hài nhi, thì sẽ ra đi như hài nhi, giống như trong các hồ: một số dòng nước chảy vào, những dòng khác chảy ra, và nếu ta giữ gìn cho chiếc bình đầy nước, thì cuộc sống sẽ vô tận...

Dần dần những «bêrenđây» từ trong rừng ra tập hợp lại: người mang gà trống, kẻ mang trứng, người mang nỉ dạ dệt ở nhà và những tấm đăng ten; Bêrenđêepna chăm chú xem xét tất cả và đôi khi, mua một vài thứ gì đấy, còn chính bản thân Bêrenđây thì hỏi thăm mọi người, người nào ở đâu, làm việc gì, đất đai, nước nôi và rừng rú của họ ra sao, vui chơi trong những ngày hội như thế nào, ca hát những bài gì.

Hôm nay, có một «bêrenđây» từ tổng Pôlôvetxcơ đến và nói chuyện rằng ở vùng của họ trong rừng lầy lội có một con đường dài ba cây số bằng súc gỗ ghép lại rất cẩn thận và tha thiết mời đến thăm và ngắm nhìn *con đường đã làm xong*. Một «bêrenđây» khác từ Vêđômsa đến, làm nghề nấu dầu nhựa thông, kể

chuyện hồi lâu ông đã chẻ một cái gốc to thành những mảnh nhỏ như thế nào, đã nấu dầu nhựa thông thuần chất, đun nhựa và dầu thông như thế nào. Một «bêrenđây» thứ ba từ Sau Sông Ái Nữ đến.

— Sau Sông Ái Nữ nghĩa là gì? — Bêrenđây hỏi.

— Ở vùng chúng tôi có một dòng sông, chúng tôi ở bên kia sông, sông đó tên là Ái Nữ.

— Dòng sông Ái Nữ, tên hay thật! — chính Bêrenđây khâm phục thốt lên.

— Vâng, — người kia hài lòng nói, — vì ở vùng chúng tôi, phía bên kia sông Ái Nữ có những cánh đồng bằng phẳng và dọc theo mương xói An Ủi có những làng trù phú: Thổi Sáo, Gọi Nhau, Gan Dạ, Chưng Diện và Ngồi Nhà.

— Còn ở vùng chúng tôi, — «bêrenđây» ở Sau Rừng từ Vêđômsa đến, nói, — thì chỉ có gốc cây, nhựa, ruồi muỗi đủ loại, và những làng nghèo xác nghèo xơ: Quỷ Quái, Đồng Quỷ, Quần Quái Vật, Tà Giáo, Nhạo Báng.

Những con sông, con suối, dòng nước, nguồn nước, những nhánh sông và thậm chí những nơi ẩm ướt — toàn bộ vùng Sau Rừng sáng rực lên bằng những đường vân hoa kỳ dị ấy. Và Bêrenđây quyết định tự mình bơi thuyền đến tất cả những nơi ấy, khi băng trên hồ Plêsêêvô đã tan hết.

Khi mặt trời đã thay màu qua tất cả các sắc ban đầu lúc rạng đông và trở nên vàng rực chói lọi, thì những «bêrenđây» tản đi, và Bêrenđây cũng biến mất.

Và lúc đó, tôi kéo màn che cửa sổ thư phòng để khỏi nắng và bắt tay vào công việc.

Chẳng hiểu vì sao hôm nay, tôi không thể làm gì

được cả, mọi thứ cứ lẫn lộn, rồi tung thế nào ấy. Con chó vàng Iaric ngồi trong góc đưa cặp mắt tuyệt đẹp và thông minh nhìn tôi, nó đoán chắc là tôi sẽ không ngồi lâu. Tôi không chịu nổi cái nhìn ấy và tôi bắt đầu câu chuyện triết lý với nó về con vật và con người, nói rằng con vật biết tất cả, nhưng không nói được, còn con người nói được, nhưng không biết tất cả.

— Iaric thân yêu, một nhà thông thái vĩ đại đã từng nói: cùng với con vật cuối cùng, mọi bí mật trên trái đất sẽ biến mất. Đấy, trên các đường phố Pari, những con ngựa đã biến mất rồi, và nghe nói rằng chỉ độc một mình xe ô tô thì đường phố trở nên rất buồn tẻ. Hãy xem kìa, ở Matxcơva của chúng ta, ngựa nhiều biết bao, chim trên các đại lộ nhiều biết bao, người ta nói rằng trên thế giới, không có một thành phố nào mà trên các đường phố nhiều chim đến thế... Iaric, nào, tao với mày, chúng ta hãy tổ chức trạm sinh vật của Bêrenđây ở Chiếc Xuồng Con, để tất cả cánh rừng, tất cả chim chóc, tất cả thú vật, tất cả nguồn nước của Bêrenđây chung quanh khoảng chừng hai mươi lăm cây số sẽ được bảo tồn và còn lại nguyên vẹn. Trên núi Âm Vang sẽ là trường đại học, và sẽ chỉ cho vào trường một số ít người đã tỏ ra có năng lực sáng tạo đặc biệt mà thôi, và chỉ vào trong một thời gian ngắn để chuẩn bị cho ngày hội lớn của cuộc đời mà mọi người tham gia đều sẽ vui mừng và nhất định sẽ đưa thêm cái gì đấy của mình vào thế giới của Bêrenđây, chứ không làm bẩn thế giới đó bởi những mảnh giấy gói bánh mì kẹp chả.

Tôi còn có thể nói chuyện hồi lâu với Iaric nữa, nhưng bỗng Bêrenđêepna thét lên:

—Anh ơi, hãy đi nhanh lên,ra xem cái hồ đẹp làm sao!

Tôi chạy ra và thấy cảnh tượng tuyệt vời mà không thể nào thấy lại được lần thứ hai nữa, vì rằng lần này hồ đã hiến dâng cho tôi tất cả cái gì tốt đẹp nhất của nó và tôi hiến dâng cho hồ cái gì tốt đẹp nhất của mình. Cả vòm trời với những thành phố và làng mạc, với những đồng cỏ và hành lang, với những đám mây dạng sóng trắng xóa nom như đàn cừu, cả vòm trời nằm nghỉ ở đây, trên mặt hồ phẳng lặng như gương, hình như nó đến thăm chúng tôi, thăm những con người rất gần...

Và tôi sực nhớ lại thời thanh xuân của mình, khi nàng nói với tôi: «Anh đã lấy cái gì tốt đẹp nhất của em». Tôi nhớ lại cả điều nàng đã nói với tôi trong mùa thu, khi mặt trời từ biệt chúng ta, và lúc đó tôi giận mặt trời, tôi mua cây đèn măng sông lớn nhất và quay toàn bộ cuộc đời lại theo cách của mình...

Và kết quả của việc ấy như thế nào?

Chúng tôi lặng thinh hồi lâu, nhưng một người khách của chúng tôi không chịu được sự lặng thinh đó và đã nói một cách vô nghĩa, chỉ cốt để mà nói thôi:

— Các bạn có thấy không, đằng kia một con vịt đen đen.

Bêrenđêepna thở dài và cũng nói:

— Giá tôi là thiếu nữ như trước kia, khi thấy cảnh tượng cái hồ thế kia, thì tôi sẽ quỳ xuống...

Đó là một ngày vĩ đại của mùa xuân, khi tất cả bỗng trở nên rõ ràng, dễ hiểu, và vì thế mà chúng ta đã chịu đựng bao nhiêu ngày u ám, băng giá và lộng gió: tất cả những cái ấy đều rất cần thiết để sáng tạo ra ngày này...

TIẾNG CHIM TU HÚ ĐẦU TIÊN

Khi thấy mặt hồ đã tan băng thì chỉ có một việc mà thôi: không bỏ phí thì giờ vô ích, chúng tôi đi sát mép nước vào rừng và đi xa hơn vào tận rừng sâu, đến làng Diêm Thôn, ở đấy có thợ đóng thuyền làm việc.

Trên đường đi của chúng tôi, mọi việc xảy ra dường như cái khu bảo tồn mà tôi đã nói chuyện với Iaric, đã được tổ chức rồi.

Ở phía tay phải chúng tôi, ngay sát hồ, rừng thông cao vi vút reo vang, còn phía tay trái là một cánh rừng lầy lội hoang dại không vào được, dần dần trở thành một đám lầy mênh mông, bát ngát. Trong rừng thông, trên những vệt nắng vàng, chúng tôi thấy những bóng râm lay động trên cây nham lê đỏ, và khi ngẩng đầu lên, tôi đã đoán rằng đó là những con chim bồ các đang nhẹ nhàng bay từ cây thông này đến cây thông kia, không nghe một tiếng động.

— Trước thì cứ lạnh mãi, và hôm qua trời bỗng bắt đầu ấm, — người trông rừng nói với chúng tôi.

— Dù sao thì rạng đông vẫn còn khá lạnh, — tôi đáp.

— Thế nhưng sáng sớm nay chim *reo vang ầm ĩ* lên!

Ngay lúc đó một tiếng kêu vang lên và khó khăn lắm chúng tôi mới nhận ra đó là tiếng chim tu hú kêu lần đầu tiên: tiếng kêu reo vang và hòa lẫn với tiếng rừng thông vi vút. Và thậm chí cả những chim hoa mai, những loài chim nhỏ cũng không hót, mà reo vang. Cả rừng thông reo vang, và những con chim bồ các không nghe thấy, mà chỉ phân biệt được theo những

bóng râm chập chờn trên vệt nắng ở cây nham lê đỏ, đang bay từ ngọn cây này đến ngọn cây kia.

TIẾNG LÁ XANH REO ĐẦU TIÊN

Đến gần tối, mặt trời ở phía tây trên bầu trời không một gợn mây, nhưng ở phía khác có tiếng dông ầm ì trong những đám mây đen. Trời nóng nực, ngột ngạt và thật là khó biết trước được đêm nay sẽ có mưa dông hay không. Trên đám đất bỏ hóa những cây mõm chó màu xanh nở rộ, còn trong rừng thì vô số những cây me chua và đậu thơm. Lá bạch dương đượm nhựa thơm ngát, lấp lánh trong tia sáng ban chiều. Khắp nơi phảng phất mùi hoa anh đào dại. Những con cuốc và những con sếu kêu rộn ràng. Cá mè và cá giếc bơi vào gần bờ.

Khi thấy vừng hồng lớn ở phía chúng tôi, thì chúng tôi lo sợ: «Có phải đó là đám cháy ở vùng chúng ta không nhỉ?» Nhưng đó không phải là đám cháy, và chúng tôi tự hỏi như mọi khi, suốt đời tự hỏi khi thấy cái đó mà không nhận ra: «Nếu không phải đám cháy, thì cái ấy là cái gì thế nhỉ?» Cuối cùng, hiện lên rõ rệt đường viền của cái đĩa tròn to, thì chúng tôi đã hiểu rằng đó là mặt trăng nó như thế. Ở phía sau hồ, một ánh chớp sáng bật lên hồi lâu. Trong rừng cây đã ra lá, lần đầu tiên nghe rõ tiếng lá xanh reo mỗi khi có cơn gió nhẹ thoảng qua.

CON CHIM HỌA MI ĐẦU TIÊN

Gần chỗ sông đổ vào hồ, tại *cửa sông* ấy, trong các bụi liễu, bỗng nhiên con vạc rống lên, nó kêu chẳng khác gì súc vật, con vạc to lắm. Hồ lại trở nên yên lặng

như tờ và nước trong vắt — vì suốt ngày cơn gió nhẹ đã kịp rửa sạch nước rồi. Tiếng động khẽ nhất trên mặt nước vẫn nghe được rất xa.

Con vạc hút nước vào và cái đó nghe rất rõ, rồi «quác» một, hai, ba tiếng to, vang động, phá tan bầu không khí yên lặng. Nó im chừng mươi phút và lại «quác». Có khi kêu đến ba, bốn tiếng, nhưng trên sáu tiếng thì chúng tôi không hề nghe.

Trước đây tôi đã nghe kể rằng có một người đánh cá trôi bập bềnh trên mặt hồ, ôm đáy chiếc thuyền độc mộc bị sóng lật sấp, vì thế tôi cho thuyền đi dọc theo bóng râm của bờ hồ, và tôi cảm thấy hình như chim họa mi hót ở đây. Ở đâu đây xa xa, những con sếu đang lơ mơ ngủ bỗng lầu bầu, và tiếng kêu rất khẽ, nhưng ở trên thuyền chúng tôi vẫn nghe được: ở đây đàn le le nâu kêu lên, những con le le đã đánh nhau, sau đó là tiếng kêu ồn ào đủ giọng của tất cả những giống chim loài vịt, ở đâu đây rất gần con vịt đực đang đạp con mái. Ở chỗ này, ở chỗ kia, những cổ của con cốc trắng và con bồng bồng nhoi lên khỏi mặt nước, trông như những chiếc cọc ảo huyền. Cái bụng trắng của con cá măng nhỏ và cái đầu của con cá măng lớn đã đớp nó, nhô lên trên làn sóng màu hồng.

Sau đó, cả bầu trời bị những đám mây bao phủ; tôi không tìm thấy một điểm nào để đi cho đúng hướng, khó khăn lắm mới phân biệt được bờ tối sẫm, và lái thuyên lệch mãi về phía trái. Mỗi lần con vạc «quác» lên, thì chúng tôi ngạc nhiên vì tiếng kêu đó, cố đoán xem nó sẽ kêu mấy lần và bắt đầu đếm. Thật là lạ lùng, những tiếng kêu ấy nghe rất rành rọt từ xa hai cây số, rồi đến ba, và cứ thế tiếp tục mãi thậm

chí đến bảy cây số, khi đã nghe rõ tiếng hát của vô vàn chim họa mi trên núi Ẩm Vang.

NHỮNG CON BỌ RẦY

Cây anh đào dại còn chưa tàn hoa và những cây liễu sớm còn chưa kịp phát tán hạt của chúng, thì cả cây thanh lương trà, cả cây táo, cả cây keo vàng đều nở hoa — các cây đua nhau nở rộ trong mùa xuân này.

Từng đàn bọ rầy từ trong đất bắt đầu bay ra.

Buổi sáng sớm tinh mơ, mặt hồ phẳng lặng rắc đầy hạt của những cây cỏ ra hoa. Tôi chèo, và theo sau chiếc thuyền của tôi là một vệt dài trông rõ xa xa, như một con đường trên mặt hồ. Ở chỗ con vịt đỗ là một vòng tròn, ở nơi con cá nhoi đầu lên khỏi mặt nước — một lỗ con. Rừng và nước ôm ấp nhau.

Tôi lên bờ và khoan khoái tận hưởng mùi thơm của những chiếc lá căng nhựa. Một cây thông to nằm dài, các nhánh đã đẵn sạch đến tận ngọn, và các nhánh ấy nằm la liệt ngay ở đây, còn bên trên chất đầy những nhánh hoàn liễu diệp và những nhánh trăn với những lá đã héo úa. Và tất cả những cái đó, tất cả những bộ phận bị làm hư hỏng ấy của cây, trong khi đang rữa nát ra, đã bốc lên một mùi thơm vô cùng dễ chịu làm cho súc vật rất thích và chúng không hiểu rằng làm sao cây cối có thể sống và thậm chí chết mà vẫn ngát hương thơm.

CHIM VÀNG ANH

Những đọt thông mọc thẳng như những ngọn nến, từ xa đã nom rõ được. Lúa mạch đen đứng cái. Cây cỏ đã phủ đầy lá đẹp lộng lẫy. Chim chóc trong mùa

xuân sớm lặng yên: những con đực thay lông, chui vào những chỗ kín, còn những con cái thì nhịn ăn nằm ấp trong tổ. Những con thú bận tìm mồi cho con. Người nông dân thì thiếu tất cả: làm vụ xuân, gieo hạt, cày bừa.

Chim vàng anh, cun cút, sa yến và chim én đã bay đến. Sau trận mưa đêm, buổi sáng sương mù dày đặc, rồi trời nắng, nhưng hơi lạnh. Lúc sắp hoàng hôn, gió thổi ngược lại từ núi của chúng tôi đến hồ, nhưng những lớp sóng gợn lăn tăn, vẫn như trước, chạy mãi lâu đến đây. Mặt trời, như quả bóng tròn to, xù xì và không sáng, lặn khuất từ sau đám mây đen xanh biếc xuống rừng.

Chim vàng anh rất thích thời tiết thay đổi luôn: chúng muốn mặt trời khi thì bị che khuất, khi thì ló ra, và gió nô đùa với lá cây rạt rào, như ngọn sóng. Chim vàng anh, chim én, chim mòng và sa yến có họ hàng thân thích với gió.

Từ sáng trời tối sẫm. Rồi ngột ngạt, và một đám mây đen to lớn bay đến đây, đến chỗ chúng tôi. Một cơn gió nổi lên, và theo tiếng hót du dương của chim vàng anh, tiếng reo rộn ràng của sa yến, đám mây đen hạ xuống đâu đấy, hình như đúng ở vùng Ngoại Hồ, ở những cánh rừng, nhưng chẳng mấy chốc đám mây ấy dồn lại to hơn và bay về đây ngược chiều gió, đám mây đen ngòm ở bên trên trắng xóa dường như đội chiếc mũ lông to trắng phau. Mặt hồ lăn tăn gợn sóng: gió gặp gió, sóng gặp sóng, và những vệt đen, như bóng những cánh chim, nhanh chóng phóng trên mặt hồ từ đầu này đến đầu kia. Tia chớp lóe sáng ở bờ bên kia, tiếng sét nổ ầm ầm. Con chim vàng anh đã ngừng

hót, những con sa yến đã lặng yên. Còn con họa mi vẫn hót vang, hót mãi cho đến khi, chắc là một giọt nước to và ấm rơi trên gáy của nó. Và trời mưa trút xuống như cầm chĩnh đổ.

ĐÀN CHIM SA YẾN

Sau trận mưa dông, trời bỗng nhiên trở nên rất lạnh và ngọn gió bấc bắt đầu thổi mạnh. Sa yến và chim én không còn cất cánh tung bay nữa, mà từ đâu đấy hạ xuống từng đàn đông nghịt.

Ngọn gió thổi liên tục suốt ngày đêm ấy, những làn sóng mãi mãi đuổi nhau chạy trên mặt hồ với những đầu sóng trắng xóa trong ánh mặt trời chói lọi hôm nay, những đàn sa yến và chim én đủ loại, cả loại đồng quê lẫn loại thành thị, bay qua bay lại không ngừng, còn ở đằng kia, tất cả những chim mòng đồng loạt cất cánh tung bay từ núi Âm Vang, tất cả những cái ấy dường như trong truyện cổ tích tuyệt đẹp nói về chim, chỉ có khác là không phải chim xanh* , mà là chim trắng trên nền xanh... Những con chim trắng phau, bầu trời xanh dịu, những đầu sóng trắng xóa, những chin én đen tuyền, — và con nào cũng chỉ có một công việc chia làm hai: hoặc là ăn con khác, hoặc là bị con khác ăn. Những con ruồi con chập chờn bay và rơi xuống nước, con cá bơi lên đớp ruồi, đàn chim mòng lao xuống vồ cá, con cá bống rình bắt con giun, con cá rô rình bắt con cá bống, con cá măng rình bắt

---

*Chim xanh trong truyện cổ tích là tượng trưng của hạnh phúc. — *ND.*

con cá rô, còn con diều hâu ở trên cao thì rình bắt con cá măng.

Trong ánh bình minh lạnh lùng, khi gió hơi lặng, thì chúng tôi dựng buồm lên và cho thuyền chạy xiên chiều gió, lướt trên mặt hồ đỏ rực như một dòng kim loại nung chảy. Rất gần chúng tôi, một con diều hâu từ trên cao lao vút xuống con cá măng, nhưng nó nhầm: con cá măng to hơn và khỏe hơn con diều hâu, và sau một cuộc vật lộn ngắn ngủi, con cá măng lặn xuống nước, còn con diều hâu thì vẫy vùng đôi cánh rộng, nhưng những vuốt chân của nó mắc vào con cá măng, không gỡ ra được và ác ngư đã lôi ác điểu xuống nước sâu. Những làn sóng vô tình đẩy giạt những sợi lông chim và xóa sạch dấu vết cuộc vật lộn đó.

Một chiếc thuyền độc mộc, không người, không chèo, không buồm, bập bềnh trôi ở chỗ sâu, nơi những ngọn sóng nổi lên rất cao. Một chiếc thuyền độc mộc, không người, thật là khủng khiếp, chẳng khác nào con ngựa phóng nhanh, kéo theo cả chiếc xe tải không người vào khe hẻm. Dù ngồi trong chiếc thuyền tròng trành của chúng tôi thật nguy hiểm, nhưng chúng tôi vẫn cứ đi đến đấy để biết xem chuyện gì thế, có tai nạn gì đã xảy ra không, thì bỗng từ đáy thuyền độc mộc một người — mà trước đây chúng tôi không thấy — nhô lên, ông ta cầm chèo và đưa thuyền đi ngược sóng.

Xuýt nữa thì chúng tôi reo lên vì sung sướng, vì rằng trên thế giới này đã xuất hiện một con người, dù chúng tôi đã biết đó là người đánh cá, vì quá mệt, đã ngủ thiếp đi trong thuyền; nhưng cũng thế thôi, chúng tôi vui mừng vì trước đây chúng tôi ao ước thấy con người xuất hiện và chúng tôi đã được thấy rồi.

MẮT CỦA ĐẤT ĐAI

Đến tối thì lặng gió đến nỗi lá bạch dương không mảy may lay động. Dưới chân núi Âm Vang, bà con cứ đi đâu đấy mãi ở trên đường, người đi bộ, kẻ đi xe. Trên lối mòn bằng đất cát tôi thấy dấu chân một đứa bé con nhỏ nhắn và dễ thương vô cùng đến nỗi giá không có người thì tôi có thể hôn được...

Người ta đi xe trên đường ở bên dưới. Họ ngồi trong xe ngựa tải, trò chuyện nhau, và tiếng của họ bay đến mặt nước phẳng lặng như tờ, vang dội trở lại rành rọt trên núi Âm Vang. Hầu như sau mỗi chiếc xe lại có một con ngựa con lúc thúc chạy theo. Những lời của bà con nông dân nói về việc đã trồng khoai tây rồi, về việc có một ông Đmitơri Pavlôp nào đấy vợ chết, mà không chờ được đủ sáu tuần ông ta đã lấy vợ khác, vì chẳng làm thế nào được — ông có những sáu con. Còn bà Maria lấy ông Iacôp Grigôriep, bà ta bốn mươi, còn ông thì sáu mươi tuổi, và bà Maria có một con bò cái đang tơ. Ở phía sau xe, người ta không nghe rõ bà Maria có cái gì và thế là chữ bò-cái-đang-tơ lại vang lên suốt cả đoàn xe...

Cuối cùng im lặng vô cùng đến mức cách cửa sông bảy cây số vẫn còn nghe rõ tiếng con vạc đang kêu.

Còn sau đó, khi một bà nông dân cùng với đứa con trai nhỏ đi đến hồ giũ áo quần, và đứa bé vén chiếc áo cánh muốn đái xuống nước, thì lời của bà ta ở dưới hồ nghe rất rõ, dường như bà nói bên cạnh chúng tôi. Bà nói với đứa bé:

— Sao mày láo lếu thế, đi vào mắt Mẹ...

Thế nghĩa là bà nghĩ rằng hồ là mắt của Mẹ hiền đất đai ư?

Cũng như mọi khi, gặp trường hợp như thế, tôi bèn hỏi Bêrenđêepna có ý kiến gì về điều đó.

— Tất nhiên rồi, của đất đai, — Bêrenđêepna nói, — còn sau đó, cái ấy liên quan tới con người: nếu các bà có ai bị đau mắt, thì trong làng người ta sẽ bảo rằng chắc vì con của bà ta đã đái xuống nước.

Như thế là ở những «bêrenđây», điều sùng bái cổ xưa đã bị phân giải: khái niệm nên thơ về mắt của Mẹ hiền - đất đai chuyển thành nền văn hóa của cả loài người, nhưng ở bản thân con người chỉ còn lại điều mê tín mà thôi.

Trong đêm ngát hương ấy thật là không thể nào ngủ được, suốt đêm đôi mắt Mẹ hiền - đất đai không hề nhắm lại.

NHỮNG BÍ MẬT CỦA ĐẤT ĐAI

Phong cảnh đẹp nhất ở hồ Plêsêêvô là nhìn từ Đầu Hói của Iarilô ở núi Alêcxăng, gần nơi xưa kia đã từng có thị trấn Clêsin. Và thời ấy cả cái hồ cũng tên là *Clêsinô*. Hoàng tử Iuri Tay Dài chuyển Clêsin đến vùng đầm lầy, ở cửa sông Tơrubêjơ, và *thị trấn ấy đã giành lấy vinh quang* của Clêsin cũ. Việc xây dựng thị trấn bắt đầu từ nhà thờ, và nhà thờ ấy cho đến bây giờ vẫn còn được bảo tồn và chiếm một vị trí danh dự cả trong lịch sử nghệ thuật, như là một di tích lịch sử của thế kỷ XII. Từ đó, quanh ngôi nhà thờ cổ kính ấy, đã mọc lên rất nhiều nhà thờ khác đến nỗi khi nghiên cứu các di tích lịch sử ở đây, có thể hình dung được gần như toàn bộ lịch sử Nga từ thời đại này đến

thời đại khác, trừ mấy thời gian đứt quãng nhỏ. Khi mặt hồ đã tan hết băng, bây giờ tôi thường đi thuyền từ Chiếc Xuồng Con theo hồ đến Torubêjơ qua xóm chài vào trung tâm thị trấn tới chợ để mua thực phẩm. Các con tôi chèo thuyền, còn tôi thì lái và suy nghĩ về những di tích lịch sử cổ xưa. Việc ấy thỉnh thoảng làm tôi rất dễ chịu, nhưng tôi không thích cưỡng mình một tí để đi vào thời đại khác, và thậm chí tôi nhận thấy rằng đôi khi tôi căm ghét nhìn những di tích lịch sử bất động ấy bị xáo trộn với những di tích lịch sử khác hoàn toàn không có nghệ thuật gì cả; và ở đây có khi cha đạo rầu rĩ ngồi với vợ* trên chiếc ghế dài cạnh ngôi nhà rách nát và cắn hạt quỳ rang. Nhưng tôi cố khắc phục những khó tính của tâm trạng mình và mỗi lần đi mua thực phẩm ở chợ thì tôi cặn kẽ hỏi những người dân đánh cá về ngôi nhà thờ nọ, ngôi nhà thờ kia và về các cha đạo. Và có một bận tôi nói chuyện với những người dân đánh cá về một ngôi nhà thờ đã bỏ không, rồi nói về chiếc thuyền kiểu Diêm Thôn và Cupanxcơ, tôi nói rằng chẳng hạn như đi trên chiếc thuyền kiểu Diêm Thôn ra giữa hồ thì nguy hiểm, mà tôi muốn bơi thuyền buồm đến giữa hồ. Lúc đó thì tất cả những người dân đánh cá bỗng đồng thanh nói với tôi:

— Thế thì bác hãy đi thuyền của *cha đạo* vậy.

Và đến đây, hóa ra là ngôi nhà thờ bỏ không đó ngừng hoạt động cách đây hoàn toàn không lâu: lúc đầu người trợ tế bỏ đi và chỉ một mình cha đạo Filia**

---

* Ở Nga, cha đạo được phép lấy vợ. — *ND.*

** Tên gọi tắt của Filimôn. — *ND.*

làm lễ — và thậm chí ông rất hài lòng khi người trợ tế bỏ đi.

Còn khi cả người trợ tế lẫn người trông coi nhà thờ bỏ đi, thì cha đạo Filia hát thay cho người trợ tế và quét thay cho người trông coi nhà thờ, và tự tay đánh chuông nữa — và lại càng hài lòng hơn. Ông làm công việc của mình vui vẻ như thế cho đến người con chiên cuối cùng của nhà thờ xứ; mãi đến khi tất cả những con chiên từ chối không đi nhà thờ, thì ông thôi không làm lễ nữa và bắt tay vào nghề ở trên hồ — chở người, chở củi từ trong rừng đến thị trấn.

— Bác đi trên thuyền của cha đạo thì tiện nhất, — những người dân đánh cá nói, — bác muốn đi đâu thì ông ta sẽ chở, dù đến Vônga, dù đến Axtorakhan cũng được: ông ta khỏe như vâm, vui vẻ và tốt bụng.

Từ ngày đó, không có lần nào tôi đi chợ mua thực phẩm, mà không có người nào đấy nói chuyện với tôi về cha đạo: khi thì kể rằng có một bận, ông làm lễ với giáo chủ để lấy ba rúp và khi ông đi trong đám rước qua chợ, thấy mấy bà bán cá rô to lạ thường, thì ông quên bẵng đám rước, mải mê theo cá rô và chợ búa đến nỗi rời hẳn đám rước; và khi đám rước đi đã xa rồi, ông sực nhớ và cứ thế trong bộ lễ phục, ba chân bốn cẳng chạy đuổi theo. Khi thì kể về việc một bận ông đi chữa cháy và đã cứu được rất nhiều người. Bây giờ ông yêu hồ và gắn bó với hồ đến nỗi cách đây không lâu ông được giao một nhà thờ xứ rất giàu có ở đâu đấy trong huyện, thế mà ông từ chối, mặc dù cả gia đình sống nghèo khổ và vợ ông đi làm việc ở công xưởng.

Dần dần tôi càng quan tâm tới cha đạo đến nỗi

tôi hỏi mọi người về ông ta. Và một luật gia thông minh kể rằng: có một lần cha đạo bào chữa cho những người đánh cá tại tòa án, và ông bào chữa hết sức hăng hái và thông cảm sâu sắc tâm hồn dân chài mà không một người nào có thể làm được như thế, và nói chung ông ta là một con người rất độc đáo, thú vị, chỉ có điều là ông không công nhận một tiêu chuẩn nào hết.

— Thế ông ta là tín đồ à? — tôi hỏi.

— Thế tín đồ theo bác nghĩa là gì? — nhà sử học đáp. — Ông ta là một con người rất trung thực, thẳng thắng, như sợi dây đàn, bướng bỉnh và trung thành, nhưng ông hoàn toàn không có tri thức. Nhưng làm thế nào được? Người này được mặt này, kẻ kia được mặt khác, còn cha đạo thì có sức mạnh phi thường, ông ta trên sáu mươi rồi, mà sức lực không giảm sút tí nào.

Lạ thật, tôi đã nghe nói bao nhiêu điều về cha đạo, nhưng không lần nào tôi nghĩ đến việc đi thuyền với ông trên hồ và hỏi ông cặn kẽ về tên những con suối, những cảnh khu và những giai thoại có liên quan với chúng. Cần phải có cả một mớ điều kiện phức tạp để làm quen với ông ta và bắt đầu một hành trình lớn trên chiếc thuyền của ông.

CHUYẾN ĐI KHẢO SÁT TRÊN THUYỀN CHA ĐẠO

Tôi cùng với nhà sử học quyết định đi nghiên cứu nghi lễ đa thần giáo của «*ngày hội tầm ma trước tuần đại trai*» ở một làng khá xa: tôi mơ ước kết thúc những quan sát vật hậu học của mùa xuân này bằng nghi lễ

đa thần giáo trong lúc lực lượng sinh sản của thiên nhiên phát triển cao nhất. Chúng tôi muốn đi bộ qua những đầm lầy lớn để đến đấy, và vì thế tôi dặt một cha đạo nghèo khác làm nghề thợ giày, khâu cho tôi đôi ủng tốt không thấm nước. Ông ta đồng ý làm ủng cho tôi, nếu tôi đi cùng với ông chọn hàng lấy. Chúng tôi đi vào một quán bán da của tư nhân, và khi đã sờ các loại da khác nhau, thì vợ một người đánh cá đi vào quán, cúi chào cha và hỏi người bán hàng có thật là người ta đã lấy chuông của nhà thờ thánh Vacvara và bán đi rồi không.

— Bây giờ mới biết cơ à? — người bán hàng nói. — Người ta đã lấy và chở đến Matxcơva rồi.

— Ở Matxcơva nhiều chuông lắm, — người đàn bà nói, — đưa đến đây làm gì nữa chứ?

Người bán hàng bí mật nháy mắt với cha đạo và trả lời vợ người đánh cá:

— Đưa đến nhà tắm Xanđunư.

— Thôi đừng nói dối nữa mà, — người đàn bà nói.

— Hừ, sao lại bảo là nói dối, — người bán hàng đáp.

Lúc đó thì vợ người đánh cá mới tin và hỏi nhà tắm cần chuông để làm gì.

— Có quyết định như thế này, — người bán hàng đáp, — ở Matxcơva, theo tiếng chuông thì nhất thiết người ta phải đến nhà tắm.

Lúc đó tôi không để ý đến câu nói bông đùa của người bán hàng, anh ta muốn làm vừa lòng cha đạo theo cách của mình; nhưng khi tôi đi lấy đôi ủng đã khâu xong và đến chợ, thì tôi nghe người ta kháo nhau ở chợ:

— Chuông nhà thờ thánh Vacvara không chịu đến nhà tắm. Xe trượt bị gãy và chuông nằm ì ở giữa đường, nói rằng: «Chúng bay bán tao cho nhà tắm làm gì, tao không đi đâu» — và chuông không chịu đi. Lúc đó người ta mới xem chuông cẩn thận, thì té ra chuông treo trên một quai mà thôi, quai nhỏ, còn quai lớn thì bị rạn nứt; và ở trên gác chuông, từ đời thượng cổ đến nay, nó vẫn treo như thế chẳng sao, còn ở nhà tắm thì không thể nào chỉ treo trên một quai nhỏ được. Những người Matxcơva bảo rằng: «Chúng tôi không cần cái chuông ấy, các ông hãy lấy trở lại», còn ở nhà bảo tàng thì người ta trả lời: «Đáng lẽ các ông phải xem xét cho cẩn thận khi mua, còn chúng tôi thì đã lấy tiền rồi và chúng tôi chẳng muốn biết gì nữa».

Nghe xong câu chuyện đó, tôi đi đến nhà bảo tàng và ở đấy được biết rằng cái chuông đó vì không có giá trị gì về mặt bảo tàng cả, nên thật đã bán cho một làng ở tỉnh Matxcơva và sự thật là khi chở đi dọc đường thì nó bị đổ xuống và quai to hóa ra bị nứt rạn thật, nhưng chẳng có cuộc tranh cãi nào cả, và bây giờ hình như người ta đã chở nó đi xa rồi.

Chúng tôi buồn cười vì câu chuyện vớ vẩn ấy, và tôi nói rằng giá lấy tiền bán chuông ấy, dù chỉ mươi rúp cũng được, để tiêu cho cuộc khảo sát của chúng tôi thì tốt quá. Nhưng té ra, có thể lấy cách khác và lấy được những hai mươi rúp, và nếu thế thì có thể đi xa hơn theo bờ sông Cubria: ở đấy có núi *Chờ Đợi*, còn theo biên niên sử thì trên núi Chờ Đợi đã từng diễn ra trận chiến đấu của những người Xuzđan đánh những người Nôpgôrôt, trận chiến đấu ấy đã phát hiện ra lực lượng của lãnh thổ Xuzđan, và từ lúc đó phải

coi là thời kỳ bắt đầu của Đại Nga. Chắc là trên núi Chờ Đợi còn lại di tích của trận chiến đấu ấy, và giá đào được ở đấy thì tốt biết bao. Và giá đưa theo những nhà nghiên cứu địa phương trẻ tuổi để làm công tác và nhà nghiên cứu hệ động vật Xecgây Xecgâyich để nghiên cứu thiên nhiên vùng Cubria thì tốt quá, hơn nữa ở chỗ chúng tôi còn có họa sĩ trẻ, nhiếp ảnh viên, nhà thực vật và nhà địa chất...

Cứ thế đoàn khảo sát cứ tăng lên, tăng lên mãi, và đi một xe ngựa không đủ, hai xe cũng không đủ, và số tiền chi tiêu lấy ở tiền bán chuông đã tăng lên đến năm mươi rúp. Và khi năm mươi rúp vẫn không đủ tiêu, thì Mikhain Ivanôvich thoáng ra một ý kiến rất hay. Nhưng ý kiến đó nảy ra hoàn toàn không phải vì rút bớt chi tiêu, mà vì con đường ấy trước đây là một đường thủy rất cổ xưa của các dân tộc đã để lại trên hai bờ sông những di chỉ thời đại đồ đá mới, những di tích xóm cổ và những đồi mộ cổ.

— Tất cả chúng ta cùng đi trên thuyền lớn! — người phụ trách nhà bảo tàng nói.

Và tiếp đó ông nói thêm:

— Chúng ta sẽ đi thuyền cha đạo.

Từ giờ phút đó, chúng tôi bắt đầu chuẩn bị cho chuyến đi khảo sát. Chẳng biết người khác thì thế nào, chứ tôi thì ý nghĩ về chuyến đi khảo sát gắn liền thế nào ấy với cha đạo lạ thường kia.

NHỮNG CON CÁ RÔ

Nếu chúng tôi chỉ gọi chuyến đi của chúng tôi vào sâu trong huyện Pêrêxlap là cuộc tham quan thì chưa chắc đã hấp dẫn được thanh niên, vì kể từ khi cuộc

tham quan được đưa vào nhà trường thì nó không còn sức quyến rũ nữa; nhưng chúng tôi gọi chuyến đi trên thuyền *cha đạo* là cuộc khảo sát, và vì thế không những các nhà nghiên cứu thiên nhiên trẻ tuổi mà cả mấy sinh viên cũng tham gia nữa. Để phân biệt với những nhà nghiên cứu thiên nhiên, chúng tôi gọi sinh viên là những chàng «Rôbinsơn». Những nhà nghiên cứu thiên nhiên vẽ bản đồ, và dưới sự hướng dẫn của người lớn, họ học cách đo độ cao bằng khí áp kế,cách tính tốc độ của dòng nước, cách nhồi rơm chim, thắt vòng cho chim. Những chàng «Rôbinsơn» bị hấp dẫn vào việc này chỉ vì cảm giác phiêu lưu, mạo hiểm, và họ làm phần lớn những công việc về quản lý kinh tế. Pêcha bị ảnh hưởng của những chàng «Rôbinsơn» và bắt tay vào việc đánh chỉ câu. Nó định cung cấp cá cho đoàn khảo sát và muốn thử lối câu cá ở chỗ nước rất sâu mà nó chưa hề quen. Hôm nay trời đã mưa từ sáng, và khi trời quang mây tạnh thì trên hồ hiện ra bốn chiếc thuyền con, từ xa trông nhỏ như những con ruồi và thả neo đậu lại đối diện vùng Thượng Thành. Pêcha cũng đi câu và nó đậu thuyền không xa những chiếc kia, giống như con ruồi thứ năm. Chẳng bao lâu mặt trời đã khuất và ở Ngoại Hồ nước trở thành như bạc, còn ở chỗ chúng tôi thì như thép. Một cơn gió thổi, cả bầu trời tối sầm. Một đám mây đen hiện ra, những dải bạc đã biến mất, và khắp nơi chỉ một màu gang với những bọt trắng phau. Những chiếc thuyền con trên sóng màu gang khi ẩn, khi hiện. Trời mưa như cầm chĩnh đổ và mọi vật bị phủ khuất.

Tôi nhẫn nại đứng trên núi Ầm Vang dưới gốc cây để đợi ánh sáng. Khi mưa tạnh và trời lại sáng rõ, thì

cả những chiếc thuyền con cũng hiện ra, chiếc này rồi đến chiếc khác. Tôi yên tâm, trở về nhà và nói: «Bình yên cả!» Và cứ thế, trong ngày trời mưa chừng dăm bận, những chiếc thuyền con khi ẩn, khi hiện. Đến tối, Pêcha trở về ướt như chuột lột, và chúng tôi ăn món canh cá rô.

NHỮNG CHÀNG «RÔBINSƠN»

Cứ ba ngày một lần, chúng tôi họp bàn về chuyến đi khảo sát sắp tới. Mỗi chuyên viên đều có đề tài riêng, chỉ một mình tôi không có đề tài. Để mô tả vùng ấy, tôi sử dụng khả năng vốn có của mình tổng hợp những sự kiện đã gặp, những cảm tưởng do cuộc sống, do những điều đã đọc được và đưa ra tất cả những cái đó vào một người mà trong các truyện gọi là *nhân vật*. Cuối cùng tôi bịa ra *nhân vật* đó từ bản thân tôi, từ những ý nghĩ và tình cảm của riêng tôi. Nhưng đáng lẽ trao những ý nghĩ và tình cảm của mình cho một nhân vật do trí tưởng bịa ra, thì tôi trao cho vùng mà tôi quan tâm đến, và kết quả là vùng ấy trở thành như một sinh vật. Tôi cho rằng cách đơn giản đó ngay cả bây giờ vẫn không phản lại tôi, và khi mô tả những lúc gặp gỡ của tôi với vùng ấy, thì tôi sẽ được một bức tranh mà người ta không thể có được nếu chỉ cộng lại những tác phẩm của các nhà khoa học nghiên cứu vùng ấy trong lĩnh vực chuyên môn của họ. Và vì thế, trong chuyến đi khảo sát, thực ra tôi có một vị trí ngang hàng với các chuyên viên khoa học.

Khi chúng tôi bàn về các đề tài của mình, thì tất cả những nhà nghiên cứu địa phương trẻ tuổi —

cả những chàng «Rôbinsơn» lẫn những người tìm hiểu thiên nhiên — đều lặng thinh; nhưng hôm nay, khi vừa bắt đầu bàn về vấn đề trang bị, thì bỗng nhiên các chàng «Rôbinsơn» đã hơn hẳn những người lớn tuổi. Trước hết, họ quả quyết rằng chiếc thuyền to đi trên hồ của cha Filimôn không thể qua những chỗ cạn được, nếu cả mười lăm người chúng tôi ngồi trong thuyền ấy và chất đồ đạc vào thuyền; vì thế phải lấy bốn chiếc thuyền con loại nhẹ đi trên sông thay cho chiếc thuyền ấy. Nhưng nếu thế thì cha đạo khỏe nhưng ông hộ pháp kia sẽ không đi với chúng tôi và chúng tôi phải tự mình chèo lấy, mà như vậy thì chắc gì chúng tôi sẽ có thể làm được cái gì đấy có ích cho khoa học. Sau những cuộc thảo luận lâu, chúng tôi quyết định thuê thuyền của cha Filimôn, nhưng trong thuyền ấy chỉ ngồi không quá năm người, còn những người khác thì chia ra ngồi trong hai chiếc thuyền con loại nhẹ đi trên sông. Và đến đây nảy ra vấn đề những mái chèo: vì không quen nên chúng tôi không thể chèo lâu bằng mái chèo dân đánh cá được, — nhất định phải làm những mái chèo có cọc. Mikhain Ivanôvich đề nghị lấy tiền bán chuông để tiêu vào việc ấy, nhưng anh em sinh viên bác món chi tiêu đó, vì từ thời thơ ấu, họ đã từng quen với cuộc sống trên hồ, nên họ quyết định: đi đến rừng, hạ cây thông và tự mình làm chèo lấy. Ít bàn đến các lều và các dụng cụ, như khí áp kế, phong kế, nhiệt kế, lưới vét, dụng cụ côn trùng học, súng, — vì tất cả những thứ ấy đều đã kiếm được rồi.

Nhưng có một vấn đề: có thể đánh cá bằng lưới vét trong thời gian bị cấm được không? Câu trả lời của

sinh viên: «Thế thì ai sẽ nói được gì chúng ta ở giữa đầm lầy không người ấy?» Vấn đề khác: trong mùa cấm săn bắn có thể bắn vịt đã thay lông hay gà lôi để ăn thịt được không? Những chàng «Rôbinsơn» trả lời rằng: khi rất cần thì có thể giết cả cừu của dân làng cũng được, chứ còn nói gì đến vịt trời nữa. Cuối cùng mọi người quyết định không chi tiền để mua sắm xanh chảo, mà chỉ mang theo hai thùng của ngựa để dùng cho mọi người.

Chúng tôi, những người lớn tuổi, nhìn nhau, và có người nào đấy nói:

— Cơ sự ra thế đấy!

ĐOÀN KHẢO SÁT LÊN ĐƯỜNG

Tôi sẽ đi thẳng từ Chiếc Xuồng Con cùng với tất cả những nhà nghiên cứu thiên nhiên và một chàng «Rôbinsơn», và tại Cửa Sông thì tất cả chúng tôi sẽ gặp nhau. Pôlia đi đến xóm chài để lấy ủng về, sau đó, cô kể lại cho chúng tôi một câu chuyện đáng lo: hai đại biểu «Rôbinsơn» đến nhà cha Filimôn để làm thêm cọc chèo ở thuyền của ông ta, nhưng cha không những không cho làm hỏng thuyền, mà thậm chí sau cuộc tranh cãi hình như còn muốn dứt khoát từ chối đi với đoàn khảo sát.

Những nhà nghiên cứu thiên nhiên của chúng tôi ngủ thiếp đi trong khi hết sức lo lắng, các cậu nghĩ rằng nếu không đi trên thuyền cha đạo thì chuyến đi giảm bớt nhiều điều thú vị. Và như thế là cha đạo mà đến bây giờ chúng tôi vẫn chưa thấy, đã tham gia vào trong đoàn khảo sát như một con người bí ẩn thế nào ấy.

Phấn hoa của cây rừng, cỏ nội và quả cánh phủ đầy mặt nước một lớp mỏng và do đó trong buổi sáng tinh mơ mặt hồ dường như chưa rửa. Chiếc thuyền của chúng tôi để lại dấu vết không mất trên hồ; cả chim cũng thế, thậm chí khi cá quẫy cũng để lại một khoanh tròn.

Mặt trời chiếu rọi xuống chúng tôi trên hồ muôn nghìn tia sáng, và từ núi Alêcxăng, Đầu Hói của Iarilô nhìn ra hồ: đó là một điềm tốt, vì theo tôi, mục đích chính của chuyến đi khảo sát là nghiên cứu những di tích của sự sùng bái còn tồn tại của thần phì nhiêu Iarilô cổ kính.

Trong màn sương trắng ban mai, mặt hồ phẳng lặng như tờ, và chiếc thuyền xa xa lướt trên hồ trông giống như con ruồi trên hoang mạc. Có phải thuyền cha Filimôn đang đi đấy chăng? Không phải: chiếc thuyền nhỏ, và cái chính là nó đi một mình, — thuyền của chúng tôi nhất thiết phải có hai chiếc cơ mà.

Từ Chiếc Xuồng Con, chúng tôi đã đi qua Curôtênh, suốt cả Zakhap thì ở phía bên kia đối diện với núi Alêcxăng chiếc thuyền to của cha đạo hiện ra rõ ràng trên mặt hồ phẳng lặng và trước thuyền ấy là một chiếc thuyền con của những chàng «Rôbinsơn» có cắm lá cờ đỏ. Họ cho thuyền đi sát rìa hồ, cha đạo chống thuyền ở sau lái, còn những chàng «Rôbinsơn» thì khuấy mạnh chèo, như thế tức là cha đạo không chịu nhân nhượng, không cho phép đóng cọc chèo vào thuyền của ông. Thuyền họ đi rất nhanh, và trong lúc chúng tôi đuổi theo con cộc trắng trong đám lau lách, thì bỗng hóa ra là cả chúng tôi, cả họ đều ở trên những khoảng cách bằng nhau từ Cửa Sông. Thấy

thế các cậu trên thuyền chúng tôi ra sức chèo, và cuối cùng chẳng bao lâu, tôi đã thấy được cha đạo lừng danh kia đang bơi chèo sau lái của chiếc thuyền độc mộc dài đục trong cây gỗ. Cha đạo cao, gầy, mặc áo caftan* cộc, đội mũ rơm. Màu râu không rõ rệt, chắc là đã bạc. Tóm lại, cha đạo rất bình thường, như tất cả những cha đạo khác; còn đi trước là một lá cờ đỏ. Trên mũi thuyền cha đạo chất đầy đồ đạc, nhà nghiên cứu hệ động vật Xecgây Xecgâyich cũng ngồi ghé ở đấy và đang huơ vợt bắt côn trùng. Mikhain Ivanôvich ngồi ở giữa, như một con ong chúa. Trước mặt ông, họa sĩ trẻ tuổi Bôrix Ivanôvich đang hăng hái chèo giúp cha đạo; còn trên một chỗ ngồi riêng là một cụ già nào đấy phương phi, có chòm râu bạc phơ.

Chúng tôi cùng đi đến Cửa Sông, hai mũi thuyền hướng vào nhau. Và khi lên bờ chúng tôi được biết một tin buồn là nhà địa chất đã đánh lừa chúng tôi, ông từ Matxcơva đến đây và không mang kính ảnh đến mà chúng tôi đã đặt mua, nhà thực vật cũng từ chối. Thế nhưng có tin mừng này bù lại tất cả những sự không may đó: bất ngờ viện sĩ Xpixưn, nhà khảo cổ mà mọi người đều biết tiếng, đã đến đây và sẽ cùng chúng tôi khai quật những đồi mộ cổ và những di chỉ của người nguyên thủy. Cụ già phương phi đó chính là viện sĩ Xpixưn.

Tôi vô cùng sung sướng vì trong đời tôi có hai chỗ trống nghiêm trọng: tôi chưa bay trong không trung

---

* Loại áo ngoài của đàn ông ở nước Nga ngày xưa, có vạt áo dài. — *ND.*

và chưa đào đất cùng với các nhà khảo cổ, thế mà bỗng dưng tôi sẽ được chạm đến lòng đất bí ẩn cùng với viện sĩ Xpixưn. Thế là tôi được thỏa mãn nguyện vọng mình ngay.

KÊNH ĐÀO CỦA NHỮNG NHÀ NGHIÊN CỨU ĐỊA PHƯƠNG

Chúng tôi chẳng biết đặt tên gì đây cho những chiếc thuyền độc mộc của chúng tôi, những chiếc thuyền có vinh dự lớn lao hoàn thành chuyến đi đặc biệt thú vị này theo dòng sông Necli và sông Cubria? Việc đặt tên cho hai chiếc thuyền thật là tự nhiên: thuyền mà những nhà nghiên cứu địa phương trẻ tuổi đi mang tên «Nghiên cứu thiên nhiên», còn thuyền của sinh viên — «Rôbinsơn». Nhưng đến chiếc thuyền thứ ba thì cuộc tranh cãi bắt đầu: một số muốn đặt tên «Vợ cha đạo», một số khác — «Mẹ* », số khác nữa — «Cái thùng».

— Sao lại gọi là cái thùng? — cha đạo Filia hỏi.

— Còn sao nữa, — một chàng «Rôbinsơn» đáp lại, — vì cha đạo mà vợ cha đạo trở thành... cái thùng.

Cha đạo Filia cao và gầy đứng chống mái chèo và mỉm cười tít mắt làm nổi bật những vết nhăn sâu: rõ ràng là cha đạo đang vui!

Tuy nhiên, Mikhain Ivanôvich coi tên «Cái thùng» là một ám chỉ xấu đối với tình trạng thực tế của vợ cha đạo Filimôn, nên đã đề nghị đặt tên thuyền của cha là

---

* Ở Nga, người ta gọi vợ cha đạo theo cách kính trọng là «mẹ». — *ND.*

«Thuyền buồm Palađa*». Cuối cùng, mọi người quyết định cứ gọi nó bằng cái tên tự nhiên của nó «*Mẹ*», nhưng chúng tôi phải chèo cho thật nhịp nhàng và làm mọi việc cho thật tốt để sau chuyến đi này «Mẹ» sẽ tự nhiên trở thành «Thuyền buồm Palađa».

Lúc đó, nhà nghiên cứu hệ động vật đã lấy chiếc vợt trắng huơ lên trên các cây ven bờ, và khi nhìn thấy những côn trùng bị bắt trong vợt thì mặt ông ta tươi rói lên: những côn trùng bắt được rất hiếm có và đặc biệt nhiều loại bọ rầy ngũ sắc mà ông rất cần. Ông đổ ngay những côn trùng trong vợt vào cái bình thu góp nhờ ánh sáng: những con bọ rầy bò về phía có ánh sáng và rơi vào lọ. Một số «Rôbinsơn» được phái đi săn, số khác theo sự điều khiển của nhà nghiên cứu hệ động vật bắt những con niềng niễng trong nước và nhặt những hạt cây nổi trên mặt nước. Những nhà nghiên cứu thiên nhiên xem khí áp kế và ghi chép xong thì thả phao để đo tốc độ dòng nước. Cũng như đo bề rộng cửa sông Vêcxa đổ ra hồ.

Như thế là công việc của chúng tôi thực sự là một chuyến đi khảo sát, chứ không phải là một cuộc tham quan của học sinh, vì mọi việc làm ở đây không phải để học tập, mà làm thật sự. Mỗi một sự việc đều được ghi chép: tốc độ dòng nước, bề rộng của sông, — mọi việc đều mới mẻ và cần thiết. Còn tên Cửa Sông hóa ra không phải là duy nhất, — ở vùng này người ta

---

* Tên của thuyền buồm hải quân Nga, năm 1852—1854 đã đi vòng quanh thế giới. Nhà văn Nga nổi tiếng I. A. Gôntrarôp tham gia cuộc viễn du ấy đã tả lại trong sách nhan đề «Thuyền buồm Palađa». — *ND.*

thường gọi chỗ dòng sông đổ vào hồ như thế. *Vêcxa* cũng không phải là tên riêng: ở đây người ta gọi như thế những con sông nối liền hai hồ trong khoảng cách gần, trong trường hợp này là hai hồ Plêsêêvô và Xêminô.

Ngay sau khi đi ra khỏi hồ, con sông Vêcxa liền rẽ ngoặt, rồi rẽ ngoặt nữa, rẽ ngoặt mãi đến nỗi hai cung sông chảy bên nhau rất gần tưởng chừng có thể với tay tới được. Thế mà trên cả con sông, không ai muốn đào một kênh nhỏ từ cung sông này đến cung sông khác. Chúng tôi định bắt đầu cuộc viễn du của chúng tôi bằng cách thử làm công việc quan trọng ấy, và khi lên bờ, chúng tôi bắt tay đào đất. Cha đạo đặc biệt cố gắng làm việc, cha thường phải chở củi qua đây và thường hay gặp nhiều khó khăn ở những khúc uốn chảy xiết. Cha nói rằng đã muốn tự mình đào từ lâu cơ, nhưng sợ bà con, họ rất đa nghi, mê tín, và có khi do việc làm tốt mà bị đánh gãy cổ. Sau chừng hai mươi phút đào bằng xẻng sắt và mái chèo, chúng tôi đã khơi được một cái kênh con, và nước chảy ào ào. Chiếc thuyền của các nhà nghiên cứu thiên nhiên dễ dàng vượt qua ngay chẳng cần sự giúp đỡ của chúng tôi, các chàng «Rôbinsơn» cũng đẩy thuyề của họ đi, nhưng «Mẹ» thì mắc cạn và ngăn chặn dòng nước. Tất cả chúng tôi đều hì hục đẩy và khi chiếc thuyền to ấy đã đi qua được, thì một dòng nước chảy ào ào dữ dội và tách đất của cung sông rời ra như một hòn đảo nhỏ.

Cha đạo chúng tôi nói:

— Giá có người nào làm cái đó thì tôi cho người ấy năm xu.

Và hòn đảo mới lập tức được đặt tên là «Năm Xu», còn lòng sông mới thì tên là «Kênh của những nhà nghiên cứu địa phương».

Trong giây phút long trọng khánh thành kênh ấy, Xecgây Xecgâyich đọc bài hành khúc của những nhà nghiên cứu địa phương mới sáng tác hôm trước. Những chàng «Rôbinsơn» đề nghị phổ nhạc theo bài «Vacsavianca»* và khi bơi thuyền dưới lá cờ đỏ, họ cất cao giọng hát:

> Hỡi những nhà nghiên cứu địa phương,
> Hãy tiến lên đến thắng lợi huy hoàng!

Thật là vui. Nhà khảo cổ nói:

— Chà, trời tốt quá!

Cha đạo đáp lại:

— Thế mà chân tôi nhức buốt, chắc là trời sắp thế nào đây.

DI CHỈ CỦA NGƯỜI NGUYÊN THỦY

Bên trong vòng của dòng sông Necli Cả và sông Cubria, trong vùng ấy đến nay còn là hoang mạc rừng lầy lội và giờ đây hầu như không có làng mạc, cũng như hàng nghìn năm trước đây, trong thời đại đã đá mới, khi con người hồi bấy giờ vì sợ hãi những hoang mạc ấy, đã đi theo các dòng sông và dừng lại một thời gian lâu ở nơi có cá để đánh, có thú để săn. Đi theo những nguồn đầm lầy của các con sông chảy đến hồ và cần phải đi thuyền đến chỗ dừng lại đầu tiên, đến quãng trống khô ráo giữa rừng nơi những người dân đánh cá nhóm lửa; và hầu như có

---

* Bài ca cách mạng. — *ND.*

thể nói chắc chắn là ở chỗ những đống lửa của dân chài ngày nay, cả trong thời đại đồ đá những người dân đánh cá đã tập hợp tại đây và để lại cho chúng ta tầng văn hóa.

Trên sông Vêcxa, chúng tôi ghé thuyền vào bờ đầu tiên, khô ráo, ở đấy chân có thể giẫm trên đất cứng được, và chúng tôi thấy dưới nước trong vắt một lớp đất đen trên cát, rất có thể có nguồn gốc văn hóa. *Cánh Đồng Con* — đó là tên mới đặt của quãng trống rộng ấy, vì rằng ở đây đã có người nào đấy cày trong thời gian cách đây tương đối không lâu lắm. Đã nghe nói nhiều về di chỉ của người nguyên thủy vừa phát hiện được nhưng chưa thăm dò, các nhà nghiên cứu thiên nhiên và những chàng «Rôbinsơn» của chúng tôi, tuy còn chưa lên bờ, mà đã nhặt được từ dưới nước người thì mảnh đồ gốm, người thì mảnh đá lửa có dấu vết bàn tay con người đẽo gọt, người thì công cụ bằng đá *đại thạch*. Ngay ở trên Cánh Đồng Con ấy, những con chuột chũi-khảo cổ đã tiến hành công tác «thăm dò» đầu tiên của chúng tôi. Chúng tôi đi tản mát, vừa đi vừa nhìn những đống đất đen sẫm do chuột chũi đào lên, và trong mỗi đống đều tìm được người thì mảnh đồ gốm, người thì cái cào bằng đá lửa, mũi tên, cái đục, cái rìu con.

Thấy rất nhiều tài liệu phong phú chỉ do chuột chũi đào lên, nhà khảo cổ bèn nói:

— Đủ rồi, phải làm *giếng thăm dò*, tôi chưa hề thấy một di chỉ nào như thế ở nước Nga cả.

Mà nói chung, ở nước Nga có khám phá ra được nhiều di chỉ đâu! Khắp cả nước to lớn chỉ có vài trăm mà thôi.

Giếng thăm dò do một người đào lúc đầu bằng chiếc xẻng sắt. Liôva đào một cách say mê và có cảm giác hình như nó sẵn sàng đào xuyên qua trái đất nhưng chẳng bao lâu đá mẹ và nước đã hiện ra.

Nhà khảo cổ ra lệnh:

— Bây giờ thì các đồng chí hãy lấy thuổng mà xắn, hoàn toàn như dùng dao sắc để cắt phó mát ấy.

Làm như thế thì lớp đất đen sẫm bên trên rõ ràng lộ ra, tiếp theo đến lớp vàng có cát, và lại lớp đen sẫm, và sau nó lại đến lớp cát. Lớp đất ở giữa màu đen sẫm ấy gọi là *đất chôn vùi.*

Liôva đoán:

— Đất chôn vùi thuộc về thời đại đồ đá sơ kỳ, có phải không?

— Đúng thế, — nhà khảo cổ đáp lại.

Ông đi đến dòng sông, tìm thấy ở đấy chỗ một dòng sông khác chảy vào bị lau lách phủ đầy; sau đó, ông đi trong rừng, xem xét mọi vật, suy nghĩ và khi quay trở lại chỗ chúng tôi, ông nói:

— Có lẽ chỗ này xưa kia là bờ hồ Plêsêêvô.

Những chàng «Rôbinsơn» và những nhà nghiên cứu thiên nhiên chằm chằm nhìn nhà khảo cổ.

Liôva hấp ta hấp tấp hỏi:

— Thế lúc đó là bao giờ, bao nhiêu nghìn năm trước?

— Tôi không thích tính theo con số những nghìn năm, — nhà khảo cổ đáp lại, — việc đó đã rất lâu.

— Đất đai của chúng ta lúc đó như thế nào?

— Trước đấy đã có hồ, sông thì chưa có. Sau đó, do nguyên nhân nào đấy mà tình trạng ẩm ướt tăng lên, nước hồ dâng cao, ép mạnh, và tức nước vỡ bờ, những

dòng sông chảy ra. Sông Vônga cũng bắt đầu như thế: cái đó thì đã được chứng minh rồi. Có lẽ, cả cái hồ này lúc đó cũng bắt đầu chảy vào hồ kia. Sau đó, những người nguyên thủy bắt đầu tập hợp trên các bờ sông, bờ hồ để đánh cá, — đó là vào thời đại đồ đá cổ hơn; sau đó, bờ hồ trở thành bờ sông, và chỗ này lại thuận tiện cho những người đánh cá, và nếu ở lớp đất trên chúng ta tìm thấy những mảnh đồ gốm mới hơn thì chúng ta sẽ cho rằng cả thời đại đồ đá cổ ấy cũng mới hơn. Các cháu ạ, tôi không tính theo con số nghìn đâu, mà nói cổ hơn, mới hơn, và bây giờ đối với tôi những vật tìm được cũng không quan trọng lắm nữa, mà cái chủ yếu là phải tìm xem chúng nằm ở trong những lớp đất nào. Này, Liôva, cháu hãy xắn đất thêm bốn nhát nữa: những vật tìm thấy ở lớp đầu thì để ở phía này, ở lớp thứ hai — để đây, và cứ thế để ở bốn phía, chỉ có điều cháu hãy trải giấy sẵn rồi đặt các vật tìm được lên trên.

Ngay lập tức, chiếc thuổng chạm cái gì đấy, và Liôva thận trọng, với một sự kính cẩn đặc biệt, như tìm được một vật bằng vàng quý báu của các đồi mộ người Xkif*, đưa cho giáo sư mảnh đồ gốm nhỏ, bằng đất sét không nung, lấm tấm đầy những lỗ sâu, to bằng hạt đỗ, do bàn tay của người nguyên thủy làm trên mặt đồ gốm.

Và tôi không biết tôi thích thấy cái gì hơn: mảnh đồ gốm ấy hay những tác phẩm cổ Hy-lạp của những người Xkif.

---

* Tên các bộ lạc cổ sống ở vùng bờ biển Hắc-hải vào thời đại trước công nguyên. — *ND.*

Sau khi nhìn kỹ, trìu mến sờ mó và thậm chí dường như vuốt ve, nhà bác học vui vẻ nói:

— Cái này cổ lắm đây.

— Còn cái này?

— Cái này mới hơn. Có thấy không, những khía ô chéo tức là mới, nhưng cả cái đó cũng tốt, loại mới của chúng ta thậm chí ít hơn.

Nhưng chẳng bao lâu, bọn trẻ nhận thấy rằng loại mới có thể là quý hơn đối với khoa học, còn đối với nhà khảo cổ thì loại cổ hơn hình như ngon hơn, và vì thế chúng cố sức để tìm nhiều loại cổ hơn. Và thậm chí chỉ trong mấy phút, chứ không phải hằng giờ, bọn trẻ đã quen với ngôn ngữ khảo cổ học: gọi những mảnh gốm là *đồ gốm* và phân loại theo các nền văn hóa. Nền văn hóa Fatianôvô, loại Điacôvô...

— Nếu tên nền văn hóa, — bọn trẻ hỏi, — xuất phát từ địa điểm các đồ vật tìm ra được, thì có thể có cả nền văn hóa Pêrêxlap chứ?

— Tất nhiên, rất có thể có, dù sao thì địa điểm ấy cũng sẽ rất nổi tiếng.

Ngay trên những chiếc nạng đôi mà trước đây những người dân đánh cá đã đặt cái gậy gỗ để treo ấm nước, chúng tôi cũng gác cái gậy gỗ của chúng tôi lên và treo ấm nước. Và vừa uống trà, vừa nhìn khi thì xương cá mà những người dân đánh cá hiện đại đã vứt cạnh đống lửa trên mặt đất, khi thì những mảnh đồ gốm phủ đầy những chấm sâu lấm tấm của con người thời đại Tân thạch.

Còn nhà bác học thì cứ phân loại, phân loại mãi những mảnh đồ gốm theo nền văn hóa, lấy những hòn đá lửa và những đại thạch khác nhau thử dùng để xem

mục đích của chúng. Ông làm khéo léo vô cùng, dường như chính bản thân ông đã từng sống trong thời đại đồ đá và đã làm việc với các công cụ bằng đá lửa.

— Đây hình như là dấu móng tay của người nguyên thủy thì phải? — một nhà nghiên cứu thiên nhiên hỏi.

— Rất có thể, vì người ta làm bằng tay tất cả mọi vật và phần lớn là phụ nữ làm.

— Sao bác biết được chính là phụ nữ?

— Chúng tôi đoán theo những trang trí này: nơi nào có trang trí, đấy là phụ nữ, hơn nữa có một số người nhận ra được theo dấu vết của biểu mô ngón tay...

— Như thế thì ở đây chắc chắn là dấu móng tay.

— Vì sao lại chắc chắn? Nên nói là: rất có thể.

— Nhưng họ là ai, dân tộc nào nhỉ?

— Không biết, đến bây giờ chúng ta không biết không những mặt của người, mà thậm chí cả tên dân tộc đã để lại những di chỉ này.

Và khi đó nhà bác học ngồi cạnh đống lửa bắt đầu nói bóng bảy về những phỏng đoán của ông; tất nhiên, đó là ước mơ của toàn bộ cuộc đời ông ta: phỏng đoán, dù chỉ là một tí ti thôi bộ mặt của dân tộc bí ẩn ấy.

Mọi người lắng nghe, chỉ một mình cha đạo Filia đi lang thang ở di chỉ, vì cha muốn tự mình phải hành động và có thể, tự mình khám phá ra. Cha kia kìa, mặt mày tươi rói lên, đi đến với một vật tìm được rất lạ thường.

— Các bác xem đây này, — cha Filimôn nói và đưa ra một vật gì đấy nhỏ và tròn, — vòi ấm nước, họ đã uống trà.

Nhưng thời bấy giờ người ta không những không uống nước trà đâu, mà chỉ mới biết lấy lửa ở cây bị sét đánh cháy mà thôi. Và những bình lọ bằng đất sét này không phải dùng để nấu trên lửa, mà chỉ là để chứa nước và đựng thức ăn mà thôi.

Cha Filimôn kính cẩn lắng nghe điều ấy, nhưng toàn bộ tâm hồn ngang bướng của cha như có ý hỏi: «Thế thì ai đã thấy cái đó?»

Theo tôi hiểu thì cha, một con người bình thường, hoàn toàn theo bản năng, rất cần phải thấy mặt con người nguyên thủy, để nói về người ấy, còn nếu không thể thấy được thì cha không muốn nghĩ đến những mảnh đồ gốm, cộng lại tất cả nhau, như các nhà bác học thường làm. Cha đoán ngay về con người nguyên thủy từ bản thân mình...

Mọi người cười rộ về câu chuyện cái ấm nước, nhưng tôi cảm thấy hình như về nguyên tắc cha Filimôn nói đúng một phần nào. Vì chính bản thân nhà bác học, khi chỉ cho bọn trẻ cách sử dụng những công cụ bằng đá, thường lấy dẫn chứng ở những người thợ thủ công, thợ mộc, thợ nề, thợ rèn hiện đại. Nhưng cũng có thể bạo dạn hơn, lấy ngọn lửa sáng tạo trên mặt con người hiện đại và đưa cái đó vào mặt con người cũng thiên tài, con người đã nảy ra ý nghĩ về việc sử dụng lửa, một cách như thế nào để nhấn mạnh hơn tương phản giữa bộ mặt thiên tài có râu ria xồm xoàm với con khỉ hiện đại đã tàn lụi sự sáng tạo...

Những khai quật ấy thật là hấp dẫn, tôi còn muốn suy nghĩ tiếp nữa, tiếp mãi, nhưng nhận thấy sương mù đã bốc lên trên sông, nên tôi đề nghị phải đi nhanh

để ngay hôm nay đi thăm dò một di chỉ khác trên bờ hồ Xiôminô, ở đấy có thể chúng tôi sẽ tìm thấy cả thời đại đồ đồng nữa.

CON NGƯỜI NGUYÊN THỦY

Một rừng thông to lớn và xanh tốt mọc ở bờ bên kia sông Vêcxa gần như đối diện Cánh Đồng Con, và từ sườn dốc bờ sông thỉnh thoảng có những cây thông to lớn nằm nghiêng gần sát mặt nước, làm bật lên lớp đất bên trên; những cây ấy hình như sắp ngã xuống sông và đè bẹp chiếc thuyền đang bơi. Cả ở hai bờ đều có rừng thông, dòng sông chảy, uốn khúc làm thành những cung sông gần như song hành. Trước đây, thương nhân thường đi thuyền từ Nôpgôrôt, cứ uốn khúc quanh co mãi, vượt qua những bờ dốc nguy hiểm, và những bờ sông lầy lội lại bắt đầu, nên không thể lên bờ được và không chạy trốn đâu được — kia kìa, hòn đảo và trên hòn đảo là bụi cây, còn từ sau bụi cây tên Cường đạo đi ra... Nỗi khiếp sợ trước bụi cây đã được ghi lại trong tên của vùng này — *Bụi Cây Cường Đạo*. Chúng tôi bình yên vô sự vượt qua những cây thông treo cheo leo trên mặt nước. Từ sau bụi cây không ai đi ra cả. Diêm Thôn đã hiện ra, đó là một làng lớn, nổi tiếng trong lịch sử Đại Nga bởi những lò nấu muối của nó. Cạnh bờ sông trông rõ Đồi Dê và những dấu vết những lò nấu muối đến bây giờ vẫn còn nom rõ, những lò ấy đã từng cung cấp muối cho Đại Nga.

Trong Diêm Thôn trước đây có đập chắn nước đầu tiên của cối xay, và người ta phải đỗ thuyền ở đấy, dỡ hàng xuống và kéo lê thuyền qua đập. Khi làm công

việc phức tạp và buồn chán ấy, bà con nông dân địa phương ngạc nhiên vì thấy những súng ống, vợt, cha đạo và lá cờ đỏ của chúng tôi, bèn tụ tập lại và hỏi: chúng tôi là ai và định làm gì? Sau khi nghe chúng tôi nói, một người trong bọn hỏi:

— Làm thế có lợi ích gì?

Trong khi đó ở nhóm nông dân khác, Xecgây Xecgâyich hỏi về sâu bọ phá hại đồng ruộng, rừng rú, về nạn dịch súc vật. Câu chuyện sôi nổi, hấp dẫn của ông làm cho mọi người thích thú đến nỗi khi một người nào đấy mới đến hỏi về chuyến đi khảo sát có lợi ích gì thì chính bà con nông dân chế giễu đáp lại:

— Cái gì chui vào túi được thì cái đó có ích lợi.

Đi quanh co theo các cung sông hơn một giờ mà vẫn thấy Diêm Thôn, cuối cùng chúng tôi bơi thuyền vào hồ Xiôminô đang tàn tạ, chiều dài khoảng một cây số rưỡi, nước nông chỉ một bản chèo thôi, nhưng bùn lầy thì sâu lắm: rải rác có những chỗ cả một mái chèo cũng không đụng được đến đáy. Nếu gặp tai nạn, như thuyền đắm, thì ở đây chẳng bơi được, mà bị dìm xuống bùn, vì chỗ này rất nguy hiểm, đây là thiên đường của loài vịt.

Hoàn toàn giống như ở trên bờ sông Vêcxa, trên một vùng nhỏ khô ráo đầu tiên, nơi những người dân đánh cá nghỉ ngơi, thì có di chỉ thời đại Tân thạch, và ở đây, ở góc phải của hồ này, nơi có một chỗ khô ráo nổi cao lên, giống như chiếc bánh chưng đặt trên mặt bàn, trước đây là *Chợ Lớn*. Tất nhiên cả Xătcô*, một thương nhân giàu có đã đi thuyền từ Nôpgôrôt

---

* Một nhân vật trong truyện cổ tích Nga. — *ND.*

Vĩ Đại đến đây, từ miền bắc ít lúa mì đến miền vựa thóc của đất Xuzđan, đến *cánh đồng* này, và đã nấu món canh cá ở đây cũng như chúng tôi, nhưng chẳng hề để ý gì đến những mảnh đồ gốm của thời đại đồ đá do những con chuột chũi đào bới lên; và hồi bấy giờ thậm chí cả ý nghĩ về đồ gốm cổ xưa cũng chưa hề thoáng ra trong óc của Xătcô.

Những chàng «Rôbinsơn» của chúng tôi đã dựng hai cái lều trên di chỉ; cha đạo nhóm lửa, treo nồi lên để nấu cháo kê, và chúng tôi ngồi ngay ở đấy trên súc gỗ trong làn khói để tránh muỗi đốt. Khi trời chưa tối hẳn, nhà nghiên cứu hệ động vật luôn tay đưa những con bọ rầy đã chết từ trong lọ đặt lên bông. Bỗng ông nói:

— Con dơi. Các anh hãy bắn đi, ở nhà bảo tàng chúng ta không có.

Và trong cảnh tranh tối tranh sáng, cuộc săn bắn dơi khó khăn đã bắt đầu.

Trên mặt hồ một ánh lửa bùng lên, nhựa thông hừng hực cháy, một chiếc thuyền ghé vào bờ và hai người đánh cá cầm đinh ba đi đến gần đống lửa của chúng tôi. Trong tháng này mọi cách đánh cá, kể cả soi cá, đều bị cấm, nhưng ở nơi hẻo lánh, tất nhiên, người ta chẳng kể gì đến pháp luật, và chỉ vì thấy thuyền chúng tôi cắm lá cờ đỏ nên họ sợ cấp trên đến và ghé thuyền vào bờ để điều tra.

Qua câu chuyện với hai người đánh cá, chúng tôi được biết trên hồ đang cạn dần này, loại cá *cứng* — cá măng và cá rô — không phải là chính, mà loại cá *mềm* — cá hanh và cá đối — là ngon hơn cả. Ngoài những cách đánh cá bình thường, ở đây có những cách

rất đặc biệt chỉ có thể áp dụng trong các hồ đã cạn và có nhiều bùn lầy. Một trong những cách đánh gọi là *theo tăm cá*, cách đó như thế này: lấy mái chèo đâm xuống bùn làm cho cá sợ bơi ra khỏi bùn, và cá đi đến đâu thì trên mặt nước có những bọt sủi lên dường như nước sôi (đó là tăm cá), còn ở nơi những bọt sủi lên dừng lại thì phải lấy vợt xúc hoặc lấy đinh ba đâm. Cách thứ hai — *theo nước vẩn*, — cũng như cách trên, nhưng đáng lẽ theo những bọt sủi lên thì người ta đoán cá theo nước vẩn, nước đục; và cuối cùng cách thứ ba — *theo lối bắt mò*, nghĩa là người ta dùng tay *mò* cá một cách giản đơn thôi.

Một trong hai người đánh cá, tên là Paven, kể về những điều ấy một cách ngắn gọn, cụ thể và hấp dẫn. Giá người khác thì sẽ nói cà kê dài dòng, nhưng anh chỉ nói vẻn vẹn một câu thế này, chẳng hạn:

— Tôi đâm mái chèo, con cá măng *sủi tăm*.

Tôi lợi dụng câu chuyện rõ ràng, rành mạch ấy để dạy cho các nhà nghiên cứu địa phương trẻ tuổi cần phải sử dụng những chuyện kể như thế để tạo nên cho mình một thứ ngôn ngữ về nghiên cứu địa phương.

Hai người đánh cá trẻ hơi giống nhau, như anh em, nhưng mắt của Paven to, màu xám và đăm chiêu, nghĩ ngợi, còn mắt của Nicôlai thì híp lại, như những khe hẹp. Paven hầu như không cười, còn Nicôlai thì cười hi hi. Paven cứ thử dùng tay bắt dơi mãi. Nicôlai thì cứ mỗi lần dơi bay đến gần lại run sợ.

Té ra Paven đã đọc sách của Mikhain Ivanôvich viết về huyện Pêrêxlap và nhiều sách khác nữa. Anh kể lại cho chúng tôi rằng cách đây không xa, ở Bacmazôvô trên Núi Ghế có cả một loạt di tích, giống như những

đồi mộ cổ bằng đá, còn ở làng Hốt Bố, có nghĩa trang gì đấy rất cổ và ở ngay đấy có hai ngôi mộ cổ, Nicôlai đã đào một trong hai ngôi đó, và té ra là ngôi mộ cổ thật. Nicôlai chẳng nghĩ gì đến bộ xương, anh ta tìm *tiền bí mật,* và khi anh thấy trong mộ cái gì tròn tròn thì vội vàng lao đến, vồ lấy cái hũ, lật ngửa ra và chết lặng người đi: cái hũ tiền hóa ra là chiếc đầu lâu. Nicôlai vứt đầu lâu, cắm đầu cắm cổ chạy.

Sau khi biết việc đó, Paven đã lấp bộ xương và người nào đấy đã cắm cây thánh giá lên trên. Từ lúc xảy ra việc đó đã được một năm rồi, thế mà Nicôlai vẫn còn sợ cố tránh đi qua nơi ấy.

Hoàn toàn không để ý đến Nicôlai ngồi bên cạnh, Paven nói rành rọt để kết luận:

— Chúng tôi sống trong rừng, dân chúng tôi thì mê tín và ngu si, như con người nguyên thủy.

Khi nghe những lời đó, bỗng tôi sực nhớ đến những điều phỏng đoán của tôi trên Cánh Đồng Con về con người nguyên thủy và tôi hỏi:

— Paven, vì sao anh nghĩ là người nguyên thủy thì nhất định là phải mê tín và ngu si; những người ấy có lẽ cũng như chúng ta thôi, họ rất khác nhau; chính anh sinh ra hầu như từ trong một làng nguyên thủy, thế mà anh không có những thiên kiến và anh cảm thấy mê tín của Nicôlai là một sự ngu ngốc phải không?

— Tôi hình như là một con người cá biệt thế nào ấy, — Paven trả lời, — hồi còn đi học tôi đã bắt đầu đọc nhiều.

Tin tức về những di tích mai táng làm chúng tôi quan tâm đến, và ngay lập tức chúng tôi thỏa thuận với nhau: ngày mai cả nhóm khảo cổ sẽ đến tận nơi

nghiên cứu. Paven đề nghị cho anh làm công nhân khai quật, cả Nicôlai cũng đề nghị như Paven. Chúng tôi nói trước cho anh ta biết rằng sẽ không tìm tiền, mà tìm bộ xương, nhưng anh ta vẫn muốn cùng đào với Paven. Sau đó, khi trời đã tối mịt, chúng tôi nằm trong hai chiếc lều: trong lều nhỏ, những nhà nghiên cứu địa phương lớn tuổi và một số nhà nghiên cứu thiên nhiên; trong lều to, tất cả những chàng «Rôbinsơn» và cha đạo. Chỉ có một mình Xecgây Xecgâyich có cái bao bằng phớt và ông chui cả mình lẫn đầu vào đấy, còn chúng tôi nằm trên tấm vải bạt mỏng, đắp bằng các áo len và cái gì nữa đấy, vì chưa sắm đủ mọi thứ được. Nằm ngủ trên đất ẩm ướt thì hơi khó chịu, và đáng lo nếu trời nổi gió và trút mưa xuống.

Xecgây Xecgâyich từ trong bao nói vọng ra:

— Hôm nay khí áp kế tụt xuống đến sáu vạch.

Còn cha đạo thì nói về chân:

— Buốt dữ.

Tôi ngủ chắc không được đến hai giờ, và trong khi mơ màng nửa thức nửa ngủ ấy, những ý nghĩ dở dang và những cảm giác dở dang của tôi thường xuyên bị con người của thời đại đồ đá xâm chiếm. Nhưng người đó hiện ra với tôi hoàn toàn không giống như người ta dạy cho tôi ở trường học, không phải là một sinh vật giống khỉ, mà là do sự kết hợp giữa hai người đánh cá kia — Paven và Nicôlai — tạo nên. Tôi tưởng tượng rằng trong quá trình sáng tạo, Nicôlai là một sinh vật đã bị tận dụng rồi và bị vứt bỏ để sống nốt cuộc đời mà thôi, là một sinh vật bất biến như mọi khi, còn Paven thì tiến lên phía trước, và trong vòng

đời nhỏ hẹp của mình hình như Paven cũng lấy được ngọn lửa, giống như ông thủy tổ thiên tài của anh; tóm lại, một người là con người, còn người kia là con khỉ, nhưng hai chiếc sọ và những mảnh đồ gốm thì hoàn toàn giống nhau, và nếu thời gian sẽ trôi qua, ta không thể biết được trong hai người thì người nào đã đẩy cuộc sống đi lên và người nào trong cuộc sống chỉ biết nhai thức ăn mà thôi. Và tôi thấy hình như cần phải thu lượm những chiếc sọ và những mảnh đồ gốm cốt để nắm được bản chất con người nguyên thủy. Nhưng muốn hiểu được rõ con người nguyên thủy, thì trong khi nghiên cứu di tích của nền văn hóa nguyên thủy cần phải tinh tế xem xét con người hiện đại đang vươn đến tương lai bằng sự sáng tạo của mình; và khi đó rất có thể là trong tất cả những người tham gia đoàn khảo sát thì giáo sư kia sẽ gần bản chất con người nguyên thủy ấy hơn tất cả mọi người.

Chiếc sọ cũng giống như căn phòng của bộ não, và chúng ta quen làm việc trí óc trong căn phòng, do đó tạo ra chiếc sọ to hơn đối với toàn bộ cái đầu, còn khi ta nằm ngủ trong rừng, thì bỗng nhiên, té ra tư tưởng hoạt động hình như rộng rãi vô cùng, nhưng không có trách nhiệm, như gió, mưa... Mưa lạnh lẽo bắt đầu rơi lộp độp, — và mọi cái trong tư tưởng đều thay đổi.

Tôi nhìn ra ngoài trời qua khe hở của lều. Mây dăng kín cả bầu trời, trời mưa lâm dâm, lạnh lẽo, và chỉ căn cứ theo những lá xanh mơn mởn của cây mà đoán biết được bây giờ đang mùa xuân, chứ không phải mùa thu. Tôi đã muốn nhắm mắt và nghĩ ngợi miên

man về con người thời đại đồ đá mới, thì bỗng tấm vải bạt của lều bên cạnh mở ra và một cái đầu thò ra với những sợi tóc dài rối bù, với bộ râu màu không rõ rệt và xoắn lại, còn trong những nếp nhăn của bộ mặt già cả dày gió dạn mưa ấy là đôi mắt linh hoạt của người rừng. Theo tôi, cha đạo đã trở về với thiên nhiên ấy không thể bắt đầu ngày của mình bằng việc cầu kinh, nếu không thì ông bỏ nghề ấy để làm gì. Và điều mà tôi nghĩ ấy hóa ra là đúng: không mảy may chú ý đến cơn mưa nhỏ, cha đạo mặc áo gi lê và đi ủng, bò lồm ngồm cả hai chân hai tay chui ra, sau đó cha kéo theo chiếc áo caftan cộc, mặc vào, trở thành một cha đạo thật sự, rồi cúi cuống khúc gỗ to cháy dở ở đống lửa ngày hôm qua và bắt đầu thổi hồi lâu. Cha làm rất khéo léo, bền bỉ và nhanh trí; lúc đầu lấy bàn tay, sau lấy cái chảo che mưa, đặt chảo trên lửa, gọt khoai tây, rán, và khi khoai tây còn chưa rán chín thì ông đánh vảy cá đầy, có lẽ là xin được của những người đánh cá ngày hôm qua. Cha ăn xong một chảo, rồi ăn chảo thứ hai, sau đó vấn một điếu thuốc lá rời thật to, châm lửa hút và nằm sấp xuống đất, hoàn toàn không để ý đất bị ướt và bên trên mưa rơi lâm dâm. Nhìn hồ, cha hút thuốc và tận hưởng thú vị, hút thuốc và sung sướng: no nê và hoàn toàn tự do, cha không suy nghĩ gì hết, đưa mọi cảm giác của mình ra khắp vũ trụ.

Tôi thò đầu ra khỏi lều và khe khẽ gọi để không làm mất sự yên tĩnh tuyệt vời của cha:

— Thưa cha!

Thậm chí cha không ngoái cổ lại.

— Cái gì thế?

— Cha ạ, — tôi nói, — tôi đã thấy cha đã làm như thế nào để đặt chảo lên đống lửa được, thế sao cha không nấu canh cá trong nồi, thế có dễ hơn không? Cha sẵn lòng trả lời.

— Nấu canh thì cá dầy là loài cá buồn lắm.

— Xương lắm à?

— Buồn lắm. Cá dầy thì chỉ có thể rán được thôi, còn nếu nấu canh thì khi ăn, đầu óc cứ nghĩ ngợi mung lung: không biết ở nhà có điều gì xảy ra không hay là trong tương lai... Loài cá buồn lắm.

— Nhưng, có lẽ, không phải do cá mà buồn?

— Thế thì vì sao?

— Ai biết được vì sao, vì không thỏa mãn về tinh thần, vì những thất bại...

— Mà tôi bây giờ thì có cái gì là thất bại đâu: tôi chở củi, chở những người đánh cá, tôi dẫn gỗ, cưa gỗ, bây giờ thì tôi chẳng có thất bại gì cả: tôi sống dễ chịu. Còn bác cứ hỏi dân chài, và người nào cũng sẽ nói với bác như thế, cá dầy không nên nấu canh, cá dầy là loài cá buồn lắm.

Trong lúc đó những nhà nghiên cứu địa phương lớn tuổi đã khó chịu thức giấc, vì nghe tiếng mưa rơi lộp độp và cảm thấy ẩm ướt, nhưng khi nghe xong câu chuyện về loài cá buồn lắm thì họ bật cười ha hả, và câu chuyện của tôi với cha Filimôn đến đây chấm dứt.

NGUỒN GỐC CON NGƯỜI

Núi Ghế, nơi Paven và Nicôlai dẫn chúng tôi đến, chìm trong những cánh rừng Bacmazôvô; ở đây không xa có một con đường làm bằng gỗ súc, thực ra

là cái cầu trên đầm bùn lầy với chiều dài ba cây số, là đoạn đầu của đường đi tổng Pôlôvetxcơ. Bên phải con đường làm bằng gỗ súc ấy là dòng sông con *Quỷ Đào* giấu mình trong đất, khi ẩn, khi hiện, còn bên phải trong dải rừng xanh biếc, dòng sông *Ái Nữ* hiền hòa chảy, và cả vùng ấy rất hẻo lánh ở trong rừng mang tên là *Sau Sông Ái Nữ*. Bacmazôvô là một trong những nơi trù phù, đông dân nhất của vùng này, nhưng dưới thời Ivan Hung Dữ do nạn đói và bần cùng nên một phần dân cư đã bị chết, phần khác bỏ làng chạy đi các nơi khác, và từ đó ở đây chỉ còn lại rừng mà thôi. Các cụ già kể lại rằng rừng cây đã nuốt trửng một ngôi nhà thờ gỗ, còn những cái chuông thì *bị chìm*, và ai là người mộ đạo thì thỉnh thoảng còn nghe được tiếng chuông đã bị chìm ngân lên.

Những ngôi mộ cổ bằng đá trên Núi Ghế có hình bầu dục và nhìn bề ngoài thì không còn nghi ngờ gì nữa đó là những di tích mai táng, nhưng khi nhà khảo cổ dùng địa bàn kiểm tra lại phương hướng, thì hóa ra những ngôi mộ không phải nằm theo hướng từ đông sang tây, mà từ bắc vào nam. Nhưng dù sao cũng rõ ràng là những mộ ấy do bàn tay con người làm ra, nên chúng tôi quyết định đào.

Tại di tích này, chúng tôi học cách khai quật đúng đắn và vì thế nhiệm vụ của mỗi người được định rõ ngay: Mikhain Ivanôvich là nhà nghiên cứu, ông lấy thước dây đo ngôi mộ cổ, vẽ bình đồ, quan sát sự xuất hiện của đường phân chia nấm mộ với tầng đất, mà những nhà khảo cổ gọi là *dải băng*, sau đó tìm *mép* của ngôi mộ và nói chung, tiến hành công tác về mặt khoa học. Viện sĩ nhận một nhiệm vụ khiêm tốn —

tiến hành công tác kỹ thuật, ông đứng trên ngôi mộ cổ và chỉ bảo công nhân đào hào chạy ngang qua phương hướng của ngôi mộ.

Người ta lần lượt gỡ những tảng đá lớn và mọi người nghĩ rằng sau tảng đá khó lấy kia sẽ bắt đầu nấm mộ. Và có khi cát xuất hiện thật, nhưng ngay lập tức chiếc xẻng lại chạm phải đá kêu lên thì tất cả công nhân lại phải hì hục đào tảng đá này lên. Còn ở bên trên mưa cứ rơi mãi, mọi người đều ướt át và lấm bẩn.

— Tôi chưa hề gặp ngôi mộ cổ nào khó như ngôi này, — nhà khảo cổ nói.

— Cái này là ngôi mộ cổ thì chắc chắn chứ? — Liôva hỏi.

— Chắc chắn rồi, đó là do bàn tay con người làm ra.

Và công nhân lại lăn hết tảng đá này đến tảng đá khác ra. Nicôlai bỗng sực nhớ là lều để cỏ khô nhà anh ta bị dột. Phải về để chữa lại, không thì mưa sẽ làm hỏng hết cỏ khô của anh. Paven thì còn kiên trì làm. Liôva tin lời nói của giáo sư bảo rằng nhất định sẽ tìm thấy xương.

— Nhưng nếu đó là bồi tích băng hà thì sao?

— Chắc là không, nhưng phải suy nghĩ xem.

Nhà bác học đi khỏi chỗ chúng tôi đến một di tích khác cũng giống như thế và ông suy nghĩ, đo đạc, tính toán một mình ở đấy. Chúng tôi lăn được tảng đá cuối cùng, đào ngang nấm mộ, đào sâu xuống đá mẹ, nhưng dải băng không có, không có cái gì cả, chỉ thấy một quả thông nhỏ bằng ngón tay út — thế mà người ta nghiên cứu nó rất kỹ! Mikhain Ivanôvich đứng, ướt sũng

từ đầu đến chân và buồn rầu. Tôi thương ông và hỏi hôm nay ông định làm gì với Xônha. Lập tức ông vui lên và trả lời:

— Cháu Xônha nó đi thi vào Trường Nghệ thuật cao cấp.

Liôva thì bực bội nói rằng nếu Alêcxăng Anđrêêvich — nhà khảo cổ — đã nói đây là ngôi mộ cổ thì nhất định sẽ tìm thấy xương.

— Không, Liôva ạ, — nhà khảo cổ từ sau các cây hiện ra và trả lời nó, — cái này không phải là di tích mai táng.

— Thế tức là chúng ta đào vô ích à?

— Không, không vô ích, chúng ta đã xác định được: đây không phải là ngôi mộ cổ.

— Thế thì là cái gì?

— Thật khó nói là cái gì, để kết luận được cần phải có cách nghiên cứu đặc biệt, mà phải tiến hành việc nghiên cứu ấy sau. Nhưng rõ ràng đó là do bàn tay con người làm ra.

Khoa học tiến lên như thế đấy, trong lĩnh vực khoa học thì kết quả tiêu cực cũng cần thiết và quý báu. Nhưng lúc đó chúng tôi như là đã đi đến Bắc cực dự định sẽ được gặp phép mầu nhiệm ở đây, nhưng ở đây chẳng có gì cả, ngoài cái về mặt tinh thần: những chỉ số của kính lục phân, của khí áp kế, của nhiệt kế...

Bí mật của những cánh rừng Bacmazôvô thế là vẫn không khám phá ra được. Nhai xong miếng bánh mì đen với quả dâu đất, chúng tôi đi xuống đồi đến làng Hốt Bố, ở đây có những đồi mộ cổ và nghĩa trang cổ không xa dòng sông Quỷ Đào. Trên đường đi, gần đầm lầy Jentukhinô, trong rừng đen sẫm và hẻo lánh,

Paven chỉ cho chúng tôi xem những cái nhà hầm mà trước đây những người đào ngũ đã ở đây: cứ theo những tàn tích bằng gỗ còn lại thì thấy rõ khi họ sống ở đây, họ đã làm đồ mộc; sau những người đào ngũ thì đến những kẻ nấu rượu lậu đã sử dụng nhà hầm, vì trên bờ suối còn lại những hố đào lên để đặt nồi cất rượu.

Cảnh tượng của nghĩa trang cổ làm chúng tôi phấn khởi lên: đây là một *nghĩa địa* Nôpgôrôt điển hình, và việc tìm ra nó ở đây, cách xa Nôpgôrôt, nhưng gần Chợ Lớn, trên đường của dân Nôpgôrôt đi mua lúa mì ở *Cánh Đồng* đã nói lên nhiều điều cho nhà sử học của địa phương này. Cạnh nghĩa địa này, một ngôi mộ cổ bị anh chàng Nicôlai mê tín đào lên vẫn còn há hốc một hố sâu, cạnh đấy nổi lên một ngôi khác chưa đào. Qua những ngọn cây trông rõ nước của hồ Xiôminô ở bên dưới.

Bây giờ, mọi việc được tiến hành rất quy củ, ngôi mộ cổ này thật điển hình và cạnh nó là một cái hố, dấu vết chỗ lấy đất đắp nấm mộ. Phương hướng mai táng xác định theo địa bàn là từ đông sang tây, một đường hào đã được đào ngang qua — từ nam: đào từ nam thì bao giờ cũng dễ thấy dải băng. Nhưng chỉ vừa mới đào một lúc thì lại gặp phải một tảng đá lớn, tiếp đến tảng thứ hai, thứ ba, và trời mưa, mưa mãi, mưa hoài...

Những nhà nghiên cứu thiên nhiên đào nghĩa địa, còn Liôva và Paven đào ngôi mộ cổ. Trời đã bắt đầu nhá nhem tối rồi, mà dải băng vẫn không có. Mãi lâu vẫn không có, và một tảng đá đồ sộ nữa lại làm trở ngại công việc. Paven đi về nhà vì có việc gì đấy gấp.

Chỉ một mình Liôva đào. Tôi biết nó lắm, — bây giờ thì nó đã tự thôi miên rồi, và mặc dù đã làm việc quá sức lâu rồi, nhưng nó không chịu bỏ xẻng: nhất định sẽ tìm được xương. Bỗng một tảng đá to ở sườn hào rời ra đụng vào tay phải làm nó bị thương, và người đào đất cuối cùng không làm việc được nữa. Cũng như lần khai quật di tích đầu tiên, lần này nhà bác học lại đi xa, dạo quanh địa điểm và suy nghĩ ở đấy. Chúng tôi đói meo, lấm bẩn, mệt phờ, thậm chí không còn tin rằng đó là ngôi mộ cổ nữa. Mikhain Ivanôvich tái nhợt ngồi trên gốc thông.

— Mikhain Ivanôvich, bác nghĩ gì thế?

— Tôi đang nghĩ là, — ông đáp, — không biết cháu Xônha của tôi nó có thi đỗ vào Trường Nghệ thuật cao cấp được không?

Và tôi cùng Mikhain Ivanôvich nghĩ thầm phải làm thế nào để kéo giáo sư không biết mệt mỏi kia ra khỏi ngôi mộ cổ được, làm sao chóng được về ngôi nhà gỗ của Paven, được ăn, được uống trà và sau đó được nằm nghỉ tại lều chứa cỏ khô. Không biết anh ta có lều chứa cỏ khô không nhỉ?

Lúc đó nhà khảo cổ đi đến và nói:

— Mụn!

Nghĩa là nhìn từ xa ngôi mộ cổ trông như một cái mụn trên mặt đất, và nếu thế thì nhất định đó phải là ngôi mộ cộ, di tích mai táng.

Trời đã tối rồi. Viện cớ trời tối, chúng tôi xin chấm dứt công việc trong ngày hôm nay.

— Được, — nhà bác học nói, — chúng ta sắp đi về rồi, nhưng Liôva đưa giúp tôi cái xẻng, tôi sẽ tự mình đào thử xem.

Và ông tụt xuống hào. Mái tóc bạc khi ẩn, khi hiện. ông đang đào. Nghe một tiếng xẻng thế nào ấy rất đặc biệt và mái tóc biến mất trong hào.

— Liôva, đến đây, cháu hãy cầm xẻng và gõ nhè nhẹ ở đây. Có nghe không? Tiếng kêu như thế chỉ có thể là xương thôi.

— Xương!

Chúng tôi nhảy lên. Cũng giống như trong cuộc đi săn, khi gặp may mắn thì bỗng từ đâu đấy có thêm một nguồn sức mạnh mới mà ta không biết được. Nhưng việc này thì còn lớn cuộc đi săn: đó là lúc thắng lợi của nỗ lực cuối cùng và quá sức nhằm hy sinh cho chân lý, nỗ lực đó phân biệt bản chất nhà bác học với những người khác và cũng chính cái đó đã tách nhà bác học nguyên thủy lấy được lửa ra khỏi thế giới loài khỉ. Lúc đó, trong bộ mặt của nhà bác học hiện đại, tôi thấy bộ mặt thực sự của tổ tiên chúng ta, của con người nguyên thủy thiên tài, với mình mẩy đầy lông, với ý chí sắt đá, với ánh lửa trong đôi mắt và chắc là với một trái tim dịu dàng, yêu đương ẩn sâu ở đâu đấy trong lòng...

Xương chân to và đen nằm ngang trong hào. Chúng tôi lấp đất lên nó và sung sướng, vui vẻ, sảng khoái đi về nhà Paven ăn tối. Trong công tác khoa học, để có được niềm vui sướng, hoàn toàn không cần sự huy hoàng, lộng lẫy, có khi chỉ là những mẩu xương nhỏ cũng đủ.

Tin đồn về việc tìm được xương nhanh chóng truyền đi khắp làng và khi chúng tôi ngồi uống trà ở nhà Paven, thì những người nông dân ngồi trên ghế dài. Họ nghe, chúng tôi nói.

Buổi tối hôm ấy chúng tôi vừa uống trà vừa nói chuyện, như những người có học thức thường nói chuyện với nhau, hoàn toàn không nhận thấy rằng cả một khối lượng tri thức và kinh nghiệm lớn lao của các thế hệ tiền bối đã đi qua trong câu chuyện giản dị của họ. Thế mà ở đây ngay trong nhà có những con người hồn nhiên, chất phác lắng nghe tất cả những điều ấy...

Chúng tôi nói chuyện về phương bắc và phương nam, nói về hằng nghìn năm như về những ngày, có khi chúng tôi nhìn trái đất như nhìn đồ chơi, có khi ngược lại, điều vặt vạnh, không đáng kể đã phát hiện được trong ngôi mộ cổ làm cho chúng tôi rất thích thú hồi lâu. Nhà khảo cổ kể cho chúng tôi rằng, có một bận, trong khi khai quật ở đâu đấy thuộc miền nam, một sinh viên tinh mắt đã tìm thấy một đồng tiền bé tí tẹo đã mòn, ẩn giấu trong đống xương, ngoài xương ra đó là vật tìm thấy duy nhất, và vật đó nhìn bề ngoài chẳng có gì đáng kể, nhưng nó đã qua tay nhiều nhà bác học để xác định, đến nỗi đồng trền ấy xuýt nữa thì bị hỏng và nếu thế có nghĩa là mất đi một sự xác nhận duy nhất và quý báu của thời gian; cuối cùng đồng tiền ấy được cho vào natri ăn da và lúc đó xác định được rõ ràng là thuộc thế kỷ thứ mười.

— Thứ mười, — có người nào đấy ngồi ở ghế dài nói, — tôi có một đồng tiền còn cổ hơn nhiều: năm bảy trăm hăm mốt.

— Nó như thế nào? — nhà khảo cổ ngạc nhiên hỏi.

— To, bằng đồng, như đồng năm xu.

Nhà khảo cổ cười, nói:

— Giá tìm được một đồng tiền như thế, thì có thể được thưởng một triệu rúp.

Sau đó, chúng tôi đứng lên và đi ngủ ở lều chứa cỏ khô. Chẳng bao lâu mọi người nằm ngủ; tôi ngồi hút thuốc ở trên súc gỗ trước lều và nói chuyện với Paven. Tôi muốn biết qua anh ấy về câu chuyện thú vị của chúng tôi trong nhà đã có ảnh hưởng gì đến những người nông dân.

— Đấy, mây tan, — Paven nói, — và ở họ cũng thế, ý nghĩ cũng tản ra, và đối với họ tất cả những cái đó dường như là truyện cổ tích. Nhưng kìa, bác thấy không, ông láng giềng kia đang bôi dầu nhựa thông vào trục xe ngựa tải, bác nhận ra ông ta không?

— Ông ấy đã nói về đồng tiền.

— Ông ta có một đồng tiền, tôi biết nó: năm 1721. Và cả ông ta cũng biết là một nghìn, chứ không phải bảy trăm, nhưng sau khi nghe giáo sư nói là với đồng tiền năm bảy trăm có thể được một triệu rúp thì đâm ra nghĩ vớ vẩn: «Cũng có thể là bảy trăm và có thể là mình sẽ được một triệu vì đồng tiền đó chăng?» Trong làng, ông ta không muốn đưa cho giáo sư xem — lỡ ra mọi người biết là ông giàu: cái đó thì phải làm bí mật. Đấy ông đang bôi dầu cho xe ngựa tải, và ngày mai sẽ đi vào thành phố vì việc ấy. Và cái đó thì tôi biết tỏng tòng tong rồi — ngày không phải ngày phiên chợ, ông ta chẳng có việc gì khác để vào thành phố cả, hơn nữa lão ta là người như thế đấy...

Khi tôi đi vào lều thì Liôva đã ngủ rồi, và mệt

mỏi quá sức, trong giấc mơ nó lầu bầu mãi một từ: «noocman» *, «noocman».

Nó làm phiền nhà khảo cổ, tôi đánh thức nó dậy và bảo nó chuyển chỗ nằm đến gần tôi.

Nhà khảo cổ hỏi:

— Liôva, vì sao trong khi ngủ cháu cứ nhắc đi nhắc lại mãi: «noocman», «noocman»?

— Bác ạ, cháu đoán thế này, mà không dám hỏi bác. Bác nói là chân của người mà chúng ta khám phá ra được rất to và chắc đó là người đàn ông. Đấy, cháu muốn hỏi bác rằng đối với người đàn ông thì chân ấy to à?

— Đúng thế, cả đối với đàn ông nữa, tôi cũng nghĩ thế.

— Thế người ấy có phải là người Noocman không? Đấy, cháu đoán như thế. Bác nghĩ thế nào, có phải là người Noocman không?

— Không, Liôva ạ, nếu người đó là Noocman thì chúng ta chỉ tìm thấy cái lọ và tro thôi, vì người Noocman có tục hỏa táng.

Sau đó, Liôva ngủ thiếp đi và không lầu bầu gì nữa.

Ý nghĩ về con người nguyên thủy không làm phiền tôi ngủ nữa, vì nét mặt của người đó giờ đây tôi đã quen thuộc rồi. Và mọi người chúng tôi ngủ ngon lành và thức dậy với sự chờ đợi vui vẻ sẽ tiếp tục việc khai quật ngôi mộ cổ và sau đó tiếp tục cuộc viễn du.

May cho chúng tôi, cuối cùng mặt trời tuyệt đẹp đã mọc lên, và trong ánh sáng mặt trời, chúng tôi

---

* Tên gọi các dân tộc ở bán đảo Xcanđinavơ ngày xưa. — *ND.*

nhận ra ngay được *dải băng* mà ngày hôm qua không tìm thấy, tức là dấu vết lớp cỏ đã mục nát ở dưới nấm mộ. *Mép* của ngôi mộ cũng hiện ra rõ rệt. Từ đông sang tây theo địa bàn, chúng tôi vạch một đường thẳng qua chỗ tìm ra xương và theo đường thẳng đó đào một hào để *bốc mộ* mà chốc nữa chúng tôi sẽ lấy xương ra qua hào ấy. Liôva và Paven lại đào, còn tất cả chúng tôi nằm ở bên trên ngôi mộ cổ, chăm chú nhìn, và cứ mỗi lần khuỷu tay người nào đấy làm rơi đất vào trong hào thì Liôva văng tục, bây giờ nó hoàn toàn phụ trách việc khai quật. Nicôlai cũng nằm bên cạnh chúng tôi và nhìn xuống mộ, anh ta thường làm đổ đất xuống hào, hình như từ bên trong lòng anh ta căng ra vì sự phấn chấn, mặc dù anh không để lộ ra ngoài...

Bây giờ đã đến gần bộ xương rồi, đào bằng xẻng thì nguy hiểm. Paven trèo ra và nằm cạnh chúng tôi, còn giáo sư xuống hào, bày cho Liôva cách hót đất bằng tay, rồi giao cho nó toàn bộ công việc ấy và lên với chúng tôi. Cuối cùng ông nói:

— Cái đầu tiên lòi ra sẽ là chiếc sọ.

Và nghe thế thì Nicôlai lại làm rơi nhiều đất xuống hào.

Liôva bóp tơi mỗi hòn đất, gặp mỗi hòn đá nhỏ tí đều đưa cho giáo sư xem và mỗi lần thấy ngón tay vướng ở đất, nó đều nói:

— Đấy, cái đầu sắp lòi ra rồi.

Lúc ấy, khuỷu tay của Nicôlai lại làm rơi đất xuống hào.

— Nicôlai, có lẽ là anh sợ chứ gì, — Liôva nói với anh ta, — tốt hơn là anh đi đi.

Và cuối cùng bỗng cậu reo lên và chắc là reo đúng:

— Cái đầu, cái đầu!

Giáo sư tụt xuống hào, sờ chỗ ấy và nói:

— Đúng rồi, cái đầu đấy.

Nicôlai mặt tái đi và nhìn chằm chằm vào chỗ ấy.

Paven nói khẽ:

— Cứ theo những cuộc khai quật như thế này chắc là có thể biết được nguồn gốc con người.

Chẳng ai nói gì với anh về điều đó cả: mọi người đều căng thẳng chờ đợi thấy cái đầu con người lòi ra, con người đã nằm dưới đất có lẽ chừng tám trăm năm. Và nó lòi ra một cách trang trọng nhiều hơn tôi đã tưởng tượng. Điều chủ yếu là màu của nó không phải màu xương bình thường, mà dường như màu đỏ nhạt, gần như đồng đỏ hay đất sét nung, vì thế nếu không nhìn thấy phần trước mặt thì người nào cũng có thể tưởng lầm đó là hũ đựng tiền. Nhưng Liôva thận trọng lau đất cho cái đầu con người nguyên thủy, và lộ ra cái trán người chết và những chiếc răng, điều chủ yếu là răng trắng bạch...

Khi mọi người chúng tôi lặng thinh và chăm chú nhìn rất căng thẳng những chiếc răng lộ ra, thì bỗng Nicôlai cười lên the thé và đưa âm tiết «hé» mỗi lúc một cao, cao mãi giống như cái còi, hay đúng hơn giống con ngựa đực hí: hé-hé-hé-hé-é-é... Đến âm tiết «é» rất cao thì tiếng ngựa hí bỗng dứt hẳn, và tiếng cười như thế này:

— Hé-hé-hé-é-é... mẹ mày.

Đó là tiếng của con người mà tinh thần sáng tạo đã rời bỏ hắn, cũng như con khỉ hoàn toàn không có tinh thần sáng tạo và vĩnh viễn vẫn là con khỉ thôi, và tiếng

ấy đối với tất cả chúng tôi đều vừa quen thuộc, vừa dễ sợ, vừa dễ ghét, và cuối cùng vừa buồn cười. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên, ngẩng đầu lên và bật cười ha hả.

Chỉ một mình Paven không cười, anh đã quá quen thuộc với tiếng ấy, nên không cười. Anh đưa cặp mắt to màu xám với vẻ đăm chiêu nghĩ ngợi, nghiêm khắc nhìn con người đang hí lên và ra lệnh, như với con khỉ:

— Đồ ngốc, câm họng đi, cứ theo những cuộc khai quật thế này sẽ biết được nguồn gốc con người!

Có rất nhiều cái lạ lùng trong cách mai táng con người to lớn ấy với những chiếc răng chắc chắn và tươi màu, và vị trí không đúng của các xương, đặc biệt là ở đốt sống cổ. Nhưng giáo sư không nói gì với chúng tôi về điều đó cả, và chỉ khi chúng tôi cùng với ông lại đi trên bờ hồ thì ông mới nói lên giả định của ông: «Chắc hơn cả là người ấy bị thắt cổ».

MÙA XUÂN CON NGƯỜI
LOÀI PHÙ DU XUẤT HIỆN

Hai dòng sông, một dòng đổ vào sông Ôca, dòng kia đổ vào sông Vônga, chảy qua *Cánh Đồng* phì nhiêu — ngay giữa *cánh đồng*, dòng kia chảy qua Sau Rừng đầm lầy — và chẳng hiểu vì sao *những người Xlavơ cổ ở rừng* gọi cả hai dòng sông ấy cùng một tên *Necli*. Sông Necli Cả mà chúng tôi đi từ hồ Xiôminô ra và tiếp tục hành trình trên sông ấy, và sông kia là Necli Con. Ở giữa hai dòng sông đã có một chỗ để kéo thuyền qua từ sông này đến sông khác, cả sông này lẫn sông kia

cũng là một con đường giống nhau từ Sau Rừng đến Cánh Đồng và có lẽ vì thế hai dòng sông hoàn toàn khác nhau ấy cùng mang một tên.

Chúng tôi bơi thuyền trên dòng sông Necli Cá, giữa những đầm lầy đơn điệu và theo những cung sông, nên ngôi nhà thờ làng Côpninô dịch gần lại chúng tôi trong nửa ngày và rời xa chúng tôi trong nửa ngày. Ở đâu đấy trên bờ sông, người chăn bò trai trẻ đang học thổi kèn, và những âm thanh ấy chúng tôi cũng nghe rõ, khi to, khi nhỏ gần như suốt ngày.

Cả chiếc phong vũ biểu của Xecgây Xecgâyich lẫn cái chân của cha đạo Filimôn đều cùng báo trước thời tiết xấu, suốt ngày mưa tầm tã trút xuống ướt chúng tôi. Nhưng tôi không biết có lúc nào, dù chỉ một ngày thôi, mà không có cái gì xinh đẹp. Lúc gần tối, mặt trời hiện ra, và vì vắng bóng mặt trời lâu, nên giờ đây nó trở nên xinh đẹp tuyệt vời; những tảng đá đồ sộ từ dưới nước nhô lên, rừng thông đứng trên bờ cao; và cha Filimôn xin phép vị thủ trưởng nghiêm nghị của mình được lên bờ dù chỉ năm phút thôi. Mọi người chúng tôi đều đã đoán được cha đạo Filia xin lên bờ cao để làm gì, vì những việc đo đạc dòng sông của chúng tôi, việc thí nghiệm tốc độ dòng nước, việc tính độ cao bằng phong vũ biểu, việc nghiên cứu các nghề thủ công, những con số dân cư mà chúng tôi lấy được ở ông chủ tịch Xô-viết xã, số lượng đất đai và đồng cỏ, những bản phác họa của các mái nhà ở trong rừng, của các khung cửa sổ chạm, các đường nét khắc trổ, của nóc mái nhà hình con ngựa, con gà trống, — toàn bộ công việc nghiên cứu địa phương cần thiết ấy chỉ sau một thời gian mới cho biết được những

đặc điểm của dòng sông này, thế mà cha đạo Filia cảm thấy hình như nếu cha trèo lên trên bờ và nhìn, thì trước mắt cha sẽ có một đất nước mới mẻ mở ra ngay lập tức.

Nơi cha leo lên quả thật là tuyệt đẹp: những bờ cao với rừng thông cao vút đến nỗi ngẩng đầu lên nhìn thì cái mũ từ đầu rơi xuống, dòng sông phủ đầy những hoa súng trắng và vàng, qua những cánh cổng màu xanh của cây cối trông rõ một cái vụng rất lớn đến nỗi không biết được phải cho thuyền đi hướng nào: cái vụng rộng hơn con sông nhiều và quyến rũ chèo thuyền đến đấy; thế nhưng ở đằng kia, trên sông, có hai «người gác» màu xanh, hai cây lau mảnh khảnh, cứ rung rung mãi và cúi oằn xuống vì dòng nước rào rạt chảy xuôi, thế nghĩa là con sông ở đằng kia, và phải đi về hướng ấy.

Những khó khăn gian khổ của cuộc viễn du luôn luôn được bù lại bởi những giây phút yên tĩnh của tâm hồn, khi có một hiện tượng không đáng kể nào đấy bỗng dưng mở ra tất cả những vẻ đẹp lộng lẫy, huy hoàng của thế giới. Trong khi chờ đợi cha trở về, tất cả chúng tôi cùng ngắm nhìn vẻ đẹp vũ khúc của muôn nghìn con phù du chập chờn bay trên mặt nước trong những tia sáng chiếu xiên của mặt trời tà. Cuộc đời của những sinh vật màu trắng ấy — có hình dáng như những con bướm bé tí — chỉ vẻn vẹn một ngày thôi: nhưng chúng đã sống trong một ngày duy nhất ấy đã quy định cho chúng một cách tuyệt vời làm sao! Và ngày ấy tôi nhận ra mình như họ hàng của chúng: tôi cũng đã từng có một ngày duy nhất như thế.

Bổng ở bên trên, từ đường, một bài ca bay từ trong rừng thông đến tai chúng tôi, bài ca cũng ngắn ngủi như cuộc đời phù du, tiếp theo là bài thứ hai, thứ ba do mấy cô gái hát. Những bài ca vang lên lanh lảnh và chúng tôi cảm thấy dường như những con phù du nhảy múa trên mặt nước chính là theo âm điệu những bài ca ấy. Các chàng «Rôbinsơn» của chúng tôi lấy đàn manđôlin và balalaica và chuẩn bị sẵn sàng. Từ trong rừng thông, một chiếc xe ngựa chở đầy các cô thôn nữ chậm rãi chạy về phía đoàn thuyền chúng tôi. Khi thấy những chàng trai, các cô gái từ dốc cao liền cất tiếng hát:

Mắt nâu em đưa tình,
Như xe trượt lao nhanh
Từ đồi cao xuống dốc,
Làm mê tít nhiều anh.

Đợi cho xe các cô gái đi ngang hàng với các thuyền của chúng tôi bên dưới, các chàng «Rôbinsơn» gảy dây đàn và từ dưới nước ứng khẩu hát vang để đáp lại:

Thẩn thơ anh dạo thuyền mành.
Dưới thuyền làn nước trong xanh.
Cô em yêu, mặc áo trắng,
Còn dưới áo... một cái xanh.

Những tiếng reo cười ầm ĩ trên dòng sông vang lên rừng thông, và ngay lúc đó từ trong rừng cha Filimôn hiện ra, mặt mày tươi rói, trong tay cầm một bó dâu đất chỉ vừa chín tới.

— Thế nào, cha, cha thấy cái gì hay ở bên trên ấy, cha cầm cái gì thế?

— Trời ở đây ấm hơn nhiều, — cha Filimôn nói. — Ở Pêrêxlap, dâu đất chỉ vừa ra hoa, mà ở đây thì đang chín tới.

NGÀY HỘI TẦM MA TRƯỚC TUẦN ĐẠI TRAI

Đoàn thuyền của chúng tôi xuất hiện ở trên sông vắng vẻ này thật là một sự kỳ lạ đến nỗi hầu như dân cả làng này đi trên bờ để tiễn chúng tôi đến làng khác, và ở làng này lại có thêm nhiều người nhập bọn nữa, rồi đến làng thứ ba thì toàn bộ đám người ấy đón chúng tôi trên bờ! Sau khi nhìn chằm chằm vào mặt chúng tôi, họ đẩy tôi ra và bắt đầu hỏi; té ra điều họ quan tâm nhiều hơn cả là cha đạo của chúng tôi.

— Đó là vị linh mục chính cống đấy chứ?

Tôi nói là: tất nhiên rồi, chính cống.

Họ đưa mắt nhìn nhau.

— Thế tức là cha đạo à?

— Tất nhiên rồi.

Tất cả những cái đó làm cho những người sống rất xa đường sắt vô cùng ngạc nhiên. Bà con nông dân suốt đêm tập hợp sôi nổi quanh những chiếc lều của chúng tôi, những người tò mò hé mở cửa lều và không cho chúng tôi ngủ.

Tại chỗ này ngày hôm sau, nhóm nhân chủng học của chúng tôi lên đường đến làng Likhơrevô nghiên cứu «ngày hội tầm ma trước tuần đại trai», có lẽ là di tích của sự sùng bái cổ kính thần Iarilô.

Tôi không tin lắm là chúng tôi sẽ được thấy người ta hành lễ thật sự, mà nghĩ rằng sẽ chỉ ghi lại những nghi lễ cổ kính theo lời một bà cụ nào đấy ở làng

10–1672

Likhơrevô kể lại mà thôi. Nhưng, tất nhiên, khi chúng tôi đến làng ấy thì chúng tôi không hỏi ngay về thần Iarilô: chúng tôi đến nghiên cứu những xưởng đồ gốm. Chỉ khi tấm lòng của những người *thợ đồ gốm* ấy đã mở rộng với chúng tôi, thì cuối cùng chúng tôi mới bắt đầu nói đến ngày lễ tượng trưng sự phát triển lớn nhất của các lực lượng sinh sản mùa xuân và về vị thần của đa thần giáo. Khi ấy một người đã già trong đám thợ gốm bước ra, ông ta trạc ngoài sáu mươi, mỉm cười, như thần Điền Dã vẫn thường cười, để lộ những chiếc răng chắc chắn và nói:

— Thực ra, đó chính là tôi.

Khi đó những thợ đồ gốm thôi không kể về các xưởng của họ nữa, và một sự vui nhộn bắt đầu quanh vị tu sĩ ấy của thần Iarilô. Mọi người đều nhắc đi nhắc lại:

— Vlaxit sẽ chỉ cho các bác và các anh xem tất cả.

Và chính Vlaxit nói:

— Tôi thử chỉ.

Chẳng bao lâu chúng tôi nghe thấy lời ca tiếng hát và vội vã đi ra đường, nơi các bà và các cô bây giờ đang *làm đất, giẫy cỏ trên đồng*.

Cái đó thì dễ hiểu — các bà vừa tiến lên tới trước mặt các cô, vừa hát:

Còn chúng tôi thì làm đất giẫy cỏ, giẫy cỏ trên đồng!

Sau đó, các cô tiến lên tới trước mặt các bà, và cứ như thế hai hàng người ấy, vừa từ từ chuyển động trên đường, vừa múa điệu nông tác vũ theo lời ca của bài hát nổi tiếng cổ kính nhất: «Chúng tôi gieo kê, gieo kê».

Một số người gieo, một số khác thì thả ngựa và giẫm nát, những người chủ ruộng kê đuổi bắt ngựa và đòi phải đền bù thiệt hại: một cô gái. Chàng trai bênh vực cô gái và thế là hai bên đánh nhau bằng dao...

Nói chung, tất cả những cái đó tượng trưng cho việc chuẩn bị những hành động thực tế, làm đất, giẫy cỏ trên đồng, nơi chẳng bao lâu sẽ bắt đầu việc gieo trồng thực sự. Vlaxit hài lòng thì thầm với các bà cầm đầu, thỏa thuận xong và bây giờ đang đứng đợi người ta làm đất, giẫy cỏ cho vụ gieo trồng.

Trong đám đông, có người nào đấy nói về Vlaxit:

— Ông ta là *ủy ban gieo trồng* của chúng tôi đấy.

Và khi nghe thế, chính ông giải thích cho chúng tôi rằng các bà đã chọn ông từ lâu và ông bây giờ là người gieo duy nhất, không còn ai có thể gieo được nữa. Thỉnh thoảng ông biến đi đâu mất và khi quay trở lại mỗi lúc một vui hơn, vui hơn mãi. Lần cuối cùng, ông quay trở lại với một cây sào dài lắm, dài đến những gấp chừng mười lần chiều cao của ông, và ở trên đầu sào có buộc một bó lá tầm ma.

Ông dựng cây sào lên.

Iarilô bằng sồi
Đứng trên cọc cao
Cạnh cây.*

Những người xem vây tròn quanh người gieo, trong vòng tròn ấy trẻ con ngồi theo ba nhóm, mỗi nhóm ngồi theo một khoảng cách bằng nhau, hình tam giác.

---

* Xecgây Gorôđetxki — «Iarilô» — *Chú thích của tác giả.*

Một bà cụ — nhân vật hoạt động thứ hai mà ở đây mọi người đều biết là người làm trò nổi tiếng Macfa Baranôva — đi đến gần ông cụ là người gieo. Ông cụ và bà cụ hoạt động trong vòng, di chuyển trẻ con để có thể đi dễ hơn giữa chúng, điều khiển các người lãnh đạo của toàn thể cái khối các bà và các cô đi một cách rất phức tạp trong vòng. Cuối cùng, mọi cái đã chuẩn bị xong, và những mắc đầu tiên của sợi dây xích dài dằng dặc toàn là những phụ nữ ăn mặc đẹp đẽ trong ngày hội đi vào vòng. Họ vừa hát. vừa nhảy rồng rắn giữa ba nhóm trẻ con, số còn lại thì uốn lượn theo những vòng xoắn ốc. Cuối cùng, mọi người phụ nữ đều nối đuôi nhau đi, nhưng chẳng bao lâu những người xem không nom thấy bọn trẻ con nữa, vì những người phụ nữ đi giữa chúng nó và che lấp, đường đi của họ biến mất, và thậm chí cảm thấy hình như họ không đi, mà lượn, như cánh đồng lúa mạch đen chín vàng lượn sóng trong cơn gió, và mọi người đều tiến đến gần cây sào cao với bó lá tầm ma và đến ông cụ và bà cụ đứng dưới cây sào ấy.

Đội đồng ca hát lên:

Trên núi — anh túc, dưới núi — anh túc,
Anh túc — anh túc, hỡi các cô nàng,
Hãy đứng vào hàng!

Và người ta hỏi vang:

Đậu đã chín chưa,
Đậu đã chín chưa,
Đậu đã chín chưa?

Đội đồng ca lặng thinh, đợi ông cụ và bà cụ trả lời. Không, hóa ra không những đậu chưa chín, mà thậm

chí đất còn chưa cày bừa và không có ngựa: còn phải nuôi ngựa con đã, mà ngựa con thì chưa có — phải cử người đi mua trứng ngựa cái.

Mọi người cười rộ lên và lại vừa đi vòng, vừa hát:

Trên núi — anh túc...

Một thời gian trôi qua, đến câu hỏi của đội đồng ca «đậu đã chín chưa», thì ông cụ trả lời rằng ngựa con đã lớn, nhưng khổ thay, lưỡi cày bị gãy, phải đặt thợ rèn lắp thêm vào cày *một đoạn dài già gang tay*.

Một thời gian nữa trôi qua, và đến đây lại có trở ngại khác: ông cụ bị ốm và không có ai để cày cấy, gieo trồng.

Cứ thế, ông cụ ốm mãi, và cứ thế cây đậu mọc lâu, còn các cô gái thì sốt ruột, họ cứ đi vòng mãi và hỏi:

Đậu đã chín chưa?

Không khí trở nên vui nhộn, khi ông cụ bắt đầu bình phục và đùa nghịch với bà cụ, mà đùa nghịch thật là mặn mà làm sao! Cây đậu cũng lớn rất nhanh.

— Chà, cây đậu này sẽ rất tốt đây! — người gieo reo to.

Và bây giờ đậu đã có những dải, — đây rồi một quả đậu *dài già gang tay* đã lòi ra.

Khi đó cả đám phụ nữ tiến lên và cuối cùng hỏi:

Đậu đã chín chưa,
Đậu đã chín chưa,
Đậu đã chín chưa?

Một tiếng thét vang: «Chín rồi!» — cụ già buông cây sào có bó lá tầm ma, những người phụ nữ né ra,

bó lá rơi bịch xuống đất, ông cụ ngả người vào bà cụ, các chàng trai cầm lá tầm ma đuổi theo phụ nữ và quất vào chân họ.

Những người xem hết sức hân hoan và hài lòng nhắc đi nhắc lại

— Chín rồi, chín rồi.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ KHẢ Ố

Khi cuộc biểu diễn đã xong, chúng tôi đến nhà Vlaxit và mời cả Macfa Baranôva đến đấy. Ở đây, chúng tôi đã ghi lại nghi lễ rất chi tiết với nhiều câu nói và từ rất dí dỏm, những câu nói và từ ấy làm cho chúng tôi tin chắc rằng chúng tôi đang giao thiệp chính là với Iarilô, thần mùa xuân của con người. Thực ra, đó chỉ là những di tích khá nghèo nàn của sự sùng bái cổ kính, nhưng ngay cả những di tích ấy cũng đủ để tái sinh lòng tôn kính mà nhiều người đã mất đối với lực lượng tái sinh sản con người trên trái đất. Thậm chí chúng tôi đã hiểu rằng cái đó đã đạt được bằng cách nào: vì tất cả những cái đã được gọi một cách thô lỗ hầu như bằng tên của chúng, nhưng sự thô lỗ ấy là cần thiết, cũng như sự thô lỗ của đất đai sản sinh ra những đường tua ren rất tinh vi của cỏ và hoa...

Chúng tôi hài lòng và sung sướng thậm chí với những di tích nghèo nàn ấy của mùa xuân con người, vì chúng tôi là những người làm công tác khoa học, mà đối với những nhà khoa học thì có di tích cũng đủ lắm rồi...

Khi chúng tôi đi về thì xảy ra như trong khi hành lễ tầm ma: con ngựa con ở trên cánh đồng và phải

đi bắt nó đem về. Người ta chẳng để cho chúng tôi ngồi lâu một mình trong nhà với Vlaxit và Macfa Baranôva; dần dần những người tò mò tập hợp lại, và bỗng những người phụ nữ mà chúng tôi đã cho một ít tiền sau «lễ tẩm ma», ào ạt xông vào nhà chúng tôi như một cơn lốc, và tất cả đồng thanh reo lên như một đàn chim đồ sộ đang gào thét. Thậm chí thấy hơi khó chịu vì cái cảnh ồn ào huyên náo như trong lễ Tửu thần ấy, và cảm thấy hình như tất cả bọn họ sẽ lao vào và xé ra từng mảnh. Đặc biệt một bà gào thét to hơn cả, bà này trông như tạc ra từ một hòn đá và sơn màu, cạnh bà ta là một bà mặt vàng, rồi đến một bà mặt đỏ như gấc, rồi đến một bà tóc đen láy duyên dáng cũng bị cơn lốc cuốn vào. Mồm mọi người đều mở rộng và răng mọi người đều sáng ánh lên. Khó khăn lắm chúng tôi mới hiểu được là tất cả mọi người đều cùng nói những lời giống nhau theo các giọng khác nhau: «sáu mươi côpêch», và cuối cùng khi chúng tôi đã đoán được việc gì thế và trút vào tay của một bà sáu mươi côpêch ấy, thì tất cả họ ùa ra khỏi nhà và nhanh như chớp họ chạy đi đâu đấy trên đường làng, một vài bà vấp rất đau.

— Các bà góa và không con, — Vlaxit nói với chúng tôi.

— Các bà góa, — tôi hỏi, — cái đó thì dễ hiểu, nhưng những bà không con thì có chồng cơ mà.

— Nhưng phải chăng ông chồng có thể đuổi kịp được bà vợ không con, bà vợ không con là người đàn bà tự do.

Không còn nghi ngờ gì nữa, trước mặt chúng tôi những người nữ tín đồ đa thần giáo đã đi qua mà cha

ông của Thiên chúa giáo chúng ta đã gọi là *những người đàn bà khả ố.*

Nhưng vấn đề không phải là ở những người đàn bà ấy, vì những người đàn bà như thế có ở khắp nơi, mà vấn đề là ở thái độ đối với họ của những người nông dân đứng đắn cùng ngồi với chúng tôi ở trong nhà của Vlaxit. Một người trong số đó thậm chí đã nói:

— Chúng tôi cho rằng, đối với chúng ta, những người đàn bà ấy có cái lợi lớn: dù sao chăng nữa thì cũng phải có người nào đấy đem lại cho chúng ta nguồn vui trong cuộc sống chứ.

LÚA MẠCH ĐEN BẮT ĐẦU TRỖ

Buổi tối tuyệt đẹp. Những cánh đồng lúa mạch đen đã bắt đầu trỗ. Khắp nơi rào rạt, phảng phất một tình yêu hùng mạnh xuất phát từ sự trưởng thành của những sinh vật do đất đai sinh ra. Chúng tôi cùng với Vlaxit đi trên cỗ xe ngựa tải, và ông kể cho chúng tôi nghe về bản thân, rằng ông đã gặp bao nhiêu đau khổ với bà vợ thứ nhất: đứa con bị cắt khi còn trong bụng mẹ và sau đó không thể ăn nằm với bà ấy được; và cứ thế ông chịu khổ suốt đời; thực ra thì ông cũng chẳng kiêng nhịn gì, nhưng dù sao thì cũng không có con được, mà không có con thì cuộc sống của nông dân còn ra cái gì nữa. Và thế rồi bà vợ ấy chết, ông cưới một bà trẻ măng, đẻ ra một đàn con nhỏ, ông bây giờ đã ngoài sáu mươi rồi, sức lực bắt đầu giảm sút, nhưng lại phải làm việc nuôi gia đình mỗi ngày một nhiều hơn và chắc là ông sẽ không được hưởng sự giúp đỡ của các con mình.

Lúc đó xe chúng tôi đi qua một làng, và trên đường gặp một cần ăngten cao và dài lạ thường. Vlaxit rất muốn biết về cái đó và thế là phải nói cho ông nghe về vô tuyến điện.

— Thế các bác có nghe nói, — ông hỏi, — về tinh dịch của khỉ không? Dường như là tiêm nó thì lập tức trẻ lại chừng dăm tuổi...

— Sao bác nói thế, — một người cùng đi với chúng tôi nói, — chẳng phải năm, mà khoảng hai mươi lăm tuổi cơ đấy.

— Không, không, — Vlaxit nói, — tôi thì chỉ mong được năm tuổi cũng tốt rồi, để cho các cháu nó lớn lên, chứ cũng chẳng cần hơn, để làm gì...

Và ông bắt đầu hỏi rất nghiêm chỉnh làm thế nào kiếm ra tinh dịch đó được.

Còn làng mà chúng tôi thấy cần ăngten thì dài dằng dặc; chúng tôi đi xe mãi lâu mà vẫn chưa hết, một hòn núi thì chẳng đủ cho làng ấy, làng bò xuống vùng đầm lầy và từ đó lại leo lên núi với những ngôi nhà mới xây, — rõ ràng là nhân dân ở chốn thâm sơn cùng cốc này đã tăng nhanh về số lượng với một sức mạnh lớn lao.

Ở đây, trong ánh hoàng hôn màu da cam, chúng tôi được thấy hai dòng sông Necli và Cubria hòa hợp lại, và sau cầu cũng thấy một làng giống như Anđrianôvô tràn đầy sức sống, làng Grigôrôvô, và ngay ở đấy là một đám đông nhân dân cả ở trên bờ sông lẫn ở trên đường làng và tất cả những cái đó sống, luôn luôn vang lên những bài ca, giống như những con phù du. Còn trên sông thì cha đạo Filia chèo chiếc thuyền to của cha, và trên thuyền thì có chừng bốn mươi đứa bé ngồi

san sát nhau, giống như ông cụ Mazai với đàn thỏ *: cha đạo đang chèo thuyền chở trẻ con vui chơi. Các chàng «Rôbinsơn» chèo thuyền chở các cô gái, và các cô ngồi trên thuyền cũng dày đặc như trên thuyền ông cụ Mazai, và họ luôn mồm hát vang theo tiếng đàn manđôlin và balalaica. Thấy chúng tôi, cả đám người chạy ùa theo xe ngựa tải, và cứ như thế chúng tôi về đến mấy cái lều của mình ở trên bờ sông Cubria. Thế là chỉ một ngày vắng chúng tôi mà đoàn khảo sát đã hoàn toàn mất tính chất khoa học; và khi cha đạo Filia hơi ngà ngà say trở về, — nói chung, cha đạo sợ nhà khoa học phụ trách đoàn — thì cha đã nghe lời ông này căn dặn:

— Này, cha, đừng quá say mê việc nghiên cứu địa phương đấy nhé.

* Trong bài thơ Ông cụ Mazai và đàn thỏ, nhà thơ Nga N. A. Nêcraxôp (1821—1877) kể lại chuyện một cụ già đi săn chèo thuyền chở đàn thỏ ra khỏi khu rừng bị lụt. — *ND.*

MÙA HÈ

LẦN ĐẦU TIÊN ĐỨNG RÌNH MỒI

Con chó săn nòi của tôi tên là Rômun, nhưng tôi thường gọi nó là Rôma hay Rômca, đôi khi tôi gọi nó là Rôman Vaxilit.

Chân cẳng và hai tai của Rômca chóng lớn hơn cả. Tai của nó dài lắm đến nỗi khi nhìn xuống dưới thì hai tai che cả đôi mắt, còn nó thì thường đụng cẳng vào cái gì đấy và ngã lộn nhào.

Hôm nay, xảy ra một trường hợp thế này: từ dưới hầm nhà nó leo lên bậc thềm đá, chân nó vấp phải nửa hòn gạch, và hòn gạch ấy lăn xuống dưới thấp, rơi bịch, bịch ở mỗi bậc thềm. Rômca thấy thế và hết sức ngạc nhiên; nó đứng ở bên trên và buông thõng hai tai dài trên đôi mắt. Nó nhìn rất lâu xuống dưới thấp, nghiêng nghiêng cái đầu khi bên này, khi bên kia để tai rời ra khỏi mắt và có thể nhìn được.

— Rôman Vaxilit, hay quá nhỉ! — tôi nói. — Hòn gạch hình như đang sống, vì nó nhảy cơ đấy!

Rôma nhìn tôi một cách thông minh.

— Chớ có nhìn tôi lắm, — tôi nói, — đừng lơ tơ mơ, không thì nó lấy hết sức và nhảy trở lại lên trên, rồi nện vào mũi mày đấy.

Rôma đưa mắt nhìn xuống. Chắc nó rất muốn chạy đến và xem thử vì sao hòn gạch vô sinh ấy, bỗng sống lại và lăn như thế. Nhưng đi xuống dưới ấy thì rất

nguy hiểm: lỡ ra ở đây hòn gạch sẽ tóm cổ nó và kéo xuống mãi mãi dưới hầm nhà thì sao?

— Thế thì làm gì, — tôi hỏi, — lẽ nào chạy trốn à?

Rôma nhìn tôi chỉ trong nháy mắt, nhưng tôi đã hiểu rõ nó, nó muốn nói với tôi rằng:

«Chính tôi cũng nghĩ làm sao chạy trốn được, nhưng nếu tôi chỉ vừa quay lại, nó liền tóm lấy cái đuôi của tôi thì làm sao?»

Không, cả cái đó cũng không thể làm được, và Rôma cứ thế đứng hồi lâu, và đó là lần đầu tiên nó đứng rình mồi theo dõi một hòn gạch vô sinh, giống như những con chó lớn thường làm khi chúng đánh hơi thấy chim rừng sống trong cỏ.

Rômca càng đứng lâu chừng nào, nó càng thấy nguy hiểm và đáng sợ chừng ấy: theo cảm giác loài chó thì như thế này — kẻ thù càng giả vờ chết lặng chừng nào thì sẽ khủng khiếp hơn chừng ấy, khi bỗng nhiên nó sống lại và nhảy chồm lên.

«Tôi sẽ đứng lâu hơn nó», — Rômca định bụng. Và nó cảm thấy hình như hòn gạch thì thầm:

— Tao sẽ nằm lâu hơn mày.

Nhưng hòn gạch có thể nằm đến trăm năm cũng chẳng sao, chứ đối với con chó con hữu sinh thì khó lắm. Nó mệt và run lên.

Tôi hỏi nó:

— Rôman Vaxilit, thế thì làm gì bây giờ?

Rôma trả lời theo cách của nó:

— Hay là sủa?

— Nào, sủa đi! — tôi nói.

Rômca sủa lên và nhảy lùi lại. Chắc vì sợ, nên nó cảm thấy dường như nó đã đánh thức hòn gạch dậy

và hòn gạch đã hơi nhúc nhích một chút. Nó đứng nhìn từ xa, — không, hòn gạch không bò ra. Nó len lén đến gần, thận trọng nhìn xuống dưới: hòn gạch vẫn nằm đấy.

— Hay là sủa một lần nữa nhỉ!

Nó sủa lên và nhảy lùi lại.

Khi đó, nghe tiếng sủa, Ket, mẹ của Rôma, chạy lại, nó nhìn chằm chằm vào chỗ con nó sủa, và chậm rãi bắt đầu đi xuống, bước từ bậc này đến bậc khác. Tất nhiên, lúc đó Rômca ngừng sủa, giao phó việc ấy cho mẹ, còn mình thì nhìn xuống dưới bạo dạn hơn nhiều.

Ket đánh hơi, nhận ra được dấu chân của Rôma trên hòn gạch đáng sợ ấy, nó ngửi hòn gạch: hòn gạch hoàn toàn chết và không có gì nguy hiểm cả. Rồi đề phòng xa, nó dần dần ngửi quanh tất cả; chẳng tìm thấy cái gì đáng nghi, nó quay đầu lên trên và bằng mắt nói với con:

— Rôma, mẹ cảm thấy ở đây mọi cái đều bình yên vô sự, con ạ!

Sau đó, Rômun yên tâm và vẫy đuôi. Ket leo lên bậc thềm, Rômun đuổi theo mẹ và đùa nghịch với tai của mẹ.

TRƯỜNG HỌC TRONG BỤI CÂY

Cần phải dạy cho con chó săn nòi đang tơ để khi nó chạy trên cánh đồng quanh người đi săn không xa quá tầm súng, cách năm mươi bước, còn ở trong rừng thì gần hơn, và cái chính là phải luôn luôn nhớ đến chủ và không quá mải mê sa đà theo mồi. Và tất cả những cái đó gộp lại — đi theo những vòng tròn chính

xác trên cánh đồng và không lạc mất chủ trong rừng — gọi là cách tìm mồi đúng đắn.

Tôi đi đến ngọn đồi um tùm những bụi cây và đem Rômca đi theo. Đồi cây bụi ấy dành cho dân làng để chặt làm củi, và vì thế người ta gọi nó là *khu để dành*. Tất nhiên, ở đây người ta chia ra từng khoảnh, và người nào lấy củi ở mảnh đất của mình, cần bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Có người không lấy gì hết, và khoảnh đồi của người ấy đứng rậm rạp như một hòn đảo. Có người đẵn những cây to, còn để cây nhỏ tiếp tục mọc. Cũng có trường hợp người ta đẵn trụi, và trên mảnh đất như thế chỉ còn lại một đống cành cây khô mục mà thôi. Đấy, vì thế mà ngọn đồi to ấy giống như một cái đầu tóc bờm xờm do một người thợ cạo mù cắt.

Ở nơi như thế này lại gần thị trấn thì thật khó có chim rừng; nhưng đối với người dạy chó tơ chỗ không có chim rừng như ở đây thì trong thời gian đầu quý hơn nhiều, so với nơi có nhiều chim. Ở chỗ không có chim, con chó chỉ học một việc: chạy đúng đắn và không một phút nào được quên chủ.

Tôi tháo sợi xích và vuốt ve Rômca. Thậm chí nó không cảm thấy gì cả khi tôi tháo xích cho nó, nó cứ đứng cạnh tôi như còn bị buộc ở xích.

Khoa tay về phía trước, tôi nói:

— Đi tìm đi!

Nó hiểu ý và xông lên. Trong giây lát nó biến mất trong bụi cây, nhưng khi không nhìn thấy tôi thì nó sợ và quay trở lại. Nó đứng trong vài giây, nhìn tôi một cách lạ lùng, — té ra nó chụp ảnh tôi để mang theo hình ảnh của tôi và sau đó giữ mãi hình ảnh ấy trong

trí nhớ, khi chạy giữa các bụi rậm và các gốc cây, không có hình dáng con người. Làm xong công việc bí ẩn ấy, nó vẫy đuôi và chạy đi.

Trong các bụi cây — không như trên cánh đồng, ở đây không phải bao giờ cũng thấy rõ con chó. Trong rừng thì phải dạy cho chó để khi nó vụt biến mất từ tay trái, chạy một vòng tròn không nom thấy được và hiện ra ở phía tay phải, xoay như con quay.

Và tôi phải biết, nếu con chó không trở lại từ phía tay phải, thế tức là nó đã đánh hơi được chim rừng ở đâu đây không xa và đang đứng rình mồi. Thường theo dõi con chó tốt nhất là khi đi trên đường dẫn gỗ trong rừng, con chó thường xuyên chạy ngang qua đường mòn ấy.

Và con Rômca của tôi đã biến mất trong các bụi cây và không quay trở lại. Tôi rất mừng, vì lòng yêu tự do của nó trong thời kỳ đầu hóa ra mạnh hơn sự quyến luyến với chủ. Cứ để nó như thế, tôi hiểu nó: tôi là người đi săn và tôi cũng thích lòng yêu tự do ấy. Tôi chỉ dạy cho nó sử dụng sự tự do hợp với tôi, như thế thì cả tôi lẫn nó sẽ tốt hơn. Bằng những phóc dài để không lưu lại đằng sau mình những dấu chân dày đặc, — vì như thế thì Rômca sẽ theo những dấu chân ấy mà dễ dàng tìm ra tôi, — tôi chạy qua các bụi cây đến quãng trống khác giữa rừng. Ở đây có một bụi cây đỗ tùng to đứng ở giữa. Tôi chạy đến và nhảy một phóc dài vào giữa bụi, rồi ngồi trốn ở đây.

Trên đất ướt không nghe rõ tiếng chân chó giẫm, thế nhưng từ xa tiếng cành cây gãy và tiếng thở khò khè rất nhặt bay đến tai tôi. Tôi hiểu rõ tiếng khò khè ấy; nó sực nhớ tôi, ba chân bốn cẳng chạy đi tìm và

do xúc động mạnh quá nó thở khó khăn. Tuy nhiên, nó ức đoán khá đúng chỗ tôi đứng lúc đầu: nó chạy qua quãng trống thứ nhất, nơi từ đó tôi đã bắt đầu phóc.

Khi tiếng động lắng xuống hẳn, thì tôi huýt to lên để ra hiệu. Thật giống như trò bịt mắt bắt dê.

Tiếng huýt của tôi đến tai nó, chắc là vừa đúng lúc nó đang đứng phân vân ở đâu đấy trên quãng trống và căng tai lắng nghe. Nó xác định đúng điểm xuất phát của tiếng huýt, rồi cắm đầu cắm cổ phóng nhanh với tiếng khò khè hồng hộc như đầu máy xe lửa và đứng lại ở đầu quãng trống có bụi cây đỗ tùng.

Tôi lặng thinh trong bụi cây.

Do chạy nhanh và xúc động quá, nên lưỡi nó thè ra một bên hàm. Tất nhiên, trong tình trạng như thế, nó không thể đánh hơi được gì hết, và nó chỉ trông cậy ở thính giác mà thôi, hai tai của nó rẽ ra hai phía, một tai dựng lên, còn tai kia rủ xuống, treo lòng thòng và vẫn che kín lỗ tai. Nó thử nghiêng đầu một bên — không nghe được; nghiêng về bên kia — cũng không nghe được. Và cuối cùng, nó hiểu vì sao: không nghe được vì hơi thở của nó phát ra từ cái mồm mở rộng làm át tiếng của chủ. Nó ngậm mồm, vội vã mím một môi lại và nó lắng tai nghe với một môi bặm lại.

Để không bật cười to, khi thấy cái mõm chó buồn cười ấy với một môi bặm lại, tôi lấy tay bụm mồm. Nhưng nó không nghe được. Thiên nhiên không có chủ đối với nó giờ đây chẳng khác gì hoang mạc, ở đấy chỉ có những con chó sói, tổ tiên của nó, lang thang mà thôi. Chúng sẽ không tha thứ cho nó vì tội phản bội sự nghiệp chó sói, vì tình yêu đối với con

người, vì ổ rơm ấm áp của nó, vì thức ăn thức uống của nó. Chúng sẽ xé nó ra từng mảnh và ăn thịt. Sống với chó sói thì phải rú như chó sói.*

Và nó thử. Nó ngẩng cao đầu và rú lên.

Tôi chưa hề nghe tiếng rú ấy. Đúng là nó đã cảm thấy hoang mạc chó sói không người. Hoàn toàn giống như những con sói con rú lên trong rừng, khi mẹ nó đi kiếm mồi mãi lâu không về...

Và cũng thường xảy như thế. Chó sói mẹ bắt được cừu và tha về cho con. Nhưng người đi săn theo dõi đường đi của nó và ẩn một chỗ ngồi phục. Con mẹ bị giết. Người đi săn đến bắt sói con, đem về nhà nuôi. Cả toàn bộ tình cảm dịu dàng và trìu mến vô tận trong thiên nhiên, cả toàn bộ tình yêu đối với mẹ đàn sói con chuyển sang cho con người, chúng liếm tay, nhảy lên ngực con người. Đàn sói con không hề hay biết rằng chính con người ấy đã giết chết mẹ chân chính của chúng. Nhưng loài chó sói rừng thì biết hết, chúng là kẻ thù không đội trời chung của con người và của con chó nhà đã phản bội sự nghiệp loài sói rừng.

Rômca rú lên rất thảm thiết đến nỗi tôi thấy lòng mình thắt lại. Nhưng tôi không thể thương xót được, vì tôi là thầy dạy nó.

Tôi nín thở.

Nó quay đuôi về phía tôi và lắng nghe ở phía khác. Có lẽ, ở đâu đấy trên trời một con mỏ nhác bay qua rít lên.

---

* Tục ngữ Nga, ý nghĩa giống như câu tục ngữ Việt-nam: «Đi với bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy». — *ND.*

Hay là ông chủ đã leo lên trên ấy rồi và có phải ông đang gọi đến với ông ở trên trời không nhỉ?

Mà cái đó, chắc là ở cái đầm con gần đây con bò làm chim te te hoảng sợ, vụt bay lên và reo lên tiếng kêu thường ngày «Tri vư?»* Cái đó không cao lắm và không xa lắm, rất có thể đó là ông chủ huýt lên đấy.

Rômca cắm đầu cắm cổ phóng nhanh theo tiếng «Tri vư?» đó, còn tôi thì huýt to gọi với theo nó:

— Tôi đây.

Nó quay lại.

Tôi làm tình làm tội nó khoảng chừng mười lăm phút và suốt đời nó sợ rừng trống trải không có con người, tôi gây vào lòng nó nỗi khiếp sợ đối với cuộc sống của tổ tiên nó, những con chó sói rừng. Và cuối cùng, khi tôi cố ý nhúc nhích trong bụi cây thì nó nghe thấy tiếng động ấy, và tôi châm lửa hút tẩu thuốc, còn nó đánh hơi thấy mùi thuốc lá và nhận ra, khi đó tai nó rủ xuống, trán nó trở lại phẳng lì, như quả dưa hấu. Tôi đứng lên. Nó nằm xuống có vẻ nhận lỗi. Từ trong bụi, tôi đi ra và vuốt ve nó; nó sung sướng vô hạn vừa chạy nhảy, vừa rít lên.

IARIC

Có một bận, tôi bị mất con chó săn nòi và đi săn *theo dấu chân chim*. Như thế nghĩa là buổi sáng đầy sương tôi đi tìm dấu chân chim trên cỏ và cứ lần theo dấu chân ấy như chó, và tôi không thể nói chắc chắn

---

* Trong tiếng Nga, tiếng này có nghĩa: «Anh của ai?» — *ND.*

được, nhưng tôi cảm thấy hình như tôi đã đánh hơi được chút ít.

Lúc bầy giờ, ở cách chúng tôi chừng ba mươi cây số, có một ông thú y sĩ đã lấy được giống con chó cái Ái-nhĩ-lan tuyệt vời của ông với con chó đực cùng giống, cả hai con đều là của một dinh cơ địa chủ cũ. Và có một bận, đúng vào lúc cuộc sống rất khó khăn, thì một người bạn tôi đã kiếm cho tôi con chó con Ái-nhĩ-lan lọt lòng được sáu tuần lễ. Tôi không từ chối món quà ấy và nuôi dưỡng bạn cho mình. Việc tập chó săn không súng có khi đem lại cho tôi sự khoái trá, thú vị không kém gì cuộc đi săn thật sự có súng. Tôi còn nhớ một lần như thế này... Ở khu rừng đã đẵn cây, quanh những gốc cây cũ đen sẫm có rất nhiều chùm hoa đỏ thắm cao, hình chổi, và do những bông hoa ấy mà cả khu rừng trông đỏ rực, dù ở đây khoa huyền sâm nhiều hơn cả, đó là những hoa nửa xanh, nửa vàng, và ở đây có rất nhiều cả hoa bạch cúc dại màu trắng ở giữa có điểm nhị vàng, hoa thạch thục quỳ, hoa chuông màu xanh, hoa địa đinh tim tím, — của vô số loài hoa ở đầy, nhưng những chùm hoa đỏ thắm, hình chổi làm ta có cảm giác như cả khu rừng này đỏ rực. Và ở cạnh những gốc cây đen sẫm còn có thể tìm thấy những quả dâu đất chín muồi và ngọt lịm. Trong mùa hè, cơn mưa nhỏ hoàn toàn không làm trở ngại gì cả, tôi ngồi đợi mưa tạnh dưới gốc cây thông; những con muỗi tránh mưa bay đến đây, đến chỗ khô ráo, và mặc dù tôi cố hết sức phun khói thuốc từ tẩu ra để đuổi chúng, nhưng chúng đã làm tình làm tội con chó Iaric của tôi rất nhiều. Đành phải nhen lên một *đống*, ở vùng chúng tôi người ta gọi

đống lửa như thế, khói trái thông bốc ra rất đặc và chẳng bao lâu chúng tôi đuổi được những con muỗi ra ngoài trời mưa. Nhưng chúng tôi còn chưa đuổi xong những con muỗi thì trời đã tạnh mưa. Mưa mùa hè thật vô cùng dễ chịu.

Thế nhưng cũng phải ngồi đợi thêm nửa giờ nữa dưới gốc thông để những chim đi ra kiếm ăn và lưu lại trên cỏ ướt những dấu chân mới. Khi tính rằng thời gian ấy đã trôi qua, chúng tôi đi ra khu rừng đã đẫn cây đỏ rực những hoa, tôi thả con Iaric ra và nói:

— Này ông bạn, đi tìm đi!

Bây giờ, Iaric đang học qua lớp ba. Dưới sự hướng dẫn của tôi, nó đang tập lớp cao nhất của chó săn Ái-nhĩ-lan, lớp ba là lớp cuối cùng của khóa học, và nếu mọi việc có kết quả tốt thì cuối mùa hè này tôi sẽ có một con chó săn tốt nhất thế giới, con chó xete Ái-nhĩ-lan do tôi tập luyện, không biết mệt và có tài đánh hơi trên khoảng cách xa.

Tôi thường nhìn một cách ghen tị cái mũi con Iaric của tôi và nghĩ rằng: «Giá tôi có được giác quan như thế thì tôi sẽ chạy đón gió trên khu rừng đã đẫn cây, mọc nhiều hoa đỏ rực và bắt lấy những mùi rất thú vị đối với tôi».

Nhưng những con người chúng ta không có tài đánh hơi, nên đã bị mất những khoái trá lớn lao. Thường chúng ta hỏi: «Thị giác của anh thế nào, anh có nghe rõ không?», nhưng trong chúng ta không có người nào hỏi: «Anh đánh hơi thế nào, khứu giác của anh ra sao?» Tôi đã dạy chó săn nhiều năm. Bao giờ cũng thế, khi con chó đánh hơi được chim rừng và dẫn đi, thì tôi cảm thấy niềm xúc động vui vẻ vô cùng

và thường tôi nghĩ: «Giá không phải Iaric, mà là chính tôi đánh hơi được, thì cái đó tuyệt đến thế nào nhỉ?»

— Nào tìm đi, ông bạn! — tôi nhắc lại với Iaric.

Và nó chạy theo những vòng tròn trên khu rừng đỏ rực hoa ấy.

Chẳng bao lâu Iaric dừng lại dưới các cây trên bìa rừng, nó ngửi chỗ ấy rất kỹ, rồi nghiêng đầu nhìn tôi rất nghiêm trang và mời tôi theo nó: chúng tôi hiểu nhau không cần lời nói. Nó dẫn tôi đi theo rất chậm chạp, co thân hình lại trên bốn chân để đi thấp hơn và lúc đó nó giống một con cáo.

Chúng tôi cứ đi như thế đến gần truông bụi rậm, ở đây chỉ một mình Iaric chui qua được thôi, nhưng để một mình nó đi vào trong truông ấy thì tôi không dám: vì đi một mình, nó có thể quá mải mê theo chim, xông vào chim bị mưa ướt, và thế là tất cả những công lao dạy dỗ của tôi sẽ đi đời nhà ma hết. Dù tiếc, song tôi vẫn định gọi nó trở lại, nhưng bỗng nó vẫy cái đuôi lộng lẫy, giống như cánh chim, và nhìn tôi. Tôi hiểu, nó nói:

— Chúng đã ngủ ở đây, còn kiếm ăn thì ra quãng trống đầy hoa đỏ.

— Làm thế nào đây? — tôi hỏi.

Nó ngửi hoa cỏ: không có dấu chân. Và dễ hiểu thôi: cơn mưa đã rửa sạch tất cả dấu chân, nhưng những dấu chân mà chúng tôi đi theo thì còn lại, vì chúng ở dưới những cây.

Chỉ còn phải đi một vòng nữa theo khu rừng đã đẫn cây đến khi gặp lại những dấu chân mới sau cơn mưa. Nhưng Iaric chưa đi hết nửa vòng thì đã dừng lại

cạnh một bụi không lớn mà rất rậm. Mùi gà lôi đột ngột bốc đến mũi nó, nên nó dừng lại trong một tư thế lạ lùng, co dúm cả thân hình như một vòng tròn đến nỗi nếu nó muốn thì có thể ngắm nhìn cái đuôi lộng lẫy, tuyệt đẹp của nó. Tôi vội vã đi đến gần, vuốt ve nó và thì thầm:

— Đi đi, nếu có thể được!

Nó đứng thẳng lên, cố thử bước tới, và cái đó té ra có thể được, chỉ có điều rất khẽ. Cứ như thế, nó đi vòng quanh bụi cây và ra hiệu cho tôi hiểu là:

— Chúng đã ở đây khi trời mưa.

Và nó cứ dẫn đi theo dấu chân còn mới nguyên trên cỏ ướt mà mắt trông rõ dấu chân màu xanh trên cỏ xám nhạt vì bị những hạt mưa nhỏ lăn tăn bám đầy; vừa đi, vừa đụng cái đuôi có lông dài trên mặt đất.

Chắc là chim đã nghe thấy chúng tôi và cũng tiến lên về phía trước, và tôi biết điều đó khi nhìn Iaric, nó báo cáo cho tôi theo cách của nó:

— Chúng đang đi trước chúng ta rất gần.

Cả chó lẫn chim đều chui vào bụi đỗ tùng lớn, và ở đây Iaric đứng rình mồi lần cuối cùng *một cách hết sức yên lặng*.

Từ nảy đến giờ, nó còn có thể thỉnh thoảng há mồm thở khò khè và lè cái lưỡi dài, hồng hồng ra, còn bây giờ thì hàm răng của nó cắn chặt và chỉ có đầu lưỡi nhỏ mà nó chưa kịp rút vào vẫn lòi ra dưới môi, giống như một cánh hoa màu hồng. Con muỗi đậu ngay vào đầu lưỡi hồng ấy, bám lấy và bắt đầu hút máu; và thấy rõ cái mũi nâu sẫm, bóng láng, như bằng vải sơn, cử động vì đau và nhúc nhích vì mùi chim. Nhưng rút cái lưỡi vào không được nữa: nếu há mồm thì

tiếng khò khè trong mồm sẽ phụt mạnh ra và làm những con chim hoảng sợ.

Nhưng tôi không xúc động như Iaric, tôi đi đến gần, lấy ngón tay khéo léo búng con muỗi và ngắm nghía Iaric từ một bên: nó đứng bất động dường như tạc ra từ một tấm đá, cái lưng và cái đuôi như cánh chim làm thành một đường thẳng, thế nhưng toàn bộ hoạt động của nó tập trung trong đôi mắt sáng quắc.

Tôi khe khẽ đi vòng quanh bụi cây và đứng đối diện Iaric để những con chim không bay đi sau bụi cây mà tôi không thấy và phải bay bổng lên trên.

Chúng tôi đứng như thế khá lâu, và tất nhiên, trong bụi cây, chim đã biết rõ là chúng tôi đứng chặn cả hai phía. Tôi tiến thêm một bước đến gần bụi cây và nghe tiếng gà lôi mẹ kêu cục cục như để nói với đàn con:

— Mẹ bay, mẹ nhìn, còn các con bây giờ cứ đứng yên đấy.

Và với một tiếng «xoạc» dễ sợ, nó bay ra.

Giá nó bay về phía tôi thì chắc Iaric không nhảy ra, và giá nó bay thậm chí trên đầu Iaric thì chắc Iaric sẽ không quên là cái mồi chính đang ngồi trong bụi, không quên rằng đuổi theo con chim bay lên là tội tày trời. Nhưng con chim màu xám, to gần bằng con gà mái, bỗng quay cuồng nhào lộn trong không khí, bay là là chậm chạp, gần sát mũi Iaric và gần sát đất, hơn nữa quyến rũ con chó bằng tiếng kêu:

— Mày cứ đuổi theo tao đi, tao chả biết bay đâu!

Và giống như bị bắn, con chim rơi xuống cỏ cách chừng mười bước, rồi chạy trên cỏ, làm lay động những chùm hoa đỏ, cao.

Iaric không chịu nổi cái đó, nó quên mất những năm tôi dạy dỗ cho nó, nó nhảy xổ đến...

Mánh khóe xảo trá đã thành công, gà lôi mẹ đã dụ con chó chạy khỏi đàn chim con và nó kêu gọi lũ con trong bụi:

— Các con hãy bay, hãy bay ra theo các phía khác nhau, — còn nó thì bay bổng lên trên rừng và biến mất biền biệt tăm hơi.

Đàn gà lôi con bay tung ra tứ phía và dường như từ xa nói với Iaric:

— Đồ ngốc, đồ ngốc!

— Quay lui! — tôi thét lên với ông bạn đã bị đánh lừa của tôi.

Iaric sực tỉnh lại, nó cúi đầu nhận lỗi và từ từ đi đến.

Tôi hỏi nó, giọng khẩn khoản đặc biệt:

— Sao mày làm thế, hở?

Nó nằm xuống.

— Thôi, đi, đi đi!

Nó bò đến có ý nhận lỗi, đặt đầu lên đầu gối tôi và tha thiết xin lỗi.

— Thôi được, — tôi ngồi xuống trong bụi cây và nói, — bò theo tôi, đứng yên, đừng thở khò khè: bây giờ chúng ta sẽ đánh lừa bọn này.

Chừng mươi phút sau, tôi khe khẽ huýt lên, giống như tiếng gà lôi con.

— Phiu, phiu!

Nghĩa là:

— Mẹ, mẹ ở đâu?

— Cục, cục, — gà lôi mẹ đáp lại, và cái đó có nghĩa: — Mẹ đang đi!

Lúc đó, từ bốn phía có tiếng huýt lên, như tiếng của tôi:

— Mẹ, mẹ ở đâu?

— Mẹ đang đi, đang đi! — nó trả lời cho tất cả các con.

Một con gà lôi con kêu rất gần tôi, tôi đáp lại nó, nó chạy đến, và tôi thấy: ngay bên cạnh đầu gối tôi, cỏ động đậy.

Sau khi nhìn chằm chằm vào mắt Iaric và đưa nắm tay lên dọa nó, tôi nhanh nhẹn lấy lòng bàn tay úp lại chỗ cỏ động đậy và lôi ra một con gà con màu xám, to bằng con chim bồ câu.

— Nào, ngửi đi, tôi nói khẽ với Iaric.

Nó quay mũi đi, vì sợ đớp con gà lôi con.

— Không, không, ông bạn ạ, — tôi khẩn khoản xin nó, — hãy ngửi đi!

Nó ngửi, mà chính nó thì thở khò khè, như đầu tàu lửa phì phì.

Hình phạt khắc nghiệt nhất.

Và bây giờ tôi có thể mạnh dạn huýt, biết chắc rằng thế nào con mẹ cũng chạy đến tôi: nó đã tập hợp được tất cả các con, chỉ thiếu một con — và nó chạy đi tìm con cuối cùng ấy.

Có bảy con cả thảy, trừ con của tôi; tôi nghe rõ lần lượt con này đến con khác khi đã tìm được mẹ thì lặng yên, và khi tất cả bảy con đã im bặt thì tôi, con thứ tám, hỏi:

— Mẹ, mẹ ở đâu?

— Hãy đến đây với mẹ, — gà lôi mẹ đáp.

— Phiu, phiu: không, mẹ hãy dẫn các anh đến đây với con.

Gà lôi mẹ đi, chạy. Tôi thấy cái cổ của nó lòi ra từ trong cỏ, khi ở chỗ này, khi ở chỗ kia, như cái cổ chai, còn theo sau nó là cả đàn con, ở mọi chỗ cỏ đều động đậy.

Bây giờ thì tất cả mẹ con chúng đứng cạnh tôi chừng hai bước, và tôi đưa mắt cho Iaric có ý nói:

— Nào, đừng ngốc nữa đấy!

Và tôi thả con gà lôi con ra.

Nó vỗ cánh ở bụi cây, và tất cả đều vỗ cánh, tất cả đều bốc lên. Còn tôi và Iaric từ trong bụi nhìn theo những con chim đang bay và bật cười lên:

— Đấy, chúng tớ đã đánh lừa các cậu rồi!

TRUNG THÀNH

Tôi đã tập dượt rất tốt cho con Iaric ở trên đầm lầy, nhưng là người say mê săn bắn ở rừng nên tôi đã không chịu nổi sự cám dỗ: khi đến mùa săn bắn thì tôi đi săn gà lôi với nó trong rừng. Chính đó là sai lầm của tôi: đáng lẽ phải nhẫn nhục chờ dạy đến lớp khác. Thế nhưng, trong những ngày đầu Iaric hoạt động rất giỏi trong rừng, cũng như ở trên đầm lầy, chỉ có điều là phải huýt gọi nó nhiều hơn. Nhưng có một bận, gần tối, khi tôi đi săn về thì một con gà lôi mẹ của một ổ chim non nở rất muộn, chạy ra đường và bắt đầu trêu chọc Iaric bằng những thủ đoạn thông thường của nó. Iaric xông lên, trên đường nó gặp lũ gà con, điên tiết lên đuổi theo chúng hồi lâu. Giận quá, tôi đánh nó đến nỗi nó bỗng nhảy lên và tháo chạy khỏi tôi. Tôi đuổi theo nó, nó chạy xa hơn, xa hơn mãi và suốt đêm biến mất. Còn buổi sáng sớm,

tôi thấy hai tai màu vàng hung hung của nó trong luống khoai tây...

Người nào đã từng tập chó săn thì sẽ hiểu được sự tuyệt vọng của tôi to lớn đến nhường nào: bây giờ phải tốn nhiều công sức lắm mới có thể sửa chữa cho con chó được, mà nếu thế thì chẳng còn có thể nghĩ gì đến mùa săn bắn năm nay được nữa. Chỉ có một lối thoát mà thôi: tìm một con chó khác để săn, còn Iaric thì phải dạy lại từ đầu để cho trường hợp ấy dần dần bị xóa nhòa trong trí nhớ của nó.

Tôi bắt đầu tìm kiếm một con chó thậm chí dại loại như con Ống Tiêu đã chết cũng được, chỉ cốt sao có thể đi săn bắn tàm tạm với nó là được.

Và thế là tôi hỏi han mọi người về chó và phái các con tôi đi điều tra, xác minh những tin đồn. Một bận, chúng kể lại với tôi là hình như khi chúng đi qua một xóm có chỗ nuôi ong lớn và ngồi nghỉ ở đấy, thì thấy một cụ già cầm rìu to bổ củi. Sau khi đã bổ được khá nhiều củi, cụ già huýt lên; một con chó mực có những vá màu hung hung đỏ, liền chạy đến; con chó lông xù và rõ ràng là chó nòi rất tốt. Chạy đến cụ già, con chó ngoạm thanh củi và đem vào nhà, rồi quay trở lại, lấy thanh khác và cứ thế khi cụ già ngồi nghỉ, con chó đã chuyển hết đống củi vào nhà. Rồi cụ già đóng cửa nhà, mở cửa lều chứa củi và lại bắt đầu bổ củi, còn có chó mang củi vào lều. Thế là các con tôi vội vã đi về nhà ngay, nên không kịp xem hết, chỉ có điều là cứ theo khối lượng củi đã bổ thì có thể hiểu rằng ông cụ đã làm việc ấy từ ngày này qua ngày khác để chuẩn bị củi cho mùa đông, cũng có thể là để bán nữa, còn con chó đã giúp cho cụ.

— Có đúng là chó mực có những vá hung hung đỏ và bộ lông rất dày không? — tôi hỏi.

— Đúng thế, — các con tôi đáp. — Trán của nó thì dô hơn của Iaric chúng ta, còn sống mũi dường như gãy theo góc thẳng đứng và lông thì xù đến nỗi nó gần giống con người nguyên thủy.

Ngày hôm sau, tôi đến xóm ấy để tìm kiếm niềm hạnh phúc của tôi.

Tôi bắt gặp đúng cảnh tượng mà các con tôi đã kể: cụ già bổ củi, còn con chó goocđông tuyệt đẹp kia mang củi vào lều. Một lần con chó mệt, không mang thanh củi đến lều được, nó bỏ củi và quay trở lại. Cụ già cầm roi. Con chó thấy roi, chạy đến gần ông cụ, nằm nghiêng ngay ở chân. Cụ già quất mạnh một, hai roi và vứt roi. Con chó nhảy lên, ngậm cái roi ấy, nhảy nhót vui vẻ với cái roi cạnh chủ, rồi chạy đến ngoạm thanh củi đã đánh rơi, mang đến lều và lại nhanh nhẹn tiếp tục công việc.

Cái đầu con chó goocđông thật là hiếm có, vẻ đẹp trang trí lộng lẫy của nó chỉ có thể so sánh với những bộ tóc giả của vua Luy XIV, chỉ có điều là mông nó dường như bằng gỗ, có thể là do bị đòn nhiều, mà cũng có thể là do đã từng bị dịch hạch. Sau khi hỏi thăm những người khác, tôi được biết rằng con chó goocđông kia đã bị ăn đòn rất nhiều khi giúp ông lão nông dân kia trong việc mang củi: rất có thể là do nó bị đòn.

— Chà, sao cụ lại bắt con chó săn, — tôi nói với ông nông dân, — làm cái việc ấy cơ chứ?

— Chó săn cái gì nó, — ông cụ lầu bầu, — tôi chẳng thể nào dạy nó xếp củi được, nó cứ vứt lung tung, chứ không xếp ngay hàng thẳng lối được.

Con trai cụ già nghe chúng tôi nói chuyện thì đi ra chào hỏi. Họ đặt ấm xamôva. Chúng tôi ngồi uống trà. Tôi kể cho họ nghe về điều không may với con chó Iaric và nói rằng giá được thì tôi không từ chối mua con Trung Thành của họ, nếu nó có thể đánh hơi được chút ít. Chính họ kể cho tôi nghe rằng con chó ấy họ mua vào cái thời đói kém, chủ yếu là vì thương Benđrưsep. Còn ông ấy thì khen con chó tốt. Tôi biết rõ Benđrưsep, ông là người săn bắn, nhà thiện xạ, người nuôi dạy chó giỏi nhất vùng chúng tôi. Trong lòng tôi thoáng một niềm hy vọng là có thể những người nông dân này không biết cách sử dụng con chó săn, nên làm tình làm tội nó vô ích vào công việc chuyên củi, và tôi phải mua nó ngay để khỏi lỡ dịp may mắn, khi những người chất phác kia chưa kịp hiểu ra. Tôi hỏi giá, họ đòi hai mươi rúp, giá tiền hoàn toàn không đáng kể. Nhưng đối với nông dân thì nhất thiết không được tỏ ra là rẻ, vì thế tôi bắt đầu mặc cả. Tôi uống trà với mật ong, toát mồ hôi và mặc cả, dù tôi sẵn sàng trả không phải hai mươi, mà thậm chí trên ba mươi rúp. Chủ nhân cũng sốt sắng uống trà, toát mồ hôi và mặc cả. Và họ thật là buồn cười; họ khen không phải là con chó, mà Benđrưsep, cứ nhắc đi nhắc lại mãi rằng Benđrưsep biết về săn bắn rất giỏi, chẳng khác gì cha đạo biết kinh «Lạy Cha tha tội chúng con». Cuối cùng, tôi nài thêm được những sáu cân mật ong. Và cùng với chó, cùng với mật, ngoài ra còn nhận thêm cái còi nữa, tôi nhanh chóng chạy về nhà.

Hai ngày hai đêm liền tôi vuốt ve, âu yếm Trung Thành và không dẫn nó đi săn, và nó rất chóng quần

quít theo tôi đến nỗi nếu tôi chỉ vừa sang phòng khác một tí là nó đã bắt đầu rú lên và rên hư hứ. Đó là một sinh vật thật hiền lành chan chứa những cảm giác mồ côi. Đến ngày thứ ba, tôi hoàn toàn yên tâm là Trung Thành sẽ không bao giờ rời tôi đi đâu cả, tôi đem các con tôi đi theo và lên đường đi săn.

Để săn trên đầm lầy thì tôi dùng Iaric rất tốt. Chúng tôi buộc dây con Trung Thành và dắt vào rừng. Ở quãng trống giữa rừng, gần đấy có thể đón đợi những ổ gà lôi, tôi thả Trung Thành ra. Lúc đầu, nó lao vào các bụi, nhưng dường như quên điều gì, nó quay trở lại, đứng trước mặt chúng tôi trên quãng trống, nhìn hồi lâu và vì lông nó xù nên nó nghiêng đầu khi bên này, khi bên kia, như chụp ảnh chúng tôi. Làm xong việc ấy chắc là rất cần đối với nó, nó biến mất, rồi hiện ra, lại biến mất, và mọi việc đã diễn ra như với một chó được tập dượt giỏi theo cách tìm mồi ngắn gọn trong rừng. Chẳng bao lâu ở đây — chỗ có khu đất đang trở thành đầm lầy và giữa khu đất và đầm lầy có một truông bụi rậm nhỏ ngăn cách — Trung Thành đánh hơi được mồi và rất thận trọng dẫn chúng tôi đi. Con chó này không có sự hăng say, như con Iaric, và không có con mắt nảy lửa, do đó bỗng nhiên ta cảm thấy mình cũng là một con chó và quên bẵng mình là con người. Trung Thành dẫn đi hết sức thận trọng, dường như nó làm cái đó không phải cho nó, mà chỉ cho chúng tôi. Nó dẫn đi quá lâu, rõ ràng là chim vội vã chạy trốn, và cuối cùng, nó đã hiểu điều đó, dừng lại, nhìn khắp nơi, và không vội vàng đi vòng và như thể chặn đường rút lui của chim ngay ở khu đất cứng, trong một bụi cây đứng tách riêng. Sau đó,

nó đứng bình tĩnh, chủ động, không hồi hộp, xúc động gì hết: nó đã giam chân đàn chim được rồi. Chúng tôi dăng hàng ngang đi, tôi ở giữa, các con tôi ở hai bên. Và chúng tôi cứ đứng như thế cho đến khi tôi dám nói: — Tiến lên... — Trung Thành tiến lên một bước, bước thứ hai, và một con chin bay lên — bắn, một con khác — bắn nữa. Chúng tôi bắn chết cả ba con trên khu bất cứng và chúng rơi xuống khu đất lầy mọc đầy lau sậy cao bằng người và quá đầu người. Đợi bắn xong, Trung Thành đưa mắt hỏi xin phép, rồi đi vào khu đất lầy, tha về con thứ nhất, thứ hai, thứ ba...

Ở vùng này có rất nhiều chim rừng. Chỉ trong mấy ngày, chúng tôi đã bắn được số chim gần bằng giá tiền mua con chó mới. Và như thường xảy ra, say sưa trong hạnh phúc của mình, tôi viết thư cho những chủ cũ của Trung Thành là tôi rất hài lòng và không biết cảm tạ họ như thế nào và tôi hoàn toàn đồng ý là Benđrưsep là người thật sự biết săn bắn, chẳng khác gì cha đạo biết kinh «Lạy Cha tha tội chúng con». Sau đó, qua những người khác tôi được biết rằng bức thư của tôi làm những chủ cũ của Trung Thành rất phiền muộn, trước đây họ cho là con chó chẳng được tích sự gì và Benđrưsep đã đánh lừa họ.

Ngay những ngày đầu tiên Trung Thành xuất hiện ở sân nhà tôi, thì tính tình của Iaric thay đổi rất nhiều. Do kiêu hãnh nên nó không tỏ ra mặt là khó chịu vì phải ở chung với Trung Thành. Thậm chí khi tôi lấy súng và Trung Thành nhảy quanh tôi, thì Iaric nằm khoanh tròn và bên ngoài không tỏ ra là nó muốn được đi săn. Trong khi đó thì chính nó rất đau khổ

trong lòng, và chỉ cần tôi gọi một tiếng là nó nhanh nhảu chạy đến và đẩy gạt Trung Thành ra. Trước đây nó ăn ở rất bừa bải, khi cho xương, nếu xương tốt, mềm thì nó gặm, còn cứng và xấu thì nó vứt. Còn bây giờ, vì sợ Trung Thành kiếm được thức ăn thừa, nên nó nằm cạnh thức ăn; và nếu Trung Thành đến gần thì nó gầm gừ. Khi tôi gọi nó đến, nó đi với khúc xương ngoạm ở mồm, nếu cần đi ngoài — nó vẫn mang theo cả khúc xương. Tôi lo lắng quan sát thấy từ ngày này, qua ngày khác Iaric tìm cớ để gây sự với Trung Thành. Tôi rất sợ điều đó, vì theo kinh nghiệm cũ, tôi đã biết tính tình của những con chó cô đơn và hiền lành như Trung Thành: nó chịu đựng, chịu đựng mãi, thế nhưng khi cáu lên, nó sẽ tiến hành chiến tranh đến cùng.

Có một bận, người ta giũ áo quần và để cái chậu giặt có lơ ở sân nhà chúng tôi. Iaric gặm xương cạnh chậu và khi thấy có một cục xương không gặm được nữa thì nó giấu dưới cái chậu để Trung Thành không nhận thấy. Lúc đó, tôi gọi Trung Thành đi săn. Tất nhiên, cái đó làm cho Iaric đau lòng, nhưng nó không tỏ ra ngoài mặt và cố giấu trong bụng sự thù hận đối với Trung Thành. Là con chó thông minh và láu lỉnh, tất nhiên, Iaric biết rõ rằng khi người ta gọi đi săn thì chẳng có con chó nào nghĩ đến xương cả. Thế nhưng Trung Thành chạy qua chính chỗ ấy, nơi có cục xương giấu kín. Cái đó đối với Iaric là một cớ rất tốt để không làm lộ lòng ghen tị của nó, nó xông vào Trung Thành dường như vì cục xương. Nó tấn công rất mạnh và khéo léo đến nỗi Trung Thành, nói chung vốn vụng về điều khiển cái mông cứng như gỗ

của nó, phải ngã ngửa vào cái chậu giặt có nước lơ, chổng cả bốn chân lên trời, giống như một con ngựa gỗ bị lật ngửa. Tôi hiểu Trung Thành là nó đã từng nhẫn nhục chịu đựng những cực nhọc của việc chuyền củi và những trận đòn đáng sợ đánh bằng thanh củi, thì hoàn toàn nó không còn xấu hổ vì phải nằm chổng gọng giây lát trong nước lơ hay trình diện ướt mèm trước mặt chủ, và nó cũng không cảm thấy đau, nhưng chính là nó hoàn toàn vô tội: nó chạy đến không phải vì cục xương. Thế thì vì cái quái gì mà ông tướng vàng hung hung này lại xông vào nó chứ và cuối cùng đã đến lúc trị hắn một trận cho tuyệt nọc. Và thế là sau khi phóc dậy khỏi cái chậu giặt, Trung Thành, mạnh hơn Iaric nhiều lần, đã xông vào Iaric.

Thường thì thế này, khi sức lực hai bên chênh lệch và trước sự tấn công ồ ạt, con yếu hơn liền nằm ngửa xuống đất, đưa cả bốn chân lên trời, con mạnh lúc đó lăn xả vào, nhưng không cắn, mà chỉ gầm gừ. Và sau khi đã bắt con bại trận nằm như thế trong một thời gian khá lâu, thì nó tha và nó đi tiểu ở đâu đấy gần cái cột hoặc cây để đánh dấu, chắc chắn là với những điều kiện gì đấy để chung sống trong tương lai. Con bại trận sau khi ngửi chỗ đánh dấu, cũng để ngay ở chỗ ấy dấu vết của nó: chắc là nó ký tên. Tôi ít thấy con yếu hơn khi ký có bổ sung thêm điều gì đấy. Nhưng khi có bổ sung gì thì con mạnh hơn lại đánh dấu mới, và con yếu sau đó ký dứt khoát lần cuối cùng.

Nhưng có thể nào tưởng tượng được rằng anh chàng kiêu hãnh ấy, Iaric, bỗng đầu hàng và nằm ngửa bụng ra, — tất nhiên, nó đã xông vào chiến đấu và lúc đầu cắn rất có kết quả.

Tôi vô cùng lo sợ cho Iaric, nên thoạt tiên chạy lấy chậu giặt và đổ toàn bộ nước lơ màu xanh vào những cái mõm giận dữ bám vào nhau, nhưng chẳng ăn thua gì cả. Lúc đó, tôi chộp đuôi của Trung Thành và sau khi đá vào ngực Iaric, tôi kéo con chó mực ra, nhưng như thế thì con chó vàng càng xông tới và bám vào con mực. Tôi chộp đuôi của Iaric, kéo nó ra, thì tình hình lại càng xấu hơn. Trung Thành bám vào Iaric, và hơn nữa nếu bám gần cuống cổ thì Iaric bỏ mạng. Nhưng chính trong lúc nguy hiểm ấy, các con tôi đã chạy đến và cầm đuôi kéo các địch thủ ra.

Tính của Trung Thành được cái tốt là không găm thù sâu, nhưng Iaric bây giờ tỏ rõ sự thù địch công khai. Và hai con chó hoàn toàn không thể sống chung trên sân nhà tôi nữa. Đành phải chia riêng ra, vì để sống chung thì không thể trông nom xuể. Tôi hoàn toàn không yên tâm.

Có một bận vào tháng chín, khi có thể tin chắc là trong rừng không còn gà lôi mẹ với gà con nữa, thì tôi thử đi săn trong rừng với Iaric. Và tôi đã làm được việc đó tốt. Iaric hoạt động rất tuyệt. Vui mừng vì thắng lợi của phương pháp sửa chữa cho con chó bằng sự hoạt động bình tĩnh của một con chó khác, mà cũng có thể vì trời nóng và tôi mệt, nên khi về đến nhà, tôi quên bẵng Trung Thành và để Iaric ở trên cùng sân ấy.

Trong bữa ăn trưa, bỗng chúng tôi nghe tiếng gầm gừ dễ sợ ngoài cửa sổ, và khi nhìn ra, chúng tôi thấy hai kẻ thù địch kia xù lông, chậm rãi tiến lên, xáp mặt nhau.

Lúc này, chỉ một cử động rất nhỏ của chúng tôi hoặc là tiếng thét thì nhất định cả hai con sẽ xông vào chiến đấu: chúng tôi ngồi nín thở, hy vọng mọi việc sẽ qua được, vì nghĩ rằng Iaric hôm nay đang phấn khởi vì cuộc đi săn, còn Trung Thành nói chung là một con chó rất hiền.

Iaric dựng lông gáy lên một cách dễ sợ và tiến sát đến Trung Thành: con này không gầm gừ, nhưng ảm đạm đứng đợi cái gì sẽ xảy đến. Iaric đi một vòng nhỏ quanh Trung Thành, đến gần bức tường và để lại trên tường dấu vết đầu tiên của nó chắc là điều kiện của hòa ước. Lúc đó, Trung Thành tiến một cách vô cùng thận trọng đến gần Iaric và trong lúc Iaric viết đơn, thì nó ngửi gốc đuôi của Iaric. Sau khi đã đọc xong cái đã viết trên tường, Trung Thành ghi những cái gì đấy để bổ sung, sửa đổi, còn Iaric thì ngửi gốc đuôi của Trung Thành. Iaric đồng ý, ký tên. Sau đó, Trung Thành đi nửa vòng tròn và lần cuối cùng ký tên vào giấy, đối với chúng cái đó thực chất chắc là có nghĩa là hòa ước đã được phê chuẩn.

Từ đó, ở sân nhà chúng tôi có hòa bình và trong việc săn bắn có sự phân nhiệm rõ rệt. Trung Thành phần lớn đi ở rừng và trong rừng thì đi những khu đất cứng có hoa chuông, săn gà lôi, gà gô trắng, và chim dẽ giun béo quay trong mùa thu, còn Iaric thì đi trên đầm lầy săn chim mỏ nhác bà, chim dẽ gà, đi trên cánh đồng săn gà gô xám; trong rừng thì tôi yên tâm đi với nó chỉ ở những chỗ có thể thấy được, ở những khu cây bụi thưa, ở các bìa rừng và các quãng trống.

KET

Ket là con của hai con chó đã từng được giải thưởng và nổi tiếng đối với mọi người thành thạo về chó. Nòi của nó là nòi chó săn *côntinantan* hiện đại. Áo của cô Ket có hai màu, trên lưng có hai miếng vá, còn toàn thân thì dường như những hạt cà phê điểm trên nền trắng.

Tôi đặt tên lại cho nó là Ket, còn các chủ cũ của nó thì gọi là Kitchi. Chủ cũ là cặp vợ chồng mới cưới, những người trí thức. Hai năm đầu, họ không có con, và Kitchi thay con họ. Trong hai năm ấy, nó nằm trên đivăn của nhà họ ở Matxcơva. Suýt nữa thì con chó săn nòi tuyệt diệu kia biến thành một đứa con cưng vô dụng được chiều chuộng. Nhưng đến gần cuối năm thứ hai, bà vợ trẻ cảm thấy vất vả vì phải leo lên, leo xuống tầng năm với con chó, còn ông chồng thì suốt ngày đi làm việc. Lúc đó, tôi gặp điều không may — Trung Thành bị chó dại cắn, và bây giờ giá kể lại phải vĩnh biệt với nó như thế nào thì tôi rất đau lòng. Khi được biết tin về con chó săn nòi ấy, tôi định mua con chó ấy, — dù sao tôi vẫn không hài lòng với con Iaric quá nóng nảy, — tôi cố thuyết phục những người chủ.

Họ bán cho tôi không đắt, và vừa khóc lóc, họ vừa yêu cầu tôi đừng bao giờ đánh nó.

Tôi đã từng nghe những người nuôi dạy chó nói rằng chó đã hai tuổi rồi thì tập cũng không vất vả lắm, nếu trước đây chưa bị người không thành thạo dạy dỗ. Còn Ket hoàn toàn là một con chó không bị hư hỏng đến nỗi thậm chí nó không đuổi theo chim, lúc

đầu chỉ săn đùa với hoa mà thôi: đang đi, nó rất thích cắn bông hoa cúc dại và tung lên cao. Bản tính nòi của nó là hết sức lịch sự, chóng hiểu, và có cái tốt là chó cái: chó cái bao giờ cũng khôn hơn. Tất cả những cái gì gọi là *dạy trong phòng* tôi đều tập cho nó gần như chỉ trong một ngày. Tôi để mẩu bánh mì trắng trên sàn nhà, và khi con chó thò mõm đến gần mẩu bánh, thì tôi thét to «không được» và búng nó một cái.

— Bây giờ mày không phải ở Matxcơva nằm trên đivăn đâu.

Trong mười lăm phút, tôi đã dạy cho nó không những không đớp thức ăn nếu không được phép, mà còn không đụng đến thậm chí một mẩu con nếu nó nằm trên mũi.

Sau đó, tôi dạy nó *tiến lên* và *lùi lại* bằng cách chỉ lên giọng thôi, dạy *tìm đi, đến đây, khẽ chứ, đến chân*. Ngày hôm sau, tôi dạy nó trong bụi cây hồ đào rậm, ở đấy chẳng có chim rừng gì cả: tôi nấp trong bụi cây, nó tìm tôi, và cứ như thế trong một ngày tôi đã dạy được cho nó cách tìm mồi trong rừng mà không tách rời xa. Tất nhiên, trên cánh đồng tập luyện không thể đạt được kết quả ngay: tôi đi ngoắt ngoéo chữ chi, như chiếc thuyền buồm chạy ngược gió, và bằng cử động của tay hoặc bằng tiếng huýt nhè nhẹ tôi bắt nó phải làm theo đúng như thế. Chừng ba ngày tôi đi như thế, và cuối cùng, đã dạy xong tất cả những điều cần thiết để có thể bắt đầu tập chó săn chim sống được rồi.

Tôi dẫn Ket đi tập trên đầm lầy, khi những con mỏ nhác bà và chim dẽ gà còn chưa ra khỏi các vùng rậm kín để đến nơi trống trải, lộ liễu, và ở đấy chỉ có những

con chim te te non mà thôi. Trong các sách chỉ nam săn bắn viết hoàn toàn sai, người ta bảo rằng dường như dùng chim te te để tập chó săn thì không tốt: tôi không biết có con nào tốt hơn chim te te nữa. Chim te te già có làm cho con chó nóng nảy hơi xúc động thật đấy, nhưng có thể bắn súng để đuổi chúng đi, thế nhưng chim te te non thì nằm lỳ một chỗ như chiếc bánh màu hung hung, nằm lỳ đến nỗi rất dễ giẫm phải.

Lúc đầu, Ket không đánh hơi những chiếc bánh ấy, tự tôi tìm thấy, hất lên, chiếc bánh hóa thành con chim te te, và nó còn chưa biết bay, đi chập chững giữa các mô đất. Tôi nói *nằm yên*, tôi bắt con chó nằm xuống, nhưng cho phép nó đưa mắt nhìn con chim te te non cho đến khi nó nằm xuống giữa các mô đất như chiếc bánh.

— Khe khẽ, tiến lên!

Và Ket đi, co dúm lại. Nó không đứng rình mồi, mà chỉ ngửi, và con chim te te lại chập chững đi. Tôi quay đầu con chó về phía khác để nó không thấy con chim te te lại nằm xuống ở đâu, còn chính tôi đã nhận thấy, rồi thả nó ra đi tìm ngoắt ngoéo chữ chi như chiếc thuyền buồm chạy ngược gió.

Con chó không bắt được hơi qua gió, nhưng bằng sự đánh hơi ở gần đất, nó bắt được hơi và bắt đầu chạy lạch bạch, như chiếc máy khâu xành xạch, cho đến khi tìm được. Nó lại không đứng rình mồi, lại lấy mũi đụng con chim te te. Tôi làm đi làm lại cái đó đến một trăm lần và chẳng có kết quả gì hết: con chó không thể đánh hơi trong không khí mà đứng rình mồi được. Tôi vừa đi ra khỏi đầm lầy, vừa suy

nghĩ: rất có thể là con chó đã mất khiếu đánh hơi vốn có trong hai năm sống trong phòng ở Matxcơva. Nhưng có thể là trong những điều kiện mới, khiếu đánh hơi lại được tái sinh chăng.

Đầm lầy Quỷ, nơi tôi làm thí nghiệm với những con chim te te, cách nhà tôi tám cây số. Tôi không thể thường đến đấy được và theo dõi khi nào chim mỏ nhác bà và dẽ gà xuất hiện ở những nơi quang trống, không có bụi bờ gì cả. Thế nhưng ở vùng tôi, ngay cạnh hồ, trong những truông bụi cây đầm lầy, tôi tìm thấy một cái đầm con chừng hai công mẫu, và ở đấy, Ket đã hất lên hai con chim mỏ nhác bà đã già. Thế là tôi bắt đầu tập chó săn hằng ngày ở đấy theo hai con chim mỏ nhác bà ấy. Dù sao thì cuộc đi chơi ấy cũng tước mất của tôi mỗi buổi sáng khoảng hai giờ. Và hơn nữa, mỗi lần đi lại phải thay áo quần, vì khi lội xuống đầm lầy phải đi những nơi rất nhiều bùn. Và đáng buồn là khi đi về thì bao giờ cũng chỉ được một kết quả ấy mà thôi: Ket sục sạo trong đầm lầy, đuổi những con chim mỏ nhác bà bay đi, mà chẳng có ích lợi gì cho nó cả.

Có một lần, tôi mang súng đi theo đến đầm lầy và bắn một con mỏ nhác bà. Nó rơi xuống khu đất cứng. Ket tìm chim ở khu đất ấy, nhưng hoàn toàn cũng giống như tìm chim te te non: cứ chạy quanh mãi cho đến khi mũi đụng vào chim. Nhưng dù sao thì cái đó cũng có lợi là nó đã làm quen được với hơi chim, do đó ngày hôm sau tôi có thể hy vọng có kết quả mới.

Tôi nghĩ rằng không chỉ những nhà thơ phải chịu những giày vò, đau khổ của sáng tác; trong công việc nuôi dạy chó, những giày vò, đau khổ ấy không ít hơn,

và cũng bỗng nhiên, nửa đêm vụt đến một ý nghĩ tươi sáng mà từ đó, sau này, bắt đầu những cách mới trong sự tìm tòi. Ban đêm, tôi sực nhớ đến cuộc tranh luận trong tạp chí «Người đi săn» về đời sống của chim mỏ nhác bà: một số người viết rằng con đực sau khi đã thụ tinh con cái thì không tiếp tục tham gia vào cuộc sống gia đình nữa, một số khác thì nói trái lại, con đực thường nằm bên cạnh tổ. Và tôi suy nghĩ về hai con chim mỏ nhác bà của tôi, một con đực, một con cái, và thế thì ở gần đây nhất định phải có tổ của chúng. Sáng sớm, tôi thích thú đi đến đầm. Ket loay hoay tìm, con mỏ nhác bà bay lên, con chó đi đến và đứng yên tại chỗ. Tôi gạt cỏ ở đầm lầy và thấy trên mô đất bốn quả trứng mỏ nhác bà to rất lạ so với thân hình chim mẹ.

Tốt, tốt lắm. Bây giờ tôi sẽ tập hằng ngày cho con chó đứng rình mồi, nhất định tôi sẽ buộc dây dắt nó đi, sẽ dần dần phát triển khiếu đánh hơi của nó, còn đến khi chim mỏ nhác non nở ra thì tôi sẽ bắt chúng giấu đi...

Ngày hôm sau, đi đến đầm lầy ấy thật là thú vị, nhưng sự việc đã xảy ra thì hoàn toàn tôi không ngờ. Từ lối vào đầm đến tổ chim, tôi ước độ chừng hai trăm bước, và khi Ket chỉ vừa bước ra khỏi bụi cây, nhiều lắm có lẽ nó đi được chừng năm mươi bước, tức là cách một trăm rưởi bước thì nó đã đứng rình mồi, rồi dẫn đi gần hơn, gần hơn nữa, và nó dẫn đi thế này: chép, chép... những chân mảnh khảnh của nó nhẹ nhàng bước, như nữ nghệ sĩ vũ kịch. Đôi ủng của tôi rất to, to đến nỗi phải quấn cả một đống giẻ vào chân. Ket bước và chỉ nghe như giọt nước rơi xuống

nước. Tôi đi lù lù như con voi. Do tiếng động của tôi, nó dừng lại, nhìn tôi rất nghiêm nghị, chỉ có điều nó không nói được, chứ cái nhìn đó có nghĩa:

— Khẽ chứ, khẽ chứ, ông chủ!

Cách chừng năm bước, nó đứng hẳn lại, tôi vuốt ve nó, khuyến khích nó tiến lên một tí ti nữa, nhưng tiến lên nữa thì không được: tôi chỉ vừa bước chiếc ủng kêu thịch một cái là con mỏ nhác bà đã bay lên.

Ket xúc động, hình như nó nói:

— Chà, chà, cái gì thế?

Nhưng nó đứng yên, không tiến lên. Tôi cho phép nó thận trọng tiến đến gần và ngửi tổ chim.

Tôi rất sung sướng, nhưng khi đi ra khỏi đầm lầy, thì tôi nhận thấy người ta đã bắt đầu cắt cỏ ở đầm lầy và tôi nghe nói chiều nay, người ta sẽ cắt cỏ ở đầm lầy này. Không thể xin bà con nông dân đừng đụng đến tổ chim, họ đông, và nếu tôi xin thì nhất định sẽ có người cố ý phá. Tôi quay trở lại đầm lầy, cắt một số cành liễu, cắm quanh tổ chim thành một bụi con. Tôi chỉ sợ một điều là chim mẹ sợ cành cây mới mà bỏ tổ chăng. Không, ngày hôm sau, Ket dẫn tôi đi trên đầm lầy đã cắt cỏ xong, hoàn toàn giống như hôm qua, cũng cách năm bước nó dừng lại cạnh bụi con đã cắt cỏ chung quanh và con chim mỏ nhác bà lại bay lên.

Cùng một lúc với tôi, họa sĩ Bôrit Ivanôvich và một ông bác sĩ cũng đi tập chó săn ở những chỗ khác. Bôrit Ivanôvich có con chó poănte Pháp, còn Mikhain Ivanôvich có con chó cái Ái-nhĩ-lan. Thế là tôi mời cả hai người đến nhà, lấy cớ để uống trà, chuyện gẫu, còn sau đó đưa họ ra đầm lầy và chỉ...

Tóm lại, tôi sung sướng reo lên, hạnh phúc của tôi

thật lớn lao đến nỗi tôi thấy khó xử, và tôi nói với họa sĩ:

— Bôrit Ivanôvich ạ, bác đưa con poănte đi tập là rất thông minh, bác thấy đấy, con của tôi trong ba tuần đã dạy xong.

Tôi nói với ông bác sĩ:

— Mikhain Ivanôvich, bác chọn con xete Ái-nhĩ-lan để tập là rất thông minh, bác hãy cố gắng dạy cho nó, sau đây con chó của bác sẽ rất tuyệt.

Tất nhiên, trong nháy mắt họ sẽ truyền đi tin đồn về tài năng lạ thường của tôi trong việc tập chó săn, và tôi trở nên nổi tiếng trong vùng của tôi.

Không, hỡi những người yêu chó, những người săn bắn, những cặp vợ chồng mới cưới, những nhà thơ, đừng bao giờ tin vào hạnh phúc đột ngột, trái lại, các bạn nên biết rằng cái ảo tưởng ấy thực ra là hàng rào chắn lớn nhất trên con đường của các bạn, và các bạn không nên ngồi trên nó, mà phải nhảy vượt qua. Trong một tuần, chứ không hơn, tôi khoái trá, thú vị vì những lần đứng rình mồi rất lý tưởng của con Ket, chó săn nòi tuyệt vời...

Khi người ta đã lấy cỏ khô rồi, thì chừng một tuần sau, đầm lầy ấy còn xanh um hơn trước, và nếu tôi đến đấy trong một ngày xam xám tuyệt vời, thì đầm lầy ấy trông rất ngon mắt, có cảm giác hình như sắp có một con chim mỏ nhác bà bay lên. Và đúng như thế, Ket chỉ vừa bước tới thì nó bay lên. Ket chẳng để ý gì đến nó cả. Rồi một con chim mỏ nhác non bay lên ngay sát chân Ket. Con chó không để ý gì hết, cứ dẫn đến tổ, như điên dại. Và một con chim non khác bay lên, rồi đến con thứ ba, thứ tư, thứ năm... Ket

vẫn dẫn đi, dẫn đi mãi. Và cũng như trước đây, nó đứng yên không động đậy cách tổ chim năm bước, còn khi tôi nhìn thì trong tổ chỉ còn những vỏ trứng mà thôi.

Tôi nghĩ là tổ chim có mùi mạnh hơn chính những con mỏ nhác bà, và tôi vứt những vỏ trứng đi.

Ngày hôm sau, con chó dẫn đi đến mô đất.

Tôi phá hẳn mô đất ấy, xếp cành khô ở chỗ tổ chim và đốt thành đống lửa.

Con chó vấp chân phải những con mỏ nhác non và dẫn đến chỗ đống lửa đã tàn.

Thế nghĩa là ngay từ đầu, nó luôn luôn hoạt động chỉ theo trí nhớ mà thôi.

Thế nghĩa là tất cả những cái đó chỉ là *biểu tượng*.

Thế nghĩa là con chó không đánh hơi chính sự sống, mà chỉ hình dung sự sống. Đó không phải là con chó — bạn thân và phụ tá cho người đi săn, không phải là mẹ đẻ của đàn chó con có tài đánh hơi rất tinh, — đó là con chó nghệ sĩ.

Nhiều người đi săn gặp trường hợp như thế thì bắn con chó đi cho xong chuyện. Còn tôi thì định cố thử thuyết phục chủ cũ của nó lấy nó trở lại, sau khi nói bóng nói gió về kết liễu thường tình của những con chó như thế ở các người đi săn.

Trong ngày được phép săn bắn, tôi đi bắn vịt với các con tôi để giải khuây, vì bắn vịt không phải là môn săn bắn của tôi. Một tuần sau, tôi đi săn các ổ gà lôi non — tôi thích, nhưng không phải là thích lắm. Tôi thích bắn những con gà lôi muộn nhất, và khi con chó dừng lại trên một khoảng cách rất lớn xa đàn chim, thì tôi suy nghĩ làm sao đi để đón được chúng, vì

nếu bắn được thì mỗi con gà lôi quí gấp mười con bắn được trong mùa hè.

Quả thanh lương trà mỗi ngày một đỏ ối. Sa yến từ lâu đã bay đi rồi. Chim én cũng tập hợp từng đàn. Người ta đã gặt xong lúa kiều mạch. Những cây gia đã vàng lá từ trên xuống dưới, còn ở các đầm lầy thì những cây hoàn diệp liễu và bạch dương cũng vàng rực. Đã có hai lần băng giá nhẹ. Lá khoai tây đã sẫm đen, và người đi săn bắt đầu hoang mang không biết đi đâu cả: trong rừng — những con gà lôi đen rất thú vị, trên đầm lầy — những con mỏ nhác bà béo nục, trên cánh đồng — những con gà gô xám.

Tôi cố gắng đi bắn tất cả, nhưng người ta nói:

— Hôm qua, Bôrit Ivanôvich đã bắn được một con dẽ gà bay qua.

Thế là tôi bỏ cả gà lôi, cả gà gô, bỏ tất cả, để đi đến Đầm lầy Quỷ đón rình chim dẽ gà bay đến rất đông hàng đàn, và nếu hôm nay bắn được hai con, còn ngày mai ba con, thì tôi nói: *chúng đang bay đến thêm.*

Có một bận đang giữa mùa chim dẽ gà bay đến nhiều, đôi ủng xấu kinh khủng của tôi cuối cùng đã cọ trầy chân tôi đến nỗi không thể nào đi đến đầm lầy được. Thuê ngựa trong thời gian làm mùa thì đắt và cái chủ yếu là tôi xấu hổ: tôi vốn là người không chịu *đi xe ngựa để săn bắn.*

Một ngày xám xịt ảm đạm. Trên những cây bạch dương to có những tổ chim vàng rực. Ket đi đến gần tôi rất buồn rầu và rất tội nghiệp. Nó gầy đi biết bao!

Tôi thấy tội nghiệp con chó dễ thương. Những con gà gô xám ở trên ruộng rạ ngay sau sân chúng tôi,

và vì ở gần quá, nên tôi không coi chúng là chim rừng, tôi giữ gìn chúng và không bắn. Nhưng vì sao tôi không thử cho con chó săn chúng và không bắn một đôi để quay nhỉ?

Tôi đi dép ra đồng. Một cơn gió nhẹ thổi ngược về phía tôi. Tôi thả Ket ra đi ngoắt ngoéo chữ chi, như chiếc thuyền buồm chạy ngược gió. Tại một trong những rẽ ngoặt đầu tiên nó bắt hơi được, nhảy ra một bên và đứng lại. Nó đứng lại một tí và duyên dáng, như nữ nghệ sĩ vũ kịch, nhảy sang phía khác, lại đứng lại và nhìn chằm chằm vào một điểm. Sau đó, nó đứng và bắt đầu «cắt», như cắt giò chả từng lát mỏng, toàn bộ khu vực giữa tôi và mục tiêu không trông thấy, bằng cách chạy từ bên này sang bên kia. Khi đã ngửi xong, nó hiểu rằng không còn xa nữa và bỗng dẫn đi giống hệt như dẫn đến tổ chim không của mỏ nhác bà dạo nọ.

Nó đứng lại, toàn thân run lên, như chiếc máy nổ, khó khăn lắm mới kìm mình khỏi sự cám dỗ để không nhảy đến cái điểm chính có mùi bốc lên.

Và bỗng! Các bạn có biết đàn gà gô xám đông chừng ba mươi con bay lên với tiếng vỗ cánh ào ào thế nào không? Tôi bắn một phát, rồi một phát nữa. Hai con gà gô rơi xuống không xa.

Và Ket *thấy* chúng rơi.

Khi đó thì, cuối cùng, tôi mới rõ tất cả. Tôi tập chó săn trên đầm lầy trong rừng, chung quanh có những bụi cây bao bọc, ở đây không có sự chuyển động của không khí. Ở đây Ket không thể hiểu người ta đòi hỏi ở nó cái gì, và nó chúi mũi xuống đất. Còn ở đây, do gió mạnh, nên lập tức khiếu đánh hơi của nó đã

bị bỏ quên do cuộc sống trong thành phố, được đánh thức dậy.

Nhưng nếu nó đã hiểu được cách đánh hơi đàn gà gô, thì nhất định ở trên đầm lầy trống trải, nó phải biết bắt hơi mỏ nhác bà và chim rẽ gà. Tôi quên bẵng là mình đi dép ra đồng và không mang theo gì cả, cả một mẩu bánh mì cũng không có. Nhưng phải chăng lúc đó còn nhớ được cái gì! Chẳng chuẩn bị gì hết, tôi vội vã đi ngay, gần như chạy đến Đầm lầy Quỷ cách tám cây số.

Lần thí nghiệm đầu tiên ở một chỗ rất lầy lội đến nỗi bùn chấm bụng chó. Nó dẫn đi lên trên đến một vòng tròn sẫm màu. Té ra đó là chỗ đụn rạ năm ngoái. Ở đây lập tức có một con dẽ gà và một con mỏ nhác bà bốc lên. Tôi chỉ kịp bắn con dẽ gà. Nhưng Ket tìm được cả con mỏ nhác bà đã chuyển chỗ. Và tôi bắn được cả con mỏ nhác bà ấy. Và cứ như thế mãi.

Đầm lầy Quỷ dài đến năm cây số, mà mặt trời thì giục giã. Đến mức tôi khẩn khoản xin mặt trời đứng lại, dù trong chốc lát cũng được, nhưng thiên thể bất nhân kia đang lặn xuống. Trời nhá nhem tối. Tôi không thấy được đầu ruồi và cứ bắn hú họa.

Sau đó, khi tôi ra khỏi đầm lầy và đi vào ruộng rạ, thì tôi cảm thấy đau chân khủng khiếp: gốc rạ đâm vào những vết thương của tôi, mà dép thì đã tụt vào trong lầy từ lâu mà tôi hoàn toàn không cảm thấy gì cả.

Sau những cuộc săn bắn tuyệt vời và có kết quả ở Đầm lầy Quỷ, một bạn tôi có dịp ghé lại đầm con, nơi Ket hồi nào đã diễn tập, mà lần diễn tập ấy xuýt

nữa làm hỏng cả cuộc đời của nó. Và té ra loài chó có một trí nhớ rất lạ: nó lại len lỏi và dẫn đến chỗ trống không. Nhưng mùi của con mỏ nhác bà thật sự, còn sống, đã thắng lòng hăng say có tính chất nghệ sĩ của nó, và thôi không làm điệu nữa, nó dẫn tôi về phía con chim sống. Tôi không kịp bắn con chim khi nó bốc lên, tôi bèn đưa nòng súng ngắm theo nó cho đến khi việc đưa đó làm tôi hình dung như một ống loa, thì tôi bóp cò, và con mỏ nhác bà rơi xuống khu đất cứng. Lần này, tôi đã dám phái con chó đi tha mồi về, và chẳng bao lâu Ket từ trong bụi cây hiện ra với con mỏ nhác bà ngoạm ở mõm.

TÌNH YÊU CỦA IARIC

Thỉnh thoảng khi đi vào rừng với con chó, tôi tự nhủ mình không nói với nó bằng những lời lẽ của con người và chỉ giải thích bằng cặp mắt, bằng cử động của tay và cùng lắm bằng những âm thanh không rõ ràng. Cái đó không dễ lắm, thế nhưng việc giải thích cho súc vật mà không dùng lời nói bắt buộc ta phải hết sức chú ý, và ta bắt đầu hiểu được tâm hồn của nó, dường như từ tâm hồn của mình. Và như thế, tôi cảm thấy hình như tôi hiểu được tình yêu của Iaric với Ket trong sự lặng thinh của chúng nhiều hơn, so với khi giá như chúng nói được và tôi nghe được lời của chúng.

Chúng gặp nhau không mặn mà lắm. Iaric ngửi Ket một tí, Ket không thích, Iaric bỏ đi và đến nằm trong góc. Từ giờ phút đó, tính tình của nó thay đổi hẳn: con chó vàng đẹp kia từ trạc tuổi sáu tuần đã quen nhận được của chúng tôi toàn bộ sự âu yếm,

không bị chia sẻ. Tôi không nhân cách hóa súc vật, không lý tưởng hóa, nhưng tôi có những chứng minh để nói rằng ở những con chó săn nòi cao đẳng có mối liên hệ với người trong khi đi săn mạnh hơn sự đói: dù đói đến thế nào đi nữa, Iaric vẫn bỏ thức ăn đấy, nếu nó thấy tôi khoác súng. Thậm chí tình yêu trong lúc động cỡn cao độ nhất cũng không thể vi phạm đến mối liên hệ của chúng tôi trong việc săn bắn. Việc đó xảy ra chẳng lâu sau khi người ta đưa Ket cho tôi; Ket bắt đầu *có kinh*, và vì thế phải đưa Iaric đến ở với con chó săn Họa Mi. Không để ý đến bệnh của Ket, tôi tiếp tục tập nó săn trong rừng và trên đầm lầy, vì tôi sống xa làng mạc và ít có nguy cơ gặp những con chó khác. Một bận, vì ngẫm nghĩ về sức mạnh bản năng đi săn của loài chó, tôi quyết định làm một cuộc thí nghiệm mạo hiểm và đưa cả Iaric đi theo cùng với Ket. Cái đó là nguy hiểm, không chỉ vì con chó săn nòi Đức có thể lấy nhau với con chó xete Ái-nhĩ-lan trong bụi cây và cho một giống lai không cần thiết đối với tôi, nhưng cái chính là vì Ket đã không tập lớp hai rồi, và nếu bỏ thêm một lớp nữa thì con chó chắc sẽ trở thành không được dạy dỗ. Nhưng dù sao, trong khi đang hăng hái với việc tìm hiểu tâm hồn loài chó, tôi vẫn dám làm thí nghiệm và đã thả Iaric và Ket ra lúc đầu trên cánh đồng, còn sau đó trong bụi rậm. Ngày hôm đó, tôi đã trải qua những phút giây hồi hộp, lo lắng, khi cả hai con chó biến mất trong bụi rậm, mà không quay trở lại. Tôi lao chạy theo chúng, nhưng không thấy chúng ở hướng ấy, chạy quanh cả một vòng mà tôi dự tính chúng ở đấy — nhưng cũng không có chúng, tôi huýt — chúng không đến. Lúc

đó, tôi mất bình tĩnh không tính toán gì hết, tôi vừa chạy đến từng bụi cây, vừa nguyền rủa cái ý định mạo hiểm của mình. May thay, cuối cùng chiếc áo trắng lấm chấm hạt cà phê, sặc sỡ của con chó săn nòi Đức thoáng qua trước đôi mắt tôi hớt hơ hớt hải vì lo lắng, xúc động, và theo nó tôi cũng thấy cả Iaric nữa. Với đôi mắt hăng say căng thẳng chằm chằm cố nhìn những con chim không nom thấy trong cỏ, Iaric đứng yên, như một bức tượng đồng, còn sau nó Ket còn chưa hiểu gì về săn bắn, đứng phân vân, thắc mắc và đánh rơi trên cỏ xanh và hoa rừng những giọt máu đặc, đỏ thắm. Mà chính là chúng có đủ thì giờ để chuẩn bị đón tôi hoàn toàn khác hẳn. Thế nghĩa là tôi nói đúng: chó săn chính là chó săn, vì nghệ thuật săn bắn mà chúng chẳng được gì cho bản thân chúng cả, quý hơn tình dục mãnh liệt nhất làm cho cả thế giới vận động.

Sau thí nghiệm đó, tôi sung sướng trở về nhà, thí nghiệm ấy làm cho tôi có can đảm thú nhận rằng: trong đời tôi cũng đã có một lần bỏ trượt nàng Ket của mình khi hướng toàn bộ sự say mê của mình vào một mục tiêu nào đấy không nom thấy. Bây giờ, tôi sung sướng nhận thấy rằng cái đó thường có không những ở con người, mà cả ở động vật nòi cao đẳng nữa.

Sau đó, tôi phải để Iaric sống thêm vài ngày với con chó săn Họa Mi ở lều chứa củi, nhưng tôi thường đến với nó, vuốt ve, âu yếm nó, gọi nó bằng tên hoàn toàn khác, tên người; còn Ket thì tôi vuốt ve, âu yếm nó và chỉ gọi bằng tên Cachisa*. Đó là phát minh của

---

* Tên của phụ nữ Nga, cách gọi rất thân của Cacha. — *ND.*

riêng tôi — tên kép của chó: một tên khi đi làm việc, tên khác khi ở nhà, một tên để dành cho sự vâng lời tuyệt đối, tên khác cho phép con chó thỉnh thoảng làm kẻ độc tài của chủ mình. Đấy, cứ thử mà giữ được vai trò của người nuôi dạy nghiêm khắc xem, khi Iaric nằm dài oai vệ, như con xphin*, trên cửa sổ, đặt hai chân trước tréo lại, và trong tia nắng màu lông đỏ rực của nó sáng lên những màu sắc tuyệt vời thế nào ấy của Tichiên** mà những họa sĩ ngày nay không thể nào truyền đạt được. Chẳng hiểu vì sao trong giây phút đó tôi nói với nó:

— Kiriusa*** thân yêu của tôi!

Nó không nhúc nhích, trái lại, vì hiểu rằng tôi khoái trá ngắm nhìn vẻ đẹp của nó, nên nó nằm yên cứng đờ trong tư thế kiêu hãnh của nó.

Còn nếu tôi nói thậm chí rất khẽ:

— Iaric! — thì nó vẫy tai, xúc động, phá mất đường tréo tuyệt đẹp của đôi chân trước và bắt đầu ve vẩy cái đuôi xù lông quét qua quét lại và đụng nhè nhẹ trên sàn.

Sau lần thí nghiệm trong rừng khi Ket có kinh, tôi và Iaric đã có buổi tâm sự quan trọng của con người trong nhà lều, nhưng theo dáng dấp oai vệ, kiêu hãnh của nó, tôi cảm thấy có phần nào hơi xa lạ. Và sau đó, khi Ket hết kinh, tôi lại dắt Iaric trở về nhà, nó

---

* Tượng quái vật đầu người, mình sư tử ở Cổ Ai-cập. — *ND.*

** Tichiên (1477—1576) — họa sĩ Ý trứ danh, cầm đầu trường phái Vơnizơ. — *ND.*

*** Cách gọi rất thân của Kirilơ. — *ND.*

bắt đầu hơi khác đi. Đổ canh vào bát cho chó. Tiếng kêu quen thuộc ấy lôi cuốn Ket, và Ket đứng chờ đợi, khe khẽ cử động cái đuôi cụt. Trước đây, thường thì cả Iaric cũng vội vã, nhưng bây giờ nó nằm trong góc, không để ý gì đến tiếng động cả: nó rất kiêu hãnh và không muốn thò mõm đến. Thậm chí, cả khi gọi nó đến ăn trưa, nó cũng uể oải đứng lên. Và khi chúng tôi ăn trưa, trước đây Iaric thường đứng chực miếng ngon, bây giờ nó nằm dưới gậm bàn, còn Ket thì đứng chầu chực và chằm chằm theo dõi tất cả, thậm chí trông chướng mắt và đuổi đi. Nhưng Iaric cả khi vắng Ket cũng không bao giờ chiếm vị trí cũ của mình cạnh bàn nữa. Và ở nhà, chúng tôi đều hiểu là Iaric bây giờ không phải là Iaric trước đây và nó sẽ không bao giờ tha thứ chúng tôi vì sự xuất hiện của Ket.

Khi đến mùa săn bắn, tôi có sai lầm đối với Ket, tôi không hiểu khả năng của nó và đi săn với Iaric. Iaric lại chiếm vị trí trước kia, trình diện ngay khi nghe tiếng thức ăn đổ vào bát, ngồi cạnh bàn trong bữa ăn trưa, còn Ket đứng sau nghí ngoáy cái đuôi cụt và đôi mắt thông minh nhìn một cách khó chịu đến nỗi thường chúng tôi quát lên: «về chỗ!» Đến gần cuối mùa săn bắn, bỗng Ket trội hẳn lên trong việc đi săn đến nỗi đi với Iaric tôi không còn thú vị nữa. Sự hoạt động thông minh, bình tĩnh của con chó săn nòi Đức làm tôi say mê, hoan hỉ. Tôi định chỉ dùng loại chó săn nòi Đức và nhất định phải lấy giống của Ket. Trong vùng này chỉ có con Jec của họa sĩ là xứng đáng làm chồng của Ket mà thôi. Trong mùa chim dẽ gà bay qua, chúng tôi định cho hai con chó làm quen nhau, thử

xem chúng sẽ đi thế nào. Và kết quả rất tốt. Chúng tôi thường quên chuẩn bị súng sẵn sàng để bắn, mà mải ngắm nhìn hai con chó thông minh tách rời nhau để đi tìm mồi, rồi gặp nhau, lại tách rời nhau và dừng lại trước các dấu vết, rồi dẫn đi, đứng bất động và đưa mắt nhìn chúng tôi có ý giục giã khi thấy chúng tôi lề mề, không vội vã. Sau cuộc đi săn, chúng tôi nấu nước trà trên bờ đầm và chuyện gẫu với nhau về giống chó săn nòi tương lai côntinăntan Đức. Những con chó mệt phờ, nằm khoanh tròn. Chúng có thể yên trí nằm ngủ mà không bận tâm, như con người, đến những vấn đề về đời sống trên cõi trần này: chúng ta là chúa trời của chúng, và số phận của chúng nằm trong tay chúng ta.

Có một bận chỉ có tôi và các con ở nhà, khi Ket bắt đầu đùa với Iaric, chúng tôi cho phép hai con chó chạy quanh bàn, làm đổ ghế, nhảy lên đivăn chúng tôi, chẳng tiếc gì khăn trải bị giật khỏi bàn cùng với chén tách, và không ngăn chó cả khi chúng say mê tợp nước sạch ở thùng. Sự say sưa của hai con chó lôi cuốn cả chúng tôi, và chúng tôi định xem chúng đùa nhau cho đến hết. Lúc đầu, khi lòng say đắm của Iaric đã vượt qua những giới hạn cho phép, nó lăn ra sàn và nằm ngửa. Ket nằm lên nó và đùa nghịch, day dứt nó đến mức nó hoàn toàn bất lực, nằm ỳ, thè lưỡi, thở khò khè. Nhưng Ket khéo léo, mảnh khảnh, như con rắn, có rất nhiều trò chơi nghịch ngợm làm cho Iaric không kìm mình được nữa, bỗng Iaric đứng lên, chồm lên mình Ket, hai chân trước ôm chặt cổ Ket, còn toàn thân chuyển động. Trong nháy mắt, Ket trầm ngâm suy nghĩ và bỗng, nhe răng, gầm

gừ, hất Iaric xuống và cắn nó đau. Quặp đuôi, Iaric, trông rất tội nghiệp, bơ phờ, đến nằm trên tấm nệm của nó và đưa cặp mắt rất người của nó, có vết sẫm bao quanh, nhìn chằm chằm vào cái chân ghế.

Ngày hôm sau, nó không đáp lại những vuốt ve, mơn trớn của Ket nữa; Ket thì cứ bám vào nó để nghịch, nó gầm gừ trầm trầm. Ket không để ý đến tiếng gầm gừ của nó, nhảy qua mình nó, ngoạm tai, ngoạm đuôi của nó, lấy chân nghịch quấy nó đến nỗi những sợi lông vàng bay tung ra. Iaric có một mánh lới ngấm ngầm để bắt mẩu thức ăn như thế này, khi chúng tôi đùa nghịch, buộc thức ăn vào đầu sợi chỉ và vung trong không theo các hình khác nhau cạnh mõm nó: nó vờ như không chú ý gì đến, mà thực ra thì tính toán, ước lượng và bất thình lình lao đến, đớp bao giờ cũng trúng không sai. Trong khi chơi đùa với Ket cũng thế, nó đột ngột lao đến tính toán đúng mọi việc, chỉ trừ một việc là không bao giờ nó có thể hưởng được, nếu chưa đến lúc. Nó đã bị cắn. Và đối với con chó kiêu hãnh thế kia thì đó là một sự hạ mình xấu hổ biết bao: cứ sán đến, bất chấp răng nhọn của Ket, còn bị cắn nữa và lại sán đến. Nhưng tất nhiên, Ket bắt nó quay trở về chỗ của nó nằm trong góc. Ở đấy nó bình tâm lại và chắc là tự thấy mình chỉ là một con chó đực, đáng thương, bị cắn, bị nhục. Nó nằm liếm mãi vết thương cho đến tối, còn ban đêm nó đi từ góc này đến góc kia. Khi thức giấc, tôi nghĩ rằng nó cần đi ra ngoài, tôi cho nó ra, nó trở vào và lại bắt đầu đi. Qua giấc ngủ mơ màng, tôi nghe những móng chân của nó nện trên sàn nhà rất kêu mãi cho đến sáng sớm.

Buổi sáng, tôi nhận thấy Ket có những triệu chứng đặc biệt, tôi ghi ngày tháng và dắt Iaric đến lều với con chó săn nòi Họa Mi. Sau đó, mọi việc được tiến hành đúng theo sách chỉ nam về sự chăm sóc chó săn nòi. Đến ngày thứ mười một, Bôrit Ivanôvich đến nhà tôi, dẫn theo con Jec, và chúng tôi gọi nó đến với Ket. Tình yêu ấy — như chúng tôi đã xem đồng hồ — kéo dài trong mười lăm phút.

Mùa đông còn cố nán lại với những cơn băng giá ban mai và ban tối. Ban đêm, tuyết vẫn còn sa xuống, — nhưng từ trên núi chúng tôi gió thổi bụi tuyết, và trong ánh nắng, núi của chúng tôi lấp lánh đến lóa mắt, như bạc nguyên chất. Những đám mây mới trong mùa hè ùn ùn lại trên tuyết; trong rừng bầu trời xanh lam lộ ra sáng rực; đàn quạ khoang cố sức gào to; tất cả chim vành khuyên đều hót vang trong tiếng ca mừng hôn phối; còn trên dấu chân cáo trông rõ những giọt máu kinh.

Những ngày cuối cùng của thời kỳ chó thụ thai sáu mươi ba ngày đã đến. Thậm chí những núm vú nhỏ nhất ở trên ngực của Ket cũng sưng phồng lên rõ rệt, và tất cả những núm vú ấy hợp lại thành những luống, dần dần có hình dáng kỳ diệu của những núm vú của con chó sói mẹ hoang đường đã cho Rômun và Rem bú sữa*. Ket không trở nên xấu xí, ngay cả trong những ngày thai nghén cuối cùng, vì tất cả những cái gì nặng đều ở bên dưới và ở đây, ngay sát đất,

---

* Theo thần thoại La mã, Rômun và Rem là con thần Macxơ, bị vứt ở sông Tibrơ, được chó sói mẹ cứu và nuôi, sau Rômun lập nên thành phố Rôma (La-mã) và trở thành vua đầu tiên. — *ND.*

thì rất hợp và tốt. Chúng tôi mua nhiều xương bò, nấu nước hầm rất ngon, trộn với bột kiều mạch và cho nó muốn ăn bao nhiêu tùy ý. Nhưng không bao giờ nó có thể ăn hết được. Sau nó thì Iaric từ dưới ghế dài hiện ra, rất thận trọng đi đến gần và ăn nốt: nói chung nó có vẻ khiêm tốn, hiền lành thế nào ấy. Suốt ngày, nó nằm trên cửa sổ trong tư thế sư tử, tréo hai chân trước lại, dưới ánh nắng mùa xuân và mơ mộng, chắc là nghĩ đến những ngày sắp tới chim sẽ bay qua trong mùa xuân. Tôi cũng hay ngồi cạnh cửa sổ và thường khi hoàn toàn không nghĩ gì đến Iaric, tôi cùng nó quay đầu theo phía này hoặc phía kia giống nhau và theo dõi tuyết ở ngoài cửa sổ. Tôi suy nghĩ kế hoạch mới dạy chó, để làm sao toàn bộ việc tập dượt sẽ được tiến hành trong im lặng, không dùng đến lời nói, để làm sao mọi điều giải thích, giảng giải được thể hiện bằng đôi mắt và cử động của tay mà thôi. Nếu đạt được điều đó thì có thể tiến đến sự hoàn toàn hiểu thấu tâm hồn của chúng, suy từ tâm hồn mình mà ra. Lúc đó, có thể, tôi sẽ hiểu được tình yêu của chúng nữa và sẽ kể về những tình cảm của Iaric trong thời kỳ Ket thai nghén.

Khi tôi nghĩ những điều khác nhau như thế và nhiều điều khác nữa và quay đầu cùng với Iaric theo dõi bóng màu lam lướt qua trên tuyết của những đám mây tích, thì Ket đi tìm tôi ở các phòng, và khi thấy tôi cạnh cửa sổ, nó chạy lại và nằm xuống. Nó xin cái gì đấy. Tôi đi, nó đứng lên và chạy đến cửa. Tôi mở cửa cho nó ra, nó nhanh chóng đi ngoài và quay trở lại. Tôi không đoán ra và cứ đứng lại

một mình ngoài sân thêm một lát nữa, còn khi trở vào nhà thì tôi để ý ngay những tiếng kêu đặc biệt trong phòng Ket: trong phòng nó luôn mồm tợp rất to và liếm. Khi tôi đến gần nó, thì thấy cạnh nó một con chó con bé tí, mới lọt lòng, chưa mở mắt, với những chấm màu cà phê trên nền trắng, giống như màu lông của nó. Chúng tôi không cần giúp đỡ cho Két, nó tự làm tất cả bằng lưỡi, cắn cuống rốn, nuốt và liếm rất sạch đến nỗi những chỗ lông trắng nõn của các con chó con óng ánh lên như tuyết đầu mùa. Mọi việc đều bình yên vô sự, chỉ có đến con thứ năm thì tròng trắng của mắt Ket trở nên màu lam, nó kiệt sức và ngã xuống, Nhưng chúng tôi cho nó uống một ít rượu vang, và nó đẻ con cuối cùng — con thứ sáu, may thay, đó là Rem mong đợi. Chúng tôi đặc biệt cần những con chó đực, mà chó con đực chỉ có hai — Rômun và Rem.

Mấy phút tự đỡ đẻ, rửa ráy đã qua, và bây giờ mọi việc đã xong, không ở đâu có một vết bẩn nhỏ, những con con chưa mở mắt, đã được liếm sạch, vừa kêu ăng ẳng, vừa bò lổm ngổm qua thân mình nhau, chúng biết bò đi đâu, tìm được vú và bú chùn chụt. Bây giờ, hỡi các bạn yêu cuộc sống, hãy đến, lặng thinh mà nhìn vào đôi mắt của chó mẹ, cái đó thì không thể nói được...

Chúng tôi cứ nhìn như thế, và bỗng mọi cái đã thay đổi: chó mẹ giật mình, đôi mắt sáng quắc rực lửa giận dữ, lông gáy dựng đứng lên từ cổ đến đuôi. Chúng tôi nhìn và thấy ở cửa cái đầu vàng hung hung của Iaric: nó cũng muốn nhìn. Cũng may là nó kịp quay trở ra, và Ket cắn nó không phải vào cuống

họng, mà ở sau mông. Nó vừa chạy, vừa kêu lên, Ket đuổi theo nó đến tận bếp. Rồi quay trở lại, nằm và khe khẽ run mãi cho đến tối.

Khách đến nhà chúng tôi. Khi ngồi uống trà, tôi kể chuyện về tình yêu của chó, kể rằng, khi Ket có kinh lần đầu, lúc bấy giờ Iaric đứng rình chim rừng trong bụi, mà không để ý là Ket đã đánh rơi những giọt máu đặc trên ngọn cỏ, rằng trong mùa đông, chúng chơi đùa nhau suốt tháng, và kể chuyện về Jec, và về sự giận dữ không hiểu được ấy của Ket, khi Iaric cũng muốn nhìn xem và thò cái đầu vàng hung hung của nó vào cửa.

— Vì sao lại không hiểu được, — một bà rất giàu kinh nghiệm yêu đương nói. — Giá tôi mà có một tay Iaric như thế, thì tôi cũng sẽ xé xác chàng ta ra từng mảnh.

— Nhưng chính là Iaric không có lỗi, — tôi đáp, — có lỗi là chúng tôi, chúa trời của chó, chúng tôi đã cho tình yêu đi theo một lối khác và thay Iaric bằng Jec.

— Chúa trời cũng sai lầm, — bà nói, — nó đã có một cơ hội tuyệt trần như thế trong bụi cây, thế mà nó ngốc đến nỗi đã đứng nhìn một mục tiêu không nom thấy.

ĐẦM LẦY

Tôi biết là trong mùa xuân sớm, ít ai ngồi trên đầm lầy chờ đợi gà lôi gọi mái, và tôi không đủ từ dù chỉ để mô tả một cách sơ sài toàn bộ cái đẹp huy hoàng buổi hòa nhạc của chim chóc trên đầm lầy trước khi mặt trời mọc. Thường tôi để ý thấy rằng

nốt đầu tiên trong buổi hòa nhạc ấy, ngay trước khi trời còn chưa lờ mờ sáng, là do chim mỏ nhác bắt giọng. Đó là một tiếng rung rất thanh, hoàn toàn không giống với tiếng huýt mà mọi người đã biết. Sau khi gà gô trắng reo lên, thì gà lôi ríu rít kêu «chiu chiu», và gà rừng bắt đầu «cục cục» lầu bầu, có khi ngay sát cạnh lều; đến đây thì không còn chú ý đến chim mỏ nhác nữa, nhưng sau đó, khi mặt trời đang mọc, trong phút giây trang trọng nhất thì nhất định để tai lắng nghe bài ca mới của chim mỏ nhác, bài ca lanh lảnh, rất vui tươi, giống như bài ca khiêu vũ: bài ca khiêu vũ ấy, cũng như tiếng kêu đàn sếu, rất cần thiết để đón vừng dương.

Có một bận, từ trong lều nhìn ra, tôi thấy giữa đám gà rừng đen sẫm ấy, một con chim mỏ nhác màu xám, con cái, đậu trên mô đất; con đực liệng đến và vừa tung đôi cánh rộng chấp chới bay lơ lửng trong không, vừa lấy hai chân đụng nhẹ vào lưng con cái và hót vang bài ca khiêu vũ. Tất nhiên, lúc đó thì cả không trung rung lên do lời ca tiếng hót của tất cả chim chóc đầm lầy, và tôi nhớ là cả mặt nước vũng đầm trong khi hoàn toàn lặng gió vẫn lăn tăn rung động do muôn nghìn côn trùng trong nước thức dậy.

Hình dáng cái mỏ rất dài và cong của chim mỏ nhác bao giờ cũng đưa ý nghĩ của tôi đến thời quá khứ xa xưa, khi con người còn chưa xuất hiện trên trái đất... Và mọi vật trong đầm lầy đều rất lạ lùng, đầm lầy ít được nghiên cứu, hoàn toàn không được các họa sĩ quan tâm đến, ở trong đầm lầy, bao giờ

ta cũng cảm thấy dường như con người còn chưa bắt đầu xuất hiện trên trái đất.

Có một bận, vào buổi chiều, tôi đến đầm lầy dắt chó đi chơi. Sau trận mưa vừa tạnh và trước một cơn mưa mới, trời rất oi bức. Những con chó thè lưỡi chạy và thỉnh thoảng nằm xuống như lợn, bụng chấm xuống vũng nước đầm. Rõ ràng là chim non còn chưa nở và chưa ra khỏi khu đất cứng để đến chỗ trống trải, lộ liễu, và trong vùng chúng tôi đầy chim chóc đầm lầy, bây giờ, những con chó của chúng tôi vẫn chưa thể đánh hơi gì được cả, và trong lúc không có việc làm, chúng hồi hộp, xúc động, ngay cả khi đàn quạ khoang bay qua. Bỗng nhiên, một con chim to xuất hiện, bắt đầu hốt hoảng kêu lên và vẽ lên không trung quanh chúng tôi những vòng lớn. Một con chim mỏ nhác khác nữa bay đến và cũng vừa liệng quanh, vừa kêu rít lên; con thứ ba, rõ ràng là thuộc gia đình khác, bay vượt ngang vòng của hai con trên, yên tâm bay đi và khuất biến. Tôi cần phải kiếm một quả trứng chim mỏ nhác cho bộ sưu tập của tôi, và tính rằng những vòng chim bay nhất định sẽ hẹp dần lại, nếu tôi sẽ tiến gần đến tổ, và sẽ to dần ra, nếu tôi đi xa, tôi bắt đầu đi lang thang trên đầm lầy theo tiếng kêu, như trong trò chơi bịt mắt bắt dê. Cứ như thế dần dần, khi mặt trời thấp trở nên to lớn và đỏ rực trong làn hơi đầm lầy bốc lên nghi ngút, thì tôi cảm thấy tổ chim đã gần vì những con chim rối rít kêu và bay vút qua rất gần tôi đến nỗi trên nền mặt trời đỏ rực tôi trông rõ cái mỏ dài, cong của chúng há mở để thốt ra những tiếng kêu hốt hoảng thường xuyên. Cuối cùng, hai

con chó bắt được hơi ở bên trên không khí và đứng rình mồi. Tôi đi đến theo hướng mắt và mũi của chúng và thấy ngay ở trên dải rêu khô màu vàng, cạnh một bụi cây, có hai quả trứng to nằm, mà không che đậy gì cả. Bảo chó nằm yên, tôi sung sướng nhìn quanh: muỗi đốt nhiều, nhưng tôi đã quen với chúng.

Tôi thấy sung sướng, dễ chịu biết bao khi ở trong đầm lầy khó đi qua này và do những con chim có mỏ dài cong, trên đôi cánh hơi gập lại bay ngang qua đĩa mặt trời đỏ rực làm phảng phất những thời đại xa xăm của trái đất!

Tôi đã muốn cúi xuống đất để nhặt một trong hai quả trứng tuyệt đẹp kia, thì bỗng tôi nhận thấy từ xa có một người đang đi trên đầm lầy thẳng đến chỗ tôi. Người đó không có súng, chẳng có chó và thậm chí không có chiếc gậy cầm tay. Từ đây không có đường đi đâu cả và tôi chưa hề biết những người thế kia, cũng như tôi, có thể khoái trá đi lang thang trên đầm lầy trong lúc đàn muỗi bay vi vo quanh mình. Tôi cảm thấy khó chịu, cũng như khi chải tóc soi gương và làm dáng, nhăn nhó mặt, thì bỗng thấy trong gương con mắt tò mò xoi mói của ai đấy đang nhìn mình. Thậm chí tôi rời khỏi tổ chim và không lấy quả trứng để người kia không xua đuổi được giây phút sống rất quý báu đối với tôi — tôi đã cảm thấy điều ấy — bằng những câu hỏi của anh ta. Tôi bảo chó đứng lên và dẫn chúng đến mô đất cao. Ở đây, tôi ngồi trên một hòn đá xám bên trên phủ đầy địa y màu vàng đến nỗi ngồi mà không thấy lạnh. Khi tôi vừa mới bỏ đi, những con chim mở rộng vòng bay của

chúng, nhưng tôi không thể vui vẻ theo dõi chúng được nữa. Trong lòng thấy lo lắng vì có người lạ đến gần. Tôi đã có thể nom rõ anh ta: đứng tuổi, rất gầy, đi chậm chạp và chăm chú ngắm nhìn chim bay. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm, khi thấy người ấy đổi hướng, đi đến một gò đất khác và ngồi ở đấy trên hòn đá, cũng lặng im không nhích. Thậm chí tôi cảm thấy dễ chịu, vì người ngồi ở đằng kia, cũng như tôi, tôn kính chiêm ngưỡng chiều tà. Hình như chúng tôi hiểu nhau rất rõ dù không có lời nào, và không có lời nói cho việc ấy. Tôi nhìn chăm chú hơn nữa, xem những con chim bay ngang qua đĩa mặt trời đỏ rực, và khi đó những ý nghĩ của tôi xuất hiện một cách lạ lùng về các thời đại của trái đất và về lịch sử ngắn ngủi của loài người: thật đấy lịch sử đã trôi qua nhanh quá.

Mặt trời đã lặn xuống. Tôi ngoái nhìn người kia nhưng anh ta không còn đấy nữa. Những con chim đã yên tâm, chắc chúng đang nằm trong tổ. Lúc đó, tôi bảo hai con chó len lén đi lui, và tôi bắt đầu nhè nhẹ bước rất êm đến gần tổ chim: tôi nghĩ thầm không biết tôi có được thấy những con chim rất thú vị nằm sát nhau trong tổ hay không. Theo bụi cây con, tôi biết đích xác tổ chim ở đâu, và hết sức kinh ngạc, vì sao chim để cho tôi đến gần tổ như thế. Cuối cùng, tôi đã len lén đến gần bụi cây con và đứng lặng người đi vì kinh ngạc: sau bụi cây con không có gì cả. Tôi lấy lòng bàn tay sờ rêu: rêu còn ấm vì những quả trứng ấm trước đây đã nằm trên đó.

Tôi chỉ mới nhìn trứng, thế mà chim sợ mắt người, đã vội vã đem trứng giấu đi xa hơn.

CHỖ ẤM

Khi con Necli ướt lạnh trở về sau buổi đi săn trên đầm lầy, thì mẹ nó là Kenta biết nó bị ướt, đã bảo trước cho nó đến cạnh mẹ để sưởi trên cái nệm con ấm áp. Nhưng khi Necli nằm dài và Kenta trở về bị ướt, thì Necli đang tơ, tò mò, muốn biết ngay tôi đã bắn được con gì và nhảy lên, còn Kenta thì đến nằm chỗ ấm của nó. Có khi tôi không đi săn, mà chỉ đến thăm chó, thì cả hai con cùng nhảy lên, quấn quít, van xin:

— Cho tôi đi, cho tôi đi!

Tôi vuốt ve con này, con kia. Do đó con nào cũng nghĩ là tôi sẽ cho nó đi theo, chứ không phải cho con kia, và do xúc động quá nó nhảy chồm lên đặt hai chân trước lên ngực tôi. Nhưng cái đó đối với chúng là nghiêm cấm. Tôi ra lệnh:

— Sẽ không đi săn. Về chỗ nằm!

Và chúng nằm xuống trên những cái đệm con, nhưng khi nào cũng thế, Kenta nằm trên chỗ Necli, còn Necli nằm trên cái đệm của mẹ. Mỗi con chó cảm thấy hình như chỗ của con khác ấm hơn.

NHỮNG CÂU ĐỐ CỦA RỪNG NÚI

Trong rừng có nhiều gà lôi: tất cả những mô kiến đất đều bị chân chúng quào bới. Nhưng có một mô trông khác hẳn, trong mô đó có một hố trũng khá sâu; gà lôi không đào bới như thế, và tôi không thể đoán ra con sinh vật nào trong rừng đã moi một lỗ thủng sâu như thế trong nước cộng hòa của loài kiến.

Thật là bực mình, khi phải đi mà không giải đáp được câu đố của rừng núi, và cái đó thường xảy ra: thiên nhiên đặt ra hàng nghìn câu hỏi, mà ta chẳng biết hỏi đâu cả, ngoài cái đầu của mình mà thôi. Thường tôi cứ để câu hỏi không có giải đáp, nhưng tôi ghi nhớ nó và tin rằng có khi nào đấy, tôi sẽ gặp được câu giải đáp cũng ở trong rừng ấy. Tôi còn nhớ, một bận khi còn trẻ, có một câu hỏi tôi tự đặt ra: những mô ở đầm lầy bắt đầu tạo nên từ cái gì? Ở nhà tôi đọc sách, và tất cả những giải đáp tôi đều không thích: người ta nêu ra nhiều nguyên nhân, thế nhưng tất cả đều không rõ ràng và chỉ là những giả thuyết. Có một bận tôi ngồi nghỉ trong khu rừng đã đẵn cây. Chung quanh là những gốc cây trên một chỗ ẩm ướt, và giữa các gốc cây lớp rêu phủ còn mới mọc trên một khoảng rộng trông thật đẹp mắt: màu lục của rêu nom như không phải do mặt trời, mà mặt trăng chiếu sáng nó. Và khắp nơi trên toàn bộ lớp phủ màu lục ánh trăng ấy đều có những mô con. Tôi suy nghĩ: «Đây là bắt đầu của các mô!» Thế nhưng, sau đó tôi lại không hiểu: tất nhiên, cứ dựa vào cái bắt đầu ấy thì dễ hình dung được sự phát triển tiếp tục của các mô, nhưng đâu là nguyên nhân của cái bắt đầu ấy? Đến đây thì chính bàn tay đã giúp đỡ: tôi lấy một mô con, bóc lớp rêu phủ khỏi mô, và dưới đó té ra là một thanh gỗ bạch dương đã mục, như thể thanh gỗ là nguyên nhân của mô rêu.

Khi đi, chẳng hiểu vì sao những câu hỏi thường nảy ra trong óc tôi, mà giải đáp thường đến lúc nghỉ ngơi. Cả với mô kiến đất bị đào một cách khó hiểu

cũng xảy ra như thế. Tôi muốn uống trà ở đây. Vặn cái cốc con của phích nước, tôi ngồi dưới gốc thông trên mô rêu mềm mại, rót trà, bắt đầu uống tí một, dần dần tôi mải mê, say sưa hòa mình vào thiên nhiên. Những đám mây đen sẫm và ấm áp che phủ mặt trời, và khi đó, cùng với tôi, mọi vật dường như đăm chiêu, nghĩ ngợi, và một sự yên lặng như tờ bắt đầu trước cơn mưa: tôi nghe từ rất xa có tiếng bay vút chập chờn từng đoạn ngắn của chim gõ kiến, tiếng ấy cứ tăng dần lên, tăng lên mãi và bỗng... đây rồi! — chim gõ kiến xuất hiện và đậu trên ngọn cây thông của tôi. Trên cây, nó suy nghĩ gì đấy một tí, đưa mắt nhìn quanh tứ phía, và buồn cười thế này chứ: nó không nhìn xuống dưới, không thấy tôi, ông khổng lồ đáng sợ. Cái đó thì tôi đã nhận thấy nhiều lần ở loài chim, — quay quay cái đầu, mà ngay ở bên dưới mình thì không thấy. Không chỉ chim gõ kiến, mà cả gà rừng có khi cũng đậu hồi lâu trên đầu trong khi tôi ngồi uống trà trong rừng. Chim gõ kiến chẳng để ý gì đến tôi cả, nó sà xuống đúng mô kiến đất có hố trũng ấy. Và giải đáp đã trông thấy sờ sờ trước mắt rồi: chim gõ kiến chui vào lỗ thủng ở mô kiến và bắt đầu hoạt động ở trong ấy để kiếm thức ăn.

Còn trong mùa hè ấy, tôi có một ngày, — ôi, ngày đó thật là phức tạp! — bao nhiêu câu đố đã nêu lên trong một lúc đến nỗi tôi đã phạm lỗi: đã mắng oan một bà cụ vô tội. Con chó Necli của tôi lúc đó đang tập ở lớp một, trong ngày hôm đó đã không vâng lời tôi. Nó không nghe tiếng huýt của tôi. Nó cứ dẫn tôi đi mà không đứng rình mồi, nên cuối cùng con chim

mỏ nhác bà bay mất. Tôi nổi nóng lên, mất bình tĩnh, vì tôi cần đi săn, mà phải dạy chó. Tôi bắn hụt hết phát này đến phát khác và lại vội vã đi đến gần con chó đang tiến tới chỗ con chim mỏ nhác bà, mà thậm chí không kịp lấy con ong cứ kêu vù vù mãi trong tóc ra. Cuối cùng, tôi cố trấn tĩnh, bảo con chó đến chân, cất mũ, vuốt tóc, phủi tóc, và cái tiếng khó chịu ấy ngừng bặt.

Sau khi đuổi được con ong, tôi thấy nhẹ nhõm, và lại muốn bắn. Tôi thả Necli chạy rất nhanh và thấy cách tôi chừng năm mươi bước nó lại lần bước, rón rén đến gần con chim mỏ nhác bà. Tôi muốn đi vội đến gần nó để kìm nó lại không cho nó tiến lên nhanh quá làm con chim sợ bay mất, nhưng bỗng cả hai chân tôi giẫm phải bãi phân bò. Bước ra khỏi chỗ bẩn và tôi lại nghe con ong quấy rầy đến chán ngấy ấy đang kêu vù vù rất to trong tóc tôi.

— Vút! — con mỏ nhác bà bay lên mà Necli không đứng rình mồi được.

Tôi không kịp đưa súng lên. Mà con chim thì to lắm... Và bỗng tôi lại nghe con mỏ nhác bà vút, nhưng không bay lên. Thế nhưng, không bao giờ có như thế cả. — Vút! — một con khác ở sau lưng. Tôi ngoái cổ lại, chẳng có con gì cả. Tôi lắng tai nghe. Con ong kêu vù vù trong tóc, con chim ác là kêu «chạch chạch» trong bụi cây. Tôi đoán là do xúc động nên tôi nghe tiếng chim ác là mà tưởng rằng đó là tiếng chim mỏ nhác bà. Nhưng bỗng — vút! — còn ác là thì vẫn kêu theo cách của nó. Và đến đây, tôi đã mất bình tĩnh đến mức đã mắng một bà cụ khi gặp tôi đáng lẽ phải nói như thường lệ «không

được lông vũ, chẳng được lông tơ»* mà do thành tâm bà đã chúc: «Lạy trời cho bác bắn được đầy bị!»

Tôi mệt nhoài, đi vào rừng đến chỗ cao khô ráo, ngồi trên cây sào của ai đấy đã làm, cất mũ, cẩn thận phủi, vuốt tóc, chẳng có con ong nào cả, tiếng vù vù đã hết. Dần dần, tôi đã lại sức; và cùng với sức, đã trở lại cả lòng tin thường lệ của tôi là nhờ việc đoán đúng có thể xua tan điều bực mình, khó chịu vì con chó. Theo tôi, sự cần thiết đoán đúng là do tính không lặp lại trong thiên nhiên của những cá thể; mỗi người, mỗi động vật đều khác nhau không nhiều thì ít, và như thế thì không tìm ra một quy tắc chung cho tất cả mọi trường hợp và nhất định phải tự mình đoán lấy.

Khi tôi mải mê theo những ý nghĩ ấy, thì Necli khe khẽ đứng dậy, đánh hơi cái gì đấy ở dưới đất, rụt rè nhìn tôi, đi quanh một vòng nhỏ, rồi vòng lớn hơn. Tôi nói khe khẽ với nó, cố ám chỉ lệnh bảo nằm xuống: «Đã bảo gì?»

Nó bắt đầu đến gần, nhưng không đến ngay, mà đi quanh theo các vòng, chưa đến tôi thì lại đi xa, và tôi lại nói: «Đã bảo gì?»

Trong khi đó, tôi nhận thấy là Necli, khi bị kìm lại không cho đi tìm mồi thì nó cố đưa ghếch mũi lên cao hơn và như thế nó thay việc đánh hơi trên mặt đất mà bây giờ nó không làm được nữa, bằng việc theo dõi mồi trong không khí. Lúc đó, trong óc

---

* Cách nói để chúc người đi săn, có nghĩa là «chúc may tay», «chúc may mắn»; theo phong tục, người ta không bao giờ «chúc bắn được nhiều», vì cho rằng đó là điềm xấu cho người đi săn. — *ND.*

tôi nảy ra giải đáp câu đố. Tôi đứng dậy, tiến lên, và khi Necli chỉ vừa đi xa tôi trên mười bước thì tôi khe khẽ nói với nó: «Đã bảo gì?» Cứ như thế chúng tôi đi đến gần bụi cây. Con chó dừng lại. Tôi nhắc lại: «Đã bảo gì?» — và tôi bắt nó đứng rình mồi lâu. Sau đó, một con chim đen bay lên.

Tất nhiên, tôi vội vã lại đi đến đầm lầy và cố kìm hãm việc chạy đi tìm mồi của con chó, tôi không cho phép nó đi xa quá mười bước, và vì thế nó ngẩng đầu lên cao để đánh hơi trong không khí. Và nó bắt được hơi, len lén đến gần.

— Đã bảo gì?

Nó dừng lại, đưa mũi lên cao, cao hơn nữa, hít không khí, đứng lặng yên, do nhầm lẫn lúc đầu nó co chân sau lên — không thích, nó co chân trước, và những giọt nước từ cái chân ấy nhỏ xuống vũng nước...

Tôi bắn chết con mỏ nhác bà ấy, rồi đến con thứ hai, thứ ba. Bằng câu đoán đúng và tính bướng bỉnh, dần dần tôi gỡ được «câu nói gở» của bà cụ hoàn toàn không đáng bị tôi mắng. Còn về con ong tiếp tục kêu vù vù thì tôi đã đoán ra: con ong không phải đã ở trong tóc tôi, mà rơi vào mũ mắc trong dải. Và cái cuối cùng, — tiếng «vút» của chim mỏ nhác bà, đó là do trong mũi tôi có cái gì đấy, giống như trong đầm lầy, khi thở vào mạnh thì nó kêu «vút» trong mũi hoàn toàn giống như mỏ nhác bà bay.

ỐNG SÁO JALÂYCA

Người chăn bò của chúng tôi ở Pêrêxlavisi đã đi chăn từ lâu. Anh ta câm, chỉ biết huýt gió thôi. Còn ở Sau Đầm Lầy cứ sáng sớm tinh mơ thì người chăn bò thổi

kèn và chú mục đồng thổi ống sáo jalâyca hay đến nỗi tôi nghĩ là thật vô cùng đáng tiếc nếu ngủ quên đi và không nghe được âm thanh réo rắt của nhạc cụ làm bằng gỗ với chiếc lưỡi gà bằng lau và ống loa để âm vang bằng sừng bò. Cuối cùng, có một bận tôi không kìm mình được nữa và định bụng sẽ tự mình học âm nhạc chốn dầm lầy. Tôi đặt mua ống sáo jalây ca. Người ta đưa đến cho tôi.

Tôi có khiếu âm nhạc, tôi đã thử huýt những bản tình ca của Traicôpxki*, nhưng không tài nào thổi như chú mục đồng được — chẳng ra gì cả! Tôi cất ống sáo đi.

Có một bận, trời mưa dầm dề suốt ngày. Tôi ngồi nhà và viết bài. Gần tối mưa tạnh. Ánh hoàng hôn màu vàng, lạnh lùng. Tôi đi ra thềm nhà, quay mặt về phía ráng chiều và bắt đầu thổi sáo. Tôi chẳng biết, có phải là ráng chiều đã gây cảm hứng cho tôi hay không, hoặc là cây liễu — ở nhà chúng tôi có một cây liễu to bên đường, khi trời nhá nhem tối hay khi trời tờ mờ sáng, thì trông nó giống như một người đàn ông có mũi và mớ tóc... tôi nhìn cái đầu ấy, và bỗng té ra mọi việc khá dễ, không cần phải nghĩ đến những vở ca kịch và Traicôpxki, mà chỉ việc bấm những ngón tay lên các lỗ sáo, thì ống sáo bằng gỗ, lau và sừng bò tự nó réo rắt vang lên.

Những người đàn bà đến ngồi trên ghế dài. Tôi nói với họ:

---

*Traicôpxki (1840—1893) — nhạc sĩ Nga nổi tiếng. — *ND.*

— Thế nào, các bà, hình như tôi thổi chả kém chú mục đồng ở đầm lầy chứ?

— Hay hơn nữa cơ! — họ đáp.

Tôi thổi hồi lâu. Ráng chiều đã tắt. Một chiếc xe tải hiện ra trên đường, trong xe nhiều người đàn ông ngồi chật sát người vào nhau. Tôi nghĩ thầm, thôi thế là hết, chắc bọn đàn ông sẽ cười cho đây. Nhưng tôi rất đỗi ngạc nhiên, những người đàn ông dừng ngựa và cùng với các bà lắng nghe hồi lâu.

Thổi xong, tôi nhanh chóng quay đi và vào nhà. Cửa sổ trong nhà để mở. Đánh ngựa lên đường, một người đàn ông nói và tôi nghe rõ:

— Hắn ta đã ăn no rồi!

Tiếp theo người ấy, một giọng khác vang lên:

— Bụng đói thì thổi thế quái gì được!

Do đó tôi biết được những người đàn ông ấy đã tưởng tôi là người chăn bò làm việc cho nhà giàu: đã ăn no và thổi sáo.

MÙA THU

MẮT CỦA ĐẤT ĐAI

Từ sáng đến tối, trời mưa dầm dề, gió thổi lạnh lẽo. Tôi đã từng nghe nhiều lần các bà có những người thân thích qua đời, nói rằng dường như đôi mắt của con người có khi chết sớm hơn ý thức, đôi khi người đang hấp hối nói: «những người yêu mến của tôi ơi, sao tôi không thấy được ai cả» — thế nghĩa là đôi mắt đã chết, và trong nháy mắt sau, cái lưỡi sẽ ngừng hoạt động. Cả cái hồ ở cạnh chân tôi cũng thế; theo mê tín dân gian thì hồ là mắt của đất đai; và ở đây cũng thế, tôi biết chắc là đôi mắt kia chết sớm hơn cả và cảm thấy sự hấp hối của ánh sáng; và lúc đó, khi trong rừng chỉ vừa mới bắt đầu cuộc đấu tranh đẹp đẽ để giành ánh sáng, khi ngọn một số cây đỏ bừng lên như ngọn lửa và hình như tự chúng rực sáng, thì nước dường như nằm chết và từ nước phảng phất bốc lên mùi nấm mộ với những con cá lạnh buốt.

Mưa dầm làm tình làm tội những người nông dân. Đàn sa yến từ lâu đã bay đi rồi. Chim én tập hợp từng đàn đông nghịt ngoài đồng. Đã có hai lần băng giá. Những cây gia đã vàng rực từ ngọn đến gốc. Lá khoai tây đã đen sạm. Khắp nơi người ta trải thân cây lanh. Chim dẽ gà hiện đến. Những buổi chiều tối bắt đầu...

TRÊN ĐẦU TÊN ĂN TRỘM, CHIẾC MŨ RỰC CHÁY

Yên lặng trong đám lá vàng. Khắp nơi trên cỏ, phủ một lớp băng giá thật sự, trông thấy được, giống như những tấm vải trắng trải ra, và băng giá này không phải là băng giá mà bà con nông dân thường gọi là sương giá. Chỉ mới tám giờ sáng lớp băng giá thật sự, trông thấy được ấy tan thành sương và những tấm vải trắng dưới những gốc bạch dương biến mất. Khắp nơi trên lá cây nước nhỏ giọt. Ở đằng xa, những cây thông vẫy lá từ biệt những cây bạch dương, còn những cây hoàn diệp liễu thì giống như một chiếc mũ đỏ đội trên rừng, và chẳng hiểu vì sao tôi nhớ lại câu tục ngữ mà từ thời thơ ấu xa xôi tôi không hiểu được: «Trên đầu tên ăn trộm, chiếc mũ rực cháy»*.

Còn đàn chim én vẫn ở đây.

GIẤC NGỦ CỦA CHIM

Những con nhện rét cóng lại vì lạnh. Gió và mưa làm đứt tung những mạng nhện. Nhưng những mạng lưới mà nhện đã lấy tơ tốt nhất của chúng để làm nên, thì vẫn còn lại không bị hư hỏng trong những ngày thu xấu trời, và chúng vẫn tiếp tục bắt giữ tất cả những cái gì bay được trong không. Bây giờ chỉ còn có lá bay mà thôi, và một ngọn lá hoàn diệp liễu đỏ ối, rất đẹp, có những giọt sương bám đầy, mắc vào mạng nhện. Gió đu đưa nó trong chiếc võng không trông thấy được ấy. Mặt trời ló ra trong

* Câu tục ngữ này có nghĩa như câu tục ngữ Việt-nam: «Có tật, giật mình». — *ND.*

nháy mắt, những hạt sương trên ngọn lá lấp lánh như những hạt kim cương. Cái đó đập vào mắt tôi và làm tôi nhớ lại rằng trong mùa thu này, tôi — người đi săn già, nhất định phải tìm hiểu cuộc sống của gà rừng, khi lá hoàn diệp liễu trở thành món ăn ngon miệng nhất của chúng. Tôi thường được đọc và nghe nói rằng hình như khoảng một giờ trước hoàng hôn, chúng bay đến những cây hoàn diệp liễu, mổ cho đến tối mịt, ngủ luôn trên cây và sáng sớm cũng mổ ăn thêm một ít nữa.

Tôi tìm thấy chúng hoàn toàn bất ngờ cạnh khu rừng nhỏ đã đẵn cây, trong một cánh rừng lớn. Khi đi qua suối chiếc ủng của tôi kêu óc ách một tiếng, do đó một con gà mái bay lên ngay trên đầu tôi từ cây hoàn diệp liễu. Cây hoàn diệp liễu cao ấy đứng ở mép rìa khu rừng đã đẵn cây giữa rừng thông, ở đây hoàn diệp liễu có nhiều lẫn với bạch dương. Cuộc đấu tranh với những cây thông để giành ánh sáng bắt chúng phải vươn lên rất cao. Cách rìa khu rừng đã đẵn cây vài bước có một con đường đen sạm xe cộ chạy nhiều đến nát ra; nhưng ở đây, chỗ có cây hoàn diệp liễu, lá của nó nổi lên trên nền đen như một vệt sáng rực, vàng nhạt, từ xa trông rõ. Trên cái vệt ấy mà len lén bò đến thì rất bất tiện, vì những con gà rừng bây giờ chắc đang đậu trên những cây hoàn diệp liễu. Khu rừng này mới đẵn cây không lâu, trong mùa đông năm ngoái; những thanh củi nằm đấy để mùa đông tới người ta sẽ chở đi, qua một mùa hè, chúng đã đen sạm và được xếp thành đống giữa những mầm non mọc lên từ gốc các cây

hoàn diệp liễu với đám lá tươi sáng thường có và rất to. Ở những cây hoàn diệp liễu cũ thì lá gần như đã vàng rực rồi. Tôi len lén đi đến rất thận trọng theo con đường con từ cây hoàn diệp liễu này đến cây hoàn diệp liễu khác. Một cơn mưa nhỏ trút xuống, và một ngọn gió nhẹ thổi, những lá hoàn diệp liễu lay động, xào xạc, những giọt nước lộp độp rơi xuống ở khắp nơi, và do đó không thể nào nghe được tiếng gà rừng bứt lá. Bỗng trên khu rừng đã đẵn cây, một con gà từ một cây hoàn diệp liễu đang tơ bay lên và đậu trên cây hoàn diệp liễu ở ngoài rìa phía bên khu rừng đã đẵn, cách tôi chừng hai trăm bước. Tôi theo dõi nó hồi lâu, xem nó mổ và nuốt lá. Cũng có khi gió thổi từng cơn và bỗng tất cả lặng yên, thì tiếng gà rừng bứt lá hay xé lá bay đến tai tôi. Tôi đã quen với tiếng ấy trong rừng. Khi gà rừng vặt trụi lá ở cành đến nỗi nó không thể với tới những ngọn lá tốt được nữa, thì nó cố nhảy xuống cành thấp hơn, nhưng cành này mỏng manh quá và uốn cong lại, và con gà rừng sa xuống thấp, nó vẫy vẫy đôi cánh để giữ cho khỏi rơi. Chẳng mấy chốc tôi cũng nghe tiếng răng rắc mạnh như thế và tiếng động ở phía tôi, sau đó tôi hiểu ra là quanh tôi, khắp nơi ở bên trên, trong những cây hoàn diệp liễu ẩn mình giữa rừng thông, có đàn gà rừng đang đậu. Tôi cũng hiểu là ban ngày chúng thần thơ dạo chơi trên khu rừng đã đẵn, có thể là chúng đã bắt sâu bọ, đã nuốt sỏi đá con cần thiết cho chúng, còn tối đến thì bay lên các cây hoàn diệp liễu để chén món lá ưa thích của chúng.

Dần dần, trước lúc hoàng hôn, ở vùng chúng tôi

hầu như bao giờ cũng thế, ngọn gió tây bắt đầu lặng. Bỗng mặt trời hắt tung muôn nghìn tia sáng vào rừng. Tôi chụm bàn tay vào tai, lắng nghe giữa tiếng lay động nhè nhẹ của những chiếc lá hoàn diệp liễu có tiếng bứt lá trầm hơn mạnh hơn, so với tiếng nước nhỏ giọt lộp độp. Lúc đó, tôi thận trọng đứng lên, len lén đến gần. Bây giờ đi đến không dễ như trong mùa xuân, khi gà rừng mải mê gọi mái, say sưa quên tất cả trong tiếng gáy hướng đến đâu đấy xa tít tận trời cao và không nghe thấy gì cả. Đặc biệt khó khăn, khi phải đi qua một vũng nước lớn hình như lát đầy lá hoàn diệp liễu, nhưng thật ra rất bùn lầy. Phải nhón để bàn chân cùng trên một đường thẳng với cẳng chân, như chân của nghệ sĩ vũ kịch, để khi nhấc chân lên nó không kêu óc ách trong bùn. Thế nhưng, khi khe khẽ rút chân ra khỏi bùn, và nước ở chân nhỏ giọt thì tưởng chừng như kêu to lắm. Trong lúc đó một con chuột nhắt chạy dưới đám lá và đám lá bị xáo lên sau con chuột, như một luống cày, với một tiếng ồn mà nếu là tôi làm như thế thì con gà rừng đã bay rồi. Chắc gà rừng đã quen với tiếng động ấy, nó biết là chuột chạy và không để ý đến. Và nếu cành cây khô kêu răng rắc dưới chân cáo thì chắc gà rừng ở bên trên cũng biết đó là con cáo không nguy hiểm đối với nó đang đi kiếm ăn. Trong rừng, mọi cái đều được quy định rõ ràng và gắn bó nhịp nhàng với nhau. Nhưng cái gì cũng có thể đến đầu óc con người được, cái gì con người cũng có thể bịa ra được, và do đó tất cả những tiếng ồn của con người ồ ạt xông vào cuộc sống chung.

Tuy nhiên, lòng say mê nảy sinh ra tính nhẫn nhục kỳ lạ chưa từng thấy, và nếu có thì giờ thì hoàn toàn có thể đạt được mức độ nhẹ nhàng của bước chân mèo, nhưng thời hạn đã định rõ: mặt trời đã lặn, còn một lúc nữa thôi thì trời tối hẳn và không bắn được nữa. Tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì hết là con gà rừng đang đậu ở phía bên kia, trên cây hoàn diệp liễu đứng trước mặt tôi. Nhưng đi vòng sau cây đó thì tôi không dám, và làm như thế thì tôi vẫn không kịp bắn được. Thế thì làm sao đây? Trong cả đám ngọn cây hoàn diệp liễu vàng rực chỉ có một chỗ hở hẹp như cửa sổ con ở phía bên kia trên nền trời tươi sáng, và bây giờ cái cửa sổ con ấy khi bị che lấp, khi được mở ra. Tôi biết đó là con gà rừng đang mổ, và đó là cái đầu nó che lấp, thậm chí trông rõ cả chòm râu của đầu gà rừng ấy. Ít có người có thể bắn được như tôi, ngay trong chớp nhoáng khi vừa thoáng hiểu được tình hình. Nhưng ngay trong chớp nhoáng ấy đã xảy ra sự quá tải trên cành cây không trông thấy dưới chân tôi, cành cây gãy đánh rắc một tiếng, cửa sổ con mở ra... Và sau đó, còn tệ hơn: đánh hơi thấy nguy hiểm, con gà rừng bắt đầu kêu «cục cục», như tuồng chửi tôi. Và đúng lúc đó, còn có một con gà rừng khác rất gần bị trượt trên cành cây và lộ mình ra cho tôi thấy. Vì khoảng cách xa, nên tôi không thể bắn nó, nhưng cũng không thể rời chỗ được: nhất định nó sẽ thấy. Tôi đứng lặng người trên một chân, còn chân kia đã giẫm phải cành cây khô thì co lại và hầu như không tựa trên đất. Và lúc đó, có những con gà rừng khác bay đến ngủ và bắt đầu đậu chung quanh. Một con trong số đó bắt đầu kêu «cục cục» và đánh rơi những cành con

từ trên cây hoàn diệp liễu cao xuống, chính những cành con ấy bị gãy xiên mà theo đó chúng tôi biết không sai chỗ gà rừng ngủ. Dần dần con gà rừng của tôi yên tâm. Chắc là nó đậu và đang vươn dài cổ ra nhìn tứ phía. Chẳng bao lâu, ở bên dưới, chỗ tôi và con chuột — nó vẫn sột soạt mãi, — đã tối mịt. Con gà rừng mà tôi không thấy được, biến mất trong bóng tối. Tôi nghĩ là đàn gà đã rúc đầu có râu của chúng vào cánh và ngủ rồi. Lúc đó tôi nhấc chân bị tê lên, quay lại và khoan khoái dựa cái lưng mỏi vào chính thân cây mà con gà rừng vừa bị tôi làm lo âu, đang ngủ ngon.

Không có từ nào để mô tả được cảnh tượng rừng thông trong đêm tối, khi biết rằng trên đầu ta những con chim to, những con chim còn sót lại của thời đại những sinh vật lớn, đang đậu, đang ngủ. Và chúng ngủ không yên lắm, con thì nhúc nhích, con thì gãi, con thì kêu «cục cục»... Một mình, nhưng không những tôi không thấy khiếp sợ, mà trái lại, tôi cảm thấy dường như gần đến ngày lễ hàng năm, tôi trở về thăm quê hương thân thuộc. Chỉ có một điều là rất ẩm thấp và lạnh lẻo, nếu không thì tôi đã khoan khoái cùng với đàn gà rừng ngủ thiếp đi rồi. Vũng nước ở gần đâu đây, và chắc là những cành lần lượt đánh rơi những giọt nước từ trên cây cao xuống vũng; những cành cây, cao có, thấp có; những giọt nước, to có, nhỏ có. Khi tôi đã hiểu thấu suốt tất cả những âm thanh ấy, thì tất cả những cái đó trở thành một bản nhạc tuyệt vời nhất, thay cho bản nhạc rất hay, bình thường mà tôi đã từng thưởng thức. Và trong rừng hoang vắng, khi mọi cái trong đêm tối đã được

xếp đặt theo âm điệu của những giọt nước, thì bỗng nghe một tiếng ngáy rất lạc điệu...

Cái đó không phải là do sợ sệt, có cái gì đấy rất lạc điệu trắng trợn lao vào buổi hòa nhạc vĩ đại của tôi, và tôi vội vã đi khỏi rừng hoang vắng, nơi có tiếng ngáy thật chướng tai.

Khi tôi đi qua làng, thì khắp nơi người ta và súc vật đang ngáy, trên đường nghe rõ tất cả, tôi để ý đến tất cả những điều đó sau khi nghe tiếng ngáy trong rừng. Ở nhà chúng tôi, Xêriôja, con ông chủ, ngáy vang trong gian kho, còn ở gian kho khác Đômna Ivanôpna cùng với cả gia đình ngáy. Nhưng lạ nhất là, trong tiếng ngáy của đại gia súc ở sân, tôi nghe tiếng ngáy rất nhỏ của những sinh vật nào đấy nữa và khi bấm đèn pin thì biết đó là ngỗng và gà đang ngáy...

Và thậm chí khi ngủ, tôi cũng bị tiếng ngáy ám ảnh. Tôi nhớ lại những cái rất lạ lùng đã quên từ lâu, dường như không bao giờ trở lại trên đời nữa, những cái ấy chỉ trong giấc ngủ thỉnh thoảng mới nhớ lại được. Trong đêm đó, tất cả những giấc ngủ của chim trước đây mà tôi đã biết đã trở về với tôi...

Và bỗng nhiên, tôi hiểu là tiếng ngáy trong rừng ấy không phải do ai khác thốt ra, mà chính là con gà rừng đã gáy, nhất định là nó! Tôi đứng lên, đặt ấm nước xamôva, uống trà, xách súng và đi vào rừng đến chỗ cũ. Tôi dựa lưng vào chính thân cây ấy và lặng im chờ bình minh. Bây giờ, sau khi nghe tiếng ngáy của gà, ngỗng, tai tôi phân biệt rất rành rọt không những tiếng ngáy của con gà rừng đậu trên đầu tôi, mà thậm chí cả của con bên cạnh.

Khi con chim đậu trên reo lên báo hiệu rạng đông và trời bắt đầu mờ mờ sáng, thì tiếng ngáy im bặt. Cả cái cửa sổ con trên cây hoàn diệp liễu của tôi đã mở, nhưng cái đầu không hiện ra. Buổi mai quang mây bắt đầu, và trời rất chóng sáng. Con gà rừng bên cạnh nhúc nhích và do đó lộ mình ra: tôi trông thấy rõ toàn bộ mình nó. Sau khi thức giấc, nó đưa đầu trên chiếc cổ dài, trông như nắm tay, vươn ra về phía này, về phía kia, rồi bỗng xòe đuôi như cái quạt, chẳng khác gì trong mùa gọi mái. Tôi đã từng nghe người ta nói gà rừng gọi mái trong mùa thu và nghĩ thầm: không biết nó có gáy lên không. Nhưng không, cái đuôi co lại, hạ xuống, và con gà rừng mổ lá rất mau. Chính lúc đó, con gà rừng của tôi chắc là bắt đầu bứt lá, vì bỗng tôi thấy cái đầu có râu của nó ở cửa sổ con.

Nó bị bắn rất đích đến nỗi khi rơi xuống thấp không còn cựa quậy, mà chỉ bấu chặt hai chân vào vỏ cây hoàn diệp liễu, — chỉ có thế thôi! Còn những lá bị nó đụng phải, còn bay một lúc lâu. Bây giờ, suy nghĩ về tiếng ngáy, tôi cho rằng đó là hơi thở của con chim to đi ra từ dưới cánh rung lên bởi một sợi lông nào đấy. Nhưng có đúng là gà rừng khi ngủ thực nó rúc đầu dưới cánh hay không thì tôi không biết. Đó là suy từ loài gia cầm mà tôi nghĩ thế. Chúng ta chỉ ức đoán và nói bậy nhiều, chứ cuộc sống thực tế của rừng núi thì còn hiểu được rất ít.

CÁI HỔ ĐÃ CHẾT

Trong rừng vàng rực yên lặng và ấm áp, như trong mùa hè, mạng nhện nằm trên đồng, lá khô xào xạc kêu to dưới chân, những con chim bay xa ngoài tầm

súng, con thỏ rừng chạy, tung lên một đám bụi trên đường. Từ nhà tôi ra đi rất sớm, và để khỏi nhức đầu, tôi đi nhiều đến nỗi không còn suy nghĩ gì được nữa. Tôi chỉ có thể theo dõi sự vận động của con chó, cầm súng đã lên cò và thỉnh thoảng đưa mắt xem kim địa bàn nữa. Dần dần tôi đi xa đến nỗi kim địa bàn chỉ không phải qua nhà tôi, và thế là tôi đã bước vào một vùng không hề quen biết. Tôi đi qua một truông cây bụi um tùm, và bỗng một cái hồ rất tròn đã chết hiện ra trước mắt tôi trong những cánh rừng vàng rực rậm rạp. Tôi ngồi hồi lâu và nhìn những con mắt nhắm nghiền lại đó của đất đai.

Đến chiều tối, thời tiết bỗng thay đổi hẳn: trong rừng sau tường nhà dường như chiếc ấm xamôva đang sôi sùng sục, đó là mưa và gió đang cởi áo của cây cối. Trong đêm đó, theo đúng những điểm báo trước và điều ghi chép của tôi, nhất định đàn ngỗng trời phải bay đến.

CƠN TUYẾT ĐẦU MÙA

Đêm trăng yên tĩnh, hơi băng giá, và khi trời lờ mờ sáng thì một cơn tuyết đầu mùa sa xuống. Những con sóc chạy trên các thân cây trụi lá. Ở xa xa, hình như có tiếng gà lôi gọi mái, tôi đã muốn len lén đi đến, thì bỗng nhận ra: đó không phải gà lôi gọi mái, mà là tiếng xe ngựa tải chạy trên đường xa theo gió bay đến tai tôi.

Ngày lắm màu, khi thì mặt trời chiếu sáng rực, khi thì tuyết bay trắng xóa. Hơn chín giờ sáng, một lớp băng mỏng vẫn còn nằm trên đầm lầy, còn trên các gốc cây là những khăn trải bàn trắng muốt và trên

màu trắng có những ngọn lá hoàn diệp liễu đỏ ối nằm giống như những đĩa tiết. Một con chim dẽ trong đầm lầy bay lên và khuất hẳn trong cơn tuyết sa.

Đàn ngỗng trời đang ăn cỏ. Khi trời nhá nhem tối, tôi đứng bất động, mặt quay về phía hoàng hôn. Nghe rõ tiếng đàn ngỗng trời bay qua, một đàn le le và những con vịt trời to gì đấy nữa lướt nhanh trong không trung. Cứ mỗi lần thấy chim xuất hiện là lòng tôi lại nao nao, hồi hộp đến nỗi tôi bỏ ý nghĩ của tôi và sau đó khó khăn lắm mới tìm lại được nó. Ý nghĩ ấy như sau: đời của mỗi một chúng ta không dài lắm, nên mỗi người không thể nào kịp ôm đồm được tất cả và mỗi người cảm thấy thế giới khác nhau thật là vô tận. Điều này thật là hay!

NGỖNG TRỜI — THIÊN NGA

Đêm sáng sủa, có trăng và sao. Băng giá dữ dội. Sáng sớm mọi vật đều trắng xóa. Đàn ngỗng trời ăn cỏ ở những chỗ chúng đã quen. Thêm một đàn nữa bay đến, và tất cả chừng hai trăm con, bắt đầu bay lên từ hồ đến cánh đồng. Đến trưa, tất cả những con gà lôi đều đậu trên cây và kêu lầu bầu. Sau đó, trời bị mây che phủ, trở nên ẩm thấp và lạnh lẽo.

Sau bữa ăn trưa, mặt trời lại hiện ra, và cho đến tối trời rất tốt. Chúng tôi vui mừng vì hai cây bạch dương vàng rực của chúng tôi còn nguyên vẹn, không rụng lá sau cơn tàn phá chung của thời tiết. Thế nhưng ngọn gió bấc thổi đến và cái hồ nằm ẩm đạm và đen đìu. Cả một đàn thiên nga bay đến. Tôi nghe nói là thiên

nga ở lại vùng chúng tôi rất lâu, và khi trời băng giá đến mức chỉ còn một dải nước nhỏ ở giữa hồ và những đoàn xe ngựa đã chạy được trên đường mùa đông, đường chạy thẳng qua hồ trên mặt băng, thì thường ban đêm trong bóng tối yên lặng như tờ nghe được tiếng nói ồ ồ ở đâu đấy giữa hồ, tưởng là người nói chuyện, nhưng đó là đàn thiên nga đang tâm sự với nhau trên dải nước chưa đông giữa hồ.

Buổi chiều tối, tôi cố len lén từ mương xói bò đến đàn ngỗng rất gần và đã có thể dùng súng săn bắn chúng được rồi, nhưng khi bò theo dốc dựng đứng, tôi hơi mệt, trống ngực đập thình thịch nên tôi muốn nghỉ một tí, mà cũng có thể tôi chỉ muốn nghịch. Có một gốc cây ở ngay trên đỉnh bờ mương xói, và tôi ngồi trên gốc ấy khéo léo, đến nỗi chỉ cần ngẩng đầu là có thể thấy ruộng rạ kiều mạch với đàn ngỗng trời cách tôi khoảng mươi bước. Súng đã lên đạn, tôi nghĩ thầm, nếu bỗng dưng đàn ngỗng bất ngờ bốc lên thì chúng không thể bay thoát tay tôi mà không bị thiệt hại nặng nề. Và tôi châm thuốc hút, rất thận trọng phun khói bằng cách lấy lòng bàn tay đặt sát môi để cho khói phát tán ra. Trong lúc đó, sau cánh đồng con kia có một khe hẻm khác, và từ đó một con cáo lợi dụng lúc nhá nhem tối, bò đến gần đàn ngỗng, hoàn toàn giống như tôi. Tôi chưa kịp cầm súng lên, thì cả đàn ngỗng trời to lớn kia bốc lên và đã ở ngoài tầm súng rồi. Cũng tốt là tôi đã đoán được về con cáo, nên không ló đầu ra ngay. Con cáo đi, như con chó, theo những dấu chân ngỗng tiến mỗi lúc một gần đến tôi. Tôi cầm súng, tì khuỷu tay, ngắm và khe khẽ huýt

như tiếng chuột — nó nhìn đến đây, tôi huýt lần nữa, và nó đi về phía tôi...

BÓNG CỦA CON NGƯỜI

Trăng buổi sáng tinh mơ. Phương đông mây phủ. Nhưng cuối cùng, từ dưới tấm chăn mây một dải vừng hồng cũng lộ ra, còn cạnh mặt trăng vẫn còn lại những quãng trống màu lam.

Trên mặt hồ đọng lại những mảng sương mù trông rất lạ và dường như hồ bị những hòn băng phủ. Gà trống ở làng gáy rộn và thiên nga kêu vang.

Tôi là một nhạc công tồi, nhưng tôi nghĩ rằng thiên nga có bát độ cao của loài sếu — đấy chính là tiếng mà sáng sáng sếu thường kêu trên đầm lầy dường như để gọi ánh sáng, còn bát độ thấp là của loài ngỗng, giọng trầm trầm.

Tôi không biết do đâu, có lẽ do ánh trăng hay do rạng đông, mà cuối cùng, tôi nhận ra được đàn quạ nhỏ trên những quãng trống màu lam và sau đó chẳng mấy chốc cả bầu trời đen nghịt những đàn quạ nhỏ và quạ xám: loài quạ nhỏ đang tập dượt trước khi bay đi, còn loài quạ xám theo tục lệ của chúng, tiễn đưa loài quạ nhỏ. Làm thế nào mà hiểu được vì sao bao giờ loài quạ xám cũng tiễn đưa loài quạ nhỏ nhỉ? Có một thời gian, tôi đã nghĩ là tất cả mọi cái ở trên đời này đều đã được biết rồi, duy chỉ có tôi, kẻ bất hạnh, không biết gì cả, nhưng rồi té ra, trong thiên nhiên hữu sinh, các nhà bác học thường không biết thậm chí cả cái giản đơn nhất.

Hiểu vậy, tôi thường bao giờ cũng tự mình cố đoán cho ra trong những trường hợp như thế. Và về loài quạ nhỏ, tôi nghĩ là tâm hồn chim chóc giống như làn sóng: trong sinh hoạt của chúng có một sự kích thích nào đấy được truyền đạt từ thế hệ này qua thế hệ khác, chẳng khác gì đợt sóng này chuyền qua đợt sóng khác sự va chạm của hòn đá ném vào nước. Chẳng hạn, có thể là trong đợt kích thích đầu tiên loài quạ nhỏ và quạ xám đã định cùng nhau bay, nhưng loài quạ nhỏ đã bay đi, còn loài quạ xám thì thay đổi ý kiến. Và cứ thế cho đến ngày nay, từ thế hệ này qua thế hệ khác, chúng vẫn lặp đi lặp lại điều ấy mãi: loài quạ xám định cùng bay chung và quay trở lại, sau khi đã tiễn đưa loài quạ nhỏ.

Nhưng có thể còn giản đơn hơn nữa: cách không lâu lắm, chúng ta biết rằng một số con quạ khoang thuộc về loài chim di cư. Thế thì sao một số quạ xám lại không cùng bay được với quạ nhỏ?

Ngọn gió ban mai thổi và quật ngã cây thông con của tôi cắm giữa cánh đồng để có thể từ sau cây đó bò đến đàn ngỗng. Tôi đi cắm nó lại, nhưng đúng ngay lúc tôi đang cắm nó thì đàn ngỗng hiện ra. Tôi thận trọng bò quanh cây thông con, tránh không cho đàn ngỗng thấy; nhưng chúng liệng vài vòng, cây thông con làm cho chúng nghi hoặc, chúng bay đi xa hơn và hạ cánh xuống cạnh Đubôvitxư. Tôi bắt đầu bò đến gần chúng từ sau một bụi liễu to lớn giữa cánh đồng. Băng giá trắng muốt nằm trên ruộng rạ, và trên nền trắng, bóng của tôi bò trước tôi; một lúc lâu tôi không để ý đến nó, nhưng bỗng tôi kinh hoảng

nhận thấy là nó to lớn, dễ sợ đang lồm ngồm bò thẳng đến đàn ngỗng. Cái bóng dễ sợ của con người giật mình trên băng giá trắng muốt, đàn ngỗng bắt đầu xôn xao, hoảng hốt, và bỗng chúng bay bổng lên, lao thẳng đến bụi cây của tôi, hai trăm giọng quang quác kêu lên đồng loạt, mỗi tiếng kêu không bé hơn tiếng hô «xung phong!» của con người khi lao vào tấn công. Tôi kịp nhảy vào trong bụi và thò súng hai nòng qua khe hở chờ đón những cái cổ dài.

SÓC

Khi trời mới bắt đầu tờ mờ sáng, chúng tôi mỗi người đi một ngả khác nhau trong rừng thông non để bắn sóc. Bầu trời âm u, nặng nề và thấp lè tè, tưởng chừng chỉ dựa trên những cây thông mà không sập xuống. Nhiều ngọn cây xanh đã trở nên màu hung hung vì vô số quả thông, mà nếu thông có nhiều quả, tức là có nhiều sóc.

.Trong khu rừng thông mà tôi nhìn, có những cây dường như ai lấy lược chải từ trên xuống dưới, mà cũng có nhưng cây quăn lại, có những cây non đầy nhựa, mà cũng có những cây già với những đám địa y giống như râu màu xám lục. Một cây già ở dưới gốc hầu như đã chết, và trên mỗi cành treo lơ lửng một mớ râu dài màu xám lục, nhưng ở trên ngọn thì quả rất nhiều, nếu hái có thể chất đầy cả một vựa thóc. Và một cành con của nó giật mình rung lên. Thế nhưng, con sóc nhận thấy tôi và đứng lặng yên. Cây già mà tôi nấp bên dưới để đợi, ở một phía gần gốc của nó bị cháy sém và nó đứng trong một hố tròn, rộng, giống như trong một cái đĩa. Tôi đào những lá

mục của các cây bên cạnh đã rụng xuống cái đĩa ấy, và đất đen phủ đầy tro đã lộ ra. Theo dấu hiệu đó và theo phần dưới của thân cây bị cháy sém tôi đã đoán ra nguồn gốc của cái đĩa. Năm ngoái, trong rừng này, vào mùa đông có một người đi săn theo dấu chân chồn. Chắc là con chồn đã đi ở trên cây, nhảy chuyền từ cây này qua cây khác, để dấu chân lại trên lớp tuyết bám trên cành và đánh rơi những vỏ cây trên bước đi. Người đi săn mải mê đuổi theo con thú quý báu ấy, nhưng hoàng hôn đã lưu anh ta lại trong rừng, và anh phải ngủ lại. Chính ở dưới gốc cây kia, nơi bây giờ tôi đang đứng, trước đây có một mô kiến đất lớn, có thể đó là quốc gia lớn nhất của loài kiến trong rừng này. Người đi săn gạt sạch tuyết và châm lửa đốt mô kiến đất, cả quốc gia ấy bốc cháy và chỉ còn lại đống tro tàn nóng rực. Người đi săn nằm ở chỗ ấm, lấy áo bông đắp mình, bên trên phủ tro tàn và ngủ thiếp, còn đến rạng đông anh lại đi tiếp để săn chồn. Mùa xuân đến, nước chảy xuống và đọng đầy trong cái đĩa ấy, nơi trước đây là mô kiến đất. Đến mùa thu, lá của những cây bạch dương bên cạnh trút xuống đĩa ấy, bên trên sóc đã đánh rơi nhiều vảy quả thông, và bây giờ tôi đến đây để đi săn kiếm bộ lông thú.

Khi đợi sóc, tôi rất muốn dùng thì giờ đó để ghi chép cái gì đấy về mô kiến đất ấy trong sổ tay. Hoàn toàn yên tĩnh, tôi hết sức chậm rãi đưa tay lấy cuốn sổ và cây bút chì trong xắc ra. Tôi viết mô kiến đất này trước đây là một quốc gia to lớn, cũng giống như Trung-quốc trong thế giới loài người chúng ta. Và tôi chỉ vừa viết xong từ «Trung-quốc», thì đúng

lúc đó một vảy mỏng manh của quả thông từ trên rơi ngay xuống sổ tay. Tôi đoán rằng bên trên, ngay trên đầu tôi có một con sóc đang ôm quả thông. Nó đã giấu mình, khi tôi đi đến, nhưng bây giờ nó tò mò quá, muốn biết tôi còn sống hay không, hay là tôi đã hoàn toàn đứng lặng như cây và không còn nguy hiểm đối với nó nữa. Có lẽ nó đã cố tình thả một vảy mỏng manh xuống người tôi để thử, nó đợi một lúc, rồi thả vảy thứ hai và thứ ba. Tính tò mò làm tình làm tội nó, và bây giờ nó sẽ không đi đâu cả, khi chưa biết được điều muốn biết. Tôi tiếp tục viết về quốc gia vĩ đại của loài kiến được xây dựng nên bởi sự cần cù lao động vĩ đại của muôn nghìn sinh vật bé nhỏ ấy, viết rằng: bỗng có một ông khổng lồ đến, đã tiêu diệt cả quốc gia ấy chỉ để nằm ngủ lại một đêm. Lúc đó, con sóc vứt cả quả thông xuống và xuýt nữa làm cuốn sổ văng bật ra khỏi tay tôi. Liếc mắt nhìn, tôi thấy nó thận trọng leo xuống từ cành nọ đến cành kia, càng gần hơn, gần hơn mãi và bây giờ con vật bé bỏng kia đang từ sau lưng nhìn qua trên vai tôi vào những dòng chữ về ông khổng lồ đã tiêu diệt cả quốc gia loài kiến để nằm ngủ trong rừng.

Có một lần, tôi nổ súng bắn một con sóc, và lập tức từ ba cây thông lân cận mỗi cây một quả rơi xuống. Chẳng khó khăn gì mà không đoán ra được là trên mỗi cây ấy có một con sóc đã ngồi, và khi tôi bắn, thì cả mấy con đều buông những quả thông khỏi cẳng, do đó làm lộ mình ra. Chúng tôi cứ đi bắn sóc như thế ở rừng «taiga ngoại ô Matxcơva» trong tháng mười một, từ sáng đến mười một giờ trưa và từ hai giờ đến chiều tối: trong những giờ ấy sóc bóc quả thông lấy

hạt ăn, chúng lay động cành cây, đánh rơi vỏ cây, vảy quả xuống và chạy từ cây này qua cây khác để kiếm thức ăn ngon. Từ mười một đến hai giờ, chúng tôi không đi săn vì thời gian ấy sóc ngồi trên cành cây ở chỗ rậm và lấy cẳng chân rửa mặt.

CON LỬNG

Năm ngoái, trong thời gian này mặt đất đã trắng xóa rồi, bây giờ mùa thu đã kéo dài quá, và trên mặt đất đen sì từ xa trông rõ những con thỏ rừng trắng muốt đi và nằm: gay go cho chúng thật! Nhưng con lửng thì có sợ cái gì đâu? Tôi cảm thấy hình như những con lửng còn đi kiếm ăn. Bây giờ thì chúng béo núc! Tôi thử rình cạnh hang. Trong lúc âm u này tại rừng thông, ta khó mà hiểu ngay được sự yên lặng, trong đó không có sự đánh giá, theo người sống trong phòng, về các mùa ảm đạm và vui tươi, mà tất cả mọi vật đều nhất định vận động và trong sự vận động không ngừng ấy có ý nghĩa và niềm vui của nó. Bờ của mương xói ấy, nơi có những con lửng sống, rất dốc đến nỗi khi bò đến đấy thường phải để lại vết năm ngón tay của mình cạnh dấu chân lửng. Tôi ngồi xuống cạnh thân một cây thông già và qua cành thông lòa xòa dưới thấp tôi theo dõi cái hang chính. Khi xếp rêu trong tổ để chuẩn bị cho mùa đông, con sóc đã đánh rơi rác rưởi, và lúc đó đã bắt đầu chính sự yên lặng ấy. Và khi nghe sự yên lặng ấy, người đi săn có thể ngồi cạnh hang lửng hàng giờ mà không buồn.

Dưới bầu trời nặng nề ấy đang dựa vào những cây thông đứng dày san sát, hoàn toàn không thấy được

sự vận động của mặt trời. Nhưng khi mặt trời đang lặn xuống, thì con lửng biết điều đó trong hang tối om của nó, và một lúc sau, nó hết sức thận trọng thử đi ra để kiếm mồi ban đêm. Nhiều lần nó thò mũi ra, khịt khịt và giấu mình, rồi bỗng nhảy vụt ra với một sự nhanh nhẹn lạ thường đến nỗi người đi săn không kịp nhấp nháy. Ngồi rình lửng trước rạng đông thì tốt hơn nhiều, lúc đó nó đi về hang: đi bình thường và từ xa nghe tiếng sột soạt của nó. Nhưng bây giờ, theo thời gian thì đáng lẽ con lửng đã nằm ngủ đông rồi, bây giờ nó không đi ra hằng ngày nữa, và rất tiếc nếu phải ngồi rình vô ích suốt đêm và sau đó ngủ bù ban ngày.

Không ngồi trong ghế bành, đôi chân tê dại, như đã chết đi; nhưng khi con lửng bỗng thò mũi ra, và thế là mọi cái đều trở thành tốt đẹp, dễ chịu hơn cả khi ngồi trong ghế bành. Nó chỉ thò mũi ra một tí và ngay lập tức ẩn mình trong hang. Nửa giờ sau, nó lại ló ra nữa, suy nghĩ và hoàn toàn biến mất trong hang...

Và cứ thế không ra nữa. Còn tôi chưa kịp đi đến chỗ người trông rừng thì tuyết lất phất bay trắng xóa. Phải chăng con lửng chỉ thò mũi ra khỏi hang, đã đánh hơi được điều đó ư?

THỎ RỪNG TRẮNG

Suốt đêm, tuyết ướt rơi thẳng, đọng trên các cành cây trong rừng; tuyết rời ra, rơi xuống, kêu sột soạt. Tiếng sột soạt ấy làm con thỏ rừng trắng sợ chạy khỏi rừng, và chắc nó đoán là đến gần sáng thì cánh đồng đen sẽ trắng xóa và nó thì trắng muốt, nên có thể yên

trí nằm trên đồng. Và nó đã nằm trên cánh đồng, cách rừng không xa. Gần nó có chiếc sọ ngựa đã dầm mưa dãi nắng qua mấy tháng hè đến trắng hếu ra. Gần rạng đông tuyết phủ trắng cả cánh đồng và trong màu trắng vô biên ấy, cả con thỏ rừng trắng lẫn chiếc sọ ngựa trắng đã biến mất.

Chúng tôi đến hơi chậm một tí, và thả chó săn đi tìm, thì các dấu chân đã bắt đầu tan. Khi con Ơxman bắt đầu đi dò xét chỗ thỏ ăn, thì vẫn có thể phân biệt một cách rất khó khăn hình dáng chân thỏ rừng xám và thỏ rừng trắng: nó đi theo dấu chân thỏ xám. Nhưng Ơxman chưa kịp chạy thẳng, theo các dấu chân ngoằn ngoèo, thì mọi cái đã hoàn toàn tan trên lối mòn trắng, còn trên lối mòn đen sau đó chẳng còn lại tí gì, cả dấu chân lẫn mùi hơi. Chúng tôi thôi không săn bắn nữa và bắt đầu đi theo bìa rừng trở về nhà.

— Hãy xem trong ống nhòm, — tôi nói với người bạn cùng đi, — có cái gì trăng trắng ở ngoài kia, trên cánh đồng đen, trông sáng lắm.

— Chiếc sọ ngựa, cái đầu, — anh ta trả lời.

Tôi lấy ống nhòm ở tay anh và cũng thấy chiếc sọ.

— Ở ngoài kia, có cái gì đấy nữa trăng trắng, — anh nói, — bác hãy nhìn về bên trái một tí.

Tôi nhìn ra đấy, và ở ngoài ấy, có con thỏ rừng trắng muốt đang nằm, cũng như chiếc sọ, và trong ống nhòm lăng kính có thể thấy được đôi mắt đen tuyền trên nền trắng. Nó đang lâm vào một tình cảnh khó xử: nằm thì dễ lộ mình cho mọi người trông thấy, chạy đi thì để lại những dấu chân trên đất ướt mềm và như thế chỉ tổ cho chó đuổi theo mà thôi. Chúng tôi đã

chấm dứt tình trạng do dự của nó: chúng tôi đuổi, và ngay lúc đó Ơxman đã thấy, kêu lên ăng ẳng và lao theo con mồi trước mắt...

SỨC MẠNH CỦA SẮC ĐẸP

Trong sương mù, họa sĩ Bôrit Ivanôvich len lén bò đến gần đàn thiên nga, đã bắt đầu ngắm, nhưng rồi suy nghĩ là bắn đạn chì loại nhỏ vào các đầu thiên nga thì giết được nhiều hơn, ông bèn mở súng, lấy đạn chì cỡ lớn ra, lắp đạn bắn vịt vào. Và khi ông sắp bóp cò, thì cảm thấy hình như không phải là bắn vào thiên nga, mà bắn vào người. Ông bỏ súng xuống, đứng ngắm hồi lâu, rồi khe khẽ đi thụt lùi, đi thụt lùi mãi và đi hẳn đến nỗi đàn thiên nga hoàn toàn không biết gì đến mối nguy hiểm đáng sợ.

Nhiều lần tôi đã nghe nói dường như thiên nga là loài chim dữ, nó không cho ngỗng và vịt trời ở cạnh, thường nó giết chúng. Sự thật có phải thế không? Tuy nhiên, nếu quả là sự thật đi nữa, thì trong ý niệm thơ ca của chúng ta, sự thật đó cũng không xóa bỏ hình ảnh cô thiếu nữ bị biến thành thiên nga: đó là sức mạnh của sắc đẹp.

SƯƠNG MÙ

Đêm nhiều sao và trời rất ấm. Trước rạng đông, tôi đi ra bậc thềm nhà và nghe được chỉ một giọt nước từ mái rơi xuống đất. Khi trời tờ mờ sáng, những đám sương mù chuyển động, dồn lại, và chúng tôi dường như đứng trên bờ biển mênh mông vô tận.

Thời gian quý báu và bí ẩn nhất từ khi tờ mờ sáng

cho đến lúc mặt trời mọc, lúc đó chỉ có những đường viền của các cây hoàn toàn trụi lá lờ mờ hiện lên: những cây bạch dương cành rủ như chải xuống, cây phong và cây hoàn diệp liễu cành dựng lên như chải ngược. Tôi được chứng kiến sự khai sinh của băng giá, nó làm cho cỏ già cỗi, hung hung hơi bị khô lại và trắng bạc ra, nó phủ lên những vũng nước con một lớp thủy tinh mỏng manh.

Khi mặt trời mọc, trong các đám mây hiện ra hình dáng của bờ biển kia treo cao lơ lửng trong không trung. Cuối cùng, cả cái hồ từ trong sương mù phô mình ra trong những tia nắng. Trong sương mù được chiếu sáng, mọi vật hình như được phóng đại lên, một chuỗi dài những con vịt trời giống như trận tuyến của đoàn quân tấn công, còn đàn thiên nga thì giống như một thành phố hoang đường bằng đá trắng từ dưới nước nhô lên.

Một con gà lôi bay từ chỗ ngủ ra, chắc có việc gì quan trọng, chứ chẳng phải ngẫu nhiên, vì ở phía khác cũng bay về phía ấy một con nữa, rồi lại một con nữa... Khi tôi đi đến đấy, đến đầm lầy gần hồ, thì ở đấy đã tập hợp một đàn đông, một số đậu trên cây, phần lớn chạy tung tăng trên các mô đất, nhảy nhót, gọi mái, chẳng khác gì trong mùa xuân.

Chỉ có thể phân biệt được ngày này khác ngày đầu xuân nhờ đám lúa thu màu cánh chấu rất sáng, mà cũng có lẽ còn nhờ suy xét qua bản thân mình nữa, trong lòng không có cơn say đắm mùa xuân và niềm vui không rạo rực: niềm vui bây giờ trầm lặng, như thường khi có cái gì đấy hết đau thì ta vui

mừng là đã hết đau, và buồn rầu nghĩ thầm: chính cái đó không phải là cơn đau, mà là cuộc sống đã qua rồi...

Trong cơn tuyết đầu mùa rất lâu ấy, cái hồ trước đây hoàn toàn đen sẫm giữa vòng vây băng, và mỗi ngày vòng băng ấy một ép chặt mặt nước đen sẫm trong những bờ trắng tinh. Bây giờ thì vòng băng đã vỡ, và nước được giải phóng vui mừng, lấp lánh. Từ dốc cao những dòng nước róc rách chảy xuống, như trong mùa xuân. Nhưng khi mặt trời bị mây phủ, thì hóa ra chỉ nhờ tia sáng của nó mà thấy được cả mặt nước, cả trận tuyến vịt trời, cả thành phố thiên nga. Sương mù lại che khuất mọi vật, cả cái hồ cũng biến mất, và chẳng biết vì sao chỉ còn lại hình dáng của bờ biển kia treo cao lơ lửng trong không trung mà thôi.

HOA KHOA HUYỀN SÂM*

Đôi khi cuối thu hoàn toàn giống như đầu xuân: ở nơi đây tuyết trắng xóa, ở đằng kia đất đen sì. Chỉ có khác là vào mùa xuân ở chỗ tuyết tan phảng phất bốc lên mùi đất, còn mùa thu thì mùi tuyết. Thường cảm thấy như thế vì chúng ta đã quen với tuyết trong suốt mùa đông, nên mùa xuân chúng ta cảm thấy mùi đất bốc lên, còn mùa hè chúng ta đã ngửi quen mùi đất, nên đến cuối thu thì chúng ta cảm thấy mùi tuyết.

Mặt trời ít khi ló ra một lúc nào đấy, nhưng khi nó

---

* Trong tiếng Nga, người ta gọi là hoa «Ivan-và-Maria». — *ND*.

ló ra thì thật là vui mừng biết bao! Lúc đó thì chỉ mươi ngọn lá liễu đã lạnh cứng còn lại sau những trận cuồng phong hay là một bông hoa màu lam bé bỏng dưới chân cũng đem lại cho chúng ta một sự khoái trá, thú vị to lớn biết nhường nào.

Tôi cúi xuống cái bông hoa màu lam và nhận ra đó là chàng Ivan: chỉ một mình chàng Ivan còn lại của chiếc hoa kép trước đây, mà mọi người đều biết là Ivan-và-Maria.

Nói thật ra, Ivan không phải là cái hoa thật. Nó do những chiếc lá con nhỏ xíu và quăn tít cấu tạo nên, và chỉ có khác là màu của nó tim tím, do đó người ta gọi là hoa. Chỉ nàng Maria màu vàng là hoa thật có nhụy và nhị. Và từ Maria mà những hạt giống rơi xuống đất mùa thu này, để rồi sang năm mới những Ivan và Maria lại phủ đầy mặt đất. Công việc của Maria khó khăn hơn nhiều và chính vì thế nàng Maria tàn tạ sớm hơn chàng Ivan.

Nhưng tôi thích là chàng Ivan đã chịu đựng được băng giá và thậm chí đã trở sang màu lam. Đưa đôi mắt tiễn biệt cái bông hoa màu lam cuối thu, tôi khe khẽ nói:

— Ivan, Ivan, giờ đây nàng Maria của chàng đâu rồi?

SĂN ĐUỔI

Một người đi săn nhà nghề tên là Fêđo từ Ramenhiê đến nhà tôi. Ramenhiê ở xa Matxcơva chỉ vài giờ thôi, thế mà ở đấy vẫn còn những người đi săn nhà nghề thật sự; suốt mùa đông họ chỉ săn bắn cáo, thỏ rừng, sóc và chồn. Những người rất bận, và trong số đó có

anh Fêđo kia, nghề của anh là thợ giày, đi săn bắn đối với anh thì, tất nhiên, không có lợi. Đấy, thật là khó hiểu người ta lắm!

Fêđo nghe nói dường như ở rừng chúng tôi có nhiều cáo, anh đến gặp tôi để hỏi xem, có dẫn theo hai con chó nổi tiếng trong vùng chúng tôi, một con tên là *Họa Mi*, con kia có tên như tên Pháp — *Rextôn*.

Họa Mi là một con chó khổng lồ, nòi pha tạp: chó Côxtơrôma, chó lêvriê, chó thường — trộn lẫn lung tung; thế mà được một con chó săn chuyên môn thật sự: đi săn với nó gặp cáo muốn thì bắn, không muốn bắn thì bắt sống, vì nếu cáo chưa kịp chui vào hang, nó nhất định đuổi đến cùng, cho cáo chạy kiệt sức và không cắn, mà ngồi trước mặt cáo, sủa ầm lên, người đi săn đến và chỉ việc bắt cáo mà thôi.

Những chó con lấy giống của Họa Mi, bề ngoài là chó thường, không nòi, nhưng chúng đi săn rất tuyệt. Chúng săn cả thỏ rừng, cả cáo, cả chồn, chui vào đường hang của lửng và ở đấy, dưới đất sâu, chúng đuổi, như ở trên mặt đất, chỉ nghe rất khẽ. Và đối với ai không biết điều đó thì rất ngạc nhiên và thậm chí buồn cười nữa.

Giống chó của Fêđo nổi tiếng.

Con chó con cuối cùng của Họa Mi là một con đực đang tập ở lớp hai, đặc biệt thông minh, nhưng trông bề ngoài thì... chỉ đáng buộc xích ở sân và bắt giữ nhà mà thôi.

Những người Matxcơva đi săn chỉ lắc đầu mà nói:

— Đó chẳng phải là chó!

Và họ gọi nó:

— Quả Bóng Con.

Tôi cũng gọi con chó đực không nòi, con chó xù màu vàng ấy là Quả Bóng Con nhưng không phải vì tôi khinh giống chó của Fêđo, như những người Matxcơva, mà chỉ vì tôi không thể gọi con chó đực bình dân ấy là *Arixtôn* được.

Có những người *thợ săn nhà nghề* giàu kinh nghiệm nào đấy của thời cũ, chắc là đã làm mê hoặc Fêđo bằng cái tên cổ Hy-lạp ấy; nhưng ngôn ngữ nông dân đã làm sống lại cái từ đã chết ấy, đại loại như là sự phục hưng, biến nó thành Rextôn, và thêm nữa có cả một sự giải thích hợp lý: Rextôn theo tiếng Nga là tiếng to, nói tắt mà ra.

Thế là ngày mồng bảy tháng mười, Fêđo đến nhà tôi dẫn theo Họa Mi và cả con chó vàng Quả Bóng Con ấy. Tất cả những người đi săn ở nông thôn chúng tôi, ai có súng đều kéo đến từ tối và đề nghị cùng đi. Còn những người không biết đi săn thì đánh giá quá mức sự việc đó và nói:

— Các anh hãy bắn chó sói đi!

Ông thợ nguội Tômilin, láng giềng của tôi, là ông tổ của tất cả những người đi săn đó. Ông ta ngoài bốn mươi, gia đình có chín người, không thể nuôi sống tất cả miệng ăn trong nhà với nghề hàn ấm xamôva và chữa thùng được, vì thế ông dùng sắt vụn lắp súng săn để bán và đặc biệt ông thường khoe những chiếc lò xo của ông.

Thỉnh thoảng tôi rất thích những cuộc đi săn ở nông thôn ấy, nhưng bao giờ tôi cũng đi xa họ, vì mỗi lần đi săn như thế đều nhất định có người nào

đầy bị nổ vỡ súng. Tất nhiên, mắt thường từ xa đã thấy được những miếng vá hàn lại bằng đồng đỏ lấp lánh ở chỗ này, ở chỗ kia trên các nòng súng. Thậm chí cò súng của một người thì buộc trên sợi dây: sau mỗi lần bắn, cò súng bay tung lên, rồi treo lơ lửng. Nhưng cái đó đối với họ không có gì đáng kể, cũng như súng không bắn trúng đích — chẳng sao cả, miễn có tiếng súng nổ là được...

Đặc biệt tôi rất sợ những súng kíp châm ngòi, nạp đạn từ năm ngoái, lúc bắt đầu cuộc đi săn thường họ đồng loạt bắn chỉ thiên và sau đó, khi người chủ thổi khói, thì khói màu xanh bay ra không chỉ ở ngòi, mà tuôn ra ở khắp nơi, mọi người cười ha hả và nói:

— Cái rây bột!

— Thôi, cứ đưa cho bà nhà nó rây bột.

Và cứ như thế họ cười lẫn nhau. Thường thì rất vui, và bao giờ tôi cũng nghĩ đến những thời xa xưa, khi cũng cả những làng kéo đi săn voi mamut. Tôi cho rằng chúng tôi bây giờ còn khá hơn: xưa kia, săn con vật đồ sộ ấy chắc vất vả lắm, còn mục tiêu chúng tôi thì có khi chỉ là con thỏ con lứa cuối cùng trong mùa lá rụng, to vẻn vẹn bằng con chuột, nên không có gì nguy hiểm cả, nhưng niềm vui đi săn và bận rộn thì chẳng khác gì khi săn voi mamut. Và rất thích, khi lên đường, người đi săn có cò súng bay tung lên buộc ở đầu sợi dây, chỉ tay vào rừng dọa con voi mamut tưởng tượng và nói rằng:

— Liệu hồn đấy, ông sẽ bắn mày vỡ đít!

Tất nhiên, nếu là voi mamut thật, thì nhất định có người nào đấy sẽ nói:

— Đừng có khoác lác, coi chừng nó đánh cậu vỡ đít đấy.

Nhưng ở đây người ta chỉ nói:

— Tốt hơn là cậu hãy xem để cò súng khỏi bay mất...

Và rộn ràng, xúc động làm sao!

Trước buổi đi săn, ông thợ Tômilin đã thức dậy lúc chừng hai giờ sáng để xem thời tiết. Nghe ông dậy, tôi cũng dậy đặt ấm xamôva.

Ba giờ sáng.

Tôi và Fêđo uống trà. Trông rõ trong nhà đối diện, Tômilin và con trai đang uống trà. Chúng tôi nói chuyện về việc tìm thỏ rừng trong mùa lá rơi thì khó nhất — thỏ nó nằm bám rất chắc.

Bốn giờ.

Vẫn tiếp tục uống trà. Nói chuyện về cáo. Chà, giống đó thì tinh ma, láu lỉnh lắm. Dẫn ra hằng trăm thí dụ.

Lúc năm giờ, chúng tôi giải quyết vấn đề làm thế nào tốt nhất để đuổi chồn trong hốc cây ra. Chúng tôi quyết định: tốt hơn cả là lấy thanh gỗ trượt tuyết cọ vào cây, con chồn tưởng là người trèo và nhảy ra khỏi hốc.

Ngoài cửa sổ đã bắt đầu màu trắng đùng đục của rạng đông. Tất cả những người đi săn đều tập hợp dưới cửa sổ, ngồi trên ghế dài và khe khẽ nói chuyện.

Chúng tôi lên đường. Trong chúng tôi không có người nào thuộc hạng người chán nản, trước bất cứ việc chung nào cũng chỉ nghĩ thầm rằng việc đó chẳng ăn thua gì, nên lê bước rất uể oải và chỉ hơi linh

16-1672

hoạt lên chút ít khi công việc đã thành công, trái với mọi dự đoán của họ.

Và thậm chí cả màu trắng đùng đục của rạng dông ấy cũng không làm chúng tôi bối rối, trái lại, chưa chắc trong chúng tôi đã có ai muốn đổi màu trắng ấy để có một buổi rạng đông tươi vui của mùa xuân ở biệt thự trong tiếng họa mi lanh lảnh hót vang.

Chỉ vào cuối thu mới có trời tốt như thế, khi bóng đêm bắt đầu nhạt dần sau một trận mưa đêm, rồi mặt trời rạng rỡ hiện lên, và khắp nơi những giọt nước từ cây nhỏ xuống, dường như mỗi cây đều rửa ráy.

Khi đó, tiếng rì rào trong rừng có thường xuyên, và cảm thấy hình như ai đấy len lén đi đến từ sau. Nhưng hãy bình tĩnh, đó không phải là kẻ thù, chẳng phải là người bạn đang đi, mà là thú rừng đang tìm chỗ ngủ đông.

Con rắn bò qua rất khẽ và uể oải, rõ ràng là loài bò sát chui sâu xuống đất. Nó hoàn toàn không để ý đến tôi, chậm rãi trườn đi và làm sột soạt những lá thu rơi.

Rừng thu ngào ngạt thơm làm sao!

Có ai đấy nói bên cạnh hai từ. Tôi cho đó là tôi tưởng thế thôi, tai tôi đã bịa thêm vào tiếng sột soạt của thiên nhiên đang hấp hối, hai từ sảng khoái của con người. Hay có lẽ là con sóc hiếu động đã kêu ư? Nhưng chẳng bao lâu tiếng ấy lặp lại, và tôi đưa mắt nhìn những người đi săn.

Mọi người đều lặng yên chờ đợi con thỏ rừng sắp nhảy ra từ rừng thông dày.

Tiếng ấy ở đâu và ai đã nói nhỉ?

Hay có lẽ là những người đàn bà đi lấy nấm vàng và vừa lắng nghe tiếng sột soạt của rừng, vừa thỉnh thoảng thận trọng chuyện trò khe khẽ với nhau.

— Bay ngang hàng, ngang hàng! — tôi nghe tiếng kêu rất cao trên đầu mình.

Tôi hiểu đó không phải là người đi trong rừng, mà là những con ngỗng trời bay trên cao đang khích lệ lẫn nhau.

Cuối cùng, một đàn ngỗng trời lớn đã hiện ra ở chỗ hở giữa những cây bạch dương vàng rực. Giá đếm được thì tốt, nhưng không kịp. Tôi đưa que gỗ lên đo ở bên trên mười lăm con, rồi đặt que ấy theo đường tam giác và tính — đàn ngỗng ấy có trên hai trăm con cả thảy.

Ở chỗ thỏ ăn trong rừng thông dày thỉnh thoảng vang lên tiếng «gâu!» của Họa Mi. Ở trong ấy, nó rất khó tìm ra dấu chân thỏ, vì trận mưa đêm đã thấm cả vào chỗ rậm và làm cho chỗ thỏ ăn xấu đi nhiều.

Những người đi săn chúng tôi gọi rừng thông con um tùm ấy là *chiếc va li*, và mọi người đều tin rằng con thỏ rừng giờ đây đang ở trong *chiếc va li* rồi.

Những người đi săn nói:

— Nó sợ lá và nước nhỏ giọt, bây giờ nó chẳng chạy ra đâu.

— Nó bám chắc như đinh đóng rồi!

— Chẳng phải vì sợ lá và sợ nước nhỏ giọt, mà nó bám chắc, cái chính là vì nó đã bắt đầu thay lông màu trắng, chính tôi thấy: mông đít trắng, còn toàn thân thì xám.

— Nếu mông đít đã trắng rồi thì không thể đuổi được nó, nó bám trong va li chắc như đinh đóng rồi.

Nhựa đặc sệt chảy quanh cả thân cây thông cao duy nhất vươn lên trên khu rừng rậm, và toàn bộ *chiếc va li* thông ấy phủ đầy lá bạch dương rơi, và mỗi lúc lá một rụng xuống nhiều với tiếng thì thầm khe khẽ.

Một người đi săn ngáp, vừa nói, vừa nhìn rừng thông con phủ đầy lá rụng.

— Tủ com mốt chính cống!

Ông thợ Tômilin cũng ngáp theo.

Có phải họ đi săn để ngáp à!

— Hay là chúng ta giúp cho Họa Mi nhỉ?

Họ đưa mắt ước lượng *chiếc va li*, như để cân nhắc sức mình, có chui lọt qua nó được không hay là bị mắc nghẽn.

Và bỗng mọi người nhảy lên, định giúp cho Họa Mi. Họ reo hò, xông đến chiếc va li và làm lấp lánh trong tia nắng những miếng vá trên nòng súng đã sửa chữa.

Người chỉ huy tất cả, ông thợ Tômilin, xông ngay vào giữa rừng rậm, và ở trong đó càng bị gai đâm chừng nào thì ông càng gào thét to chừng ấy.

Mọi người gào thét, xuyt ầm, huýt vang, la rống: không ở đâu ta nghe được những giọng ấy ở con người, và chắc là cái đó còn lại từ những thời xa xưa, khi người ta đi săn voi mamut.

Một phát súng.

Và một tiếng kêu rất to:

— Nó chạy rồi!

Phần đầu, phần khó khăn nhất, của buổi đi săn đã chấm dứt, cũng giống như ngòi đã đặt vào thùng thuốc súng, nó cháy lâu đến một giờ và cuối cùng, bỗng thuốc súng nổ bùng.

— Nó chạy rồi!

Và mọi người vui vẻ, say sưa reo lên:

— Nó chạy rồi, chạy rồi!

Họa Mi đuổi theo một cách tin tưởng, tiếng của nó thường vang lên, và theo sau nó Quả Bóng Con chạy đến sủa ầm lên, Rextôn, thật đúng là «tiếng to».

Trong nháy mắt, tất cả đám thanh niên ấy, giống như những con chó săn, chạy ào ạt tán loạn không phân biệt gì hết, cứ chạy tắt, chạy băng, và trong đám thanh niên ấy thì ông thợ Tômilin, chẳng khác gì một chàng trai — không biết do đâu mà bỗng trở nên nhanh nhẹn đến thế, — ông lao vút, như con nai, làm gãy các bụi cây răng rắc.

Cách săn như thế thì không bao giờ đứng rình thỏ được, nhưng có lẽ họ cần như thế, đó là nỗi sung sướng của họ: được chạy nhanh khắp rừng và đuổi, như chó săn.

Tôi và Fêđo, những người thiện nghệ, đưa mắt nhìn nhau, mỉm cười, lắng tai nghe tiếng săn đuổi, và sau khi hiểu con thỏ rừng đang chạy đi đâu, chúng tôi bèn đứng rình: nó đang ở trên quãng trống trong rừng ngay ở lối vào *chiếc va li,* tôi đứng hơi xa một tí ở ngã ba đường xanh giữa rừng già cao và bụi ngấy lam rậm rạp.

Và tiếng bụi cây kêu răng rắc — do người đi săn bốn mươi tuổi chạy làm gãy, giống như nai, — vừa im bặt,

thì ở đằng trước xa trên con đường xanh, giữa rừng to và bụi ngấy lam rậm rạp, thoáng qua lúc đầu là mông đít trắng, và sau đó toàn thân màu xám hiện ra: chạy khập khiễng, khập khiễng đến trước mặt tôi.

Tôi nhìn nó, đưa súng lên ngắm đầu ruồi: voi mamut chính là con thỏ trắng con, bé tí tẹo trong lứa đẻ muộn giữa mùa lá rụng, trên một phía của thân hình nó còn rất ngắn là những cái tai to, còn ở phía sau — những chân dài, do đó khi nó chạy hai chân trước lúc thì đưa lên cao, lúc thì hạ xuống rất thấp.

Trách nhiệm của tôi lớn: không được để con thỏ con sinh ra trong mùa lá rụng chạy được đến *chiếc va li* và làm cho chó lại phải bận bịu, vướng mắc ở đấy lâu, vì thế nhất định tôi phải bắn con voi mamut ấy. Và tôi đã ngắm đầu ruồi.

Nó bỗng ngồi.

Tôi không bắn vào con thú đang ngồi, nhưng cũng thế thôi, cái chết của nó không tránh khỏi, nếu nó chạy thẳng đến tôi — đầu ruồi của tôi sẽ chúc xuống nhằm vào chân trước, nếu nó nhảy ra một bên — đầu ruồi sẽ trong nháy mắt chuyển qua mũi nó.

Không ai có thể cứu được con voi mamut khốn khổ này.

Và bỗng...

Cạnh nó, từ trong bụi ngấy lam một cái đầu vàng thò ra và hình như đầu hơi bạc đi vì điểm sương nhiều.

— Quả Bóng Con ư?

Xuýt nữa thì tôi bắn nó vì tưởng là con cáo, nhưng

con đó không phải là Quả Bóng Con, mà là con cáo thật sự...

Và tất cả cái đó diễn ra trong nháy mắt, cái đầu vàng, bạc đi vì điểm sương không kịp tiến lên, cũng không kịp ẩn đi. Tôi bắn; trong bụi cỏ không cắt, có cái gì vàng vàng cựa quậy, còn ở đằng xa thấp thoáng cái mông đít trắng.

Và ngay lúc đó những con chó lao đến...

Fêđo lao đến. Súng bồng ngang, như lúc tấn công, ông thợ Tômilin từ rừng phóc ra đường, và sau đó là mọi người với những khẩu súng săn lấp lánh những miếng vá. Những con chó bị buộc dây xông đến con cáo, chúng gào lên, giọng khác thường. Tất cả những người đi săn đều gào lên, ai cũng cố thét thật to, to hơn người khác, là mình đã thấy con cáo thoáng qua trong rừng rậm. Khi những con chó đã yên và đám thanh niên lặng thinh, thì chỉ còn lại niềm vui của mọi người rất giống nhau, dường như tất cả mọi người chỉ là một mà thôi.

Fêđo nói:

— Con cáo do ồn mà chạy.

Ông thợ Tômilin nói theo cách của mình:

— Con cáo tình cờ mà bắn được.

ANTRA

Tôi yêu chó săn, nhưng trong rừng tôi không thích huýt gọi, bò lê trong các bụi cây và tự mình trở thành như chó. Tôi có thói quen thế này: tôi thả chó ra, còn tôi thì đi đun nước, pha trà, không vội vã gì hết, thậm chí cả khi chó sủa rống lên báo hiệu có thú, tôi vẫn uống trà, lắng nghe và khi tôi hiểu tiếng sủa, thì

tôi chạy tắt đón đường, đứng nấp — pằng! Thế là xong.

Tôi thích như thế.

Trước đây tôi có một con chó tên là Antra*. Bây giờ ở khu đất mới khai khẩn Alecxêêva, từ đáy chỗ trũng dẫn đến khu rừng đã đẵn cây, — và trong chỗ trũng ấy trên nấm mộ của nó, một con yêu vẫn còn đứng.

Tôi không nuôi dạy Antra. Có một bận, một người đàn ông dẫn con chó săn đến nhà tôi, con chó đực đã lớn, cân đối, đẹp đẽ, trên mắt có đốm đen.

Tôi hỏi:

— Chó ăn cắp à?

— Vâng, chó ăn cắp, — người ấy nói, — nhưng ăn cắp đã lâu rồi, tôi ăn cắp khi nó còn là chó con cơ, bây giờ thì cái đó chẳng có gì đáng ngại cả. Nòi thuần đấy, không pha tạp gì cả...

— Nòi, — tôi nói, — cái đó thì tôi biết, nhưng nó săn thế nào?

— Tuyệt lắm.

Chúng tôi đi săn thử.

Vừa mới ra khỏi làng, chúng tôi thả chó ra, thế là nó chạy biến đi mất, chỉ còn để lại trên sương bàng bạc dấu chân xanh mà thôi...

Trong rừng, người đàn ông ấy nói với tôi:

— Tôi thấy lạnh thế nào ấy, hay là ta nhóm *đống lửa* đi nào.

«Sao lạ thế nhỉ, tôi nghĩ bụng, — lão này cười nhạo

---

* Tên một loài cây thuốc độc ở Ấn-độ. — *ND.*

mình hay sao chứ?» Không, ông không cười, đi nhặt củi, nhen lửa và ngồi xuống.

— Con con chó thì sao? — tôi hỏi.

— Anh còn trẻ, — người ấy nói, — còn tôi già, anh chưa hề thấy cái đó, thì tôi sẽ bảo: đừng lo lắng gì về con chó cả, nó biết việc của nó, nó phải tìm mồi, còn chúng ta thì cứ việc uống trà.

Và ông cười gằn.

Chúng tôi uống mỗi người một chén.

— Gâu!

Tôi lao chạy.

Người đàn ông bật cười và rót chén thứ hai uống, rồi nói:

— Chúng ta hãy nghe, nó sủa báo thú gì.

Chúng tôi nghe.

Con chó sủa nhiều, tiếng to và vun vút chạy đuổi.

Người đàn ông đã hiểu:

— Nó đuổi theo cáo.

Chúng tôi uống mỗi người một chén nữa, thế là con chó đã chạy chừng bốn cây số rồi. Và bỗng lặng im. Người đàn ông đưa tay chỉ về phía kia và hỏi:

— Ở đằng kia người ta chăn bò à?

Và đúng thế, ở phía kia người nhà họ Caratrun chăn bò.

— Đó là con cáo đưa nó đến dấu chân bò đấy, bây giờ nó sẽ tìm cho được dấu chân cáo. Chúng ta hãy uống mỗi người thêm một chén nữa.

Nhưng con cáo chẳng được nghỉ lâu, con chó lại tìm thấy dấu chân mới và chạy quanh theo đường vòng nhỏ, rõ ràng là con cáo ở vùng này. Và khi con chó chạy theo đường vòng nhỏ, thì người đàn ông

thôi uống trà, đổ nước vào đống lửa, lấy chân hất củi ra và nói:

— Thôi, bây giờ thì chúng ta phải nhanh lên.

Chúng tôi lao chạy tắt quãng trống trước những hang cáo. Chúng tôi chỉ vừa ngồi ẩn xong, thì con cáo đã hiện ra trên quãng trống, và con chó thì bám sát đuôi nó. Cáo cong đuôi chỉ về phía đầm lầy, nhưng chó không tin — đớp! trúng cổ, cáo kêu: viu! Và thế là xong: con cáo chết, còn chó nằm bên canh liếm chân.

Người ta đặt tên cho nó một cách thô kệch là «Gôntra», còn tôi vui mừng reo lên:

— Antra.

Và sau đó cứ thế gọi mãi: Antra.

Các bạn có biết trái tim người đi săn mở ra thế nào không? Thí dụ như buổi sáng mai, lúc băng giá bám đầy trên cỏ và trước khi mặt trời mọc, sương mù phủ kín, sau đó mặt trời lên và dần dần sương mù lảng xa, ở những nơi trước đây là sương mù thì đã trở nên xanh biếc giữa những cây thông màu lục và những cây bạch dương vàng rực, và cứ như thế xanh rờn, vàng rực và lấp lánh hơn mãi. Một ngày tháng mười nghiêm nghị mở ra như thế, và giống hệt như trái tim người đi săn mở ra: say sưa uống băng giá và ánh nắng, hắt hơi thật sự, và mỗi người gặp trên đường đều trở thành bạn của mình.

— Này, ông bạn, — tôi nói với người đàn ông, — gặp tai họa gì, mà ông lại đem con chó tuyệt vời thế kia đưa vào tay người xa lạ?

— Tôi đưa con chó vào tay người tốt đấy, — ông đáp, — còn tai họa của tôi là tai họa của người nông dân: con bò cái ăn phải cỏ băng giá, bị trương bụng

lên và chết mất. Bò thì phải mua, nông dân không thể không có bò được.

— Tôi cũng biết là không được, tôi rất thương ông. Thế thì ông muốn tôi trả cái gì để lấy chó của ông?

— Tôi muốn xin anh con bò cái, anh có hai con, đưa cho tôi con bò vá.

Tôi đưa con bò cái để lấy Antra.

Chà, thế là tôi đã từng có một mùa thu tuyệt vời ở trong rừng mà tôi không cần gọi, không cần huýt chó, không đâm mắt vào cành cây, tôi đi lặng lẽ trên đường con, ngắm nhìn cây cối mỗi ngày một vàng rực, có khi tôi chú ý đến chim đa đa, tôi đi trên lối mòn, huýt gọi, và tự chúng chạy theo lối mòn đến chỗ tôi. Cứ như thế thời gian vàng ngọc ấy trôi qua, trong một sáng mai băng giá dữ dội, mặt trời lên, sưởi ấm, và đến trưa tất cả lá trên các cây đều rụng hết. Chim đa đa không còn đáp lại tiếng huýt gọi nữa. Trời mưa, lá thối mục, và tháng buồn rầu nhất — tháng mười một — đã bắt đầu.

Và tôi không ưa cùng đoàn người vào rừng đi săn. Tôi thích đi trong rừng lặng lẽ, thỉnh thoảng dừng lại, đứng yên, và khi đó bất cứ con thú con nào cũng tin cậy tôi, bất cứ cảnh đẹp nào tôi cũng thích ngắm nghía, tôi ngạc nhiên trước mọi vật và chỉ bắn những con nào cần thiết cho tôi. Và đối với tôi, xấu nhất là khi người ta đi từng đoàn vào rừng, làm ầm ĩ lên và bắn bừa bãi tất cả những con gì bắt gặp. Nhưng thường, nếu có người bạn tâm đầu ý hợp, một người đi săn hiểu biết đến, thì tôi thích dẫn anh ta đi, đó cũng là một niềm thú vị khác rất tốt: người tốt thì rất thích. Và một người đi săn từ Matxcơva viết thư cho tôi vào

đầu tháng mười một, ngỏ ý muốn cùng tôi đi bắn. Các bạn đã biết người đi săn đó rồi, tôi không gọi tên anh ta ra ở đây. Tất nhiên, tôi rất mừng khi được thư anh ta, tôi viết thư trả lời, và trong đêm mồng sáu anh đã đến nhà tôi.

Và thật là không may: trước đó thì tuyết đầu mùa rất đẹp phủ khắp và đúng đêm mồng sáu nó tan cả: bẩn thỉu. lầy lội, một cơn mưa nhỏ lạnh buốt rơi lâm dâm. Suốt đêm, tôi không ngủ, không yên tâm, mong sao cơn mưa sẽ không làm hỏng cuộc đi săn, không xóa sạch dấu chân đêm của thú rừng. Nhưng nửa đêm thì trời sao và đến gần sáng thỏ rừng chạy nhiều.

Trước rạng đông, chúng tôi uống trà khi sao mai còn sáng, chuyện trò hàn huyên, và khi màu lam hiện ra ở ngoài cửa sổ, chúng tôi ra đi cùng Antra để săn thỏ rừng.

Trong mùa thu năm ấy, cánh đồng lúa mì mùa thu bắt đầu ngay sát làng, và ruộng lúa thu năm ấy rậm rạp, chắc chắn, xanh rờn, trông rất ngon mắt. Và thỏ rừng tha hồ ăn ở cánh đồng, các bạn có thể tưởng tượng được không, mỡ chài trong bụng chúng treo như chùm nho, và ở mỗi con thỏ tôi lấy được có tới gần bốn lạng. Antra vui vẻ tìm được dấu chân, chạy vòng quanh, tìm hiểu được chỗ thỏ ăn và đi thẳng vào chỗ thỏ nằm. Trong rừng lúc đó nước nhỏ giọt, tiếng sột soạt âm vang. Thỏ rừng rất sợ cái đó, chạy ra và nằm ở khu đất mới khai khẩn Alecxêêva. Và theo tôi hiểu Antra, thì nó đi từ đám cây xanh đến khu rừng đã đẵn, — đúng hơn là ở chỗ trống đi đến chỗ trũng: từ khu rừng đã đẵn cây, nhất định thỏ rừng chạy theo chỗ trũng ấy. Tại chỗ đầu tiên, tôi

để người bạn tôi đứng cạnh bờ mương xói, còn tôi thì đứng ở phía khác, và anh ta không thấy tôi, còn tôi thì thấy anh rất rõ, như trong lòng bàn tay.

Tất nhiên, đi săn thì rất cần có kế hoạch, nhưng hiếm khi làm đúng theo kế hoạch. Chúng tôi chờ, chờ mãi — không thấy săn đuổi gì cả và Antra thì biệt tăm biệt tích...

— Xêriôja, — tôi nói to...

Chà, xin lỗi, tôi lỡ lời, tôi đã không muốn gọi tên người đi săn ấy với các bạn, các bạn đều đã biết anh ta rồi, nhưng chẳng sao, Xêriôja thì ở vùng chúng tôi có nhiều.

— Xêriôja, — tôi nói to, — thổi còi gọi Antra đi.

Tôi đưa cái còi đi săn bằng sừng cho anh, anh thổi còi rất giỏi và lại thích thổi. Và khi Xêriôja chỉ vừa cầm còi lên, tôi thấy Antra chạy theo chỗ trũng đến chúng tôi. Theo cách đi của nó, tôi hiểu ngay là nó chạy theo dấu chân của thỏ, và còn hiểu thêm là con thỏ ấy bị cáo hay cú vọ đuổi ra khỏi chỗ nằm, nó đã đi qua chỗ trũng ấy, và Antra đang đuổi theo nó. Khi nó chạy ngang qua người bạn tôi, tôi thấy anh đưa súng lên ngắm...

Giá tôi nhớ lại rằng đúng chỗ này, có một bận, tôi đã ngắm đúng vào đầu người và xuýt nữa thì bắn chết (một người đội mũ lông thỏ đi theo chỗ trũng mà tôi chỉ thấy được cái mũ thôi, và sắp sửa bấm cò thì bỗng cả đầu người hiện ra,) thì chẳng có việc gì xảy ra nữa. Giá chuyện đó thoáng qua trong ký ức tôi, thì tôi đã hiểu rằng từ trên chỉ trông rõ bộ lông thôi, tôi đã kêu và ngăn lại. Nhưng tôi nghĩ là bạn của tôi chỉ đùa nghịch thôi, những người ở thành phố đi săn thường

có thói quen ấy, giống như những con ngựa phải đứng lâu bị tù chân.

Tôi nghĩ là anh ta đùa, nhưng bỗng — pằng!

Lúc đó trời lặng gió, làn khói ùa xuống chỗ trũng và bay là là sát đất.

Tôi chết lặng người đi và sực nhớ chính ở chỗ đó xuýt nữa tôi bắn vào đầu người.

Làn khói xanh nhạt trải là là trên chỗ trũng màu lục. Tôi đợi, đợi mãi, và những giây phút trôi qua, dài như những năm, không có Antra, hoàn toàn không có: từ trong làn khói Antra không đi ra. Khi khói tan rồi, tôi thấy Antra của tôi yên giấc ngàn thu trên cỏ, trên cỏ xanh, như trên nệm.

Những giọt nước mùa thu nặng nề nhỏ từ cây cao xuống cây thấp, từ cây thấp xuống các bụi, từ các bụi xuống cỏ, từ cỏ xuống đất: tiếng sột soạt buồn rầu rì rào trong rừng và chỉ lặng yên ở sát mặt đất mà thôi: đất lặng lẽ hút hết tất cả những giọt nước mắt...

Còn tôi đứng nhìn với đôi mắt khô ráo...

«Thôi, đành vậy, — tôi nghĩ thầm, — có khi còn tệ hơn nữa kia, có khi vô tình người ta bắn chết cả người nữa cơ».

Tôi là người đã chịu nhiều đau khổ trên đời, tôi tự chủ mình được nhanh, và nghĩ bụng có cách xử sự nào tốt đối với bạn tôi, cần nói dịu dàng với anh ta, vì tôi biết rằng chính trong lòng anh ta cũng đau xót không kém gì tôi, và chúng ta, những người đi săn, chính là để lấy niềm vui rửa sạch nỗi xót đau. Ở làng Xưganôvô nhà nào cũng nấu rượu ngang, và tôi định đến đấy uống rượu để lảng quên phiền muộn. Chính tôi nghĩ như thế, nhưng nhìn người bạn thì tôi ngạc

nhiên: anh đi xuống dưới thấp, nhìn Antra bị bắn chết, lại đứng vào chỗ cũ và cứ đứng thế, dường như anh còn đợi con thú bị săn đuổi chạy qua đây.

Cái gì lạ thế này?

— Ê! — tôi kêu lên.

Anh đáp lại.

— Anh bắn con gì thế?

Anh lặng thinh. Tôi hỏi to:

— Bắn con gì thế?

Anh đáp:

— Bắn con cú.

Lòng tôi thắt lại.

— Bắn được chứ?

Anh đáp:

— Bắn trượt.

Tôi ngồi xuống trên tảng đá và bỗng tôi hiểu hết.

— Xêriôja! — tôi kêu.

— Gì thế?

— Thổi còi gọi Antra đi.

Tôi nhìn, Xêriôja cầm còi và dừng lại.

Anh đi một bước về phía tôi: rõ ràng là anh xấu hổ, bước lần nữa và nghĩ ngợi.

— Thế nào, — tôi kêu to, — thổi lên đi!

Anh lại cầm còi.

— Thổi đi, — tôi kêu to, — thổi lên đi!

Anh đặt còi vào môi.

— Thổi đi, thổi đi nào...

Và anh thổi lên.

Tôi ngồi trên tảng đá, nghe người bạn thổi còi và suy nghĩ vớ vẩn: chẳng hạn, tôi thấy con quạ khoang đuổi theo con diều và nghĩ rằng vì sao diều không

cắn vào gáy quạ, nó chỉ mổ cho quạ một cái là quạ thua, mà sao nó không mổ. Cứ suy nghĩ như thế thì có thể ngồi trên đá lâu đến bao nhiêu cũng được. Và đến đây, một câu hỏi đâm nhói lòng tôi về con người ấy: sao anh ta lại lừa dối nhỉ? Chết là hết, mọi việc đều kết thúc thật giản đơn và phải thổi còi để làm gì thế nhỉ? Con chó đã bị bắn chết, chúng tôi không thể đi săn được nữa, và chính anh ta đã bắn con chó và biết: tôi là con người, không phải là vật gì không đáng kể, tôi không bắt anh ta đền và không nói với anh lời trách móc...

Anh ta lừa dối ai?

— Kìa, — tôi chỉ, — anh cứ đi theo lối mòn kia, nó sẽ đưa anh đến Xưganôvô, ở đấy chúng ta sẽ uống rượu, hãy đi đến đấy và thổi còi lên, cứ thổi mãi, còn tôi sẽ đi trong rừng và nghe xem Antra có sủa ở đâu đấy chăng để đáp lại tiếng còi.

— Thế anh hãy cầm còi, — anh nói, — và tự mình thổi lấy.

— Không, — tôi đáp, — tôi không thích thổi, tôi thổi thì âm thanh vẫn còn đọng mãi trong tai, tôi không nghe gì cả, mà ở đây thì phải nghe tiếng gì nhỏ nhất.

Anh rụt rè và hỏi do dự:

— Thế thì anh đi đâu?

Tôi chỉ về phía Antra nằm.

«Thôi, anh ta chẳng còn thoát đâu được nữa, — tôi nghĩ bụng, — bây giờ thì phải nhận».

Nhưng vẫn không nhận, anh nói:

— Tôi không khuyên anh đi về phía ấy, ở đấy không có cây, nó không thể bị treo trên bụi cây được.

— Được, — tôi đáp, — tôi đi đến đằng kia kìa. Còn anh thì đừng quên nhé, cứ thổi lên, thổi mãi.

Khi tôi nói là tôi sẽ đi phía khác, thì anh ta mừng lắm và thổi lên, và anh đi chừng ba cây số mà cứ thổi, thổi mãi.

«Không, — tôi nói với theo anh ta, — trên đời này có nhiều điều kỳ diệu, nhưng trong trường hợp chết thì không có điều kỳ diệu: Antra không đáp lại. Do đó người đi săn chân chính nhìn thẳng vào mắt và nói: này bạn ơi, hãy cạn chén, mọi việc đã xong rồi».

Phải rồi, anh ta lừa dối ai thế nhỉ?

Ở thắt lưng tôi bao giờ cũng có chiếc rìu con để phòng xa, tôi lấy rìu chặt một cành khô, đẽo như cái xẻng và đào cái hố ở chỗ đất mềm. Tôi đặt Antra yêu mến xuống hố, đắp lên nấm mộ, xén lớp đất cỏ đặt quanh. Ở chỗ cháy trước đây, tôi thấy một cái cọc gỗ bị lửa sém có hình con quỷ, thường vào lúc nhá nhem tối cọc ấy làm cho các bà sợ lắm và mọi người đều gọi nó là *con yêu*. Tôi đi đến chỗ cháy ấy, kéo *con yêu* và cắm lên mộ Antra làm bia.

Tôi đứng ngắm con quỷ, còn Xêriôja vẫn thổi, thổi mãi. «Này, Xêriôja, cậu đánh lừa ai thế hở?»

Mưa lâm dâm rơi, mưa nhỏ, lạnh lẽo. Những giọt nước nặng nề nhỏ từ cây cao xuống cây thấp, từ cây thấp xuống các bụi, từ các bụi xuống cỏ và từ cỏ xuống đất ẩm ướt. Trong khắp rừng tiếng sột soạt rì rào thốt lên: chuột, chuột, chuột... Nhưng Mẹ hiền đất đai lặng lẽ hút hết tất cả những giọt nước mắt, uống, uống mãi...

Tôi bỗng cảm thấy dường như mọi con đường trên cõi đời này đều gặp nhau ở một điểm tận cùng và ở

điểm tận cùng đó con quỷ rừng đứng trên ngôi mộ chó và kính cẩn nhìn tôi.

— Này, quỷ, hãy nghe đây! — tôi nói, — hãy nghe...

Và tôi nói lên những lời ai điếu trước mộ, còn nói gì thì tôi giữ kín.

Sau đó, tôi thấy tâm hồn yên tĩnh và đi đến làng Xưganôvô.

— Xêriôja, — tôi nói, — thôi, đừng thổi nữa, mọi việc đã xong rồi, tôi biết cả rồi. Anh đánh lừa ai, hở?

Anh ta tái mặt.

Tôi cùng anh cạn chén và ngủ lại làng Xưganôvô. Tất cả các bạn đã biết người đi săn đó rồi, trong chúng ta ai cũng có một Xêriôja như thế trong ký ức.

MÙA ĐÔNG

CUỘC CHẠY THI CHÍ TỬ

Vào mùa đông, nhiều lần tôi bị lạc trong rừng, gặp phải băng giá rất ác liệt! Và đến bây giờ, khi trời nhá nhem tối, từ xa tôi nhìn dải rừng xám, chẳng hiểu vì sao tôi thấy lòng mình ái ngại. Thế nhưng lại được hưởng một buổi sáng với cơn băng giá nhẹ sau lần tuyết bột rơi, tôi đi vào rừng rất sớm khá lâu trước khi mặt trời mọc, và tôi đón mừng ngày sinh của mình một cách tuyệt vời đến nỗi tôi nghĩ là không ai đã đón mừng ngày sinh của mình được như thế bao giờ.

Lần này, tôi không được ngắm nhìn lâu những hình dáng đồ sộ của các cung điện bằng tuyết trắng và lắng nghe sự yên lặng như tờ. Con chó Họa Mi săn cáo đã ra hiệu: giống như tên Họa Mi-Ăn Cướp* kêu ăng ẳng, rít lên và cuối cùng, sủa gâu gâu đến nỗi trong chốc lát phá tan bầu không khí yên lặng. Cứ thế nó đi lần mò theo dấu chân mới tinh của con thú, bao giờ cũng với những âm thanh lạ lùng ấy.

Trong khi nó lần mò đi tìm thú, tôi vội vã đến quãng trống có ba cây thông, ở đấy cáo thường đi qua. Tôi đứng lại dưới vòm cành lá xanh um và nhìn qua khe hở. Nó đang đuổi theo, dồn cáo, mỗi lúc một gần hơn...

---

* Một nhân vật trong truyện cổ tích Nga là một tên ăn cướp huýt tiếng rất dễ sợ. — *ND.*

Con cáo từ trong rừng thông rậm nhảy ra quãng trống hơi xa, toàn thân đỏ rực trên nền trắng tinh và giống như con chó, nhưng tôi nghĩ là nó có cái đuôi đẹp như thế và hình như hoàn toàn không cần thiết để làm gì? Trên bộ mặt độc ác của nó như tuồng một nụ cười hiện lên, cái đuôi xù lông thoáng qua và con thú đẹp đẽ kia đã biến mất.

Họa Mi phóng nhanh như chớp đuổi theo, nó cũng như cáo, hung hung đỏ, mạnh mẽ, say sưa: nó điên cuồng lên, khi thấy dấu chân con thú đẹp đẽ kia trên tuyết trắng tinh. Và từ đó, trong cuộc săn đuổi, từ con vật hiền lành nuôi trong nhà, nó trở thành con thú hoang dại, bướng bỉnh và dễ sợ. Không thể dùng còi thổi hay súng bắn để gọi nó trở lại được. Nó chạy vun vút và gào rống rất to. Nó đã quyết định dứt khoát: hoặc là chết, hoặc là bắt được. Sự say sưa, cuồng nhiệt của nó truyền sang người đi săn đến nỗi nhiều lần anh ta sực tỉnh trong bóng tối, sau khi chạy chừng tám cây số trong rừng lạ phủ đầy tuyết trắng.

Dấu chân của chó và cáo tỏa ra từ các mép khác nhau của quãng trống, trong chỗ rậm chó chạy theo tài đánh hơi và ở đây, sau khi thấy được dấu chân, nó chạy tắt qua cả quãng trống và cuối cùng chạy theo đúng dấu chân cáo gần cây thông con bé nhỏ, chính ở nơi ấy cáo đã đưa cái đuôi cho tôi thấy. Chỉ còn một hy vọng nhỏ là con cáo ấy ở vùng này, là nó sẽ quay trở lại và sẽ chạy theo đường vòng nhỏ. Nhưng chẳng bao lâu, tiếng sủa đã đi quá xa, tai không còn nghe thấy, và tiếng sủa ấy không quay trở lại nữa: con cáo ở vùng khác đến đã về đến rừng quê của nó và không trở lại nữa rồi.

Bây giờ, bắt đầu cuộc săn đuổi của tôi, tôi phải đi vội vã theo dấu chân cho đến khi nghe thấy tiếng sủa. Phần lớn dấu chân in trên rìa của các quãng trống trong rừng, dấu chân cáo quay thành vòng tròn, còn chó thì chạy tắt. Tôi cố gắng đi theo đường thẳng và tôi cũng đi tắt, nếu có thể được. Trong mắt tôi chỉ có dấu chân, và trong đầu cũng chỉ có ý nghĩ về dấu chân: tôi cũng như Họa Mi, trong ngày cuồng si ấy, tôi cũng sẵn sàng làm mọi việc.

Bỗng nhiên trên đường đi, tôi gặp cả một lối đầy những dấu chân khác nhau, phần lớn là dấu chân thỏ, và con cáo đã chạy đến đây, chạy theo đường của thỏ. Ý đồ của cáo có hai mặt: xóa nhòa dấu chân của nó và gạ Họa Mi đuổi theo dấu chân mới của thỏ. Đúng là như thế. Kìa, dấu chân mới và có lẽ, dưới bụi cây kia nhất định có con thỏ rừng trắng đang nằm và đưa cặp mắt đen láy nhìn. Họa Mi lao tới. Lẽ nào nó bỏ con cáo và đuổi theo con thỏ bất hạnh ư?

Từ lối mòn của thỏ, dấu chân đơn độc của cáo chạy đến đầm lầy, ở bìa rừng hoàn diệp liễu đang tơ đã bị thỏ rừng gặm nhấm, chạy băng qua quãng trống và ở đây... bỗng gặp Họa Mi! Dấu chân to của chó chạy từ rừng ra, lại gặp dấu chân cáo và dấu chân của cả hai con dẫn sâu vào cuộc chạy thi chí tử.

Trên đường đi tôi cảm thấy hình như có tiếng rống của Họa Mi. Trong nháy mắt tôi dừng lại, không nghe gì cả và nghĩ là tôi đã tưởng thế thôi. Yên lặng như tờ, và tôi cảm thấy hình như chim đa đa đang kêu. Còn những dấu chân chạy ra cánh đồng, mặt trời làm cho chúng có màu lam nhạt và cứ như thế đường của cáo

và chó chạy qua suốt cánh đồng rộng nổi bật lên màu lam.

Con cáo nhanh nhẹn chui qua thanh ngang bên dưới bờ rào và chạy xa hơn, còn Họa Mi thì thử chui qua, nhưng không lọt. Rồi nó cố nhảy qua bờ rào. Ở thanh ngang bên trên còn lại hai chỗ tuyết bị sụt do những chân mạnh mẽ của nó hất tuyết xuống. Bây giờ thì tôi biết là mình đã không nghe nhầm, chính nó đã rống lên vì đau đớn, khi bị ngã từ bờ rào xuống, và nó bắt đầu chạy vòng bờ rào. Nó chạy ra ở đâu thì tôi không thấy, chỉ có ở rìa chỗ cháy dấu chân của hai con vật lại gặp nhau và lại cùng chạy đi đến những chỗ rất xấu ấy.

Đối với con chó săn, không có thử thách nào gay go bằng chỗ cháy này. Ở đây, trước đây đất than bùn đã âm ỉ cháy làm cây cối bị đổ ngổn ngang, cây nọ nằm chồng lên cây kia, bật tung gốc, từ xa trông như những con gấu to lớn bằng đất ngồi lù lù, và do đó tạo ra những tầng hoang dại, còn ở bên dưới thì những cây con đã mọc lên. Không chỉ người và chó, mà ở đây cả cáo cũng không đi qua được. Và cáo chạy đến đây để đánh lừa chó và nó ghé lại không lâu. Nó chui dưới cây và sau đó chỉ còn lại cái hang thôi. Chó lập tức gạt tuyết ở bên trên và làm đứt đoạn dấu chân cáo ở trên thân gỗ. Hai con bị đám tuyết rất xốp đánh lừa, cùng ngã xuống cái hố sâu, và con cáo nhảy lên tầng hai của những cây thông đổ, bò lên tầng ba, rồi chạy trên thân gỗ đến nửa chừng, còn Họa Mi đứng được, nhưng rồi nó bị ngã xuống hố sâu. Nghe rõ tiếng người bổ củi không xa và có lẽ người ấy bình tĩnh ngắm nhìn, thấy cảnh tượng hai con vật lần lượt nhảy lên và ngã xuống.

Con người không thể đi qua theo lối chạy của thú được. Tôi đi vòng quanh rìa chỗ cháy, lòng buồn rầu vì tôi không thể chạy như chúng.

Tôi không gặp được những dấu chân chạy ra. Tôi bỗng nghe từ phía rừng Nhà nước một tiếng rú vang lên thảm thiết hồi lâu. Tôi chạy thẳng đến đấy, giúp cho chó săn. Tôi thở rất khó khăn, dù ở ngoài băng giá mà vẫn cảm thấy nóng nực, như ở trên đường xích đạo.

Tất cả những cố gắng của tôi té ra vô ích. Họa Mi tự nó khắc phục được và lại chạy đi xa hơn, tôi không còn nghe thấy nữa. Nhưng tôi thích và cần tìm hiểu xem vì sao nó đã rú lên hồi lâu thảm thiết thế. Một con đường lớn chạy ngang qua rừng Nhà nước. Tôi hiểu là con cáo đã chạy ra đến đường ấy, và chiếc xe trượt tuyết đã chạy qua ngay trên dấu chân mới tinh của nó. Có lẽ, cũng chiếc xe trượt ấy bây giờ quay trở về; chiếc xe trượt có tô điểm lộng lẫy, trong xe ông mối ngồi, mũi bôi son, râu ria trắng xóa như tuyết. Họ đi lấy rượu vang ư? Họa Mi chạy ra đường, đuổi theo con cáo. Nhưng đường không phải là rừng; trong rừng nó biết tất cả, biết giỏi hơn chúng ta nhiều nhờ tổ tiên chó sói của nó. Ở đây, đường được làm sau, và phải chăng con người có thể dạy được trong công việc rừng núi, như loài chó sói? Đối với Họa Mi đường thẳng của con người thật là khó hiểu và sự vô tận của những đường thẳng thật là đáng sợ. Nó thử chạy về phía kia, nơi từ đấy ông mối đã đánh xe đi lấy rượu; vừa chạy, nó vừa luôn luôn nhìn xem có dấu chân cáo không. Cứ thế nó chạy hồi lâu ở phía không đúng, và cuối cùng, sự vô tận của con đường làm nó

sợ, nó ngồi xuống cạnh lề đường và rú lên, gọi người đến khám phá bí mật của con đường, giúp nó. Tôi lúng túng mãi ở chỗ cháy lâu biết bao, còn nó thì cứ rú mãi!

Chắc là nó lao chạy hú họa sang phía khác. Ở một chỗ lề đường, nó nhận thấy dấu chân cáo còn chưa bị xóa, và lúc đó nó hơi yên tâm. Còn tiếp đó thì con cáo cố thử phóc về phía mà chẳng hiểu vì sao nó không thích và quay trở lại, do đó còn để lại trên tuyết một đường vòng cung nhỏ. Họa Mi cũng đi theo đường vòng cung, nhưng tiếp sau thì các dấu chân đều bị xóa sạch: vì đến đây thì xe của ông mối lại quay trở về sau khi lấy được rượu và đã xóa sạch những dấu chân của Họa Mi. Có thể là tôi không nhận thấy chỗ con cáo từ đường lao chạy vào bụi cây, nhưng Họa Mi đã phóng toàn bộ thân hình nặng nề của nó vào đấy và làm tuyết bị quấy lên. Còn tiếp đấy, tôi lại thấy, trên đường dẫn cây, cuộc vật lộn giữa cái chết và cái sống trong dấu chân của hai con vật và chúng phóng chạy rất nhanh, làm rơi những chiếc mũ tuyết trắng từ các gốc cây đen sẫm trên con đường ấy.

Chúng chạy theo đường thẳng không lâu — thú vật không thích đường thẳng, — chúng lại vào khu đất hoang, chạy từ quãng trống này đến quãng trống khác, từ khu rừng này đến khu rừng khác.

Tôi vui mừng nhận thấy ở một chỗ, con cáo mệt lử, toan ngồi lại và đã để lại ở đấy dấu của nó.

Và nếu bây giờ hỏi tôi thì tôi không thể nào nhớ được, thậm chí không thể tìm được chỗ mà cuối cùng tôi đuổi kịp con chó theo những vòng nhỏ. Một rừng thông cao, rồi lập tức đến khu bụi rậm nhỏ có những

quãng trống lớn. Ở đây, những dấu chân chạy ngang chạy dọc ở khắp nơi, có khi trên một quãng trống chạy đến mấy lần. Ở đây, tôi nghe tiếng con chó săn đang dồn sát: ở đây nó chạy vòng. Lúc đó, toàn bộ những dự đoán của tôi đã xong, bây giờ tôi không còn phán đoán theo dấu chân nữa, mà chính bản thân cũng tham gia, với tư cách một nhân vật thứ ba, đáng sợ nhất trong cuộc tranh đấu hăng say kia của hai con vật.

Bông tuyết bám nhiều trên bản ngắm của khẩu súng săn, tôi lấy ngón tay lau nó và thấy ngón tay buốt đau như bị bỏng, do đó tôi biết là băng giá hiện đang ác liệt. Cuối cùng, từ sau cây thông con, tôi thấy con cáo há mồm, chạy vào bụi rậm rừng thông non trong ánh nắng chiều xiên. Do băng giá dữ dội quá nên tuyết kêu lạo sạo to, nhưng giờ đây tôi không sợ tiếng kêu đó nữa, vì cáo không còn đủ sức để chạy nhanh hơn thêm những quãng xa nữa, ở đây nhất định thế nào tôi cũng sẽ gặp nó ở một trong những vòng nhỏ.

Con cáo dám đi ra quãng trống và chạy đến cây thông của tôi, ở ngoài rìa, lưỡi nó thè ra một bên, nhưng mắt nó vẫn như trước rất hằn học, giận dữ, ẩn giấu trong cái cười mỉm thường lệ của nó. Hai tay tôi buốt đau trong khi chờ đợi, nhưng dù chúng có hoàn toàn tê dại ở nòng súng thép đi nữa, thì con cáo kia cũng không thể nào thoát chết được! Nhưng Họa Mi, khi chạy tắt, bỗng thấy cáo trên quãng trống và lao đến. Cáo ngồi xuống đón chó, nhe những chiếc răng trắng hếu, nhọn hoắt và cả cái cười mỉm của nó nữa, nó quay lại ngay vào mõm con chó ngây ngô, nhưng dễ sợ. Nhiều lần Họa Mi đã bị những chiếc răng nhọn ấy cắn và phải nằm hằng tuần. Chó không

thể ngoạm cáo được, nó chỉ tóm được khi nào cáo lao chạy mà thôi. Nhưng cái đó không phải đã hết. Con cáo còn đánh lừa, chỉ cho con chó phía giả nữa bằng cách vẫy cái đuôi tuyệt đẹp của nó và một lần nữa lại chui vào rừng thông non um tùm, và ở đây thì trời đã sắp nhá nhem tối rồi.

Họa Mi gào thét. Hai con vật thở, châu mõm vào nhau. Cả hai con đều bị tuyết giá bám trắng xóa và hơi thở của chúng lập tức đông lại thành những tinh thể.

Tôi khó khăn mới len lén đến gần trên tuyết kêu lạo sạo ấy: tuyết như thế thì chắc là băng giá ác liệt lắm! Nhưng bây giờ, con cáo chẳng còn nghe gì được nữa: nó cứ nhe mãi những chiếc răng nhọn hoắt qua cái cười mỉm của nó. Không được để cho cả Họa Mi thấy tôi, vì nếu thấy thì nó lao đến ngay và lỡ ra con cáo cắn trúng vào cuống họng nó thì sao?

Nhưng tôi bí mật nhìn từ dưới cành thông lòa xòa, và bây giờ từ tôi đến nó không còn xa nữa.

Tia nắng cuối cùng của mặt trời mùa đông thoáng rọi trên những cây thông cao, những thân cây đỏ choạch rực sáng lên trong nháy mắt và toàn bộ lễ giáng sinh huy hoàng vụt tắt, và không ai nói bằng một giọng hiền lành, dịu dàng:

— Hỡi thú vật thân yêu, hòa bình cho các con!

Lúc đó, bỗng có một tiếng răng rắc, dường như chính ông cụ bạch tuyết đập vỡ hạt hồ đào to lớn, tiếng ấy không kém gì phát súng bắn trong rừng.

Bỗng mọi cái xáo trộn lung tung, trong không thấp thoáng cái đuôi tuyệt đẹp, và Họa Mi lao vút xa về phía không đúng. Tiếp theo ông cụ bạch tuyết, cũng một

tiếng như thế, chỉ có khác là không tròn trĩnh, mà thẳng thừng ngân vang, phát súng của tôi vang lên.

Con cáo giả vờ chết, nhưng tôi thấy tai của nó cụp lại. Họa Mi lao đến. Con cáo cắn vào má chó, nhưng tôi lấy thanh gỗ khô gỡ nó ra, và con chó cắn vào lưng cáo, và tôi giẫm giày ủng dạ lên cổ nó và đâm dao găm vào tim nó. Nó chết, nhưng răng vẫn bám chặt ở ủng. Tôi lấy nòng súng cạy răng ra.

Mỗi lần tỉnh lại sau cuộc săn đuổi say sưa bao giờ tôi cũng thấy xấu hổ, khi vắt con thỏ rừng đã mềm nhũn lên vai. Nhưng con cáo xinh đẹp kia, dù đã bị chúng tôi giết rồi, vẫn không làm dịu lòng hăng say săn bắn của chúng tôi, và nếu vứt con cáo đã chết ấy cho Họa Mi thì nó còn giày vò hồi lâu nữa.

Và chúng tôi đã đón hoàng hôn trong rừng như thế.

GIỮA LÒNG MÙA ĐÔNG

Tôi đến ở trên núi bên bờ một cái hồ lớn nhất ở miền trung nước Nga trong một ngôi nhà trống trải mà những người mê tín nói rất nhiều về yêu quỷ canh giữ kho châu báu, dường như được giấu ở trên núi ấy. Tôi định chỉ ở đây trong mùa hè thôi, nhưng kết quả lại khác ý định của tôi: những nhà địa lý đến đây để nghiên cứu hồ này, những con người lạ lùng thế nào ấy, đã rủ rê tôi sống ở đây quanh năm.

Như tôi nhận xét thì những nhà địa lý bao giờ cũng là những con người lạ lùng cả, dù sao đi nữa cũng không phải là những người như chúng ta. Chúng ta tổ chức cuộc sống của mình một cách

dường như trái đất bất động và bằng phẳng, còn những nhà địa lý sống trên trái đất, như trên tàu thủy, họ phóng nhanh quanh mặt trời, và tất nhiên, họ hình dung cuộc sống chúng ta một cách khác...

Và tất cả những thanh niên của đoàn khảo sát ấy đều rất lạ lùng, chỉ có người phụ trách của họ — một giáo sư đứng tuổi, mái tóc hoa răm, một con người rất khỏe mạnh, dẻo dai, — có vẻ hoàn toàn không giống một nhà địa lý: một con người vui vẻ, bình thường. Tôi và ông ta đã thỏa thuận với nhau tổ chức trạm địa lý trong ngôi nhà này, và tôi đồng ý lúc đầu nhận làm người quan sát và quản trị hành chính. Trước khi ra đi, sinh viên đưa tất cả các dụng cụ, máy móc về địa lý, rất nhiều, vào phòng tôi, giáo sư hứa rằng một tuần sau nhất định ông sẽ quay trở lại với giấy tờ quyết định tôi làm những việc trên, sẽ cho những chỉ thị để quan sát và dạy cách sử dụng các máy móc. Việc ấy xảy ra hồi tháng bảy, còn bây giờ thì đang mùa đông, mà giáo sư vẫn không đến. Dụng cụ nằm trong góc phòng, bụi bám đầy, chẳng ai sử dụng cả. Té ra, giáo sư, cũng như tất cả những nhà địa lý, là một con người lạ lùng thật...

Trong khi chờ đợi giáo sư, tôi bắt đầu tiến hành quan sát theo cách của mình. Tôi nghĩ rằng, nếu tôi quan tâm đến địa lý chỉ với mục đích gây cho mình cảm giác của cuộc sống là sự vận động, dù tôi sẽ quan sát theo phương pháp khoa học chính xác hay là theo sự hiểu biết của bản thân tôi về những sự thay đổi hằng ngày của mặt trời, mặt trăng, hồ, nói chung của phong cảnh và đời sống con người gần gũi thiên nhiên, thì cũng thế thôi. Vì khi quan

sát như thế, nhất định sẽ có kết quả là hôm nay không như hôm qua, và ngày mai tôi cũng sẽ nhận xét được giai đoạn mới trong vận động của hành tinh chúng ta. Tôi bắt đầu sáng tạo ra những phương pháp quan sát của mình, học cách nêu lên những nhận xét đúng đắn và rõ ràng của những ngày qua. Trong vài tuần lễ, tôi nhầm lẫn, đấu tranh với bản thân, — như thường xảy ra khi bắt đầu một công việc mới mẻ, — nhưng dần dần công việc đi vào nền nếp, và tôi cảm thấy hình như tôi đi du lịch, còn chiếc tàu thủy của tôi là hành tinh Trái đất.

Tôi ghi chép mọi chi tiết vặt vạnh mà tôi thấy, nhưng những cái đó hôm nay là không đáng kể, thì ngày mai, khi so sánh với những chi tiết vặt vạnh khác, chúng sẽ cho thấy cảnh tượng vận động của hành tinh. Hôm qua, cuộc sống sôi nổi ở trong mô kiến đất, — hôm nay, kiến đã chui sâu vào quốc gia của chúng, và chúng tôi ngồi nghỉ trong rừng trên mô kiến đất, tựa hồ như trên ghế bành mềm mại. Đêm hôm qua, chúng tôi đi xe trượt ở rìa hồ, nơi nước đã đóng băng, và nghe từ phía chưa đóng băng đàn thiên nga trò chuyện với nhau trong bầu không khí băng giá yên lặng như tờ, — chúng tôi cảm thấy đàn thiên nga có vẻ như là những sinh vật có lý trí, và chúng đã có một cuộc hội họp gì đấy quan trọng. Hôm nay, đàn thiên nga đã bay đi rồi, chúng tôi đã đoán ra cuộc hội họp thiên nga chính là để bàn định về chuyến bay đi. Tôi ghi chép hằng nghìn chi tiết cảm động gắn liền với cuộc chu du của hành tinh chúng ta tự quay quanh mặt trời: cả nước đen ngòm đầy những thỏi băng nhọn như kim rào rạt

vỗ vào rìa hồ đóng băng, cả những mảnh băng lấp lánh trong ngày nắng, cả những con chim mòng đã nhầm tưởng đó là cá, cả một bận ban đêm, trong bầu không khí yên lặng, tiếng rào rạt của hồ đã ngừng hẳn và chỉ có đường dây điện thoại reo vang trên đồng bằng hoang vắng, nơi ngày hôm qua cuộc sống rất phức tạp sôi nổi.

Bây giờ, tôi không hối tiếc là đã ở lại sống qua mùa đông trong ngôi nhà này, và cũng không hờn giận nhà địa lý lắm, vì ông ta đã không dạy cho tôi biết cách sử dụng máy móc. Không phải ai cũng sắm riêng được những máy móc đắt tiền ấy, nhưng cách của tôi thì ai cũng có thể làm được: tôi khai phá con đường cho nhiều người tản mát trên thảo nguyên, trong rừng núi, trên hoang mạc của đất nước bao la, những con người được giáo dục ở chỗ bằng phẳng, trong sự bất động, bị thiệt thòi vì nhãn quan chật hẹp của mình... Tôi chỉ để chừng mươi phút trong ngày để nhận xét những đặc điểm trong ngày qua, và sau vài tháng tôi có được cả một cảnh tượng mới mẻ của vận động đời sống và cảnh tượng đó là duy nhất, vì cuộc sống không lặp lại, cuộc du lịch của chúng ta quanh mặt trời mỗi năm lại được thực hiện một cách khác.

Trước rạng đông, đôi khi băng giá sinh ra, hướng và sức gió được xác định, và vì thế, nếu muốn hiểu ngày sẽ như thế nào, thì nhất thiết phải ra khỏi nhà và quan sát thời gian trước lúc rạng đông. Từ nhà tôi đến bờ dựng đứng trên hồ chừng hai mươi bước thôi, tôi đứng ở đấy quan sát, xem một cành con mỏng manh của cây hoàn diệp liễu chuyển chỗ trên đĩa trăng tròn,

cành thứ hai đi qua, cành thứ ba; cây hoàn diệp liễu non ấy, giống như bộ lông tơ của đất đai mà tôi ẩn nấp trong đó, còn những cành con, những sợi lông tơ riêng lẻ, khi đi qua đĩa trăng tròn làm cho tôi nhận rõ sự vận động của hành tinh — thí nghiệm yêu thích của tôi ấy có lẽ là duy nhất, cho phép bằng mắt thấy được sự vận động... Đứng trên đồi cao ấy, trong thời gian trước lúc trời sáng, lặng lẽ như tờ, thì rất dễ lãng quên, không còn nhớ gì đến ý niệm sai lầm có từ thời thơ ấu về cuộc sống ở trên một chỗ bằng phẳng bất động và cảm thấy mình là người hành khách của chiếc tàu thủy đồ sộ trên điểm của nó được quy định bởi kinh tuyến và vĩ tuyến. Phải rồi, bây giờ tôi là hành khách, nhưng một thời gian lâu sẽ trôi qua, và chính linh hồn riêng của tôi sẽ nhập vào người khác, sau một nghìn thế hệ sẽ đưa chiếc tàu thủy ấy khỏi mặt trời đang tàn lụi đến một thiên thể nào đấy nóng bỏng hơn...

Một cơn gió mạnh thổi lên, lay động những cây hoàn diệp liễu và làm rối tung sự vận động trông thấy được. Nhưng thấy hay không thấy cũng thế thôi, trái đất vẫn lao nhanh trong không gian. Gió mỗi lúc một mạnh hơn. Các cây bắt đầu gõ vang những cành băng giá vào nhau. Lúc rạng đông, cứ mười phút nhiệt độ xuống nửa độ, và bây giờ đứng ở trên vị trí chỉ huy của người thuyền trưởng tương lai của trái đất thì không thể chịu nổi nữa rồi: mười lăm độ âm trong gió mạnh. Rạng đông bắt đầu trong những vệt giống như lưỡi kiếm đỏ rực.

Tôi vội vã chạy về nhà trong năm phút để đặt ấm xamôva, và khi quay trở lại thì những lưỡi kiếm

không còn nữa, mặt trời đã bị phủ kín, và trên khắp mặt hồ một làn khói mờ mờ của cơn bão tuyết lan ra, làm lộ băng đen ngòm ở đôi chỗ. Khi những dấu chân đêm của thú còn chưa bị xóa sạch, tôi vội vã đi thanh gỗ trượt tuyết để kiểm tra con chó sói đang rình chó săn của tôi, và chẳng bao lâu tôi tìm thấy trong bụi những dấu chân của nó mà tôi rất quen, và cả con cáo cũng đã ở đây, hai con sói và cáo đã đến mộ con chó của tôi và quẫy vọc những xương đã bị gặm hết thịt. Tôi đoán là con chó sói này rất già, vì bao giờ nó cũng đi riêng tách khỏi đàn. Chó sói có cái lệ thế này: nếu con nào già, răng kém và không bắt mồi được như những con còn tơ, thì đi kiếm ăn riêng lẻ. Chó sói già như thế chủ yếu bắt chó và vì thế những người đi săn gọi là *sói bắt chó*. Vì con sói bắt chó chết tiệt ấy mà cứ mỗi lần Họa Mi của tôi đuổi theo cáo xa và tôi không nghe tiếng nó thì tôi lo sợ. Tôi xem kỹ dấu chân và nói: «Liệu hồn đấy, ông bạn ạ, coi chừng tay tao, tao sẽ cho mày nếm đạn». Dấu chân đi từ mương xói mọc đầy nham lê đỏ đến cánh đồng, còn ở cánh đồng thì gió thổi dồn tuyết lên dấu chân một cách thật kỳ lạ đến nỗi dấu chân nổi lên, từ xa trông rõ những cục nhô với hình dạng ngón chân và vuốt, như đúc bằng thạch cao. Tôi đi theo những dấu chân ấy một lúc, nhưng cơn bão tuyết khó tính kia bỗng hình như không muốn tôi khám phá được bí mật của loài thú, nên đã hoàn toàn xóa sạch đi.

Trên đường trở về, tôi nhớ lại dấu chân cáo và tôi thử đi vòng quanh những dấu ấy một cách may rủi: trong khi bão tuyết, cáo nằm trong mương xói

này thì rất tiện. Tôi đi theo đường vòng, đếm những dấu chân đi vào và những dấu chân đi ra, và đến bước cuối cùng khép kín đầu vòng thì tôi không biết nó đang nằm đấy hay dã đi nơi khác rồi. Cuối cùng, ở giữa tôi và dấu chân bắt đầu là một bụi đỗ tùng rậm rì, và ở đây trống ngực tôi bắt đầu đập thình thịch, tôi đi vòng bụi cây: không có dấu chân đi ra, vòng khép kín. Và tôi biết được bí mật quan trọng của vùng gần nhà tôi: ở chỗ nhỏ này kẻ thù đáng sợ của những con gà lôi và gà gô của tôi đang ngủ.

Bây giờ, khi mọi việc đã xong rồi, thì tôi biết rất rõ lịch sử những chuyến đi ăn đêm của nó. Hôm qua, khi trời nhá nhem tối, nó đã rình bắt gà lôi mà mùa hè vừa qua tôi không bắn, cố ý giữ gìn chúng để đến mùa xuân từ bậc thềm nhà nghe được tiếng gọi mái của chúng. Ở đây có sáu con cả thảy: hai con mái xám và bốn con trống có lông mày đỏ tía và lông đuôi uốn cong. Tuyết đã cao đến mức chúng có thể mổ được ở bên dưới cành đỗ tùng, chúng đi lang thang ở đây suốt ngày và đã để lại trên tuyết những chuỗi dấu chân tuyệt đẹp của chúng khắp nơi giữa các bụi cây. Gần tối, chúng đào trong tuyết ở ngay đấy, mỗi con làm trong đống tuyết một phòng con rất tốt với những cửa sổ bé tí ở bên trên để thở. Chắc là khi trời còn nhá nhem tối, con cáo đã lần theo những chuỗi dấu chân ấy đến chỗ ngủ và tóm cổ một con gà trống. Nhiều lông còn lại trên tuyết, và một quãng xa vẫn thấy những giọt máu nhỏ. Con cáo ăn no nê rồi, nằm khoanh tròn trên mô rêu to rộng, như mặt bàn, dưới tuyết, như dưới khăn trải

bàn. Nó no lắm và không đi kiếm ăn buổi sáng, nhưng chủ yếu là do cơn bão tuyết đã lưu nó lại đây.

Cáo nằm ngủ và không nghe, không biết rằng người ta đang có âm mưu giết nó. Hai người đi săn hội ý với nhau, thì thầm bàn cãi và cuối cùng, họ quyết định lợi dụng gió to để thắt nhỏ vòng vây một tí nữa. Họ đã làm được như thế, bây giờ họ lấy mỗi người một cuộn dây và treo dây có cờ đỏ quanh vòng vây trên các bụi cây, họ đi các phía khác nhau để lại sau lưng một vòng ma thuật, gặp nhau và vui mừng: con cáo đã bị vây trong vòng cờ rồi, và như thế thì dù sao đi nữa cũng coi như đã bắt được.

Nếu muốn thì có thể giữ nó trên ba ngày trong vòng cờ ấy, vì nó là một con thú quá ư ranh mãnh, nhưng nó lại không có mảy may lý trí của con người, chẳng nói gì của con người, thậm chí của mèo rừng, thậm chí của con gấu nó cũng không có, để coi thường mọi âm mưu của người đi săn và chạy vượt qua vòng vây.

Đối diện một cây thông nhỏ, nhưng rất rậm, sau đó rất dễ lẩn tránh, những người đi săn gỡ một đoạn dây cờ và để một cửa đi ra nhỏ. Một người cầm súng đã lên đạn ngồi nấp sau cây thông, anh ta có những viên đạn loại nhất và mỗi viên có hai mươi bốn hòn đạn chì được đổ sáp để khi bắn đạn tập trung lại. Một người đi vòng từ phía đối diện, khe khẽ tiến lên, bước theo dấu chân đi vào — khi thì huýt nho nhỏ, khi thì bẻ gãy cành cây đã đông cứng lại.

Con cáo còn ngủ, còn chưa biết là quanh nó một vòng vây cờ đỏ đã khép chặt chỉ còn một lối ra duy

nhất qua cửa con tận số. Nhưng ngay cả khi ngủ, cáo cũng rất thính tai. Có cái gì huýt. Nó ngóc đầu dậy. Cành cây gãy. Nó đứng lên. Nó còn nghe gì đấy nữa. Nó khe khẽ đi, đi nữa, đi mãi...

— Hãy gượm, cờ...

Nó đi lui, nó chạy lúc thúc...

— Hãy gượm, cờ...

Nó ngồi xuống. Lắng tai nghe, rất gần có tiếng cành cây gãy răng rắc. Nó chạy lúc thúc thẳng đến cửa con tận số ấy...

Nguy rồi. Không tài nào thoát được nữa rồi: trên mặt đồng hồ hai chiếc kim có thể mắc vướng vào nhau, chứ đầu ruồi đen ngòm đã chĩa vào cái hông vàng hung hung kia thì không thể nào trượt được...

Trong nghề săn bắn có loại theo quy tắc, cũng có loại theo tình cờ. Tôi đi săn phần lớn là theo quy tắc, còn sống thì theo tình cờ: chẳng biết vì sao mãi tôi không thu xếp được cuộc sống của mình, mãi tôi thấy tiếc thì giờ bỏ phí vào những việc nhỏ mọn, cuộc sống thật là ngắn ngủi... Có thể nào một con người chín chắn đãng trí đến nỗi đã vào giữa mùa đông rồi, mà vẫn không dự trữ củi đốt và không để dành tiền đến nỗi túi tiền chỉ còn vẻn vẹn mười sáu côpêch. Nhưng tôi sống theo tình cờ không phải chỉ một năm và trong suốt thời gian ấy tôi hiểu rằng phải xử sự như thế nào để những sự tình cờ được lặp lại: bao giờ cũng phải đón chúng với bộ mặt vui tươi... Tôi biết là chẳng dễ dàng gì được vui tươi, khi trong lòng thấy nao nao lo lắng; nhưng làm sao được, nếu không thể sống theo quy tắc. Chẳng hạn, bó củi cuối cùng

của tôi đã cháy hết, mà tôi thì đi bắn, trở về với con cáo. Người nào đấy thấy tôi xách con cáo, thế là tiếng đồn đến tai *những người bắt mèo lấy bì*, và chúng tôi chưa kịp lột bì con cáo xong thì một người đến mua con cáo của tôi và đưa cho hai thước rưỡi củi bạch dương. Tôi nhờ người bắt mèo lấy bì về nói lại với một người bạn đi săn của tôi, bác Mikhây, xin bác chở củi khô đến cho tôi càng nhanh càng tốt.

Trong suốt đêm hôm ấy, bão tuyết điên cuồng dữ dội làm ngôi nhà tôi lạnh buốt. Trước lúc rạng đông, tôi đã ra ngoài để quan sát và trở về ngay, — chẳng quan sát được gì cả, chung quanh chỉ nghe tiếng gió bão rú rít, tuyết bay túi bụi từ trên xuống, từ dưới lên, lập tức làm lạnh buốt thấu xương. Trong khi đó, chắc là bác Mikhây đã ăn no, mặc ấm và đánh xe vào rừng lấy củi. Bác chưa hề gặp trường hợp tình cờ nào mà bắn một phát lại được hai thước rưỡi củi khô cả, vì bác không đãng trí, bác sống theo quy tắc, bác chuẩn bị củi trong rừng ngay từ mùa hè cơ. Bác bán củi để sống, nhưng biết rằng công việc của bác lớn lao, quan trọng đối với mọi người, và nếu bác ăn một miếng, thì biết rằng miếng khác của bác người ta ăn... Củi khô ráo mà bác đã dự trữ thì bán đi, còn bác sưởi bằng củi ẩm ướt, vì thế trong nhà bác bao giờ cũng lạnh. Chỉ có thể nằm trên lò sưởi, mà ở đấy thì chỉ đủ chỗ cho vợ và lũ con nhỏ, còn bác Mikhây thì ngủ trong lò sưởi*. Nhưng do

---

* Lò sưởi Nga rất rộng, không những trên lò sưởi nằm được, mà cả trong lò đôi khi cũng có thể nằm được. — *ND.*

đó tôi không thể hiểu được cuộc sống theo quy tắc ấy ở trong lò sưởi và tôi sống theo tình cờ, cố gắng không làm phiền người khác trong điều kiện có thể...

Lúc rạng đông, gió còn thổi tuyết nhưng yếu hơn, chỉ ở mũi thấy buồn, thanh gỗ trượt ngập sâu trong tuyết đến gần hai gang tay, từ một bên tôi nhìn ngôi nhà và ngạc nhiên: đó không phải là ngôi nhà, mà là chiếc tàu «Fram*» của Nanxen ở trên vùng cực, bị tuyết phủ đầy, bị băng giá ép chặt, còn chung quanh chỉ là đại dương trắng xóa cuồn cuộn dao động; xa xa chung quanh không một ngôi nhà nào, không một dấu chân người nào, và thậm chí tất cả mọi dấu chân thú đều hoàn toàn bị phủ lấp hết. Tất nhiên, hôm nay bà cụ từ làng sẽ không mang sữa đến. Và chắc là bác Mikhây lúc đầu thương hại con ngựa quý của mình và có lẽ cả bản thân nữa. Thế thì làm thế nào đây? Tôi mặc áo, thắt đai, cầm rìu, đi vào rừng để tự mình kéo củi tươi về nhà vậy... Trong các bụi đỗ tùng, tuyết dồn đến thành những đống không cân đối, chóp nhọn, giống những đụn cát, tôi ngã xuống trong một đống tuyết ngập đến cổ, giãy giụa, buốt đau cả tay. Còn khi tôi đang vùng vẫy trong tuyết, thì bỗng thấy trắng xóa từ mặt đất đến bầu trời. Có cảm giác hình như người đi săn trắng xóa đang bủa vây tôi bằng sợi dây của ông ta...

Trong cơn bão tuyết, mọi vật được phóng đại

---

* Tên chiếc tàu thủy Na-uy đã thực hiện những chuyến đi thám hiểm đến Bắc cực (1893—1896 và 1898—1902) và Nam cực (1909—1912). — *ND.*

lên một cách kỳ lạ. Tôi cảm thấy bụi cây hình như là một bức thành của rừng cao, và từ đó bỗng một con thú, nhảy ra, con thú cao bằng nửa rừng, có hai tai dài chừng bảy tấc. Con thú lao thẳng đến tôi, tôi huơ chiếc rìu lên để tự vệ, nhưng đối với con thỏ rừng thì tôi đáng sợ hơn nhiều, và nó lập tức chạy tránh. Tiếp sau nó, hiện ra cả cái đã đuổi nó chạy, cái tháp cao gì đấy, từ trong đó bác Mikhây đi ra và nói với tôi về con thỏ bằng một giọng bình thường:

— Giá tôi có cái gậy ở tay thì tôi đã đánh chết con quỷ ấy rồi.

Thực ra, bác đã dùng gậy giết được thỏ nhiều hơn dùng súng.

— Này, bác Mikhây, thế còn củi thì sao?

— Tôi đã đổ rồi.

Bác không thể chở đến nơi và đổ ở đâu đấy không xa trên cánh đồng. Chúng tôi sẽ chuyển củi trên xe trượt tuyết và lập tức đốt lò sưởi. Từ tất cả những ống khói chiếc «Fram» của tôi, khói trắng phun ra, nhưng nó biến ngay lập tức, như khói thuốc lá, hòa lẫn vào màu trắng xóa từ mặt đất đến bầu trời.

Khi trong phòng đã hơi ấm, tôi ghi chép những quan sát của tôi về mùa đông: những cái gì trắng xóa tuyệt đẹp cho đến bây giờ mọi người gọi là mùa đông, tôi chỉ coi đó là cơn tuyết đầu mùa lớn, còn giữa lòng mùa đông thì bây giờ chúng ta mới bắt đầu vào. Trong lòng mùa đông, tôi vẫn cảm thấy hình như người đi săn đang bủa vây chúng ta và chỉ để lại cho mỗi người những cửa con tận số không thể nào thoát được.

Thế thì làm sao?

Thay vào lòng thương ấm áp đối với con người trước kia, là lòng cương quyết khắc nghiệt, như mùa đông, để đấu tranh cho cuộc sống.

Củi đang hừng hực cháy.

LỄ ĐÔNG CHÍ

Bao nhiêu bông tuyết trắng tinh từ trời rơi xuống trong mùa đông ấy thì bấy nhiêu — chứ không ít hơn! — lời chửi rủa thốt ra từ mồm ông nông dân đánh xe chở gỗ tốt làm nhà từ giữa Pêrêxlap-Sau Rừng đến ga Bêrenđêêvô. Tuyết càng rơi xuống nhiều chừng nào, người ta càng chửi nhau nhiều chừng ấy, vì khi hai chiếc xe gặp nhau thì ai cũng muốn làm cho không phải con ngựa của mình, mà con ngựa của người bên cạnh, chui vào trong tuyết ngập đến cổ.

Khi tôi cảm thấy trong lòng vui vẻ, tôi không hề để ý gì đến việc chửi bới nhau trong đoàn xe cả, mà chỉ đo chiều dày của tuyết, chiều dày của băng trên hồ, ghi chép mọi hiện tượng mới mẽ trong cuộc sống của thiên nhiên và vui mừng kết luận về sự vận động của trái đất; và lúc đó tôi cảm thấy dường như tôi du lịch quanh mặt trời và chiếc tàu thủy của tôi là Trái đất. Hằng ngày tôi ghi chép những nhận xét mới và rèn luyện mình quan tâm đến sự vận động thường xuyên của cuộc sống trôi qua và không bao giờ quay trở lại dưới hình thức cũ ấy nữa.

Nhưng nếu xảy ra chuyện gì khó chịu trong căn buồng tàu thủy của tôi hoặc là tôi bị ốm đến nỗi không thể ngắm nhìn những bông tuyết sa từ trên

trời xuống được, thì tôi chỉ nghe tiếng chửi trong đoàn xe và nhận xét, khi tiếng chửi ấy tăng lên thì tôi cũng kết luận về mức độ dày thêm của lớp tuyết phủ làm trở ngại những ông nông dân đánh xe ngựa, tức là cũng kết luận về sự vận động thường xuyên của hành tinh: dù nhìn vào đâu — trên bầu trời hay trên mặt đất, — thì cũng thế thôi, chúng ta vẫn vận động...

Tất cả chúng ta đều được giáo dục ý thức đời sống ở một chỗ bằng phẳng và trong sự bất động, trong cuộc sống bình thường của mình, mà không cân nhắc đến sự bay vút nhanh chóng ghê gớm của hành tinh chúng ta. Những kiến thức địa lý thu nhận ở trường học thì chúng ta vứt đi, như là những thứ chẳng có giá trị lao động gì hết trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Tôi suy nghĩ mãi về điều đó, và đôi khi tôi cũng cảm thấy rằng công việc của tôi để tính toán và nhận xét mỗi một lúc vận động của hành tinh sẽ có ý nghĩa to lớn, nếu tôi phát hiện được nó cho con người được giáo dục bởi cuộc sống ở chỗ bằng phẳng. Cuộc du lịch của tôi trên Trái đất sẽ mang tên Quanh Năm.

Bà giáo có con trai nhỏ từ làng *đỡ đầu* đã gửi cho tôi tờ báo «Tin tức». Tôi nói với cậu bé:

— Ngày mai lễ gì?

— Lễ xô-viết, — cậu bé đáp.

— Lễ giáng sinh, — tôi nói, — lễ Thiên chúa giáo, có liên quan gì đến xô-viết?

— Thì sao...

— Sao lại «thì sao!» Ở làng cháu người ta sẽ làm lễ chứ?

— Không! Họ không muốn làm lễ giáng sinh của chúng ta, nên chúng ta cũng không làm lễ của họ.

— Này cháu, thế *họ* là ai?

Tôi kể cho cậu bé về sự vận động của trái đất chung quanh mặt trời, về lễ Đông chí vĩ đại sắp đến ngày mai, ngày lễ đó có nghĩa là tăng thêm ánh sáng và có thể tăng thêm cả lý trí nữa. Té ra là cậu bé đã được nghe tất cả những điều đó ở trường rồi, và nghe địa lý một lần nữa thì cậu ta rất thích: cứ để cho Trái đất bay và ánh sáng tăng thêm, dù thế nào họ cũng sẽ vui chơi.

«Nó nói đúng! — tôi nghĩ thế. — Phải làm cho địa lý học trở thành một môn vui vẻ, giải trí, và lúc đó thì chúng ta nhất định thắng».

Sau câu chuyện đó, tôi ghi chép lại để nhớ rằng nhất định tôi phải mô tả thật vui vẻ cuộc du lịch vòng quanh mặt trời của mình.

Ban đêm có bão tuyết, vài lần tôi đi ra ngoài sân — bão tuyết vẫn tiếp tục, tiếp tục mãi. Có lẽ, ngày mai, chẳng thể nào nghĩ đến việc bủa vây chó sói được. Nhưng đã xảy ra như thế này: một đôi chó sói rất to và khỏe mải ăn mồi do chúng tôi dử, nên đã bị lưu lại đến lúc trời sáng. Lúc trời mới bắt đầu rạng đông, có người nào đấy làm chúng sợ, chúng đi ra hồ và ngồi ngẫm nghĩ bây giờ phải đi đâu. Đội trưởng đội săn chó sói của chúng tôi, ông khổng lồ Fêđia, cùng với ông đội phó, thủ quỹ ở sở tài chính, Đmitơri Nicôlaêvich ngồi trong bụi nhìn xem chúng, và khi hai con chó sói đi về phía mà họ không muốn, thì họ nhảy lên, dồn và đuổi chúng đi vào rừng chúng tôi. Những con chó sói ăn no rồi, không đi lâu và

chúng nằm cách làng không xa, ở phía sau nghĩa địa bò.

Tôi đi với Fêđia trên tuyết sâu đến vòng vây. Vì vội vã đi theo bước chân ông ta, nên tôi mệt lử đến nỗi ngã phịch xuống, mồm đớp tuyết, như con chó, và thấy hơi trong người bốc ra; còn ông khổng lồ đi đến, quở trách là nhát gan và còn lấy thanh gỗ trượt tuyết nện cho nữa. Tôi không đi với ông đến vòng vây nữa và đứng ngay vào chỗ những người có nhiệm vụ bắn.

Ngày hôm đó tôi không hề nghĩ đến việc săn bắn, thế mà bỗng nhiên, có người đánh xe đến tìm tôi:

— Chó sói bị cắm cờ rồi!

Thế nghĩa là người ta đã treo cờ theo vòng vây, và chó sói ngồi trong vòng tận số đợi những người bắn. Nếu người ta nói với người đi săn «chó sói bị cắm cờ rồi», thì anh ta bỏ tất cả và hối hả đi ngay, vì ngày rất ngắn. Không đâu có ngựa cả, ngựa đi chở gỗ cả rồi, một cậu bé đến tìm tôi ngồi trên xe trượt nhỏ hầu như của trẻ con, do một con ngựa con kéo. Nhưng chúng tôi đi nhanh dù với ngựa con ấy, cho đến khi đoàn xe đi ngược chiều chúng tôi hắt mạnh chúng tôi vào biển tuyết và ở trong đó chúng tôi nhường đường cho xe tải đi qua, chúng tôi coi chiếc xe tải ấy dài đến một cây số. Nhường xe tải này xong rồi, chúng tôi lại gặp xe tải khác và lại tính những cây số. Mà ngày thì rõ ràng đã xế chiều rồi. Đó là một trở ngại chủ yếu nhất trong việc săn bắn chó sói — ngày ngắn, do đó vòng vây thường thất bại. Nhưng khi đến làng, trời còn đang sáng tỏ, chỉ

còn phải đi thêm một cây số đến đầm lầy và lần này sẽ không có xe tải đi ngược chiều nữa.

Và ở trong làng, khi thấy chúng tôi vội vã như thế, thì ông chủ con ngựa con bảo chúng tôi:

— Hãy leo ra!

— Sao?

— Chúng tôi chỉ thỏa thuận đi đến làng thôi.

Trong cuộc đấu tranh với *loài địa chủ xám* thường xuyên xảy ra như thế; vào mùa đông, khi đàn súc vật đang ở trong chuồng, thì nông dân thọc gậy bánh xe người đi săn, còn vào mùa hè khi không thể nào bắn chó sói được, và hằng ngày nó ăn thịt gia súc thì mọi người đều kêu gào đến cứu giúp. Chúng tôi đã quen với cái thói ấy rồi và bình tĩnh đưa thêm cho chủ con ngựa con một, hai và cuối cùng ba rúp, thì ông mới chịu. Bao giờ giết được chó sói rồi thì Fêđia sẽ trả cho lão chủ ấy bằng cách nện thanh gỗ trượt tuyết vào mông đít, còn chung quanh mọi người sẽ cười vang và nói theo: «Fêđia, đánh nữa, đánh nữa đi, đánh thằng đểu ấy!»

Một phút sau, thoát được khỏi tay chủ ngựa, chúng tôi đánh xe chạy liền một mạch. Một người đứng chờ chúng tôi ở ngã ba đường rừng và vẫy tay. Chúng tôi để xe trượt lại, đi đến gần, anh ta thì thầm:

— Nhanh lên, nhanh lên nào, mọi người đang chờ!

Bây giờ thì không được hút thuốc nữa rồi. Mà để khỏi phải húng hắng ho, (thường hay thế, khi đang hút mà bỏ) thì phải ngậm cục đường trong miệng. Ở các đội khác giàu hơn người ta phạt tiền

người nào ho, nhưng ở đội chúng tôi thì không ai bị mất tiền gì cả, thế mà mọi người chúng tôi đều sợ hết vía, vì người nào ho thì Fêđia đánh: ở đội chúng tôi phạt theo lối hiện vật.

Vì vội vã, chúng tôi quên lấy thanh gỗ trượt tuyết, mà hối hả đi trên tuyết sâu nên chỉ sau vài phút đã thở hồng hộc rồi và tim đập thình thịch đến nỗi trong rừng nghe rõ tiếng vang của tim và trong tai ù ù tiếng chuông.

Cậu thanh niên đi với tôi trông thấy những lá cờ đầu tiên, liền chạy đến. Và thật khó mà không xúc động, khi thấy những dấu vết ấy của công việc bí ẩn trong rừng. Mà cờ của Fêđia thì thật lạ thường: đều đặn, sặc sỡ, trông chẳng khác gì những ngọn đèn.

Chúng tôi đi khoảng một cây số theo đường cờ, đi qua những dấu chân chó sói nhảy vào và ở đấy chúng tôi thấy một *người lặng thinh*. Việc của anh ta là lặng thinh, và nghe *người kêu*, và nếu chó sói xông đến đây thì dồn nó đến chỗ người bắn, vì những con chó sói hoảng sợ có khi nhảy qua đường cờ để chạy trốn. Người lặng thinh có thể khoái trá chẳng kém gì người bắn: anh ta dồn chó sói và sau đó thì nghe phát súng nổ vang.

Những lá cờ sắp hết. Chúng tôi đã đi đến cổng con tận số mà hai con chó sói sẽ phải đi qua. Ở đây, cạnh cổng con, ông thủ quỹ sở tài chính, Đmitơri Nicôlaêvich, đã đào một cái hố trong tuyết, cắm thông con quanh mình, và trên chỗ phục kích chỉ trông thấy cái mũ của ông buộc bằng chiếc khăn trắng mà thôi. Cách một trăm bước, cũng một chỗ phục kích như

thể của Fêđia. Ông khổng lồ đứng lên, tháo cờ cho chúng tôi, lấy trong bao da ra một cái cưa nhỏ và trong nháy mắt làm những chỗ phục kích mới cho chúng tôi. Tôi cảm thấy hình như cả cái cưa này cũng do ông ta tự làm lấy để cưa không kêu, và những thanh gỗ trượt tuyết của ông thật là đặc biệt, do ông tự làm, tự ngâm chúng trong nước thuốc gì đấy để trong những ngày trở ấm tuyết ướt không dính vào. Ông biết một trăm nghề, và nghe nói rằng thậm chí đã có khi, trong những năm trước cách mạng, tự tay ông đã làm nên cửa hàng, bán chịu hàng cho những người đi săn và bị nghèo đi cho đến bây giờ.

Chó sói *đã bị vây* rất kỹ, nhưng những người săn đuổi ra đi không có *cá vược*, nghĩa là không có người lãnh đạo. Thường thì chính ông Fêđia làm *cá vược*, nhưng lần này ông không hy vọng là chúng tôi đến kịp, nên chính ông cũng đứng vào chỗ người bắn. Ông lập tức nghe những người săn đuổi đi không đúng và chắc là hai tay ông ngứa ngáy muốn đánh họ vô cùng! Cậu thanh niên của tôi đứng bên trái tôi, và tôi rất sợ cho cậu. Đi săn một mình, có thể bắn mỏ nhác bà trúng rất đích, nhưng trước mặt nhiều người khác đôi khi khó bắn trúng con chó sói. Có khi chó sói đi qua cách sáu mươi bước, — chín mươi phần trăm diệt được nó, nhưng con chó sói ấy đi một cách mà nếu ta cố nhịn không bắn thì nó sẽ đi đến người bên cạnh cách chỉ mười bước thôi; thế tức là phải tự chủ mình và cố nhịn không bắn. Có khi một con chó sói đi ra và một con khác theo sát gót nó, phải để cho con đầu tiên đi qua,

bắn con thứ hai, và khi con đầu tiên bối rối, cuống cuồng lên thì diệt cả nó nữa. Còn người chưa có kinh nghiệm thì bắn con đầu tiên và con sau chạy biến mất. Nhiều trường hợp xảy ra như thế.

Trước mặt tôi là một cái cọc, ở bên trái cây thông; cậu thanh niên đứng một bên cọc, còn ở bên kia con chó sói phóc từng bước một. Nó đi qua cây thông, và hình như lóa mắt vì quãng trống trắng xóa, nó hơi dừng lại trong giây lát: hai chân sau ngập sâu trong tuyết, hai chân trước không lún vào tuyết. Trên tuyết con chó sói có màu lông rất lạ, không phải xám, không... Và bỗng toàn thân nó ngã khuỵu trong tuyết, nó cố đứng lên, thêm một phát súng nữa, và nó hoàn toàn biến mất trong tuyết, còn tôi thì đứng lại, đầu óc miên man suy nghĩ: trên tuyết màu lông của nó khi còn sống là màu gì.

Con chó sói cái đang tơ, to khỏe, bị bắn chết rất gọn đến nỗi nó không kịp làm nhàu nát tuyết, nó nằm gục mõm trên hai cẳng trước, như khi còn sống, và hai tai dựng lên.

— Bắn chết rất gọn, — Fêđia hài lòng về phát súng rất hay và nói, — chỉ có điều vì sao mày còn bắn thêm một phát nữa để làm gì?

Cậu thanh niên lặng thinh, nhưng vì sao thì ai cũng rõ rồi: trong đội chúng tôi, nếu để sống một con chó sói cũng phải phạt theo lối hiện vật, thế thì tốt hơn cả cứ bắn thêm một phát nữa vào con chó sói đã chết rồi cho chắc chắn.

Con chó sói cái ấy có màu lông không rõ rệt, màu xám lẫn vàng, nhưng màu đó hoàn toàn không phải như màu mà tôi đã cảm thấy, khi nó còn sống, kiểu

kêu bay đến tai tôi qua cửa sổ từ những chiếc xe tải gặp nhau, tôi nghĩ đến những cơn tuyết mới xuống hôm nay mà tôi không đo và tôi đã ghi vào ngày bỏ qua không đo chính xác được bằng cách bổ sung vào nhờ nghe những tiếng chửi. Có phải đúng như thế không, đối với tôi cũng thế thôi, chỉ cốt hằng ngày bằng cách nào đấy ghi chép, nhận xét được sự vận động của hành tinh và sau đó liên hệ quanh năm bằng một quỹ đạo thần kỳ. Và tất nhiên, đối với tôi, nếu có thể thể hiện ngay được không phải bằng những con số, mà bằng những hình tượng của đời sống, thì tốt hơn nhiều, vì những con số lưu lại trong các đài quan sát, còn người ta sống trên chỗ bằng phẳng và trong sự bất động mà không biết đến chúng. Những hình tượng của tôi phải thấm sâu vào ý thức của người rất tầm thường, đối với anh ta, độ dày lên của lớp tuyết được tính theo độ tăng lên của những lời chửi bới trên đường, thì dễ hiểu hơn nhiều so với việc đo lường theo số lượng những vạch trên chiếc bình đong.

«Mà chính là có xe trượt tuyết chạy bằng sức gió cơ đấy», — tôi nghĩ thầm.

Và chính trong giây phút ấy, khi tôi nghĩ đến xe trượt tuyết chạy bằng sức gió thì ở bên dưới vang lên cả một trận bão táp những lời chửi rủa, những tiếng kêu la dữ dội đến nỗi tôi hiểu ngay rằng: tiếng kêu ấy không phải chỉ vì độ dày của tuyết đã được tăng lên. Tôi nghĩ: có phải đàn chó sói đã tấn công hay không nhỉ? Cách không lâu đã có lần chó sói từ rãnh nhảy lên và bắt con chó nhà ngay ở trong một chiếc xe ngựa. Tôi vớ lấy khẩu súng và chạy

xuống chân núi. Khi mắt tôi đã quen với bóng tối, thì tôi nhận ra là có một ông khổng lồ nào đấy choảng nhau với những ông nông dân và vứt họ vào tuyết rất tài tình. Nhưng từ chiếc xe tải khác đã có quân cứu viện kịp đến giúp những ông nông dân ẩu đả, và có lẽ, ông khổng lồ kia sẽ ngoẻo. Thế nhưng, ông vụt biến trong nháy mắt, lại hiện ra với thanh gỗ trượt tuyết trong tay và múa may quay cuồng khéo léo đến nỗi chẳng bao lâu tạo được một vòng bất khả xâm phạm quanh mình, và lúc đó thì mọi người nhận ra là đã đánh nhau với ông đội trưởng đội săn chó sói của chúng tôi. Khi biết thế, mọi người dịu đi, và mọi việc trở lại bình thường. Còn cơ sự xảy ra như thế là vì con ngựa đầu tiên, khi thấy cái đầu dễ sợ của con chó sói trong xe trượt, thì nó lồng lên chạy tránh ra, chủ xe chưa rõ chuyện đầu đuôi thế nào, trèo ra khỏi xe và đánh nhau. Fêđia đã nện cho lão ta... Những người khác xông đến giúp người bị thua kia, và do đó đánh nhau lung tung.

Và thế là cả việc đó cũng phải ghi chép rằng: trong ngày Đông chí nhiều người đã bị gãy mũi.

CÁC CHA-CHÓ SÓI

Rừng Nhà nước rộng lớn mênh mông đứng ở rìa cánh đồng, những tai rủ xuống. Cánh đồng nhìn, rừng lắng nghe. Còn ở cuối đằng kia của cánh đồng, làng Pônicôpca, giống như một bà cụ, ngồi xếp đặt tất cả những cái gì hiện ra trên đồng, tất cả những cái gì nghe được trong rừng vào trong cái bị.

Và bà cụ già nhặt nhiều bị đủ loại chuyện ở trong rừng hay trên cánh đồng. Nhiều lần chúng tôi đã run sợ khi nghe câu chuyện do chính bà cụ Xpiriđônôpna kể lại cái đêm hãi hùng bà gặp dàn chó sói và vô cùng ngạc nhiên về tục lệ đánh dấu của loài chó sói. Nhưng bây giờ, khi nhớ lại thì thấy chính bà Xpiriđônôpna là một điều kỳ diệu lạ lùng nhất so với tất cả những điều kỳ diệu trong rừng và trên cánh đồng.

Thời ấy, bà Xpiriđônôpna sống ở vùng chúng tôi tại làng Pônicôpca và bà là một *bảo mẫu chung của xã hội*, cái đó có nghĩa là bà đi từ nhà này đến nhà khác có trẻ con ốm để săn sóc và chỉ sống ở đây trong thời gian trẻ con ốm.

Khi những người nghèo có con thơ bị ốm, thì một bà lão cao hiện ra ở ngưỡng cửa và hỏi:

— Linh hồn bé bỏng chưa bay đi à?

Lúc đó, bà mẹ có thể yên tâm đi làm việc, con thơ của bà ta đã ở trong đôi tay tin cậy, và chắc gì tìm được một bà mẹ yêu mến và ân cần như thế, như bà Xpiriđônôpna, bảo mẫu chung của xã hội.

Có một bận, ở nhà chúng tôi, cháu Pêcha bị ốm, và chúng tôi rất khó khăn với nó: vợ ngồi trông con ốm, còn tôi trước khi đi làm ở cơ quan thì cố gắng giúp đỡ việc nhà, nào là lấy nước, nào là lấy củi, nào là đi chợ, nhưng mà làm sao cho xuể được! Và ở cơ quan người ta cũng đã không bằng lòng. Thế thì làm sao đây?

Có một hôm, tôi vừa dậy khỏi giường; nghe tiếng gõ, tôi đến mở cửa; bà Xpiriđônôpna đi vào và hỏi:

— Linh hồn bé bỏng chưa bay đi à?

Lập tức bà đỡ gánh nặng cho chúng tôi; còn một tháng sau, khi cháu Pêcha khỏi ốm và có tin cho biết rằng ở nhà ai đấy làng Pônicôpca cũng có con bé bị ốm, bà Xpiriđônôpna chia tay với cháu và ra đi. Bà từ biệt cháu Pêcha, như bà mẹ tiễn con trai lên đường ra trận: bà phiền muộn, sầu não quá chừng! Và sẽ đến lúc bà chia tay với đứa bé khác, giống như với cháu Pêcha. Chính vì thế bà đúng là bảo mẫu chung của xã hội, tình mẫu tử ấy của bà thật là vô tận, và cũng như thứ ái tình khác của người đàn bà nào đấy có thể yêu nhiều người, thì tình mẫu tử của bà Xpiriđônôpna chuyển qua nhiều đứa bé. Và khi đứa bé lành bệnh và trở thành như đứa con riêng của mình thì bà lại phải từ biệt nó và đến với đứa khác. Bà bảo mẫu chung của xã hội ấy thật rất kỳ lạ. Và trong một tháng trời bà ở nhà tôi, tôi đã nghe bà kể đủ mọi chuyện, kể rất nhiều: bao giờ bà cũng kể chuyện, hết chuyện này đến chuyện khác.

Chuyện này xảy ra vào đêm giao thừa, sắp bước sang năm mới, ở sau rừng có một ông cụ đang hấp hối. Cụ già chẳng có ai ở trong nhà cả, ngoài đứa trẻ thơ mồ côi. Không có sự săn sóc của ông cụ, đứa bé đã «khóc quá phát ốm», sau đó lặng yên và phát sốt lên. Trong buổi lễ mi xa muộn, người ta nói tin ấy với bà Xpiriđônôpna: cụ già và trẻ thơ đang hấp hối chết sau rừng. Sau lễ mi xa, theo phong tục, người ta đi cầu nguyện tại nghĩa địa cho những người quá cố. Bà Xpiriđônôpna cũng mang lễ vật của mình đến đấy. Nghĩa địa chật chội, những người quá cố nằm san sát cạnh nhau, những quan tài để san sát

cạnh nhau, những bia đặt san sát cạnh nhau. Nấm mộ người thân yêu chỉ có thể nhận ra được nhờ những dấu chặt vào các cây thông, và thậm chí ở một số cây dấu chặt đã chồng lên nhau — đấy, sự chật chội đến thế! Thực ra đáng lẽ phải thiên nghĩa địa ấy đến chỗ khác, nhưng bà con dân làng đã quá quen an táng ở đây rồi: nghĩa địa cao ráo, khô sạch, có cát, những người quá cố nằm ở đây tốt, còn đối với những người đang sống đến đây cầu nguyện thì rất thích. Buổi sáng hôm ấy, các bà đặt những chiếc bánh nướng lên các mộ, cha đi đến lắc bình hương: người giữ đồ thánh thu nhặt lễ vật vào bị, con lợn con của người giữ đồ thánh đến nhặt nhạnh nốt, còn một con chó sói con mõm nhọn từ lâu đã theo dõi con lợn con.

Bà Xpiriđônôpna, bảo mẫu chung của xã hội, không phải quê quán ở đây, ở đây bà không có người thân thích, nhưng bà đã khóc trên những nấm mộ mới và có nhiều đau khổ, còn khi mọi người tản về cả rồi — bao giờ bà cũng ngồi đợi để những lễ vật của bà không rơi vào bị người giữ đồ thánh, — bà bóp nhỏ những chiếc bánh nướng của bà rắc trên tất cả các nấm mộ, và ngay lập tức đủ các loại chim bay đến nhặt vụn bánh. Bà ngắm nhìn những con chim bay đến trong tia nắng, giữa những cây thông phủ đầy tuyết. Bà thấy trong tâm hồn nhẹ nhõm, lâng lâng, vì bà bảo mẫu chung của xã hội chỉ sống với sự yên tĩnh nhẹ nhõm, lâng lâng của tâm hồn mà thôi.

Còn con chó sói con kia rình con lợn con của ông giữ đồ thánh, nó vẫn bò, bò mãi theo rãnh gần như đụng

phải bà cụ; khi thấy bà thì nó vô cùng sợ hãi và ba chân bốn cẳng chạy qua cánh đồng phóng thẳng vào rừng Nhà nước. Những người đi săn bắt gặp dấu chân sói còn mới, liền dùng thanh gỗ trượt tuyết chạy nhanh đi bủa vây, nhưng trời bỗng kéo phủ mây, tuyết bắt đầu rơi và gió hoàn toàn xóa sạch dấu chân sói. Chỉ có ở trong rừng thật sâu, ở đấy gió không thổi qua được, trên các gốc cây và những bụi cây còn lại những chỗ chó sói đái để đánh dấu, chưa bị tuyết phủ. Theo những chỗ đánh dấu ấy, loài chó sói hiểu được công việc của chúng; sau khi hiểu được, chúng bèn để lại những dấu mới, và những con chó sói mới đọc xong những dấu cũ thì để lại những dấu của chúng. Cứ như thế, theo cách riêng, chúng nhận ra được cả cuộc sống chó sói của chúng lẫn những tin tức đủ loại về con người, nếu những tin tức ấy có liên quan đến loài chó sói. Tất nhiên, con chó sói con rình con lợn con của ông giữ đồ thánh đã ba hoa mọi điều trên các gốc cây rồi.

Khi trời bị mây kéo phủ, tối tăm, thì cả tâm hồn của Xpiriđônôpna cũng bị tối tăm, nặng nề. Bà nghĩ thầm: nếu không đến nhà đứa trẻ thơ đang ốm kia, nếu không có bà thì nó sẽ chết mất. Ở nhà, bà bảo mẫu chung của xã hội băn khoăn, lo lắng, đi qua đi lại đến gần cửa sổ, nhìn xem cơn bão tuyết đã yên chưa. Gần tối, nó bắt đầu hơi dịu đi; nhưng lại có tai họa khác: đi thì phải đánh xe qua rừng Nhà nước, mà ban đêm trong rừng bây giờ thì chó sói đi hằng đàn. Bà Xpiriđônôpna suy nghĩ, suy nghĩ mãi, bà phải làm sao đây, và khi đó bà láng giềng bế con đến nhà bà.

— Linh hồn bé bỏng yêu mến, — bà Xpiriđônôpna nói với đứa trẻ con, — cháu hãy nhìn ra cửa sổ, bà có thể đi được không cháu?

Cũng như nhiều người ngày xưa, bà tin rằng đứa bé con vô tội không bao giờ nói sai.

— Bà sẽ không lạc, không chết lạnh chứ, lũ chó sói sẽ không xúc phạm bà chứ?

Đứa bé trả lời:

— Bà ạ, chó sói sẽ không xúc phạm bà đâu.

Và thế là bà đánh xe đi. Bà láng giềng đi thắng con ngựa hồi mình vàng đuôi đen vào xe, còn con chó sói con rình con ngựa thì chạy vào rừng Nhà nước, để lại trên các bụi cây dấu của nó, viết rằng bà Xpiriđônôpna sửa soạn đánh xe ngựa tối nay đi qua rừng Nhà nước.

Cơn bão tuyết đã làm mù lòa cả cánh đồng có mắt, đã làm điếc đặc cả dải rừng có tai, nhưng theo cách đặc biệt của chúng, đàn chó sói biết rằng đêm nay nhất định bão tuyết sẽ dịu đi và thậm chí mặt trăng lưỡi liềm sẽ ló ra nữa. Con chó sói cái già đầu đàn lại muốn thử sức mạnh và tài khéo léo của chồng trán dô, nó đã đánh dấu trong rừng, chuẩn bị một cuộc hội hè, chè chén linh đình. Những con chó sói thận trọng, trầm ngâm ngửi những dấu ấy, lặng lẽ bước nhẹ nhàng trên tuyết xốp tơi mịn và tập hợp ở bìa rừng cạnh con chó sói cái già.

Đàn chó sói đã không nhầm, khi đoán rằng đêm nay sẽ hội hè, chè chén linh đình. Chẳng mấy chốc mặt trăng lưỡi liềm lên và cối xay gió hiện ra trên cánh đồng. Mọi vật trên nền trắng xóa trông rất rõ ràng: những bụi cây ngải cứu đứng trên bờ ruộng;

và đàn chó sói nhìn những bụi ấy và suy nghĩ: đó có phải là bọn đàn ông đi ra đồng không.

Rừng lắng tai nghe. Ở xa xa phía làng Pônicôpca có tiếng con chó con đang sủa trăng. Và những cặp mắt sói rực lửa trông rất rõ chiếc xe trượt tuyết thôn dã đang chạy, giống như một chiếc thuyền con đang lướt trên sóng bạc; khi thì xe trượt hiện lên cao, khi thì lại ẩn giấu hồi lâu, và lại nổi lên, lướt nhanh, và cứ tiến dần đến, tiến dần đến mãi gần hòn đảo to lớn, đen ngòm — gần cối xay gió kia. Rồi nó vượt qua cả cái cối xay gió và nổi lên cao hơn. Con chó sói già trán dô đi cuối cùng, khép kín toàn bộ hàng chó sói, xin con chó sói cái cho nó đứng trước và chuẩn bị tấn công.

Lúc đó, bà Xpiriđônôpna đang triền miên suy nghĩ, bà tưởng tượng một điều kỳ lạ, dường như bà đã đi đến nơi rồi và bà đang ngồi trên lò sưởi bế đứa bé trong tay.

Bà đã đi không phải theo những dấu của đàn sói. Trong đời mình, bà đã từng có nhiều dự định và bà cứ đi theo con đường của bà, còn con ngựa cứ chạy, chạy mãi. Nếu mình không thấy đường, thì tốt hơn cả là bao giờ cũng cứ phó thác cho ngựa: nó biết ở đâu cứng có thể chạy được; còn nếu giật cương, nó sẽ chạy trệch khỏi đường, và sau đó thì không tài nào ra khỏi tuyết được. Bà cụ lim dim đôi mắt mơ màng và tưởng tượng dường như bà đã đi đến nơi rồi, đang ngồi trên lò sưởi, lắc lắc nựng đứa con thơ, còn dưới nhà thì lũ chó sói đứng. Và chúng tập hợp rất đông, con nọ tiếp con kia lần lượt nhảy lên, leo lên cao, cao hơn nữa đến gần bộ phản...

Đứa bé không thấy chó sói và mỗi lúc một khỏi dần, khỏi dần, hai má hồng hào, nó đưa đôi tay bé tí đến bà cụ và gọi bà là «mẹ».

Còn lũ chó sói thì cứ leo lên, leo lên mãi.

Lúc đó, bà Xpiridônôpna nổi giận lên, bà chỉ muốn có cái gì thì vứt vào lũ chó sói kia, bỗng bà đoán ra, bà lao xuống cùng đứa bé vào đám đông chó sói, quỳ xuống, kính cẩn cúi sát đất và nói:

— Hỡi các cha chó sói, tôi cầu xin không phải vì tôi, mà vì linh hồn thiên thần, xin hãy đi khỏi nơi này, đừng làm trẻ nhỏ sợ, chính vì các ngài cũng là cha cơ mà!

Đàn chó sói đáp lại thế nào, bà Xpiridônôpna không nghe được: khi bà tỉnh dậy trong đống tuyết thì chung quanh chẳng thấy gì cả, chỉ có hai tai ngựa từ trong tuyết dựng lên, như đôi sừng con nhú ra.

Ở bìa rừng, con chó sói già bối rối: chiếc xe trượt vừa mới hiện lên trên điểm cao và đáng lẽ nó phải phóng một mạch đến đây ngay vào đàn chó sói, nhưng kết quả lại hoàn toàn khác: bỗng chiếc xe trượt chạy đi đâu mất. Con chó sói trán dô lực lưỡng đứng đợi một chốc và nó nhường chỗ đầu tiên cho con chó sói cái thông minh.

Con chó cái nhớ ra một chỗ cao hơn chỗ ấy, nó đi ra khỏi bóng đen của rừng núi và dẫn cả đàn đi trên tuyết sâu. Từ chỗ ấy, đàn chó sói lập tức thấy ngay tất cả và hiểu rằng, may cho chúng, con ngựa đã bước hụt và từ cầu ngã xuống đống tuyết. Đàn chó sói, lông lấp lánh dưới ánh trăng tựa hồ như bạc, rón rén đi tới rìa mương xói và bỗng tất cả đồng loạt đưa những cặp mắt rực lửa nhìn xuống đây.

Bà Xpiriđônôpna chạy lui chạy tới cạnh chiếc xe trượt, nhưng bà càng thúc giục con ngựa chừng nào, thì nó càng ngập sâu trong đống tuyết chừng ấy. Bà xuýt nữa đi ra đường và cầm dây cương kéo con ngựa, thì bỗng thấy những cặp mắt chó sói lấp lánh.

Bà đứng yên không mảy may cử động.

Con chó sói già lại đổi chỗ với con chó sói cái, toàn thân nó dựa vào hai chân sau, nó muốn nhảy chồm lên, nhưng bỗng nó cũng đứng yên, cũng như bà Xpiriđônôpna.

Loài chó sói có một nỗi khiếp sợ kinh khủng đối với những vật gì bất động, có lẽ trong những vật đó ẩn giấu cả cái gì đang sống. Thậm chí chúng sợ cả gốc cây mới bị lật đổ, nó không đến gần ngay, và chỉ sau khi đã cầu xin vật bất động về điều gì đấy, thì chúng mới rụt rè đi đến gần và để lại trên đấy dấu hiệu lòng kính trọng và nỗi run sợ của chúng.

Nếu bụi cây ngải cứu bị băng giá và giòn tan gãy răng rắc dưới chân bà Xpiriđônôpna hay là chính bà đi giật lùi, thì đàn chó sói nhất định sẽ xông vào và xé nát cả bà lẫn con ngựa hởi ra từng mảnh. Nhưng trong cơn sợ hãi, bà không chạy lui, mà bước tới, quỳ xuống, kính cẩn cúi sát đất trước đàn chó sói và cầu khẩn:

— Hỡi các cha chó sói, tôi cầu xin không phải vì tôi, mà vì linh hồn thiên thần, xin hãy rủ lòng thương, chính vì các ngài cũng là cha cơ mà!

Bà cúi xuống và cứ thế nằm yên không động đậy, và bây giờ đối với đàn chó sói thì bà càng khó hiểu và dễ sợ hơn. Và đàn chó sói đã giật mình — hay là chạy lui về phía mặt trăng nhỉ để tránh khỏi cái gì

đầy đen tối, bất động và rõ ràng là còn sống. Nhưng con chó sói cái thông minh thận trọng đi quanh con chồng trán dô của nó, nó ngửi cái bất động còn sống ấy, để lại dấu hiệu lòng kính trọng và nỗi run sợ của nó và đi đến rìa mương xói. Sau đó, theo gương con chó sói cái già đầu đàn, tất cả những con khác đều tỏ lòng kính trọng theo cách đặc biệt của chúng đối với vật bất động. Con nào cũng thế, sau khi ngửi xong thì để lại dấu. Sau khi làm đúng mọi điều mà con chó sói cái đã ra lệnh, cả đàn lần bước theo đúng vết chân con chó sói cái đầu đàn và đi khỏi mương xói dễ sợ ấy.

Nhiều lần chúng tôi đã run sợ nghe câu chuyện do chính bà cụ Xpiriđônôpna kể lại về cái đêm hãi hùng bà gặp đàn chó sói và vô cùng ngạc nhiên về tục lệ đánh dấu của loài chó sói.

Hiền lành mỉm cười, bà bảo mẫu chung của xã hội kết thúc câu chuyện:

— Các cháu ạ, khi tôi đứng lên thì toàn thân ướt đẫm!

BẦU TRỜI TÍM

Vào tháng chạp, nếu bầu trời bị mây đen bao phủ, thì trời nhá nhem tối một cách lạ lùng trong rừng thông, trông đến dễ sợ: bầu trời ở bên trên trở nên tím đều, như treo lơ lửng, hạ thấp xuống và giục giã ta chạy đi, không thì chẳng bao lâu sẽ bắt đầu trật tự của nó, trật tự vô nhân đạo trong rừng.

Chúng tôi vội vã trở về nhà theo con đường con buổi sáng đã ra đi và thấy dấu chân thỏ còn mới

nguyên trên đường. Đi một quãng nữa, chúng tôi lại thấy dấu chân mới. Thế nghĩa là loài thỏ rừng từ chỗ chúng nằm đã dậy và bắt đầu đi, vì đối với chúng ngày của chúng ta được coi như đêm và đêm được coi như ngày lao động của chúng.

Đối với chúng, bầu trời tím thật dễ sợ trong ánh hoàng hôn cũng giống như ánh bình minh tươi vui đối với chúng ta.

Mới bốn giờ chiều thôi. Tôi nói:

— Đêm nay chắc dài lắm đây!

— Dài nhất, — Êgo đáp: — thỏ rừng thì đi, đi mãi, còn nông dân thì ngủ, ngủ mãi.

HƯƠNG HOA ĐỒNG THẢO

Mỗi lần sửa soạn đi bắn cáo với chó săn, tôi thường định bụng rằng: nếu bắn được thì nhất định sẽ kiểm tra lời của Zvorưkin, người đi săn nổi tiếng, đã viết trong cuốn sách «Săn cáo» rất hay của ông. Tôi nghĩ đến cái tuyến nhỏ ở gốc đuôi cáo mà theo lời Zvorưkin, có đặc tính tỏa ra trong băng giá hương thơm rất tinh tế của hoa đồng thảo. Chính Zvorưkin nói rằng đối với ông, hương thơm của hoa đồng thảo bao giờ cũng là «phần thưởng của cuộc săn cáo rất đẹp». Nhưng ít khi gặp được người đi săn có thể nhận thấy được cái mùi ấy; phần lớn cho rằng gốc đuôi cáo chỉ có phảng phất mùi chó; những người khác, sau khi ngửi xong, đồng ý chỉ vì giữ phép lịch sự. Nếu tôi không biết trước rằng Zvorưkin là tác giả không bao giờ nói bâng quơ một lời nào, thì tất nhiên, tôi cho đó chẳng qua chỉ là truyện cổ tích ông vua

ở truồng* mà thôi, nhưng Zvorưkin đã nói, điều đó đối với tôi cũng như chính tôi đã nói. Tôi tin là Zvorưkin cảm thấy hương thơm của hoa đồng thảo, và đó là một sự kiện sinh vật học thật rất thú vị, hơn nữa chưa được nghiên cứu, và tôi rất muốn biết tôi có khả năng hiểu được cái mùi ấy không.

Tuy nhiên, khó khăn là đi bắn cáo với chó săn không phải bao giờ cũng có kết quả: khi thì cáo chui vào hang, khi thì cáo đưa chó đi rất xa đến nỗi không kịp bắn trước khi trời tối. Bản thân tôi đi với chó săn, may lắm đi ba lần thì một lần bắn được, không thì bốn hoặc thậm chí năm lần mới bắn được một lần. Và thường xuyên xảy ra với tôi như thế này: khi đã định ngửi hương thơm hoa đồng thảo, thì không bắn được; còn khi bắn được rồi, thì thích quá đến nỗi quên khuấy tất cả. Cuối cùng, tôi bắn được một con cáo trong mùa băng giá và tôi đã nhớ.

Việc đó xảy ra trong một buổi sáng băng giá. Trên trời mảnh trăng chiếu sáng và tất cả những ngôi sao đều sáng rực. Chúng tôi ba người — tôi cùng với ông I., ủy viên tư pháp của ban chấp hành xô-viết huyện và nhạc sĩ T. của rạp chiếu bóng địa phương, những người đi săn giỏi — ra đi cùng với hai con chó. Nhạc sĩ có con chó săn nòi Côxtơrôma tên là Sủa To, cách đây không lâu đã được nhận bằng hạng nhất trong cuộc thi, còn tôi mang theo con Họa Mi già trung thành và tốt vô song. Tất nhiên, đi với một con chó thôi thì tốt hơn là đi với hai con chưa ăn ý nhau,

---

* Ý tác giả muốn nói đến truyện cổ tích của Anđecxen (1805—1875), nhà văn Đan-mạch. — *ND.*

nhưng trong hai chúng tôi chẳng ai muốn để con chó của mình ở lại nhà cả. Tôi nhắc đến điều này chỉ vì để các bạn đi săn còn chưa có kinh nghiệm đừng bắt chước chúng tôi: đi săn cáo tốt nhất chỉ đem theo một con chó và đi một mình, nhiều nhất là hai người mà thôi. Cáo có nhiều và ở ngay cạnh thị trấn của chúng tôi, chúng tôi biết tất cả chúng nó, nhưng một chàng Tactaranh nghịch ngợm đã làm chúng sợ khiếp, vì thế không thể nào bắn được những con cáo ấy. Chúng tôi đi theo đường nhựa xa mười cây số, ở đây cáo còn chưa bị săn đuổi. Ngày hôm đó, ở thành phố có phiên chợ gì đấy, hình như là phiên chợ ngựa, và trên đường nhựa người ta đi ngược chiều chúng tôi rất đông hầu như không ngớt. Và chỉ nhờ bóng đêm che giấu chúng tôi nên những người gặp chúng tôi đã không cười chế nhạo: các bố nông dân vùng chúng tôi thường có thói quen như thế — khi gặp những người đi săn thì nhất thiết phải nói những lời giễu cợt. Trong bóng tối chúng tôi hiện ra bất thình lình đối với những người đi chợ: ánh trăng chiếu trên các nòng súng của chúng tôi từ xa, làm cho những con ngựa chú ý cảnh giác, do đó thường khi thấy chúng tôi, ngựa chạy tránh ra một bên, và tiếp theo thì nhất định được nghe những tiếng chửi bới bố mẹ. Đôi khi — rất hiếm — gặp con ngựa hiền lành, nó đi mà không để ý gì; ông nông dân đang mơ màng ngủ bỗng mở mắt, và tất nhiên, lúc đầu ông sợ hốt lên, có lẽ tưởng là bọn ăn cướp, nhưng khi đã hiểu rõ thì nói âu yếm lạ thường:

— Các bác đi săn!

Chúng tôi đi như thế rất lâu, còn khi trời sáng rồi, ai cũng thấy chúng tôi cả, thì trăm người như một, khi gặp chúng tôi, họ đều nói cũng một câu này:

— Phải coi chừng, thỏ rừng đấy!

Và nói riêng với tôi, là người đứng tuổi:

— Còn bố kia, đi uổng công vô ích đấy.

Câu nói cuối cùng này làm tôi bực mình, tôi nói với nhạc sĩ:

— Chúng ta có bao nhiêu bố nông dân nhỉ? Và nhạc sĩ trả lời tôi rất đúng:

— Một triệu...

Chúng tôi đi đến nơi, khi còn khó khăn lắm mới phân biệt được dấu chân cáo trên tuyết mới rơi và chúng tôi thả chó theo dấu chân đầu tiên tìm thấy. Khi Họa Mi lần mò được đến dấu chân đã thấy, thì Sủa To đã tìm được dấu chân khác và thỉnh thoảng vừa sủa, nó vừa dẫn nhạc sĩ rời khỏi chúng tôi suốt ngày. Tôi và ông ủy viên tư pháp đi theo Họa Mi, chúng tôi leo lên một ngọn đồi cao. Ở đây, chẳng bao lâu chúng tôi vấp phải đống cát phủ tuyết, cát đó là do cáo đào, vứt từ trong lòng đất ra, và chúng tôi phát hiện những hang cáo ở đây. Ở đây, dấu chân có nhiều và rối tung. Khi Họa Mi tìm hiểu các dấu chân, chúng tôi từ cao nghiên cứu địa hình của vùng này, đoán những lối con cáo có thể đi, ở đấy chúng tôi sẽ rình đón nó trong cuộc săn đuổi này. Dưới đồi có những hang cáo là một con suối khá rộng uốn khúc chảy gần như quanh đồi. Con suối còn chưa đóng băng, chảy đen ngòm giữa hai bờ trắng xóa. Sau con suối là rừng đại ngàn mênh mông vô tận khuất trong màn sương mù băng giá.

Và chỉ có một thân cây to đổ nằm ngang qua con suối là chỗ đi qua từ chúng tôi sang bên kia. Thân cây phủ một lớp tuyết khá dày, trên lớp tuyết đó có cả một chuỗi dấu chân cáo đi qua để vào rừng đại ngàn. Khúc gỗ làm cầu ấy đổ xuống trong bụi cây sang phía bên kia, và ở bên ấy có hai con chim hồng tước đang mổ hạt ngưu bàng. Khi ăn hạt no nê rồi, những con chim đó rực sà xuống đỗ trên tuyết trắng tinh vừa rơi xuống, và ta nhìn ở đâu thì cũng thấy chúng nổi bật lên rõ hơn cả, và mắt ta cứ nhìn nó mãi một cách vô cùng khoái trá. Ngoài lối đi qua ấy ra, có lẽ còn một lối nào khác nữa, mà chúng tôi không thấy, vì con Họa Mi bỗng dưng đã ở phía bên kia, và ở đây nó vừa gặp được chuỗi dấu chân mà chúng tôi đã nhận thấy, thì nó sủa luôn và chạy nhanh, thế tức là dấu chân còn mới: Họa Mi đang đuổi theo. Lúc đó, ông ủy viên tư pháp đi xuống đồi và đứng vào một chỗ rất tốt, đối diện khúc gỗ nằm ngang như chiếc cầu và hai con chim hồng tước. Tôi cũng đi nhanh xuống dưới về phía kia và tìm lối đi qua khác. Chẳng bao lâu con chó săn đuổi theo con cáo đã xa, không còn nghe tiếng nữa, nhưng khi tôi đang tìm chỗ đi qua, thì bỗng tiếng chó săn đuổi nghe mỗi lúc một gần và chạy thẳng về hướng ông ủy viên tư pháp. Tôi lao chạy đến các hang để từ trên cao ngắm nhìn cảnh tượng săn bắn, cũng như để tìm hiểu đường con thú sẽ chạy, nếu ông ủy viên tư pháp không bắn được nó. Con cáo từ trong rừng mênh mông nhảy ra quãng trống lớn, trong nháy mắt nó dừng lại nhìn, và với dáng điệu nhẹ nhàng, nó đi thẳng đến khúc gỗ làm cầu, cạnh

đó những con hồng tước còn đang hăng say mổ hạt ngưu bàng. Ông ủy viên tư pháp từ sau bụi cây không nhìn thấy con cáo được, nhưng ông ở trong chỗ nấp phục kích rất tốt và tiếng chó săn duổi dồn mỗi lúc một tăng làm ông rất cảnh giác chăm chú rình. Tôi hồi hộp đứng đợi, cố đoán xem cái gì sẽ xảy ra trước: những con hồng tước, hoảng sợ vì con cáo chạy đến gần, sẽ bay đi hay tiếng súng của người đi săn sẽ vang lên trước. Nhưng khi bắt đầu giây phút quyết định, thì tất nhiên, tôi quên bẵng những con chim hồng tước. Tiếng súng nổ vang, có lẽ vào đúng lúc con cáo chỉ vừa mới từ trong bụi thò mõm ra, vì đạn trúng ngay vào đầu. Con thú bị thương sắp chết nhảy lên những phóc dài, nhưng rồi ngã xuống ngay tại chỗ...

Chẳng biết chúng tôi lập tức đi qua phía bên kia trên chiếc cầu cáo như thế nào: có lẽ trời giúp!

Con thú nhảy xuống mỗi lúc một thấp hơn, và khi nó đang chết thì chúng tôi đi đến gần để xem, nó *to* làm sao...

Hỡi những con người rộng lòng thương, các bạn đừng tiếc con thú làm gì, tất cả chúng ta ai cũng sẽ «được» cái đó cả, tất cả chúng ta ai cũng sẽ nhắm mắt xuôi tay nằm xuống mộ cả, tôi thì hầu như đã sẵn sàng để làm việc đó rồi, và chỉ có một điều làm tôi không yên tâm là người đi săn* sẽ nhìn tôi chán ngán và nói rằng: nó *nhỏ* làm sao.

Thực ra, tôi chưa hề thấy con cáo nào to đến thế, — con cáo đực, màu lông vàng rực hung hung đỏ, to lớn và rất già, răng bị hỏng cả.

---

* Ý tác giả muốn nói thần chết. — *ND.*

Ngày hôm đó, chúng tôi đi bắn thỏ rừng chẳng ăn thua gì, cơn tuyết bột ngừng rơi chỉ khi gần sáng; những lúc thỏ ăn chắc là rất ngắn ngủi và chúng tôi không tìm được một chỗ nào. Ngày đông ngắn ngủi vụt qua khi nào không nhận thấy và khi gần hoàng hôn, chúng tôi nghe tiếng còi sừng của nhạc sĩ, chúng tôi ra hiệu đáp lại và cả ba người gặp nhau. Nhạc sĩ chẳng bắn được con gì cả, cáo cũng không, mà thỏ cũng không, nhưng ông rất vui mừng vì chúng tôi đã bắn được con cáo: đó là một người đi săn chân chính và rất tốt.

Chúng tôi vui vẻ đi theo đường lát đá trở về nhà. Thật là không may cho chúng tôi, vừa vặn lúc đó phiên chợ bắt đầu tan, những bô nông dân ngà ngà say thấy chúng tôi ba người với một con cáo thì người nào gặp chúng tôi cũng chỉ nói một câu như nhau:

— Chỉ một ả* thôi à?

Chúng tôi chẳng đáp lại gì cả. Nhưng họ thì đông, mà nước chảy thì đá mòn.

— Họ có bao nhiêu người? — tôi nói.

Nhạc sĩ lại trả lời:

— Một triệu.

Mọi người đều chán ngấy, mệt phờ, và chúng tôi rẽ từ đường lát đá đi vào rừng, tìm được một lối mòn chạy dọc theo đường lát đá. Chúng tôi vui mừng, ngồi nghỉ trên một thân cây đổ. Ông ủy viên tư pháp hạ con cáo nặng từ vai xuống, và bỗng lúc đó tôi sực nhớ cái ý định thường xuyên của tôi muốn

---

* Trong tiếng Nga, con cáo giống cái. — *ND.*

ngửi gốc đuôi cáo và muốn mùi hoa đồng thảo trong băng giá là phần thưởng của cuộc đi săn cáo rất đẹp. Tôi nói điều ấy với hai bạn, nhưng họ bắt dầu cười tôi. Khi đó, tôi bèn dẫn Zvorưkin rất có uy tín đối với mọi người ra, tôi kể lại về tuyến xạ hương và nói lại đúng nguyên văn cuốn sách mà tôi nhớ. Nhạc sĩ bỗng tin và cũng muốn biết, như tôi. Ông ủy viên tư pháp nhìn tôi, theo nghề nghiệp ông là một người theo dõi thiên nhiên của con người, và ông cố đoán tôi nói nghiêm túc hay muốn cười chế nhạo các bạn.

— Đưa đây tôi ngửi, — nhạc sĩ đề nghị.

Ông nhanh chóng nhấc đuôi cáo lên và kinh tởm ngửi.

— Có mùi, — ông nói, — đúng là mùi mà ở chỗ này của con thú phải có.

Trên mặt ông ủy viên tư pháp thoáng một nụ cười chế giễu. Tôi muốn trị ông ủy viên tư pháp đa nghi này và nói chung muốn làm sao cho mọi người bị một đòn như nhau của Zvorưkin. Tôi nhấc cái đuôi cáo lên, cố tình ngửi thật lâu và nói với nhạc sĩ một cách hết sức nghiêm chỉnh:

— Này, ông bạn ơi, anh nhầm rồi: đúng là mùi thuốc lá rời đã làm hỏng khứu giác của anh, tôi không thể nói là đúng nó có mùi hoa đồng thảo, nhưng có hương thơm gì đấy rất tinh tế mà tôi vẫn cảm thấy được.

Tôi đã đạt được mục đích: ông ủy viên tư pháp tin và cũng ngửi.

— Không, — ông vừa nói, vừa cười, — anh đừng cố làm cho tôi phải tin, mùi hôi lắm, ông vua ở truồng.

Một hàng cây mỏng manh tựa hồ chiếc màn ngăn cách lối mòn của chúng tôi với con đường lát đá mà trên đó xe trượt tuyết chạy không ngớt. Chúng tôi tự cười mình và tưởng tượng là nếu những bố nông dân kia mà thấy được chúng tôi ngửi dưới đuôi con cáo bị bắn chết, thì khi đó họ, những người đang say, sẽ gặp chúng tôi như thế nào nhỉ!

Buổi tối, khi cả ba chúng tôi ngồi uống trà tại nhà tôi, tôi hờn giận nhớ đến Zvorưkin và lấy cuốn sách của ông từ trong tủ ra để làm cho hai bạn hoàn toàn tin chắc ý nghĩa khoa học trong việc đó, như trong sách đã viết. Và khi tôi đọc đến đoạn nói về tuyến xạ hương thì bỗng té ra là: nó không phải ở bên dưới, mà ở bên trên. Thì ra cái bọc ấy tỏa hương thơm hoa đồng thảo trong băng giá, nằm ở trên gốc đuôi, đúng vào chỗ khi con cáo nằm khoanh tròn thì nó chui mũi vào đấy, trong lớp lông dày.

Trong khi chúng tôi đọc tất cả những điều ấy và tìm hiểu được, thì con cáo đưa vào chỗ ấm hôi mùi chó rất nồng nặc đến nỗi át không những mùi hoa đồng thảo, mà át cả mùi ba điếu thuốc lá chúng tôi đang hút. Chúng tôi hình dung một triệu bố nông dân đi ngược chiều chúng tôi, gặp chúng tôi và cùng kêu to một câu giống nhau:

— Ái chà, những bác đi săn kia, các bác đã ngửi không đúng chỗ rồi!

NHỮNG CON GẤU

I

Hồ Con sủa quanh hang gấu tại một trong những nơi hẻo lánh nhất của tỉnh Ôlônetxơ cũ ở huyện

Cacgôpôn, trong khu rừng thứ mười ba của Biệt thự Nimen, gần làng Zavônđôsie. Paven Vaxiliêvich Grigôriep, một nông dân làm thêm nghề săn bắn, khẽ huýt gọi chó Hồ Con đến chỗ khác và hết sức thận trọng trượt tuyết đi qua rừng rậm và quãng trống có những cây thông mảnh dẻ rất thưa thớt. Ông đưa con mắt thành thạo nhìn dưới gốc cây bị lật đổ che chỗ nằm của con gấu khỏi bị gió bấc và nhận thấy một lỗ to, bằng chiếc bánh xèo lớn, của hang gấu. Paven đã từng biết rõ thói quen của loài gấu, và là người dân phương bắc ông vốn bình tĩnh, ông đi qua sát cạnh hang gấu để hoàn toàn tin chắc: con thú không dậy, nếu đi qua mà không dừng lại. Mắt ông đã không nhầm. Một lỗ trong tuyết là do hơi thở ấm của con gấu tạo ra. Con thú đang ở trong hang. Sau đó, ông đi quanh hang gấu, thỉnh thoảng lấy ngón tay vạch trên tuyết đánh dấu đường trượt tuyết ấy của ông. Theo đường vòng này, thỉnh thoảng ông lại đến kiểm tra xem có người nào làm con thú sợ hay không, xem trên đường ấy có dấu chân của gấu đi ra hay không. Còn để đánh lạc hướng những người đi săn lùng đến các hang gấu của người khác và những kẻ nghịch ngợm, thì cạnh đường vòng đã đánh dấu, ông làm thêm vài đường vòng giả khác.

Vài ngày sau sự việc nói trên, Hồ Con lại sủa một con gấu thứ hai nữa tại khu rừng thứ mười bảy cũng của Biệt thự Nimen ấy. Lần này, quãng trống ở phía sau gốc cây bị quật đổ che chỗ nằm khỏi gió bấc, con thú nằm đầu hướng về phương đông, nhìn gót chân của nó và rừng thông con dày rậm. Người đi tìm thú đi ra khỏi chỗ cứng ấy và xuýt nữa thì va phải

con thú nằm khá lộ liễu. Trong giây phút cuối cùng nhất, ông rẽ ngoặt và đi qua chỉ cách ba bước, mà không đánh thức con thú dậy. Sau đó một thời gian ngắn, trong khi đi kiểm tra đường vòng, ông tìm thấy cách không xa một chỗ nằm thứ hai đã bị bỏ cũng của con gấu ấy và căn cứ theo kích thước của chỗ nằm, ông đoán là con gấu rất to. Và sự phán đoán ấy có kết quả là những người mua được cả hai hang gấu ấy là những người đi săn không phải ở Vôlôgđa, không phải ở Ackhanghenxcơ, mà là những người đi săn ở Matxcơva. Những người ở Vôlôgđa trả mỗi hang năm mươi rúp. Vì hy vọng vào con to, Paven đòi chín rúp mỗi pút* thịt gấu đã bị bắn chết hay sáu mươi rúp một hang gấu. Trong thời gian hai bên đang thương lượng, may thay Paven lại gửi một bức thư đến Hội săn bắn Matxcơva chúng tôi.

Làn sóng mùi gấu ấy lúc đầu lọt vào mũi Hồ Con, rồi vào trong ý thức đi săn của Paven Grigôriep ở làng Zavônđôsie, đến những người đi săn ở Vôlôgđa, Matxcơva, rất có thể không tới được đến tôi ở Zago-ocxcơ, nếu tôi không mệt mỏi vì chạy đầu tắt mặt tối để giải quyết công việc của mình ở Matxcơva, nơi mà tôi thỉnh thoảng thường đến. Tôi còn phải ghé lại tạp chí «Ngọn lửa nhỏ», nhưng ban biên tập thì ở đại lộ Xtơratxnôi, còn tôi thì ở đường phố Nicônxcaia gần tạp chí «Người đi săn Matxcơva». Tôi định ghé lại quán ăn của những người đi săn và nghỉ ngơi. Trong phòng của quán ăn ấy thật là

* Mỗi pút bằng 16,3 kilôgam. — *ND.*

một nơi tuyệt trần để nghỉ ngơi, ở đây những người đi săn túm năm tụm ba và bình thản chuyện gẫu hằng giờ: người già nói về quá khứ, người trẻ nói về tương lai. Và trên trái đất này, không có chỗ nào mà người ta quý mến nhà văn chân thật viết về săn bắn và thiên nhiên như ở đây. Nhưng nếu quả tim đi săn của họ không quá say mê về sự thay đổi của các hiện tượng trong thiên nhiên yêu mến, thì có thể họ trở thành những bạn đọc khoái trá nhất của văn học chung. Có một bận, tôi kể chuyện cho một người đứng tuổi về Gôgôn* và biếu ông ta một cuốn sách. Gôgôn đã mở ra cho ông cả một thế giới. Sung sướng biết bao, con người ấy cho đến bây giờ vẫn chưa hề nghe nói về Gôgôn, và tôi ghen tị với ông ta biết bao. Nhưng đã đến lúc, ông già kia ghen tị tôi: suốt đời tôi đi săn bắn, nhưng chưa hề bao giờ đến được hang gấu cả!

— Sao lại thế? — ông già vô cùng ngạc nhiên, hỏi tôi.

Và lúc đó, tôi được biết bức thư đầu tiên của Paven, người đi tìm thú, và hứa sẽ đi, nếu mọi việc được giải quyết chu tất. Thế là làn sóng mùi gấu mà Hổ Con đánh hơi được, đã bay đến tận tôi.

Sau khi nghỉ ngơi xong, tôi đi đến «Ngọn lửa nhỏ» và khi chuyện trò với ông chủ bút, thì tôi buột miệng nói về chuyến đi săn gấu sắp tới. Rõ ràng là các tòa soạn đã cho các bức ảnh trong những họa báo một ý nghĩa tạo hình quá đáng. Lòng hăng hái

---

* N.V. Gôgôn (1809—1852) — nhà văn Nga nổi tiếng. — *ND.*

của ông chủ bút truyền sang cả tôi, và tôi hứa, nếu đi thì tôi đồng ý đưa theo cả người nhiếp ảnh nữa.

— Nếu anh bắn được gấu, — ông chủ bút nói, — thì tôi sẽ dành cả trang bìa và hai trang giữa đấy.

Tôi không hiểu, ông giải thích: ở trang bìa thì ảnh tôi với con gấu còn ở hai trang giữa của tạp chí sẽ chỉ in ảnh gấu mà thôi.

— Anh hãy tin rằng, — khi chia tay, ông còn nhắc lại một lần nữa, — anh sẽ có cả trang bìa và hai trang giữa.

Tác giả không thể nào thề rằng cái mình viết là sự thật được, vì bạn đọc coi tất cả những lời thề đó là mánh khóe tạo hình mà thôi. Nhưng tôi thề không phải bằng những lời thề của con người, mà bằng những lời thề của con thú rằng không phải tôi suy nghĩ về bản thân, khi trả lời bức điện gửi cho tôi một vài ngày sau về sự thỏa thuận với người đi tìm thú, tôi đã yêu cầu gọi điện thoại đến «Ngọn lửa nhỏ» về việc người nhiếp ảnh. Tôi chỉ muốn làm những người đi săn hài lòng, vì biết rằng họ rất thích được chụp ảnh với súng và thú săn được. Ai mà chẳng thấy những bức ảnh như thế! Nhưng hóa ra, những người đi săn gấu là những người có tư chất khác hẳn: đối với họ điều quan trọng là bắn được gấu, chứ không phải bức ảnh của họ; một người thừa, đặc biệt là người nhiếp ảnh, đối với họ chỉ là một sự đắng cay, đau xót. Họ chán ngán vô cùng và chỉ vì nể tôi mới cho phép người nhiếp ảnh đi theo. Chỉ đến tận cuối buổi đi săn, chúng tôi mới hiểu được yêu cầu của người nhiếp ảnh và tin

chắc là anh ta hoàn toàn không phải là kẻ nhát gan, nhưng ngay lúc đầu thì làm sao mà hiểu được như thế, nếu ngay lời đầu tiên người nhiếp ảnh hỏi: trong khi đi săn anh ta có thể dùng thang được không và kiếm đâu ra được bộ áo quần làm việc để mặc nó có thể dễ dàng chạy được. Trong quán ăn, đến tận tối vẫn còn râm rang tiếng cười vang. Nhưng cuối cùng, những người đi săn gấu đã yên tâm, vì họ nghĩ rằng trong giờ phút quyết định nhất, người nhiếp ảnh sẽ không làm phiền họ đâu và sẽ bỏ chạy mất.

Sau đó chẳng bao lâu, người đi tìm thú viết trong thư cuối cùng đòi một cách không rõ ràng là phải trả sáu mươi rúp một hang gấu, còn ở hang kia thì phải trả tiền theo trọng lượng con gấu bắn được. Đáp lại bức thư không rõ ràng đó, chúng tôi đánh bức điện trả lời cũng không rõ ràng, nhưng ghi chính xác ngày chúng tôi đến. Mọi việc thế là xong xuôi, những con gấu kia thuộc về những người đi săn ở Matxcơva, còn người đi tìm thú lại tiếp tục kiểm tra các đường vòng, mỗi lần lại thêm cả những vết thanh gỗ trượt vào các vòng vây ấy đã được đánh dấu bằng những vạch ngón tay trên tuyết.

II

Một số người nói rằng dường như ấn tượng đầu tiên bao giờ cũng không đúng, và kiểm tra nó mãi cho đến khi xóa nhòa mọi màu sắc của nó. Những người khác thì trái lại, hoàn toàn tin tưởng những ấn tượng đầu tiên, họ cho rằng những màu sắc của nó được bảo tồn có nghĩa đối với sự nhận thức thế

giới ít nhất cũng không kém hơn những sự việc chắc chắn, đúng đắn. Cá nhân tôi chỉ có thể nói đúng được về điều chính tôi thấy đầu tiên và rất đỗi ngạc nhiên. Vì sao khi nhìn những con vật trong vườn bách thú, không bao giờ tôi có dược những ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc đến mức chúng bắt tôi phải tâm sự với người khác? Bất cứ trong trường hợp nào, ở chỗ trưng bày thú được xây dựng một cách nhân tạo, tôi cũng nhất thiết vớ lấy một chi tiết nhỏ nhặt nào đấy và đoán ra tất cả, hiểu rõ tất cả: ở đây con thú *không có vẻ tự nhiên của nó*. Và nếu như trong rừng thật sự, tôi được thấy một con gấu đang đi qua quãng trống dù chỉ trong giây lát, thì tôi cảm thấy hình như trong giây lát ấy tôi biết về nó nhiều hơn là hằng mấy ngày tôi xem nó chạy lui chạy tới trong chuồng ở vườn bách thú, hoặc là bị xích đi trên đường phố. Thậm chí tôi nghĩ rằng, nếu tôi bắn được một con gấu trong tỉnh Matxcơva chúng ta, thì đối với tôi cái đó chẳng thích thú gì: thỉnh thoảng gấu cũng ghé lại và nằm ở vùng chúng tôi, nhưng đó chỉ là tàn tích còn lại mà thôi. Gấu đến vùng chúng tôi chỉ là do nhầm lẫn, ở đây không phải là quê hương của nó. Nhưng bây giờ thì tôi bỏ mọi việc để kể lại nỗi hân hoan, phấn khởi của tôi vì mùa xuân ánh sáng chói lọi trong những rừng taiga rậm rạp ở phương bắc, nơi các gấu cái lúc này đang đẻ, và trong khi chờ đợi mùa ấm áp sắp đến, những con gấu già và những con gấu non đang nằm yên trong giấc ngủ mơ màng. Trước mắt tôi, bây giờ là những cây thông gầy ở phương bắc, nhưng thân mạnh chắc và cao vút, trên những cây bị bão quật

gãy đứng lù lù là những chiếc gối trắng muốt làm bằng vô vàn bông tuyết sa xuống trong suốt mùa đông, những bụi cây đỗ tùng hoàn toàn bị tuyết phủ đầy, biến thành những bức tượng trắng tinh với muôn hình vạn trạng hết sức kỳ lạ. Biết bao nhiêu thân hình bằng tuyết mà tôi đã tưởng tượng ra: đây là một ông lão lạ kỳ, giống thần Điền Dã có sừng, và bộ mặt buồn rười rượi của một người đàn bà kiều diễm đáng yêu, nhưng trên lưng đeo một cái ba lô nặng, Macxim Goocki và Apôlông, các cô gái Xinvia và Ôlivia, đủ loại người ở trong rừng hoang vắng phủ đầy tuyết! Tôi đã nhận ra và đặt tên cho tất cả, và nếu đi một trăm cây số, thì tôi sẽ không mệt mỏi đọc quyển truyện mùa đông hết sức kỳ lạ của núi rừng. Và hay nhất là khi đi xe trở về thì tôi lại nhận ra những hình người tuyết ấy và dựa vào chúng để đoán xem chúng tôi đã đi đến gần nhà thế nào rồi. Nhưng hình tượng kỳ lạ, hoang đường nhất và đồng thời thực tế nhất, qua đó tôi tự cảm thấy mình, máu tim của mình, trí tuệ của mình, đó là cái đầu màu nâu sẫm nhô lên từ dưới gốc cây bị quật đổ phủ đầy tuyết. Cái đầu ấy lớn lên, giống như mặt trăng hay mặt trời đang mọc, nhô lên từ dưới đất, cũng chậm chạp, cũng không ngừng, cũng không tránh khỏi như thế, còn tôi đứng cách nó mấy bước và đưa súng lên ngắm.

Mặt trăng tròn, Sao Hôm to bằng nắm tay, Đại Hùng tinh, toàn bộ bầu trời với tất cả những ngôi sao đã chiếu sáng tuyết đến nỗi chúng tôi phân biệt được dấu chân không những của cáo, thỏ rừng xám và thỏ rừng trắng, mà thậm chí cả những chuỗi dấu

chân gà gô trắng và gà lôi nữa. Chúng tôi vui vẻ đi xe trượt như thế từ ga qua bảy cây số đến làng Zavônđôsie. Cả gia đình đông đúc của ông Paven nằm ngủ trên sàn ở hai phòng. Hổ Con chẳng ngần ngại gì hết, đi bừa qua trên mình người lớn và trẻ con. Trong nhà hôi hám, ngột ngạt. Khi chúng tôi đi vào thì mọi người đều nhanh chóng chuyển động, người ta chuyển bọn trẻ con đang ngủ sang phòng khác, chúng tôi dọn dẹp trên bàn, chiếc ấm xamôva hiện ra, và người nhiếp ảnh rất thận trọng, thì thầm hỏi ông chủ nhà có râu:

— Bác Paven Vaxilêivich này, xin bác cho biết chuồng xí nhà ta ở đâu?

Từ lúc đó, bắt đầu hiện ra vực thẳm phân chia chúng tôi, những con người liều lĩnh, vu vơ xông vào những nơi nguy hiểm, với con người muốn chụp ảnh và nêu cái đó ra. Đối với anh ta, câu chuyện của chúng tôi là câu chuyện chuyên môn thuần túy và chán ngấy, nhưng sau đó, khi đi bắn con gấu thứ hai thì chính là tính mạng của con người tùy thuộc chiều hướng của câu chuyện ấy... Tôi không có súng các bin vì không biết rõ tính chất của cuộc đi săn ấy, tôi khinh suất chỉ mang theo khẩu súng ca líp hai mươi loại nhẹ nòng trơn, với những viên đạn đặc biệt mà thôi. Tất nhiên, tôi biết rằng trong các sách đã nói rõ là đi săn gấu mà dùng loại đạn ấy cỡ hai mươi thì nguy hiểm. Khi ở nhà, tôi nghĩ rằng trong cuộc đi săn này, tôi sẽ không đóng vai trò chủ yếu và chỉ bắn khi nào những người khác gặp điều không may mà thôi. Nhưng mọi việc lại xảy ra hoàn toàn khác hẳn. Tôi là chủ nhân hang gấu đầu tiên, chủ

nhân hang gấu thứ hai là một xạ thủ bắn bia, kế toán viên của hội, dân Tiệp. Tôi gọi nhầm anh ta là người Hy-lạp, anh ta miễn lỗi cho tôi, và thế là tôi cứ gọi đùa anh là *Người Hy-lạp*. Anh ta cũng là dân lính mới như tôi trong việc đi săn gấu, nhưng anh đem theo khẩu các bin ca líp to nhất. Người đi săn thứ ba là một tay săn gấu kỳ cựu, ông ta đi chỉ như là người chỉ huy, người bảo vệ và người thầy của chúng tôi. Chúng tôi gọi ngay ông ta là *Cha Đỡ Đầu*.

— Nếu tôi, thì tôi không dám đi săn gấu với súng hai mươi, — ông nói, — nhưng chúng tôi sẽ bảo vệ cho bác, vì thế bác cứ đi đi.

Từ chối tức là mang tiếng nhát gan. Tất nhiên, cả với loại đạn của tôi may ra cũng có thể bắn chết được, nhưng... Thời nào cũng có kỹ thuật của nó và nhân tài của nó. Nếu bây giờ ngọn giáo là công cụ chủ yếu để chiến đấu với gấu, và nếu tôi dùng nó với một trình độ nghệ thuật khá cao, thì cái đó sẽ hoàn toàn không có gì lạ, vì những người không khéo léo chết, còn nhân tài chỉ chết một cách tình cờ. Bây giờ là thời đại của các bin với những viên đạn phá, cực nhanh, còn những người thủ công thì đi bắn với loại đạn như của tôi; tôi là con người không hợp thời đại, tôi không phải là con người đầu tiên — cái đó mới là bực mình thật: chẳng phải là người đầu tiên với khẩu các bin, chẳng phải là người cuối cùng với ngọn giáo, mà là con người dở dở dang dang.

— Có thể đi xem bắn con đầu, — tôi hỏi, — còn tự mình bắn con thứ hai được không?

— Được, — Cha Đỡ Đầu đáp, — nhưng có thể

con thứ hai sẽ không có, chúng ta làm động, nó sợ đi mất, thì ai sẽ là người mô tả lại cuộc đi săn của chúng ta? Và hơn nữa, tài liệu ấy thì có đáng giá gì, nếu chỉ là người chứng kiến, chính bản thân bác sẽ bực mình.

Tôi đồng ý. Cha Đỡ Đầu đề nghị Người Hy-lạp nhường cho tôi bắn phát đầu tiên không cần phải bốc thăm. Người bạn tuyệt trần kia thỏa thuận ngay. Không do dự gì cả.

Chúng tôi ngủ chỉ có hai ba giờ thôi. Là nhà ngoại giao và nhà chính trị vĩ đại trong công việc săn gấu, Cha Đỡ Đầu của chúng tôi, chỉ đến phút cuối cùng, khi mọi người đã tập hợp đông đủ và ngựa đã sẵn sàng rồi, mới bắt đầu giải thích về cái giao kèo không rõ ràng với người đi tìm thú: chúng tôi trả hoặc là sáu mươi rúp mỗi hang gấu, hoặc là chín rúp một pút gấu bắn được; trong trường hợp chúng tôi để sổng gấu thì sẽ trả sáu mươi rúp. Nhưng chúng tôi không đồng ý trả một hang thì theo trọng lượng, một hang thì theo con.

Paven suy nghĩ lung lắm về cái món bán da gấu. Và cuối cùng, khi ông nói dứt khoát là «cả hai con đều theo trọng lượng», thì Cha Đỡ Đầu rất vui mừng: thế nghĩa là cả hai con gấu đều rất to.

Ngay trước khi lên đường, Paven còn yêu cầu chúng tôi đưa cỗ xe ngựa thứ tư đi theo.

— Để cho ai đi?

Paven chăm chú nhìn Cha Đỡ Đầu, và ông này hiểu ý và bảo phải tìm gấp cỗ xe ngựa nữa. Cái đó không thể nói thành tiếng được: cỗ xe ngựa để dành cho con gấu quá cỡ mà tôi sẽ bắn chết.

Rồi người nhiếp ảnh yêu cầu một cái thang và anh nằng nặc đòi đến nỗi, cuối cùng, chúng tôi đã hiểu: anh rất cần cái thang. Chẳng mấy chốc người ta đem thang đến cùng với cỗ xe ngựa thứ tư. Người nhiếp ảnh được may mắn vô cùng.

Rất ít khi tôi được thấy hào quang rực rỡ như thế của ngày xuân ánh sáng. Rừng taiga bị những tia sáng vàng chói lọi xuyên qua, khắp nơi là những dấu chân linh miêu, cáo, thỏ xám, thỏ trắng, gà gô, gà lôi, gà rừng. Mắt không kịp nhìn thấy tất cả! Và đặc biệt trong ánh nắng phảng phất thơm mùi tuyết rất dễ chịu không thể nào tả được.

Không phải con đường, mà là vết xe trượt của ai đấy trong tuyết sâu. Những chiếc xe trượt tuyết của chúng tôi dù không phải tránh ai, nhưng thường xuyên bị vướng giữa các cây. Vòng cổ ngựa quệt vào các hòn tuyết treo lơ lửng làm chúng rơi xuống đầu chúng tôi. Trước mỗi cổng chào bằng tuyết, người nhiếp ảnh đều gọi chúng tôi từ phía sau. Chúng tôi dừng lại. Anh chụp ảnh, còn Cha Đỡ Đầu thì khe khẽ lẩu bẩu:

— Lại diễn kịch!

Rừng rất nghiêm trang. Không một đường đi, không một lối mòn và nếu là đường trượt tuyết, thì tất cả những người đánh xe ngựa của chúng tôi đều biết rõ: ai, đi đâu và để làm gì. Và cứ thế dần dần hiện ra cả đường trượt tuyết của chúng tôi nữa, mọi người dừng lại trước đường ấy: đó là dấu của người đi tìm thú ở gần hang gấu đầu tiên. Chúng tôi đứng lên, để áo lông lại trên xe trượt, đeo thanh gỗ trượt tuyết vào. Cha Đỡ Đầu và Người Hy-lạp chuẩn

bị sẵn sàng hai khẩu các bin của họ. Tôi lấy khẩu súng rất đẹp để săn chim mỏ nhác bà từ trong bao ra, lúc đó tim tôi thắt lại: đi săn gấu với khẩu súng thế này, và phát súng nhất định là của tôi.

Người nhiếp ảnh ra lệnh:

— Bác quay đầu về phía mặt trời, mặt chẳng thấy gì cả, đẩy mũ ra sau.

Cha Đỡ Đầu thì thầm với tôi:

— Đừng để ý quái gì đến hắn ta cả, bác hãy đi theo người đi tìm thú. Còn tôi cấm mọi người nói.

Toàn bộ vẻ đẹp của rừng phương bắc rực rỡ chói lọi màu xanh da trời và màu vàng óng đã biến mất. Không còn bụng dạ nào nghĩ đến nữa! Toàn bộ ý nghĩ chỉ tập trung vào điều là làm sao đừng để những thanh gỗ trượt tuyết vướng vào cành cây làm nó rơi trong băng giá với tiếng kêu răng rắc. Đi một cây số mà cảm thấy hình như mười. Và cuối cùng, đây rồi, chúng tôi đã bước qua đường vòng huyền diệu của người đi tìm thú. Paven không dừng lại, bằng tay và bộ râu ông chỉ về phía bắc trong rừng dày. Ở đây, có con gấu đang ngủ. Có lẽ, bây giờ chúng tôi chỉ cách nó chừng vài chục bước, và mục đích chúng tôi là đi vòng quanh rừng dày và trên chỗ quang đãng đứng đối diện cái lỗ gấu. Đúng lúc đó, tôi có một điều mong muốn nhất, tôi ước mơ làm sao trong giây phút cuối cùng mọi việc sẽ xảy ra thế nào để hôm nay tôi sẽ không bắn, mà chỉ nhìn xem thôi, còn ngày mai, tất nhiên, tôi sẽ vui mừng... Đã quay trở lại những phút gian khổ của thời học sinh xa xôi, khi bốc phiếu tại kỳ thi, nhưng tất cả những điều gì đã học đều bay ra khỏi đầu óc,

chẳng nhớ gì cả, và hoàn toàn nghiêm chỉnh, tôi cầu khẩn một cách thật sự: lạy trời cho tai qua nạn khỏi... Và đối với tôi, tất cả tình hình bây giờ như là câu trả lời đối với vô số những chuyện kể về săn bắn của tôi, rằng bỗng hóa ra tôi chỉ là một kẻ đi săn trên giấy và đánh lừa người khác. Và hơn nữa, nếu tôi đánh lừa với tư cách người đi săn, thì nhất định tôi cũng đánh lừa với tư cách nhà văn.

Quãng trống với những cây thông thưa thớt đã hiện ra, người đi tìm thú dừng lại và *chỉ*.

Việc của ông ta thế là xong. Bây giờ, nếu con thú nhảy ra và đi mất, thì tôi vẫn phải trả tiền hang gấu cho ông. Ông đã đạt được mục đích của ông rồi. Tôi tiến lên. Ông đi lùi trở lại. Tôi bước tới chỗ ông đã chỉ, Cha Đỡ Đầu từ bên trái đi quá tôi. Người Hy-lạp từ bên phải. Trước mặt là một số cây thông con, giữa những cây thông ấy trông rõ một gốc cây bị quật đổ, dưới đó trong đống tuyết có một lỗ đen đen to bằng cái mũ, và cái đó gọi là lỗ gấu.

Bỗng nhiên, tôi thấy lo lắng: những ngón tay bắt đầu lạnh buốt vì vô tình đụng phải thép nòng súng, và không thể sưởi được, bất cứ trong giây phút nào con thú cũng có thể nhảy ra. Cách hai mươi bước, chúng tôi thì thầm hội ý chớp nhoáng: Người Hy-lạp đi về bên phải vòng hang gấu, để phòng lỡ con gấu có lối đi ra đằng sau; Cha Đỡ Đầu đứng bên trái, ông sẽ bắn, nếu tôi bắn trật hay chỉ bắn bị thương, và con thú bị thương lao vào tấn công.

Bây giờ đây, tôi đứng một mình đối diện lỗ gấu. Cần phải tháo thanh gỗ trượt tuyết và giẫm tuyết ở chỗ đứng cho vững. Tôi bị tụt vào trong tuyết

sâu đến thắt lưng. Lỗ hang gấu đã biến mất. Bây giờ làm thế nào đây? Chẳng có sách nào viết về điều đó cả, và chẳng có người nào nói với tôi về điều đó cả. Tôi như bị cầm tù. Con gấu sẽ đi bây giờ, mà tôi không thấy nó. Còn Cha Đỡ Đầu, đứng ở chỗ cao và thì thầm bảo tôi tiến đến những cây thông con. Sao lạ thế, những cây thông con ấy chỉ cách lỗ gấu bảy tám thước thôi kia mà! Nhưng tôi vâng lời và đi đến đấy. Tôi đi qua những cây đó rồi. Tôi đưa mắt nhìn người chỉ huy. Ông gật đầu. Chân tự giẫm tuyết làm một bậc, rồi bậc thứ hai, thứ ba, lỗ gấu hiện ra gần, và cái gì đấy màu hung hung nhạt mà từ xa làm tôi rất bối rối, bây giờ không phải là con gấu rồi, mà là phía trong của gốc cây bị quật đổ. Tôi đứng vững chãi, thoải mái. Ai đã dạy cho tôi?

Ở phía sau, cái gì đã xảy ra, tôi không biết và thậm chí quên bẵng người nhiếp ảnh và cái thang của anh ta. Mọi sự kiện đều ở đằng trước, và chúng đang diễn ra và không ngừng phát triển. Người Hy-lạp lúng túng và không hiểu nhiệm vụ — giữ phía sau hang gấu. Cha Đỡ Đầu nổi giận, trên mặt hiện ra những vết trắng và đỏ. Ông vẫy tay, thì thầm to. Người Hy-lạp hiểu, đi tới, và kìa...

Bây giờ tôi cảm thấy rõ ràng và dễ hiểu là cuộc đấu tranh của con người tự do, kiêu hãnh với kẻ nhát gan trong bản thân là cần thiết, không có kẻ nhát gan thì không có thử thách.

Không thể nào tự thuyết phục mình được, cũng như không thể làm cho tim ngừng đập được, mà nó thì đập thình thịch mỗi lúc một mạnh hơn, mạnh

hơn mãi. Cảm thấy hình như đập thêm ít nữa thì nó sẽ vỡ tung ra, nhưng bỗng xuất hiện một giới hạn mà sau đó không còn đấu tranh nữa, và kẻ nhát gan vụt biến mất: mọi cái đã xong xuôi, tôi là bộ máy hoạt động với sự chính xác của chiếc lò xo thép trong đồng hồ.

Lời nói rõ ràng và khá to của Cha Đỡ Đầu là giới hạn ấy:

— Nó đang ra!

Có cái gì đấy cử động trên nền hung hung của gốc cây đổ. Tôi đợi, và đầu ruồi chĩa vào đấy không mảy may dao động. Hai tai bắt đầu hiện ra và lớn lên chậm chạp, chắc chắn và không tránh khỏi; cũng những cái tai như thế, giống như ở vườn bách thú, rồi đến đường lông giữa hai tai; nhưng tôi cần đường giữa hai mắt, và nếu cứ lớn lên mãi như thế thì đến đường giữa hai mắt còn lâu. Tất cả những việc xảy ra giống như nhìn trăng lên và chĩa đầu ruồi theo để ngắm.

Lẽ nào toàn bộ thời gian yên lặng kéo dài rất lâu như thế mà chỉ là một giây của chúng ta thôi ư? Ở khoảng cách của thời gian lạ thường ấy, thì từ sau lưng tôi bỗng nghe một giọng nói, tôi cảm thấy hình như nó vẳng lại từ một thế giới xa xưa nào đấy, nơi những con người bé tí tẹo nhúc nhích, như trong mô kiến đất. Đó là giọng của người nhiếp ảnh từ trên thang nói với Cha Đỡ Đầu:

— Bác đứng dịch về phía trái một tí!

Rất lạ lùng là con người có giáo dục và rất lễ phép như Cha Đỡ Đầu đã trả lời hoàn toàn theo kiểu nông dân:

— Mẹ mày!

Đúng lúc đó, đường giữa hai mắt rất cần thiết và chờ đợi từ lâu đã hiện ra, cũng giống hệt như trong vườn bách thú. Tim tôi ngừng đập, khi tôi nín thở, toàn bộ trí tuệ, ý chí, cảm giác, toàn bộ tâm hồn của tôi đã chuyển qua ngón tay trỏ trên cò súng, và chính nó, như con hổ, đã thực hiện sự vận động quyết định.

Chắc đó là lúc con gấu từ từ thức giấc, đứng lên, chuẩn bị để nhảy nhanh ra khỏi hang. Sau khi bắn, nó lộ rõ cho tôi thấy toàn thân với các cẳng, cái bụng, rồi ngã ngửa ra sau và lăn trượt vào trong hang.

Mọi việc đã xong, và bỗng mùa đông nở rộ. Ấm áp và đẹp đẽ làm sao! Trên thế gian này có thể có được một mùa hè tuyệt vời như thế hay không?

Người ta kéo con gấu ra. Nó không to lắm. Nhưng to hay nhỏ khác nhau thế nào? Cha Đỡ Đầu ôm hôn và chúc mừng nhân dịp bắn được con gấu ở hang đầu tiên. Người Hy-lạp đi đến, mặt mày tươi rói. Cha Đỡ Đầu xin lỗi người nhiếp ảnh. Anh ta té ra là người dũng cảm: anh đứng trên thang rất gần sau tôi, hoàn toàn không có vũ khí. Bây giờ tất cả chúng tôi sẵn lòng giúp đỡ anh. Và anh lợi dụng điều đó. Anh xếp chúng tôi đứng bên phải, bên trái, khi thì bắt cúi khom lưng, khi thì bắt nhắm bắn. Anh nặn bóp chúng tôi, như hòn sáp nung mềm, và tất cả chúng tôi chẳng sao cả. Anh chỉ còn phải chụp con gấu riêng, và để làm việc đó anh cần phải chặt một cây thông con. Sao được! Chính cây thông con ấy, mà vì có nó, có lẽ con gấu đã chọn chỗ dưới

gốc cây bị quật đổ này! Chính cây thông con ấy mà tôi thấy trước mắt, khi tôi đi đến gần nó trong tuyết sâu và lập phiên tòa phán xử tôi — tôi sẽ tiếp tục làm người đi săn nữa hay là thôi!

— Không nên! — tất cả chúng tôi đều nói.

Và không cho chặt cây thông con ấy.

III

Chúng tôi phân tích trận bắn gấu mãi đến khuya, mà trận ấy chỉ xảy ra vẻn vẹn trong vòng mấy giây mà thôi. Và sau cả một ngày lặn lội ngoài băng giá, chúng tôi không muốn uống rượu, như thường mọi khi đi bắn trong mùa đông. Rõ ràng là nguồn gốc nhu cầu uống rượu vang là do sự cần thiết những ảo tưởng trong cuộc sống không thỏa mãn được con người. Ngày hôm sau, tôi vui vẻ thức dậy rất sớm, đánh thức các bạn, và khi ngồi uống trà, chúng tôi nghe người đi tìm thú kể lại về con gấu thứ hai mà theo ông thì rất to. Làm sao ông không biết được, nếu ông đã đi qua cách nó chỉ ba bước mà thôi và chính mắt ông đã trông thấy; con gấu nằm lộ liễu giữa hai cây thông con được một gốc cây bị quật đổ chắn gió ở phía bắc. Nhưng không phải con gấu to và nằm lộ liễu làm tôi vui mừng, mà vui mừng vì tôi đã xong việc rồi và hôm nay tôi có thể làm một người chứng kiến, một người quan sát bình tĩnh. Tôi trêu đùa Người Hy-lạp:

— Này ông bạn trẻ, chúng mình sẽ xem anh làm ăn ra sao đây!

Nghe những lời ấy, Cha Đỡ Đầu chỉ mỉm cười. Ông đã từng đi săn gấu ở hang hàng chục lần rồi,

nhưng chưa hề có lần nào hai trường hợp xảy ra giống nhau cả: bao giờ cũng khác nhau, và rất thường khi người được chỉ định đóng vai trò thứ yếu lại chiếm địa vị quan trọng nhất trong cuộc đi săn. Tôi đã nói những lời ấy, tôi nhớ rõ lắm, nhưng khi chúng tôi đi xe trượt đến nơi và bắt đầu nạp đạn vào súng thì những lời ấy bay mất. Những nguyện vọng thuần túy thanh niên đã xâm chiếm lòng tôi. Tôi tưởng tượng là Người Hy-lạp không có kinh nghiệm, cũng như tôi, sẽ không biết cách bắn con gấu chết gục ngay tại chỗ được. Con gấu to lớn sẽ quật người đi săn vào tuyết và ngồi lên trên người anh ta. Còn tôi sẽ đi đến và nã hai viên đạn súng hai mươi vào giữa đôi mắt con thú. Tôi định bụng không bắn và giữ gìn đạn để phòng trường hợp bất trắc đáng sợ.

Bây giờ, chúng tôi tiến lên trên các thanh gỗ trượt tuyết theo trật tự mới: đi trước, cũng như hôm qua, tất nhiên là người đi tìm thú, theo sau ông ta là Người Hy-lạp, chủ hang gấu, rồi đến Cha Đỡ Đầu, còn sau tôi là hai đứa con trai của Paven, một đứa vác thang cho người nhiếp ảnh, đứa kia cầm thừng dành cho con gấu tương lai của chúng tôi. Hôm nay, không có trách nhiệm nặng nề ràng buộc, nên tôi nhận thấy: trên một cây thông thẳng cao vút, ngay trên ngọn chót vót, có những quả thông bình thường lấp lánh trong ánh mặt trời chói lọi, tựa hồ những quả bóng vàng, và trên những quả ấy trong vẻ đẹp tuyệt vời màu xanh da trời của mùa xuân ánh sáng có con chim gì đấy đậu trên đọt thông chĩa lên trời, như một ngón tay. Còn trong rừng rậm này chỉ có dấu chân linh miêu: gấu và linh miêu, chẳng hiểu

vì sao bao giờ cũng đi với nhau, và rất có thể, những con thú ấy cố ý tìm nhau...

Bỗng người đi tìm thú ra hiệu dừng lại. Mặt ông ta đầy vẻ lo lắng.

Con gấu đi mất rồi chăng?

Ông khuất trong rừng dày và hiện ra. Chúng tôi đi tiếp, nhưng không tin tưởng. Tiếng truyền miệng từ người này qua người khác đến tai tôi: người đi tìm thú lạc mất đường vòng. Chắc là tuyết bay là là trên mặt đất đã xóa nhòa những dấu vạch ngón tay của ông trên tuyết rồi, và bây giờ giữa những đường vòng giả, ông không thể tìm ra đường vòng bủa vây thật sự. Chúng tôi cảm thấy hình như còn xa mới đi đến chỗ con gấu. Các khẩu súng đều bấm chốt an toàn. Và tất cả chúng tôi đều nhầm, người đi tìm thú không lạc mất đường vòng, mà lạc mất hang gấu, chúng tôi đang ở trong đường vòng rồi.

Từ rừng thông non um tùm, chúng tôi đi đến quãng trống. Paven đi ra, tiếp theo ông là Người Hy-lạp, rồi đến Cha Đỡ Đầu, cả ba người cách nhau chừng mấy bước đã tiến lên đến quãng trống rồi. Tôi còn phải đi cách chừng ba bước qua hai cây thông to đứng cạnh nhau. Thậm chí từ phía sau hai cây ấy, tôi nhận thấy cả vách của gốc cây bị quật đổ, giá tôi chỉ đưa mắt nhìn xuống một tí thôi, thì tôi đã thấy được... Nhưng cả ba người đi săn đã đi qua, chẳng hiểu vì sao không đưa mắt nhìn xuống. Và nhất định chúng tôi sẽ đi qua.

Một cây vàng khô, không có ngọn, đứng trên quãng trống. Ý nghĩ cuối cùng của tôi trong trạng thái bình

thường là: «Lạ thật, người đi tìm thú không thể nhận ra đường vòng của ông ta theo cây khô rất dễ thấy này nhỉ». Và chính lúc đó thì Paven đã nhận ra và làm hiệu cho chúng tôi dừng lại. Chúng tôi hiểu là ông đã nhận ra đường vòng rồi, còn ông thì đang tìm hang gấu; chắc ông nghĩ rằng tất cả chúng tôi đều đã sẵn sàng từ lâu rồi, và bỗng nhận ra đúng chỗ hang gấu, thì ông chỉ vào tôi. Đối với chúng tôi, việc Paven nhận ra được đường vòng của mình thì chẳng quan trọng lắm đến nỗi Cha Đỡ Đầu thậm chí không ngoái lại và không nhìn về phía tôi. Còn tôi, sau khi thấy Paven ra hiệu, thì dừng lại. Đứa bé vác thang đi sau tôi cũng phải đứng lại. Và đúng lúc chúng tôi dừng lại, thì tôi nghe từ sau lưng tiếng nói thì thầm lo lắng của đứa bé vác thang:

— Bác, bác ơi!..

Sau đó, chúng tôi đo: từ gốc cây bị quật đổ ấy đến chỗ tôi đúng ba bước. Tôi nghe tiếng gầm ở đâu dưới chân trong tuyết. Tiếng gầm ấy rống lên hai lần và diễn ra cũng là cái hôm qua mà chính mắt tôi đã trông thấy, khi bên trong lỗ tối đen, dưới gốc cây bị quật đổ, có cái gì đấy cử động và dần dần có hình dạng cái đầu con gấu. Tôi bỏ thanh gỗ trượt tuyết ra và ngập sâu trong tuyết. Nhưng nhanh như chớp, khẩu súng tì vào vai, mắt tôi nhìn thấy — không phải là mắt thường, mà qua bản ngắm và đầu ruồi — không hoàn toàn giống như mắt thường. Lúc đó, một ý nghĩ rất rành rọt trong đầu tôi: «Đang xảy ra điều giống hệt ngày hôm qua, tất cả những cái đó quen thuộc lắm rồi, hãy hành động đúng như ngày hôm

qua». Và cũng thời gian chậm chạp ấy bắt đầu: nó lớn dần, lớn dần... Đấy, đường lông quen thuộc giữa hai tai trở nên rộng hơn, rộng hơn nữa, sắp đến đôi mắt nhỏ hiện ra và tất nhiên, lúc đó thì mọi việc sẽ kết thúc tốt đẹp như ngày hôm qua: hôm nay đầu ruồi của tôi còn vững hơn, trên trái đất này không có loại thép nào có thể giữ nó vững được như thế, như cánh tay của tôi. Và bỗng đường lông trên trán trở nên không phải rộng hơn, mà hẹp hơn, đi lùi phía sau, cái mũi hiện ra và lộ rõ cái họng rất rộng. Làm thế nào đây? Cái đó thì tôi không biết, cái đó thì chưa ai nói đến cả, tôi phải nhằm đâu mà bắn, cái họng to thế cơ mà. Đúng nhất là phải chia đôi ra và nhằm đúng giữa. Thường người ta bắn như thế, khi không còn thì giờ để hiểu tường tận và người đi săn bấm cò với ý nghĩ vô lý trong giây phút cuối cùng: «ra sao thì ra». Ngón tay trỏ của tôi lần này không tập trung cả toàn bộ người tôi và dường như không phải tự nó, mà theo một mệnh lệnh không rõ rệt của tôi «ra sao thì ra», nó làm một động tác...

IV

Tôi cảm thấy hình như mọi việc đang xảy ra trên một khoảng rộng mênh mông đến nỗi những xạ thủ đứng cách rất xa tôi, nhưng sau đó, chúng tôi kiểm tra với nhau hồi lâu một cách chính xác thì thấy rằng: Cha Đỡ Đầu đứng cách tôi bốn bước, Người Hy-lạp cách Cha Đỡ Đầu sáu hoặc bảy bước. Nhưng nếu đã gần như thế, thì vì sao Cha Đỡ Đầu không bắn vào thái dương con gấu, khi nó chồm lên gần

như bên cạnh tôi? Chính ông biết rõ hơn ai cả là bắn vào cái cổ to rộng thì chỉ có thể đoán may rủi chỗ đốt sống của nó mà thôi, và nếu có đoán được đi nữa, thì loại đạn khẩu hai mươi của tôi trúng vào mỏm xương đốt sống có thể không phá hủy được cột sống chủ yếu; ông cũng biết rõ hơn ai cả là chỉ một cử động co giật của cẳng chân con thú bị thương nặng cũng đủ lấy mất đầu tôi. Cái chết của tôi không thể nào tránh được, thế mà Cha Đỡ Đầu lại không bắn. Thế thì hiểu sao được?

Chính trong đó có cái kỳ lạ nhất khi đi săn loài thú nguy hiểm. Hóa ra, khi hỏi đứa bé vác thang cho người nhiếp ảnh, thì nó kể rằng nó đã thấy con gấu do cử động của cẳng chân dưới gốc cây bị quật đổ, một cẳng che mắt con gấu nhắm lại khi ngủ, bắt đầu từ từ duỗi ra, và lúc đó thì nó nói «bác, bác ơi!» Và hơn nữa, tất cả những việc ấy: con gấu bò ra khỏi hang, lớn lên cao hơn tôi đứng ngập trong tuyết, lộ rõ cái họng của nó, đồng thời một loạt liên tục những ý nghĩ và hành động cho đến việc ngón tay trỏ ấn cò, — toàn bộ thời gian ấy không đủ để Cha Đỡ Đầu quay lại khi nghe tiếng thú gầm và đứng vững vàng trên những thanh gỗ trượt tuyết để bắn. Người Hy-lạp thấy tất cả, nhưng lúc đó ngay sau con gấu những người đánh xe ngựa hiện ra, vì tò mò họ từ xa lén lút đi theo chúng tôi và lúc đó họ vừa vặn đến đây. Người Hy-lạp thấy người trước đầu ruồi, trong giây lát anh luống cuống.

Hơn nữa, cần phải có một thời gian vô cùng ít ỏi để đẩy cái chốt an toàn, nhưng khi tôi đã bấm

cò và không có tiếng nổ bắn vào con thú đang gầm, thì tôi đưa mắt nhìn chốt an toàn, đẩy lại cái chốt sang phía bắn được và lại muốn ngắm, thì thấy mông đít rộng của con thú xa dần, thấp thoáng trong rừng dày. Chẳng kể gì các cây, tôi nã hú họa hai viên đạn vào đấy, như bắn chim mỏ nhác bà. Ở trong rừng thông non ấy, từ phía Người Hy-lạp đứng mặt trông vào sườn trái con thú đang đi, chắc có chỗ hở nào đấy, và xạ thủ tuyệt trần ấy đã lợi dụng giây phút ấy và cũng bắn hai phát. Tôi thấy rõ — con gấu quay phắt lại về phía tiếng súng, và với vết thương đỏ ối, to bằng bàn tay, ở bên hông trái, nó lộ liễu đi qua quãng trống về phía Người Hy-lạp. Cha Đỡ Đầu không thấy động tác đó của con thú, tôi kêu to cho ông ta: «Nó đã quay lại, bắn đi!» Cha Đỡ Đầu tiến lên một bước, thấy tất cả và bắn. Và cũng giống như trước đó, con gấu lại quay về phía tiếng súng. Trong nháy mắt đó, đầu của nó lộ rõ ra cho Người Hy-lạp; anh này bắn, và con gấu ngã gục mũi vào tuyết và nằm lại trong đó bất động như một vệt nâu sẫm.

Và tất cả những việc đó, từ đầu đến cuối, xảy ra — có ai mà tin được? — chỉ trong một phần của phút thôi! Cha Đỡ Đầu mặt trắng bệch như tuyết, đi đến gần tôi và nói: «Bác trắng làm sao!» Người Hy-lạp cũng nói với Cha Đỡ Đầu như thế, như hai chúng tôi. Trong khi đó trong lòng chúng tôi không hề cảm thấy sợ sệt tí nào cả, vì kẻ nhát gan của chúng tôi đã đi chơi đâu đấy rồi và không kịp chạy đến làm phiền chúng tôi, khi chúng tôi đang phải đương đầu với con gấu bất thình lình thức dậy. Thế thì

vì sao mặt chúng tôi đều trắng bệch ra? Và hơn nữa trong sự bình tĩnh lạnh lùng ấy của tôi, tôi thấy thoáng hiện ra hồi ức, có liên hệ đến ngày hôm nay, của mối nguy hiểm đến tính mệnh trong thời gian nội chiến: tiếp sau mối nguy hiểm cũng có sự bình tĩnh trầm ngâm như thế, rất giống như khi bị nhức đầu rất dữ, ta uống liền một lúc hai liều thuốc piramiđon có cafêin và đầu bắt đầu thấy dịu bớt.

Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là cả mặt Paven cũng trắng bệch. Ông không thể phân biệt được sự khác nhau giữa loại đạn súng hai mươi của tôi và đạn các bin cực nhanh, ông cũng không thấy phía sau con gấu có người đi cơ mà. Ông tin tưởng vào kinh nghiệm săn bắn của chúng tôi ngay lập tức, không hề nghi ngờ chút nào rằng cả ba chúng tôi sẽ không để sống con gấu, nếu ông đã chỉ đúng. Tôi cảm thấy hình như chính chỗ đó là lý do chủ yếu: ông phải chỉ hang gấu và sau đó thì ông mặc kệ tất cả — chúng tôi bắn chết hay con thú đi mất cũng thế thôi, nhưng cơ sự xảy ra thế này, ông lạc mất hang gấu, con thú thức dậy bất ngờ đối với chúng tôi và đi xa. Nếu nó đi mất, thì mất tong mười hai pút rưỡi, mà mỗi pút chín rúp, vị chi một trăm mười hai rúp năm mươi côpêch! Phải tưởng tượng cả cuộc đời của ông ta với bánh mì đen cứng như đá, đầy một nhà trẻ con từ đứa ẵm ngửa trở lên, hằng ngày trượt tuyết hàng hai mươi cây số để kiểm tra hang gấu, thường xuyên ấp ủ trong lòng một niềm vui, nghĩ rằng con thú nằm đấy rất to và đắt tiền... Thế mà bỗng con thú đang đi mất trước mắt! Này, ông bạn

người Matxcơva dũng cảm, nếu bạn cũng bị như thế thì mặt bạn cũng trắng bệch ra.

V

Tinh thần bám riết dai dẳng của chúng tôi vào phút hồi hộp, xúc động ấy, sự sẵn sàng phân tích, mổ xẻ nó mãi không thôi, tất nhiên là do những quy luật chung của bản chất con người vớ lấy một giây phút và lặn hụp trong đó suốt đời. Nhưng ngoài tất cả những cái đó ra, những cái chung đối với mọi người, mỗi một chúng tôi đều có một sự quan tâm riêng của cá nhân: thật ra, viên đạn cuối cùng trúng vào đầu đúng là của Người Hy-lạp, không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng nếu không có viên đạn ấy thì cũng rõ ràng là con thú đã điên cuồng rồi và sắp ngã gục, — thế thì trong chúng tôi, ai là người bắn con thú phát quyết định và bắt nó dừng lại? Mỗi một người chúng tôi đều rất quan tâm đến phát súng ấy và bất giác hình dung cảnh tượng phù hợp với ý muốn thầm kín của mình. Trong khi cố giấu điều đó, chúng tôi nhún nhường nhau và làm sáng tỏ chút ít điều gì đấy, nhưng chỉ có điều là sự che đậy ấy có thể xác định một cách chính xác vai trò của mỗi người trong cuộc chiến đấu với con gấu kia.

Thật hết sức khó khăn mới kéo được con gấu từ rừng đến đường, và ban đêm nó được chở về làng. Sáng sớm, người ta đưa nó vào nhà, để cho tan giá và bắt đầu mổ bụng. Bây giờ tôi rất tiếc là không còn bức ảnh kỷ niệm. Con gấu nằm ngửa, hai chân sau duỗi về phía bàn thờ chúa, còn hai chân trước

của nó ở gần lò sưởi, rất giống những cánh tay khổng lồ mọc đầy lông đưa lên quá đầu để ôm lấy cái lò sưởi Nga khổng lồ và thẳng cánh quật mạnh nó lên người tôi. Tôi cảm thấy một cách thảm hại sự yếu đuối, hèn mọn của toàn thân tôi, và cái đó đưa tưởng tượng của tôi đến thời đại hết sức xa xăm, khi con người có một sức mạnh rất phi thường và đương đầu ngang tài ngang sức với con gấu. Trong thời đại đồ đá, tổ tiên chúng ta đã đi săn voi mamut, còn bây giờ người kế toán, trọng tài của chó săn nòi và nhà văn cùng với nhà nhiếp ảnh đi săn con gấu khổng lồ cuối cùng của rừng núi.

Chiếc dao con đã bắt đầu hoạt động, nó mổ ra trong bì gấu đen sẫm lớp mỡ dưới da.

— Giá chụp ảnh thì tốt nhỉ, — tôi nói với người nhiếp ảnh.

— Cảnh này không hay, — anh đáp và bỏ đi.

Mới nhìn qua vết thương ở hông trái làm con gấu từ rừng thông con quay phắt lại đến quãng trống và lộ mình cho tôi với một vệt đỏ to tướng bên hông ấy, thì thấy rõ rằng những viên đạn của tôi chẳng có quan hệ gì đến đấy cả; và chắc là không bay được đến con gấu, chúng đã bị vướng trong rừng thông non rậm rạp. Vết thương đó do đạn cực nhanh nổ tung. Đạn nổ đã làm gãy ba xương sườn, và một mảnh xương tìm được trong tim. Lớp kim loại bọc ngoài viên đạn cùng với nhiều mảnh cũng tìm được trong tim, phổi bị xuyên thủng, như bị trúng đạn ria. Và với vết thương như thế con thú đã có thể chạy thêm bốn mươi bước nữa! Nếu nó không quay lại phía những người xạ thủ, mà xông đến những người

đánh xe thì sao? Người Hy-lạp đã làm cho con gấu bị vết thương ấy bằng một trong hai phát đầu tiên của anh. Viên đạn của Cha Đỡ Đầu chui vào dưới xương bả vai bên trái, trúng vào màng ngoài tim, nổ tung ở xương sườn bên phải và hoàn toàn phá hủy phổi bên phải. Thế mà con thú vẫn chạy thêm mấy bước nữa sau vết thương thứ hai ấy. Chỉ có viên đạn cuối cùng của Người Hy-lạp đã nạp lại vào súng các bin, trúng đầu, vàn con thú ngã gục xuống tuyết. Nhà sinh lý học khó tin những lời của tôi đã kể, nhưng mọi việc đúng là như thế. Sức sống dai dẳng của con gấu làm tôi hết sức ngạc nhiên. Trong khi đó, Paven nói rằng con gấu ấy có vuốt ngắn và to không đụng đến súc vật chăn nuôi. Tôi không tin điều ấy của những người đi săn nói rằng dường như con gấu hung dữ, nghịch ngợm thì nhất định phải có vuốt dài và mỏng. Nhưng qua đó tôi hiểu rằng: không phải con gấu nào cũng lăn xả vào đàn súc vật chăn nuôi cả, phần lớn chúng đào mô kiến đất, ăn quả dâu đất, quả mâm xôi, nhẫn nại nhặt nhạnh những rễ cây đủ loại và mật ong. Con gấu phải có một sự hiểu biết thế nào về rừng núi, phải tốn bao nhiêu công sức để từ những vật liệu nghèo nàn thế kia tạo thành được cho mình những bắp thịt chặt chẽ màu xanh! Còn Người Hy-lạp, hằng ngày bận rộn công việc kế toán, đã xin của bạn một chục viên đạn cực nhanh và bắn chúng, mà rất có thể anh ta không hiểu được phải làm những viên đạn ấy như thế nào. Và người làm ra chúng, một nhân viên nào đấy trong phòng thí nghiệm vị tất cũng biết bắn chúng và thậm chí ít quan tâm đến cả mục

đích của chúng nữa: anh ta chỉ muốn làm ra, còn người kế toán chỉ biết bắn. Có lẽ đây là nguyên nhân vì sao con gấu tập hợp trung được vào trong mình nó toàn bộ sức mạnh của rừng núi một cách không thể phân chia và có một sức sống dẻo dai đến thế...

Cũng hơi thương con gấu, nhưng danh tiếng thì tốt đẹp, thật là danh tiếng lừng lẫy!

Sự phát triển của danh tiếng chúng tôi đã bắt đầu ở nơi kia, nơi loài gấu đang sống và thường xuyên gặp người trong các bụi mâm xôi. Già trẻ, lớn bé đổ xô đến đón con gấu, và sau đó cứ xem họ có thái độ đối với con gấu thế nào, họ nhìn, nói, nâng, lắc con gấu — thì thật khó mà không nghĩ rằng cái thích thú hăng say đặc biệt ấy đối với chúa sơn lâm lại không phải là tàn dư của sự sùng bái cổ kính đối với con gấu. Chính gần đây, khi ở nhà tôi đã đọc những bài báo mới nhất của các nhà khoa học săn bắn nói rằng dường như không bao giờ người ta nâng con gấu lên trên ngọn giáo được và không thể nào dùng ngọn giáo giết nó chết được, rằng những chuyện kể về môn đi săn với ngọng iáo chẳng qua chỉ là chuyện bịa đặt, — thì bản thân tôi bắt đầu suy nghĩ về điều đó và thấy ham mê nguồn gốc của giai thoại ấy. Bây giờ, các cụ già mang một ngọn giáo han gỉ đến con gấu đã bị bắn chết, chỉ một cách chính xác, thời xưa người ta đã sử dụng nó thế nào: hình như người ta ném cái mũ vào mõm con gấu đang chồm lên, con gấu bị trì hoãn lại, và lúc đó một người đâm ngọn giáo vào nó, còn người thứ hai lấy rìu bổ vào gáy nó. Bác Ecmôsa biết giỏi hơn mọi người

về môn đi săn với ngọn giáo, nhưng tiếc rằng bây giờ bác đang chở gỗ trong rừng: bác Ecmôsa ấy không những chỉ hiểu về môn đi săn với ngọn giáo, mà thậm chí đã có lần dùng thắt lưng da đánh chết một con gấu cũng khá to.

Trong làng tiếng ồn nhao nhao mãi cho đến khi chúng tôi đánh xe đến ga. Trưởng ga là người mới, anh ta thất kinh, khi nghe tôi xin chở con gấu mà không gói bọc gì hết. Sau đó, anh chạy đến lục các sách tra cứu thể lệ, và coi con gấu bị bắn chết cũng như gia súc làm thịt, anh đòi đưa việc này cho người kiểm tra thú y xét. Lúc đó, Cha Đỡ Đầu nói và kể chi tiết cho trưởng ga nghe ngày xưa người ta có thái độ thế nào đối với con gấu bị bắn chết. Thời bấy giờ, người đi săn chở con gấu đến Matxcova mà không gói bọc gì hết, và danh tiếng của anh ta lớn lên từ ga này đến khác. Ở Matxcova, người ta chở con gấu chẳng che đậy gì hết trong xe trượt tuyết đến thẳng nhà người thợ thuộc bộ lông thú tên là Lôrenxơ. Ở đấy, người đi săn đặt ông thợ làm con thú nhồi rơm, hay là tấm thảm. Lôrenxơ nhận con gấu, và khi bắt đầu mổ gấu thì ông mời người đi săn đến xem đạn trúng vào đâu...

— Chuyến đi săn này tốn nhiều tiền lắm, — Cha Đỡ Đầu nói, — ngoài danh tiếng ra, người đi săn chẳng được gì cả, và trong trường hợp thế này thì việc gì chở con gấu đi mà phải gói bọc!

Sau đó, người trưởng ga trẻ tuổi đồng ý và đọc cho tôi viết giấy cam đoan:

— Tôi gửi con gấu theo tàu mà không gói bọc gì hết và xin nhận trách nhiệm về mọi hậu quả sau này.

Trên đường đi con gấu không sống lại, và chẳng có hậu quả gì hết cả; nhưng ở Vôlôgđa tôi bị mất cắp cái ví trong đó có biên lai hành lý chở con gấu. Tôi rất lo lắng, sợ rằng ở thị trấn lại sẽ gặp lôi thôi về nguyên tắc giấy tờ, vất vả mãi về việc nhận con gấu và cuối cùng thì lũ chuột ăn hết nó ở trong kho hành lý. Sau khi ghi số biên lai của da con gấu khác, tôi mời các bạn làm chứng và gõ cửa phòng của quận công an chúng tôi. Trong đó không có ai cả. Tại chỗ làm việc không có người cân hàng. Chúng tôi thấy tất cả những người ấy cạnh con gấu, và cùng với họ là cả một đám đông người. Người đánh xe ngựa chở hàng đi đến, người ta khiêng gấu vào xe. Hàng chục học sinh chạy ùa theo những chiếc xe trượt tuyết, dân phố người thì đứng trong cửa sổ nhìn ra, người thì chạy ra đường xem. Đến ba giờ chiều, cả thị trấn trầm trồ nói về con gấu, những người quen và không quen gọi điện thoại, chúc mừng, ngạc nhiên, hỏi han.

Ba năm tôi ở tại đường phố của mình, mọi người ở đây biết tôi, nhưng ngày hôm sau khi đến, tôi phải nói địa chỉ tôi là: «Ở cạnh nhà Mencôp», mà Mencôp là người lột bì ngựa. Ở trong huyện, khi thuê ngựa, tôi thường nói: «ở cạnh nhà Mencôp».

Nhưng bây giờ tôi đã bắn được con gấu. Bọn trẻ con kính nể nhường đường. Tôi nghe người ở thị trấn nói chuyện với nhau, khi ngồi trên ghế dài cạnh nhà của họ:

— Điên tiết lên thì đến con gà mái nó cũng xông vào đá cho, huống chi là con gấu.

Tôi nghe thêm những câu này nữa:

— Bây giờ người lột bì ngựa ở đâu?

— Ở cạnh nhà người đi săn.

— Có phải là ông ấy bắn được con gấu không?

— Chính ông ta, nhà văn nổi tiếng cả tỉnh Matxcova đấy.

Và họ nói có lý, bây giờ tôi hiểu như thế. Thời gian tồn tại của văn tự, so với hàng nghìn năm trôi qua từ khi con người bắt đầu chiến đấu với con gấu trong hang động, thật là ít ỏi, không đáng kể.

1925

BỐN MÙA

Nhiều người ngắm nhìn thiên nhiên, nhưng ít người thông cảm nó, và thậm chí những người thông cảm cũng không mấy khi hòa hợp được với thiên nhiên để cảm thấy trong đó tâm hồn của chính mình.

THÁNG GIÊNG

ĐƯỜNG XUÂN

Hôm qua trời nắng. Mùa xuân ánh sáng đã bắt đầu trên đường. Tia nắng sưởi, sưởi mãi con đường, một chiếc ô tô chạy qua và vết xe lấp lánh ướt. Trên tuyết bàn chân còn kêu lạo sạo, khi đi chiếc gậy còn rít lên, nhưng trên vết xe đất đã lộ ra rồi, và chính ở đây bàn chân đi ủng dạ đã trượt.

Mùa xuân ánh sánh đã bắt đầu như thế trên đường.

CÂY HOA HÌNH TÁN

Trên đường nhựa, xe cộ làm phiền tôi. Tôi băng qua rãnh và đi trên tuyết đến rừng. Giữa cánh đồng và dải rừng có một khu đất hoang với những mô đất và những bụi cây. Trên các mô có những cây hoa hình tán cao, khô và xám. Trên mỗi cây đều có

một hòn tuyết trắng muốt nằm trong tán. Trên một hòn tuyết có con chim thụy hồng sặc sỡ tuyệt đẹp đậu, và nó đậu khéo đến nỗi hòn tuyết đối với nó thật là vừa vặn để có thể từ trên cao mổ được hạt trong tán: mổ được một thì mười hạt rơi xuống dưới, điểm những chấm đen trên nền tuyết trắng muốt.

Chim thụy hồng chẳng tiếc gì những hạt rơi cả: khi tán trống rỗng — ở đây có nhiều tán — thì nó bay sang tán khác, còn những hạt rơi xuống dưới cũng chẳng mất: chim vành khuyên sẽ nhặt, còn những hạt bị tuyết phủ cũng chẳng mất: nước mùa xuân sẽ cuốn chúng đến chỗ khác, vì có phải bao giờ những cây hoa hình tán cũng chỉ mọc ở một chỗ mà thôi đâu.

THÁNG HAI

NHỮNG CƠN BĂNG GIÁ CUỐI CÙNG

Trước những cơn băng giá cuối cùng, có khi trời trở ấm, chim chóc ngỡ là đã đầu xuân: đa đa rộn ràng gọi nhau và bắt đầu tìm đôi tìm cặp trước khi xuân về.

Con gà lôi gọi mái thật to đến nỗi con người nghe thấy thế cũng lầm tưởng xuân về, và nếu còn trai trẻ và có thì giờ rãnh thì sẽ lầu bầu cái gì đấy chẳng ai hiểu được.

TUYẾT TRÊN CÀNH

Những hoa tuyết long lanh như sao, giờ đây từ trên trời cao sa xuống, lấp lánh khác nào một cơn mưa tia sáng trầm lặng trong không trung gần ta và

đọng lại trên những cành cây, do đó cây óng ánh suốt từ trên xuống dưới, nổi rõ mỗi một cành con, mỗi một mầm non chưa hé trong mùa đông.

CỘT ĐÁNH DẤU KHU RỪNG

Mùa xuân ánh sáng đã bắt đầu rồi, khắp nơi trong rừng những con mắt màu lam mở rộng. Những hoa tuyết lặng lẽ bay, và thú vị biết bao khi theo dõi từng hoa một, xem nó sa xuống đâu. Còn khi đã xem chán chê rồi thì tự hỏi mình: vì sao tất cả những hình dáng do hoa tuyết rơi tạo nên đều có dạng tròn nhỉ?

Có phải vì mỗi một cành cây đều cố vươn lên cao và mỗi một hoa tuyết đều sa xuống thấp, nên trong cuộc đấu tranh để giành lấy thấp và cao thì bất cứ vận động nào đều tạo ra vận động theo vòng tròn cả không?

Chỉ có khác là hoa tuyết rơi xuống, còn cành cây dù cố vươn lên cao, nhưng chậm chạp, và đến mùa đông nó chỉ trỏ lên trời mà chính nó thì đứng yên không vận dộng.

Chẳng hạn như chiếc cột đánh dấu này, ở bên trên cưa bằng như một khoanh tròn, và ở trên khoanh tròn bằng phẳng ấy những hoa tuyết rơi xuống tạo thành chiếc mũ tròn.

TRONG THÀNH PHỐ

Hôm nay ngày nắng và băng giá. Khi mặt trời khuất sau đám mây đen, băng giá vẽ lên mặt kính cửa sổ những cành cây nhiệt đới và rong tảo các biển

ẩm. Khi mặt trời lại hiện ra, thì băng giá từ bỏ ước mơ không thể thực hiện được của nó về những miền nhiệt đới và khóc sướt mướt, những giọt lệ chảy ròng ròng trên mặt kính.

Trò chơi của mặt trời với băng giá kết thúc, khi tất cả những đám mây đã bay đi khỏi bầu trời và những tia nắng không chỉ làm khô hết những giọt nước trên mặt kính, mà thậm chí còn sưởi nóng mặt kính. Băng giá không có gì để bám vào mặt kính được ngay cả khi bóng dương đã lặn và trời đã tối.

Lúc đó khách đến nhà chúng tôi. Và khi nhìn qua mặt kính sạch sẽ từ tầng sáu ra những tòa nhà hộp, khách nói:

— Chà, đẹp quá!

LÂU ĐÀI THỜI NIÊN THIẾU CỦA TÔI

Hôm nay, tôi đi từ sáng sớm để chữa bệnh bằng băng giá ban mai.

Từ tám giờ sáng, mặt trời còn chưa cao quá nóc nhà, và những tia nắng trên đường phố Oocđưnca còn rất thấp, tạo ra một mái nhà tia nắng trên tất cả các ngôi nhà. Do đó ở dưới thấp, dưới mái nhà tia nắng, bóng tối màu lam đọng lại, và trong đó nghe rõ con quạ khoang đang xù lông lên và con chim sẻ — sứ giả mùa xuân ánh sáng — nấp trong tường chiêm chiếp kêu vang.

Còn những ngôi nhà trong bóng tối màu lam càng xa dần càng nhỏ dần và càng xanh lam hơn. Và xa hơn nữa, ở đâu đấy rất xa, tòa lâu đài thời niên

thiếu của tôi nổi cao lên, xanh lam ở phía trước. Hồi ấy, tôi ngu ngốc và không xứng đáng, nên đã không vào được trong lâu đài ấy, còn bây giờ tôi đi đến gần nó, và nó mỗi lúc một gần hơn thì lòng tôi thắt lại vì niềm hy vọng hân hoan rằng, có thể, giờ đây trong lâu đài đó người ta sẽ nhận ra tôi đã trở thành thế nào rồi.

Ở đây, người ta không nhìn vào mái tóc bạc, ngược lại, coi mái tóc bạc là thành tích và sẽ không đuổi ra nữa.

THÁNG BA

MÙA XUÂN

Tôi nhận thấy là trong tâm hồn của con người hiện đại mùa xuân đến sớm hơn, so với những thời xa xưa, khi cuộc sống bình tĩnh hơn nhiều.

Hồi trước vào tháng hai trong thành phố không ai nói đến mùa xuân, còn bây giờ thì khắp nơi chỉ nghe nói: mùa xuân!

THỜI GIAN LỚN

Hôm nay, lại cũng như hôm qua, ban mai tươi sáng và băng giá nhẹ. Bây giờ thì ai cũng bảo rằng thời tiết thay đổi, và câu nói đó rất phổ biến, dù chỉ cách đây chín năm đã có lần băng giá mùa đông 40 độ âm.

Tất cả đều do thời tiết nằm trong thời gian lớn, còn con người nằm trong thời gian nhỏ, mà khi những cái nhỏ nhận xét cái lớn thì nhận xét qua bản thân.

NHỮNG NGÀY LẤP LÁNH

Ngày này qua ngày khác lấp lánh tuyệt đẹp đến nỗi trong mộng cũng không hề thấy được. Các cô bé nhảy dây. Ánh sáng ở Matxcơva ôm nâng con người lên. Những ngôi nhà lấp lánh trong ánh sáng và vui mừng với bóng râm: ánh sáng và bóng râm — tất cả đều tốt!

ĐI DẠO

Những ngày nắng ráo. Giá ban mai xanh lam và ban chiều những con suối rụt rè, cả ban đêm lẫn ban sáng hiện ra trên những mái nhà khô.

Trên đường phố, một ngôi nhà đồ sộ bị đổ sụp, tường nhà bằng gạch chưa làm xong, trong tường rải rác đây đó những hốc con: một số do khi xây tường mà có, một số sau khi gạch đổ tạo ra. Giờ đây trong mỗi hốc ấy có một con chim sẻ đậu, và người qua đường không thể thấy được. Chúng kêu chiêm chiếp theo nhạc điệu mùa xuân, kêu đều đặn, không ngừng như chiếc đồng hồ.

Nhưng những con chim sẻ ấy vui mừng trong những hốc con tăm tối thật đúng là chiếc đồng hồ không do con người sáng tạo, của mùa xuân ánh sáng. Một số người qua đường móc túi, xem đồng hồ và dấn bước. Nhưng những người khác thì trái lại, — khi nghe chiếc đồng hồ mùa xuân ấy, họ dừng lại, mỉm cười, đưa mắt lang thang nhìn trên tường hồi lâu, và cuối cùng, thấy được con chim sẻ thì mặt tươi lên họ nhìn quanh và vui mừng vì bóng râm màu lam của đường phố dưới mái nhà tia nắng.

MÙA XUÂN ÂM THANH

Từ sáng băng giá nhẹ, còn đến trưa mặt trời ở Matxcơva đã tạo ra những vũng nước, và đến tối khi nước hơi đóng băng, thì ngào ngạt hương thơm mùa xuân đầu tiên.

Trong thời gian này, ở trong làng, những người lãng tai bắt đầu nghe rõ hơn, điều đó cũng đã xảy ra cả với chúng ta nữa: tất cả chúng ta đều bị mùa đông làm cho nặng tai một tí.

Và bỗng, tôi nghe được một cách khác trước những giọng nói từ xa hay tiếng lách tách của những giọt nước rơi gần, và cả những lời của ai đấy nữa, dường như có người nào đấy gọi tôi.

Tôi mới phát hiện được điều này không lâu và gọi đó là mùa xuân âm thanh.

Hôm qua thì trời trở ấm. Buổi tối, tôi đội mưa lần mò về nhà, vừa đi vừa đoán nên giẫm chân ở đâu để không bị xe ô tô bắn bùn bẩn vào người, nhưng trong tâm hồn thật là khoan khoái: vì không phải chỉ một mùa xuân này, mà tất cả mùa xuân đã đi theo tôi trên đường phố, và không phải lần đầu tiên tôi hiểu được sự tỉnh lại của âm thanh.

BAN MAI TƯƠI SÁNG

Hôm qua tuyết sa suốt ngày, và trong một đêm tuyết sa hết: ban mai vô cùng tươi sáng bắt đầu, tuyết trắng tinh sáng rực, những làn khói vui vẻ tỏa lên từ mỗi mái nhà.

NGÀY U ÁM

Trời ấm áp và u ám. Sau đó, những vệt trống sáng màu lam hiện ra trên bầu trời, mỗi lúc chúng một rộng ra, rộng ra mãi, và trên nền lam những mảnh, những màn khói và những miếng chăn đêm rách nát bay qua như những chiếc tàu nhỏ có những cánh buồm xám.

LOÀI QUẠ NHỎ ĐÃ BAY ĐẾN

Tôi thấy những con quạ nhỏ ở khắp nơi trên tuyết. Rõ ràng là chúng đói, chẳng kiếm được gì để ăn cả, vì tất cả đều bị tuyết phủ, chúng chạy lăng xăng trên những cặp chân dài, để cho người đến gần vẫn không bay, mà chạy, chạy mãi. Buổi tối, từ những tổ của chúng đã nghe vang tiếng kêu «cạ cạ».

BUỔI CHIỀU NỞ RỘ

Trên khắp cả bầu trời chỉ có hai điểm trắng phau, nhỏ xíu, nhất thời. Buổi chiều nở rộ trong ánh hoàng hôn bằng muôn nghìn bông tuyết xanh lam và dải rừng hồng thắm, còn bầu trời khắp nơi rực rỡ cháy...

Đã ba ngày liền trời nắng, băng giá nhẹ, tuyết vẫn còn sâu. Và cứ như thế tuyết sẽ dần dần tan rất lâu cho đến ngày xám xịt đầy mây đen và mưa dầm. Chỉ lúc đó thì chim chóc mới hiện ra.

CUỘC SỐNG THẦM LẶNG

Trên bãi bồi, trong những trưa nắng nóng, từ dưới tuyết những dòng nước tuôn chảy, còn ban

đêm thì chúng đóng băng lại. Đôi khi những mương nước bé nhỏ ấy chảy qua lối mòn, tôi đi mà quanh chân kêu răng rắc. Những ai đi đôi giày yêu thích — đôi ủng dạ bọc trong những chiếc giày cao su làm bằng lốp ô tô — thì giờ đây chỉ đi qua bãi bồi vào buổi sáng mà thôi.

Nhưng dòng sông vẫn còn bị phủ đầy tuyết và chưa hiện rõ, chỉ có ở các bờ dựng đứng hướng về phương nam, những bụi liễu đã lộ ra và chắc là trong đầy cuộc sống thầm lặng của côn trùng đang sôi nổi.

MẶT TRỜI THÁNG BA

Cũng như hôm qua, đến trưa, chắc mặt trời sẽ ló ra. Ở Matxcơva, trên các đường phố chính thật sạch sẽ, thật tươi sáng, và lại thật muốn sống, và thật cảm thấy mình thông minh hơn và tâm hồn tốt đẹp hơn.

Trước kia, trong ánh mặt trời tháng ba, tôi thấy hoa trên những chiếc áo len, còn giờ đây, tôi thấy hoa trong mắt con người: trong ánh sáng ấy mắt nhiều người nở hoa — cả những đôi xanh lam, cả những đôi xanh biếc, cả những đôi lục sẫm, và tôi cảm thấy hình như ở đâu đây thoáng hiện những đôi mắt tim tím nữa.

NHỎ XUỐNG TỪ MÁI NHÀ

Trên đường phố Cầu Thợ Rèn* có cái gì đấy từ trên cao nhỏ xuống trúng vào đầu mũi tôi. Tôi nghĩ thầm: đó là giọt nước vàng rực rơi từ mái nhà.

* Ở Matxcơva. — *ND.*

Nhưng bỗng con chim sẻ từ trên ấy kêu lên chiêm chiếp, và đó là con sẻ đầu tiên của mùa xuân ánh sáng năm nay. Và tôi hiểu ra: đó không phải là giọt nước vàng — đó con chim đã nhỏ xuống mũi tôi.

Nhưng tôi vui mừng vô hạn được đón mùa xuân ánh sáng trong thành phố đến nỗi tôi coi việc ca sĩ đầu tiên của mùa xuân ánh sáng đã có thái độ không thận trọng, không lịch sự đối với tôi như thế, chẳng có nghĩa lý gì.

CẢM GIÁC VỀ THIÊN NHIÊN

Kìa, con sông... ta đã đi đến. Ở đây, mỗi người một cách: người muốn câu cá, kẻ muốn tắm bơi, và còn bao nhiêu thích thú khác nữa chứ! — đi dạo trên bờ, bơi thuyền trên sông, thậm chí ngồi trầm tư mặc tưởng; nhớ cái gì đấy và nghĩ đến cái gì đấy trong cuộc đời ta một cách khác hẳn: tất cả về mình, tất cả cho mình!

Nhưng rồi khi gặp được mùa xuân ở Matxcơva, thấy những dòng nước bùn chảy từ sân ra, và ta nhớ đến dòng sông thật sự, tưởng tưởng mình đang ở ngoài tự nhiên, khi đó ta góp nhặt bao nhiêu hồi ức trong tâm hồn, và tất cả cho dòng sông, không có gì cho mình cả.

Cứ như thế, toàn bộ cảm giác của chúng ta về thiên nhiên xuất hiện trong thành phố.

Tình yêu thiên nhiên cùng với khát vọng đi ngao du nảy nở trong thành phố (hãy ra ngoài kia, ra ngoài thiên nhiên!) trong cảnh chật chội chen chúc của con người.

Từ thành phố, ta muốn đến chốn cô liêu, nhưng

từ nơi hoang vắng, ta lại muốn đến chỗ đô hội phồn hoa.

DÒNG SÔNG HIỆN LÊN

Đêm băng giá, ngày rực rỡ tươi sáng. Sau ngày hôm qua, dòng sông đem sẫm hiện lên tách rõ với tuyết, nhưng người ta vẫn còn đi trên lớp băng ấy. Trên cánh đồng bắt đầu điểm những nét gợn lăn tăn của tuyết tan, lấm tấm màu trứng ác là.

DƯỚI TUYẾT

Dưới tuyết, tất nhiên, nước đã chảy theo những đường không nom thấy và đổ vào tất cả những hốc trũng. Và cái đó dễ thấy. Ở khắp nơi bên trên tuyết phủ đầy những chấm nhỏ lăn tăn màu lam như nằm trong những làn sóng, nhưng nơi nào ở dưới tuyết là nước, thì bên trên là làn sóng những chấm màu hung hung chứ không phải màu lam, và có thể là ngày mai ở nơi đây sẽ hiện rõ vũng nước.

ĐỪNG QUÊN

Chiều tà. Mặt trời phải hạ xuống đám mây đen, nhưng còn xa mới đến đấy. Ở phía bên kia và bên này, trên sông lấp lánh hai dòng sông — đó là dải nước băng tan ven bờ. Từ bờ chúng tôi, có những súc gỗ bắc ngang qua dải nước băng tan. Người ta đi qua trên đấy đến lớp băng, và theo lối mòn còn nguyên vẹn họ đi đến phía bên kia, và ở đấy, thận trọng đi qua trên những súc gỗ thứ hai để lên bờ. Ở bên kia, đối diện phía nam, thì đen nhiều hơn trắng. Bờ bên này ở dốc bắc còn phủ đầy tuyết sâu, dày đặc và nguyên vẹn.

Màu trắng, tinh khiết, thanh tươi, sắc thái dịu hiền thật là tuyệt vời đến nỗi cảm thấy mình không biểu lộ đủ niềm hân hoan, cảm thấy lòng biết ơn của tôi yếu ớt và không tương xứng.

Nhưng kìa mặt trời đã đi đến gần sát đám mây đen dưới thấp, chẳng bao lâu mọi vật sẽ biến đổi, phải vội vàng ghi nhớ lấy trong ký ức buổi chiều tuyệt đẹp kia để sau này mãi mãi không bao giờ quên nó.

CÔ GÁI GÁNH NƯỚC

Nghe rõ ở bên trên, băng và tuyết kêu lạo sạo dưới chân ai. Ở trên cao, từ đấy một con suối đen ngoằn ngoèo chảy và chia đôi lớp tuyết trắng tinh, một cô gái mang những chiếc thùng đang đi xuống. Ngược chiều ánh nắng, tôi chỉ trông rõ được hình dáng đen sẫm, mềm mại, uyển chuyển của cô mà thôi. Cô đi xuống dưới thấp, để lại hai thùng ở trên bờ, còn với chiếc thùng thứ ba, cô lấy thăng bằng và khéo léo đi trên súc gỗ và vục chiếc thùng vào lỗ băng vàng rực để múc nước.

Cứ thế, lần lượt thùng này đến thùng kia, cô múc đầy cả ba thùng nước, vừa đi vừa nhún nhảy trên súc gỗ. Sau đó, cô buộc hai thùng vào đòn gánh và quảy lên vai, còn thùng thứ ba thì cô thận trọng cúi xuống xách ở tay. Bờ sông dựng đứng, cô phải leo lên cao, và cô đang leo lên.

Việc nô đùa trên súc gỗ với những chiếc thùng đã xong. Cô gái còng lưng về phía trước, và cảm thấy toàn bộ sức nặng trên người cô bây giờ ở sau lưng, toàn bộ sức mạnh và toàn bộ cuộc đời

cô bây giờ ở trên xương sống, và cô phải đi xa, xa biết bao, cô phải leo cao, cao biết bao. Có khi một con ngựa đang tơ kéo hàng nặng do dự dừng lại dưới chân dốc, còn khi quất nó thì bỗng nhiên toàn thân nó dường như tập trung ở lưng, nó lấy hết sức và kéo lên dốc, nó phải kéo lâu và vất vả, phải kéo lên cao, cao biết bao...

Còn tôi thì rất dễ chịu được đứng trên sông ở chỗ tuyết tan và tôi còn có thể đứng lâu nữa, nhưng mặt trời đã đi vào đám mây đen, không khí đã trở nên giá lạnh và tuyết đã đóng băng lại rồi.

THÁNG TƯ

BĂNG TRONG VẮT

Thật là thích khi nhìn lớp băng trong vắt nơi băng giá chưa tạo ra những bông hoa muôn hình muôn vẻ và chưa lấp kín bằng những bông hoa ấy. Trông rõ dưới lớp băng mỏng manh dòng suối dồn cả một đàn bọt và đuổi chúng từ dưới lớp băng ra chỗ nước lộ thiên, rồi phóng chúng chạy rất nhanh, dường như dòng suối rất cần những bọt ấy ở đâu đấy và phải kịp đuổi dồn tất cả chúng đến một chỗ.

CẢM GIÁC VỀ ĐẤT ĐAI

Không phải con quạ nhỏ đầu tiên ta thấy được trong mùa xuân là chủ yếu, cũng không phải con chim hét, mà cái chủ yếu là bàn chân ta gặp được đất đai: chỉ vừa giẫm chân lên chỗ đất đã lộ ra là lập tức cảm thấy được tất cả, và tất cả những mùa xuân ta đã gặp trước đây đều hòa hợp với nhau làm ta vui mừng vô hạn.

NGHE TẤT CẢ, THẤY TẤT CẢ!..

Vùng chúng tôi nhiều đồi. Về mùa đông, giữa các đồi có một con đường đi qua khe hẻm — con đường mùa đông. Đến mùa xuân, con đường ấy hóa thành dòng sông, tràn ngập cả vùng đất thấp của nội cỏ giữa các đồi rừng, còn đến mùa hè, ở chỗ mùa xuân nước chảy, thì khắp nội cỏ điểm đầy hoa tươi màu.

Thật là thích, bắt đầu thời xuân của mình, khi khắp nơi vẫn còn tuyết, còn con đường đã trở thành dòng băng của con suối lớn đầu tiên, và nó gần giống như một con sông. Mỗi lần đón mừng ngày hội ấy, tôi đi đến phía nam của hai ngọn đồi rừng, giữa những ngọn đồi ấy dòng suối cuồn cuộn chảy xiết theo con đường băng.

Trên ngọn đồi phía bắc, tuyết chưa bắt đầu tan tí nào, còn ở đây thì hầu như đã tan hết, và đất đai giữa các cây sưởi mình trong ánh nắng, và gốc cây đen trở nên rất ấm đến nỗi như mời mọc cả người qua đường ngồi nghỉ chân và lắng nghe suối chảy rì rầm.

Từ đây, nghe được tất cả và thấy được tất cả. Tiếng rì rầm của suối xuân — cái đó thì mọi người đều hiểu, nhưng ngoài tiếng rì rầm đó thỉnh thoảng còn nghe cả tiếng rạt rào gì đấy nữa. Và các bạn có biết cái gì thế không? Chắc là các bạn biết, nếu có lần nào đã nghe được tiếng con suối đầu tiên của mùa xuân. Tất cả những cái đó là trò nghịch ngợm của cơn băng giá cũ, tất cả những cái đó đều do nó tạo ra ban đêm, còn bây giờ dòng suối đang phá hủy.

Trong một đêm, băng giá cố gắng phủ chiếc chăn màu lên con suối, còn bây giờ con suối đập vỡ nó ra, và khi những hoa trắng của băng giá sụp đổ xuống nước, thì ta nghe được những tiếng rạt rào ấy.

Mặt trời giúp sức con suối, nhưng các bạn chớ nghĩ rằng bây giờ không có băng giá: băng giá đang giấu mình trong các bóng râm, nhưng thậm chí cả trong ngày nắng ấm nó vẫn còn nghịch ngợm.

Kìa, đằng kia một cây thông to cành lá lòa xòa đứng lặng, và dưới gốc cây, đúng trong bóng râm của nó, con suối chảy từ trên bậc xuống. Những tia nước lăn tăn li ti mắt thường không thấy được, bay lên khi dòng nước rơi xuống, và băng giá giấu mình trong bóng râm, như người đi săn, nó bắt lấy những tia nước ấy và dùng chúng tạo ra những kỳ quan huyền diệu.

Các bạn hãy xem kìa, băng giá đã làm gì với những cây thông con rậm rạp, như bàn chải nhỏ bằng bàn tay! Nó đã phủ băng trên những cây ấy, chất đầy lên chúng đến nỗi chỉ có con mắt rất chăm chú mới nhận ra dưới những que băng và những bông hoa của băng giá có một đàn thông non đứng chen chúc, chật chội.

Băng giá đã bắt lấy những tia nước lăn tăn li ti của con suối để từ một cọng rơm năm ngoái tạo nên cả những lâu đài tráng lệ lẫn những túp lều rách nát, và tất cả những cái đó đã được làm nên ngay giữa ngày nắng ráo, khi lá cây đen sạm trên tuyết nơi xuống hố, mỗi một cọng cây đen sạm năm ngoái đều đứng trong một hố tuyết nhỏ như những chiếc cốc con.

TRONG RỪNG KHÔNG CÓ GÌ THAY ĐỔI

Những ngày liên tiếp giống nhau, ngày này qua ngày khác soi nhau, chẳng khác nào soi gương. Không có gì tốt hơn, không có gì sạch hơn và không có gì đẹp hơn những ngày ấy, nhưng mùa xuân và tâm hồn đều khao khát vận động.

Sự vận động hiện nay chỉ có ở trên cánh đồng, ở nơi những chấm lấm tấm màu trứng ác là trở thành mỗi lúc một đen tựa hồ như càng có thêm lông chim đen, nhưng trong rừng mọi vật vẫn không có gì thay đổi.

NHỮNG NGÀY XÁM XỊT

Mặt trời đã ẩn trong đám mây đen, và bây giờ ban mai mặt trời chiếu sáng mà không nom thấy nó. Có lẽ, nó còn hiện ra nữa, nhưng ngày mai chắc là những ngày xám xịt, song bây giờ thì rất cần thiết, sẽ bắt đầu.

Sau buổi trưa từ phía đông, một đám mây đen ngòm, to tướng, bay đến, có lẽ là đám mây ấy sẽ trút mưa xuống. Nhưng khi nó bay đến gần thì bỗng nhiên nó trở nên hoàn toàn trắng xóa, và tuyết sa xuống, sa mãi cho đến tối.

ĐÔNG LẠI

Yên lặng như tờ, bầu trời quang mây, băng giá ban đêm khá dữ, và bây giờ ban ngày, khắp nơi trong các bóng râm màu lam là băng giá. Trong các suối rừng nước đã đóng băng cả! Từ quãng trống, nước lao nhanh, và trong bóng râm, băng giá bắt nó đông lại.

DÒNG SUỐI ĐÓNG BĂNG

Băng giá tăng mạnh, từ sáng có thể đi trên lớp tuyết cứng được mà không bị sụt.

Con suối của tôi đã đóng băng rồi, và trên mặt băng phẳng lỳ, trong sạch, một ngọn lá con bị gió đẩy đi, cong lại như chiếc thuyền con. Những bong bóng tập trung lại thành bọt nước trắng phau ở chỗ rẽ ngoặt của con suối, bây giờ đã đông lại (chúng cũng là nước mà ra) và giờ đây chúng nằm giống như cục bột nhồi màu hung hung đã đông cứng.

MÙA XUÂN NƯỚC NỔI

Tôi không muốn quên ngày hôm qua tuyệt vời ấy. Ngày hôm trước đã xảy ra chuyển biến lớn của cơn nước lũ, sau buổi trưa cả dòng sông cuồn cuộn chảy xiết. Còn buổi sáng thì đầy hơi nước; và qua làn hơi ấy của đất đai chúng ta, mặt trời bóng gió truyền đạt và củng cố niềm vui trong tâm hồn rạo rực của chúng ta.

Tôi đi theo rìa con suối đến bìa rừng yêu mến của tôi và ở đấy lập tức tôi nhận thấy là những con kiến bò ra ở bên trên. Thật ra, không phải ở tất cả các mô kiến đất đều như nhau: có một số mô trên đó đàn kiến bâu dày đặc trên nền hung hung như một cái bánh tròn đen ngòm; ở một số mô khác, kiến mới chỉ bắt đầu bò ra và bám lại thành những chấm đen mà thôi; còn ở một số mô nữa, lác đác mới chỉ có những con kiến riêng lẻ bò ra dò xét.

Đất cày đã lộ ra rồi, nếu không còn những mảnh băng vụn trên lối mòn thì không thể đi qua cánh

đồng được, nhưng may thay những mảnh băng vụn ấy kêu lạo sạo trên lối mòn, và bàn chân không bị sụt vào bùn lầy.

BẦU TRỜI THẤP

Ban đêm trời mưa: nước chảy vào đầy cả một thùng chứa. Trong mây đen, mặt trời khi hiện, khi ẩn. Dòng sông đứng yên, chồng chất những tảng băng trên mặt. Không khí nặng nề và ẩm thấp. Trong rừng tuyết còn nhiều. Ở phía dưới vườn rau đã bắt đầu đen màu, còn phía gần rừng vẫn còn trắng.

Buổi sáng, đất đai bốc hơi mạnh, và những lớp mây đen của bầu trời thấp gặp nhau với hơi thở của đất đai. Còn ở chỗ mặt trời thì có thể nhận ra được trên bầu trời. Dòng sông đã lộ nước rồi. Vanha đã đánh được mớ cá tươi mang về.

XUÂN 76 CỦA TÔI

Ban mai nắng ráo, nhưng thời tiết thay đổi luôn, khi thì sáng sủa, khi thì âm u. Những luống phủ băng trên vườn rau đang tan tuyết, sáng ngời, chói lọi; từ ống máng nước nhỏ giọt — không có băng giá.

Khi đi ra khỏi nhà, tôi nghe tiếng chim mai hoa hót, và tôi sắp sửa nghĩ đến cái gì đấy tuyệt vời mà trong đời tôi có liên quan đến tiếng hót của chim hoa mai, thì bỗng nhiên tôi thấy dòng sông với cả lớp băng dày đặc chen chúc đã bắt đầu trôi...

Hôm nay, vì nước lớn, nên tôi đi đôi ủng to tướng vào, đôi ủng nặng làm sao, cao làm sao đến nỗi khi mang vào tôi cảm thấy mình là một chiến sĩ cổ xưa mặc binh giáp nặng nề. Tôi bước chân trong bùn

và giẫm vỡ những mảnh băng kêu vang làm những con chim sơn ca hoảng sợ chạy trên đường, như chuột.

Tôi cảm thấy hình như hôm nay, độ ẩm thấp nặng nề bắt đầu giảm bớt, và dường như lần đầu tiên sau mùa đông, đất đai đã thức dậy và khe khẽ thở. Tôi thấy con chim sơn ca chạy trên cánh đồng rạ, tìm con mái của nó, và khi tìm thấy thì cả hai con cùng vút lên cao trong chuyến bay hôn phối, và sau đó lại hạ xuống, rồi con trống lại tìm con mái, hay là bay bổng lên cao và réo rắt hát vang bài ca hôn phối lừng lẫy của nó.

BĂNG TRÔI

Giá đừng bao giờ quên buổi chiều ấy tôi đã ngồi bên sông nhỉ!

Các bạn có biết sự yên lặng như tờ ấy không, khi sự va chạm, cãi cọ giữa những mảnh băng đã kết thúc và mọi việc trên sông xảy ra đúng theo trình tự của nó? Băng trôi, và nó chẳng hỏi gì chúng ta về điều này cả: nó có nên trôi hay không. Trong sự yên lặng trang nghiêm ấy thỉnh thoảng chỉ nghe thấy tiếng thì thầm ngắn ngủi với lời nói thêm thận trọng, có lẽ là của tảng băng già cỗi nào đấy: «Mày chen đi-i đâu-âu?» — và tất cả đều nói thì thầm, và tất cả cái đó làm tăng sự yên lặng, và ta cảm thấy rằng sự lặng thinh đó không phải của những vật chết, mà của những vật sống quây quần với nhau trong một mục đích chung là bơi đến biển mà không tan.

Trước lúc hoàng hôn, từ đám mây xanh thẫm

nặng nề le lói hiện lên một vệt đỏ báo trước mặt trời xuất hiện. Trên nền đỏ ấy, lùm cây đen ngòm đứng chen chúc trên đồi, nổi bật lên và nó chuyển dần trên nền đỏ về phía trái. Chuyển dần, chuyển mãi, những cây đứng kiêu hãnh, như người đứng kiêu hãnh trong ga tàu điện ngầm, nhưng tự họ chuyển đi trên thang máy. Chuyển dần, chuyển mãi trên nền đỏ và xuống nền xanh. Còn trên nền đỏ là những cây thưa của rừng núi bình thường bắt đầu chuyển.

Tôi nghĩ là chính trái đất cũng bập bềnh trôi như thế và tôi bay đi trên trái đất, giống như con bọ chét bám trên con sếu. Làm gì được như con bọ chét! — không phải là con bọ chét, mà chỉ là một trích trùng thấy được với độ phóng đại một nghìn lần. Cuối cùng, trên nền đỏ, mặt trời lặn, mặt trời còn đỏ hơn, nhưng không chói lòa, và có thể còn tiếp tục nhìn những cây mà trái ngược với thực tế những cây ấy xác nhận khả năng suy luận hùng mạnh và cương quyết của trích trùng.

«Sao mày lại chen lê-ên!» — những tảng băng hiền lành thì thầm.

— Tao không chịu thua, không chịu thua chúng mày, — tôi thì thầm với những cây đang đi qua trên nền mặt trời, — chúng mày cứ đi, cứ đi qua, còn tao sẽ đứng nhìn và đếm chúng mày.

Và tôi nhớ đến lùm cây đầu tiên đứng kiêu hãnh trên đồi, giống người khách trong ga tàu điện ngầm, và trong thời gian ấy chúng đã chuyển qua một quãng rất lớn, lớn đến nỗi tôi hiểu ngay được rằng trái đất chúng ta lao vút trong không trung với tốc độ

lớn lao đến thế nào và nó đã lao vút đi trong một khoảng cách bao nhiêu trong khi tôi suy nghĩ về trích trùng có khả năng suy luận.

« Khẽ chứ, khẽ chứ!» — những tảng băng thì thầm với tôi.

Và tôi trả lời chúng:

— Tao không chịu thua, không chịu thua!

Còn lúc đó thì mặt trời lặn, và những cây du hành đứng dừng lại.

Nhưng những tia mặt trời từ dưới đám mây xanh thẫm nặng nề hắt tung lên chỗ quang mây của bầu trời trong sáng, và trên đầu tôi rực rỡ tỏa ra chiếc ngọc miện màu vàng chói và đỏ thắm. Ngay trên đầu tôi!

«Khẽ chứ, khẽ chứ! Tất cả những cái đó là của chúng tôi-ôi, chúng tôi-ôi», — những tảng băng hiền lành thì thầm với tôi như thế.

MẶT TRỜI SƯỞI ẤM

Tuyết đã uốn cong cây hoàn diệp liễu đang tơ đến tận đất, và trong suốt mùa đông thỏ rừng đã gặm nhấm cả thân nó. Bây giờ, dù đã mùa xuân, nó cũng không đứng thẳng được.

Hôm nay, gió bấc không thổi đến, và do đó mặt trời sưởi ấm chúng tôi nhiều hơn. Chim sáo hót vang. Bươm bướm sống lại. Nếu chim sáo hót, thì thông thường cả chim dẽ giun cũng kêu, nhưng sự di chuyển dịch trong cây bạch dương vẫn chưa có.

«Chúng đang ở đây, nhưng chưa lộ ra đó thôi», — giá có cụ già thì cụ sẽ nói thế.

Hôm qua, tôi cùng con Cadô đi trong rừng rất thích, và đường đi, giống như ở xứ hồ, từ hồ này đến hồ kia, từ chỗ tuyết tan này đến chỗ tuyết tan kia.

VẾT XE BĂNG GIÁ

Khắp nơi trong rừng, chỗ nào con người đi xe ô tô qua, thì trong những vết xe rộng ấy đọng đầy nước, và băng giá đi trên xe ô tô của nó, để lại những vết xe của nó trên đất màu hung hung và đen sẫm, giống như hai dải vải trắng phau tô điểm bằng những bông hoa kỳ lạ.

CON BƯỚM

Sáng tinh mơ, băng giá còn lại trên mặt đất giống như những mảnh vải trắng, nhưng khi mặt trời sưởi ấm đất đai thì băng giá trở thành sương móc.

Dưới tia nắng nóng, cuộc sống của một con bướm đã hồi sinh. Con bướm xám, như màu thân cây hoàn diệp liễu, nó nằm trên cỏ, giống hình tam giác nhỏ bé, nó vùng vẫy như con sâu, nhưng đôi cánh thì chưa tung bay được. Tôi đặt nó vào lòng bàn tay và nhìn: đầu con bướm, giống như đầu chim cú, có hai sợi râu dài màu da cam — con bướm đêm. Nó nằm trong bàn tay, giống như chết, nhưng khi tôi tung nó lên không, thì nó bay bổng và bay rất cừ!

Con người chúng ta cũng thế, có bao nhiêu người mê ngủ như thế, nhưng khi ta đụng đến thì họ hoạt động tích cực biết bao!

TRONG RỪNG SÂU

Ban mai, khi mặt trời tỏa sáng, khi hơi ấm làm tình làm tội băng giá, và ngọn gió bấc thổi trái mùa xuân, thì phải đi vào trong rừng sâu, tìm một quãng trống kín gió và ẩn mình ở đấy, chờ đón những sự kiện mới.

NGÀY MAI DẼ GIUN SẼ TÌM MÁI

Hôm qua, trên quãng trống trong rừng đầy nắng tôi cảm thấy được thời tiết thay đổi: con sáo sậu cất tiếng hót vang, đồng thời con bướm vàng từ đống rác rưởi hung hung của mùa xuân bay bổng lên cao. Khi tôi đi ra khỏi rừng, cơn gió rụt rè thổi từ phía tây rồi từ phía bắc, và cứ thế thay đi đổi lại cho đến chiều. Cơn gió lần cuối cùng thổi hơi ấm đến từ phía tây, rồi lặng hẳn.

Nửa giờ trước lúc hoàng hôn, mặt trời chui vào một dải xanh biếc đều đặn, rộng rãi và dày đặc. Trở về nhà, tôi nạp đạn bắn chim dẽ giun vào súng: ngày mai, cùng với sự di chuyển dịch trong cây bạch dương thì nhất định sẽ bắt đầu mùa chim dẽ giun tìm mái. Ngày mai, dịch sẽ nhỏ giọt từ chỗ cắt thử của tôi.

Hôm nay, từ sáng sớm mọi điều dự đoán đã bắt đầu được thực hiện: ban đêm không có băng giá, cả bầu trời một màu xam xám đều đặn, chân trời xanh nhạt, và bây giờ thì thế nào mưa cũng sẽ rơi — như vậy càng tốt, và mặt trời, nếu ló ra, thì sẽ rất ấm.

Những đống tuyết cuối cùng rã rượi trên vườn rau nhà tôi, nhiệt độ không khí 12 độ dương, nhưng đất

đai lạnh cứng trong mùa đông không tuyết vừa qua đến bây giờ vẫn còn chưa tan giá, chưa bốc hơi vào không trung, và thậm chí con chó phơi nắng trên cỏ khô cũng chỉ nằm một tí rồi đứng lên vì lạnh.

NHỮNG THÂN CÂY TRẦN TRỤI

Sáng hôm nay vàng rực tuyệt đẹp, và cơn băng giá nhẹ trong cảnh yên lặng như tờ chỉ đem lại những điều tốt đẹp mà thôi: vận động nhẹ nhàng và ý nghĩ khoáng đạt. Trời ơi! Những cây gia chào đón tôi ở chỗ rình bắn chim gọi mái tuyệt làm sao!

Chúng nói với tôi điều gì đấy theo cách riêng. Tôi biết chúng nói gì nhưng không tìm được từ diễn đạt. Dịch đã có trong thân cây gia, cũng như trong thân bạch dương, nhưng lá thì chưa: những thân cây đen đìu, trần trụi đứng lặng, và hình như nói rằng chúng cần phải vươn cao hơn, cao hơn mãi...

Những cây gia kia ở trong rừng sâu cần phải rậm hơn, còn chúng cần phải vươn cao hơn. Chính là chúng chỉ muốn nói về điều ấy mà thôi.

LOÀI QUẠ NHỎ

Sáng sáng rất nhiều chim quạ nhỏ thần thơ dạo trên khu đất của tôi bên bờ sông và thậm chí chúng đi đến gần sát nhà. Đứng trên đôi chân mảnh khảnh trong quần rộng dày lông, chúng cúi mổ, mổ mãi không thôi.

Một chàng công tử óng a óng ánh màu ngũ sắc trên nền lông đen láy, dạo chơi trong đám đông, tình cờ gặp nàng tiểu thư của nó, nó kính cẩn cúi chào, chạy quanh nàng và đầu đôi cánh xòe rộng cào trên mặt đất.

SAU CƠN NƯỚC LŨ

Trời nắng và lạnh. Gió. Buổi sáng tôi vào rừng cho đến bữa lót dạ. Tuyết còn nhiều và đi còn vất vả lắm. Nhưng quãng trống lớn, nơi đàn chim dẽ giun tìm mái, thì đã sạch tuyết cả rồi, thậm chí những chiếc lá sồi đã khô ráo, và gió nô đùa xào xạc với lá khô.

Trên quãng trống ấy có những cây sồi to lớn. Chim gõ kiến lao đến cây thông và mổ ở bên dưới từ bốn phía. Bìa rừng phía bắc còn trắng xóa, bìa rừng phía nam ngập trong nước màu lam. Cánh đồng sạch tuyết và vầy bẩn, còn những cây bạch dương thì ướt át vì dịch nhỏ giọt.

Trên sông, qua một ngày đêm, từ toàn bộ chuỗi băng dài nối tiếp nhau giờ đây biến thành những đống bùn nhỏ, lấy chân đá vào thì chúng rã ra thành muôn vàn tinh thể dài.

Những con chuột chũi hoạt động. Nhưng cỏ ở bìa rừng dưới những vũng nước vẫn còn chưa xanh. Và bàn chân cảm thấy băng trên mặt đất.

MỘT NGÀY THÁNG TƯ

Nếu căn cứ theo con người mà suy xét, thì ngày xuân ấy trong tháng tư giống như ngày ấy của con người, khi nàng nhỏ nhẻ thốt lên chữ «vâng». Trong thiên nhiên cũng thế: «vâng!» — rồi từ đó nó lại bắt đầu xanh rờn.

Trong thiên nhiên cũng có một ngày như thế, như thường có ở con người: tràn đầy lực lượng lớn lao, đủ sức xoay chuyển cả trái đất, nếu có thể dựa được vào cái gì đây.

Chàng trai rụt rè hồi hộp hỏi điều gì. Nàng chẳng trả lời gì cả, mà chỉ cúi đầu xuống thấp. Chàng lại hỏi một lần nữa, hồi hộp, lo lắng hơn, và nàng cúi đầu xuống thấp hơn nữa. Cuối cùng, chàng đánh bạo, đặt tay trên vai nàng, cúi người xuống sát nàng và lần thứ ba thì thầm cái gì đấy nữa, thì nàng ngẩng mặt đỏ bừng lên và ôm choàng lấy cổ chàng.

Chính trong giây phút ấy, thiên nhiên đã bắt đầu xanh rờn. Và hôm nay chúng ta đã có một ngày như thế: nàng xuân đã ôm choàng cổ ai đấy và đó là tiếng «vâng» của nàng. Hôm nay, toàn bộ thiên nhiên đáp lại chúng ta «vâng!» — và khắp nơi bắt đầu xanh rờn.

Chẳng có gì lạ là cá nhân tôi đã hiểu thiên nhiên như thế, dường như suy từ bản thân mình, vì tôi đã từng trải qua những trường hợp như thế. Tôi chỉ ngạc nhiên là nếu tôi nói điều đó ra, thì cả những người không có những trường hợp như thế cũng sẽ hiểu tôi.

Và hóa ra, vấn đề không phải là ở chính bản thân tôi, mà ở chỗ trên cơ sở ấy toàn thế giới đứng vững và vận động được và toàn bộ con người, coi như là một sinh vật thống nhất, hân hoan thắng lợi, và tôi có thể xác nhận điều đó với tư cách một người ngạc nhiên và vui mừng tham gia ngày tháng tư ấy và chứng kiến nàng dâu của nó là cây liễu sớm đã nở đầy hoa trong rừng còn trần trụi.

ĐẤT BỐC LÊN

Trên bờ sông phía nam ở bên kia đã hơi xanh xanh, và màu xanh ấy thậm chí phản ánh một tí ở mép sông màu lam.

Hơi nước từ đất bốc lên tràn đầy không trung như

má đào hồng hào khỏe mạnh, và do đó rừng thông màu lục ở bên kia sông trở thành xanh lam. Từ thời thơ ấu, tôi đã được nghe trong dân gian người ta gọi đám hơi lừng danh ấy là *đất bốc lên*.

Một từ ngữ tuyệt diệu làm sao! Từ ngữ ấy đáp ứng được cả nỗi mê ly, cả sự tái sinh, cả việc phục hưng, cả niềm thán phục, cả lòng hân hoan, vui sướng trong mùa xuân. Nhưng vì sao từ ngữ dân gian ấy chưa được đưa vào ngôn ngữ văn học nhỉ? Có nên chăng trong năm nay bắt đầu mùa xuân con người của chúng ta bằng việc chúng ta chuẩn y và hợp pháp hóa cả từ ngữ *đất bốc lên* ấy của chúng ta như tất cả những từ tiếng Nga về niềm hân hoan khi xuân về đã được văn học thừa nhận rồi?

Từ sáng, đám hơi ấm áp ấy, giống như sữa tươi mới vắt, từng giọt từng giọt quay trở về mặt đất rất ấm áp, rất thưa thớt đến nỗi một giọt rơi xuống trên ta và không đợi được giọt thứ hai, vì khi đến lượt giọt khác rơi xuống thì giọt này đã bốc hơi rồi. Và mặc một chiếc áo cánh mà đi trong vài ba giờ, nhưng khi trở về nhà người vẫn khô ráo.

Chiếc máy kéo bắt đầu làm việc, tôi dễ dàng nhận ra nó sau những làn hơi vàng đùng đục ở bên kia sông. Những con quạ nhỏ bay đến gần máy kéo giống hệt như trước đây chúng bay đến gần lưỡi cày. Chỉ có khác là trước kia chúng không vội vàng và đi bệ vệ, núng na núng nính theo sau lưỡi cày. Thậm chí tôi cảm thấy trước kia hình như chúng có phần nào độ lượng với bác thợ cày. Bây giờ chiếc máy kéo chạy nhanh và đào giun lên nhiều hơn cái lưỡi cày cổ sơ. Những con quạ nhỏ phải hết sức vội vàng để giun

không kịp ẩn giấu, vì thế chúng không đi theo máy kéo, mà chập chờn bay từng đoạn ngắn.

Những con quạ nhỏ đã mất vẻ bệ vệ vốn có, nhưng được cái là bác thợ cày bây giờ không phải đi khó nhọc trong luống cày, không phải luôn mồm chửi rủa con ngựa, mà ngồi đàng hoàng và hơn nữa có thể hát.

MẶT TRỜI GẶP GỠ ĐẤT ĐAI

Ngày hôm nay thật ấm, nhiệt độ lên tới 20 độ dương. Đó là ngày đầu tiên đất đai cùng mặt trời gặp gỡ một cách thuận lợi.

Đến chiều trời bắt đầu âm u. Mặt trời tà trong đám mây đen ấm áp. Tại chỗ rình săn chim gọi mái, tôi gặp con ong đất đầu tiên. Lúc đó yên lặng vô cùng đến nỗi tiếng cánh ong đất vù vù âm vang cả khu rừng đã đẫn cây. Những nụ bạch đầu ông, những bông hoa tim tím, đã bắt đầu nhô ra. Những mầm anh đào dại và tử đinh hương đã chớm nở. Các vũng nước đã mọc đầy cỏ xanh mơn mởn và đều đặn. Lề đường xanh rờn và cây cỏ trở nên rất tươi màu. Ban đêm, một cơn mưa sương nhỏ rơi xuống và lâm dâm rơi mãi cho đến sáng.

Sau buổi trưa, trời u ám, mây phủ kín tứ phía. Trận mưa rửa sạch các mầm nụ.

CHỦ NHÂN THỜI GIAN

Dòng sông đã trở lại trong đôi bờ. Trong rừng, đường lồm đồm những vũng nước con hé nhìn, chẳng khác nào những cặp mắt trong bóng tối lờ mờ chiều hôm. Trong khe hẻm có một hòn tuyết

giống hệt con thỏ rừng: cái đó làm cho trống ngực tôi đập mạnh, và tôi cảm thấy hình như con thỏ khe khẽ nhúc nhích đôi tai. Những con mắt chằm chằm nhìn tôi, tôi cảm thấy tất cả chúng, và hơn nữa, có cái gì đấy quen thuộc phảng phất thì tôi vội vàng tự nhủ thầm: «Hãy hiểu nhanh lên! Không thì lần sau cái đó sẽ không có nữa».

Và do đó, mỗi một thân cây hoàn diệp liễu xanh nhạt ngào ngạt bốc lên mùi lá dưới chân. Cả con thỏ rừng trắng cũng nói với tôi: «Hãy nhìn kỹ đi, hãy quan sát đi, chẳng bao lâu tôi sẽ tan rồi và lúc đó thì bác chẳng còn được thấy loài thỏ rừng trắng nữa đâu: trong rừng chỉ còn có loài thỏ xám mà thôi».

Cả con sáo đậu trên cây trụi lá cũng hót vang với tôi về điều ấy. Nó hót rằng thời gian vĩnh viễn trôi qua, còn tôi, một con người sống, phải làm sao để trong mùa xuân này kịp vơ lấy của nàng xuân nhiều hơn, để đem cái tài sản quý báu thu được cho những con người hiền lành, phúc hậu, với tư cách chủ nhân thời gian của mình.

Đấy, chính là ý nghĩ lớn lao ấy đã xâm chiếm lấy đầu óc tôi; nó nói rằng trời gian trôi qua, còn tôi, với tư cách chủ nhân thời gian, đứng trên ngã tư chỗ hai đường dẫn cây gặp nhau cạnh cái cột và tôi chọn trong thời gian cái chủ yếu nhất, và cái ấy sẽ mãi mãi còn lại với tôi...

Nhưng bỗng tôi nghe được tiếng quen thuộc của con chim dẽ giun bay trên đầu tôi. Tôi đưa súng lên... Và tất cả những vũng nước con nhắm mắt lại, tất cả những con thỏ rừng vụt biến mất, con sáo

lặng thinh, tất cả những kho tàng câu đố và tài sản quý báu của tôi đã đóng lại... Mà thật ra có phải chỉ suy nghĩ, suy nghĩ mãi được đâu!

Có lẽ mỗi người trong sự sáng tạo, khi đạt được mức hoàn thiện thì từ bỏ tất cả những bậc thang đã đưa mình đến thành tựu và khi đạt được, thì trong động tác cuối cùng đẩy cả toàn bộ cái thang dài dằng dặc dùng để vất vả leo đến gần hạnh phúc.

ĐI SĂN VỀ

Khi tôi đi săn về và băng qua cánh đồng giữa hai khu rừng, thì trăng non đã ngự trị trên bầu trời và dưới bầu trời trên khoảng không giữa những khu rừng, có một vệt mây đen sẫm chia bầu trời làm đôi, ở bên trên, nơi trăng non, và bên dưới đến tận thấp, nơi tôi cùng con chó đi trên đất bở tơi, mà không ai thấy cả.

Thân mình tôi cũng như đất bở tơi, ẩm ướt, và lúc đó tôi như thế này: bản thân tôi không muốn và không thể làm cái gì cho mình được cả, chỉ mong sao đôi chân bước được, và nếu có ai muốn bắt lấy tôi và làm gì với tôi — thì tôi chỉ vui mừng, cũng như hiện giờ đất đai đang vui mừng vì khí ấm và hơi nước mùa xuân.

NHỮNG BÔNG HOA ĐẦU TIÊN

Những bông hoa đầu tiên xuất hiện khi nào và ở đâu, điều đó không quan trọng, mà điều quan trọng nhất là lần đầu tiên trong mùa xuân này tôi đã thấy chúng như thế nào, đã gặp chúng ra sao. Hôm qua,

những bông hoa vàng tươi có dạng mặt trời với những chùm tia sáng rực rỡ đã bắt đầu nở trên những cuống mập mạp và đầy lông tơ. Hôm nay, những chùm hoa mõm chó bé tí màu tím đã hiện ra.

Quá trưa, một trận mưa lất phất ấm áp rơi xuống dai dẳng rất lâu. Do trận mưa đó, ngày mai mọi vật sẽ tươi tỉnh hẳn lên.

CÂY CỎ ĐỀU RA HOA

Cây hồ đào ra hoa và cây trăn đã lùi khỏi vị trí nổi bật nhất để nhường chỗ cho cây liễu sớm trong phong cảnh mùa xuân. Hoa bạch đầu ông, sao hoa, đồng thảo chớm nở.

Trên đường rừng, một con nhái ngồi trầm ngâm nghĩ ngợi. Hoa anh đào dại và tử đinh hương nở rộ.

Nội cỏ, đường con, bãi bồi đều xanh um, đất đai sắp cày thì đen sạm, còn ở chỗ cỏ ba lá xanh rờn nổi bật lên trên ruộng rạ xám năm ngoái, thì giống như cánh đồng mạch đen khi lúa còn chưa chín bắt đầu lộ ra trong nền xanh.

ANH ĐÀO DẠI

Vì sao những nụ của anh đào dại khi chớm ra giống như những mũi giáo nhọn hoắt nhỉ? Tôi cảm thấy rằng trong mùa đông anh đào dại ngủ, trong giấc mơ, sực nhớ là người ta bẻ nó và nó tự nhủ thầm: «Không bao giờ quên, mùa xuân năm ngoái người ta đã bẻ mình thế nào rồi, không thể nào tha thứ được!»

Có lẽ vì thế nên khi thức giấc mùa đông thì anh đào dại bắt tay ngay vào việc mài nhọn, mài nhọn

mãi hàng triệu mũi giáo độc ác để chống lại con người. Sau trận mưa ngày hôm qua, những mũi giáo xanh ra.

«Mũi giáo, mũi giáo!» — con chim nhỏ dễ thương báo cho người biết.

Nhưng những mũi giáo trắng, xanh ra và dần dần trở nên mỗi ngày một cùn đi. Còn sau đó thế nào thì cứ theo năm ngoái chúng ta cũng đã biết rồi: những mũi giáo của cây anh đào dại sẽ biến thành các nụ và các nụ ấy sẽ thành những bông hoa ngào ngạt hương thơm.

Con chim nhỏ ấp trứng, lặng thinh.

Rồi một con họa mi bay đến cất cao giọng hót. Đấy, có lẽ vì con chim ấy mà cây anh đào dại sẽ quên lời hứa của nó: «Không bao giờ quên, không thể nào tha thứ được». Và vì trái tim dịu dàng, hiền hậu của nó, người ta sẽ lại bẻ nó.

GIÁ BAN MAI

Ban mai xán lạn khắp tứ phía. Màn sương tươi vui bốc dần lên cao. Từ ngoài bệ cửa sổ, cái đầu bé tí tẹo của chim chìa vôi nhìn vào phòng tôi. Và những con chim hét hót trên cành gia gãy, những con chim chích xanh vội vã chạy trên thân cây, như những con chuột.

Đó là vì cơn giá ban mai rất nhẹ đã làm cho chúng sôi nổi hoạt động lên đấy.

BẠCH DƯƠNG

Thường khi còn nhỏ, ta khao khát chờ đợi mùa xuân đến nỗi sốt ruột quá chừng không nhẫn nhục

được và cứ làm hỏng, làm hỏng mãi những cây bạch dương: cắt hết chỗ nọ đến chỗ kia, nhưng bạch dương vẫn không nhỏ dịch.

Còn đến lúc dịch bắt đầu di chuyển trong thân cây rồi, thì chẳng cần phải cắt gì cả cũng thấy rõ: nếu lá rụng năm ngoái đã bắt đầu kêu sột soạt dưới chân, nếu những cành cây khác nhau đã bắt đầu đỏ ra, nếu liễu đã bắt đầu nở lá, nếu cây cối đủ loại đã bắt đầu gợi sự chú ý của ta bằng hương thơm của vỏ chúng, thì tất nhiên, lúc đó trong thân cây bạch dương dịch chuyển động, và vì thế chẳng việc gì phải làm hỏng bạch dương cả.

Nhưng đã cắt bạch dương lỡ rồi, vì thế bây giờ khắp nơi những cây bạch dương nhỏ lệ khóc thầm.

MẶT TRỜI NGƯỢNG NGHỊU

Mỗi lúc mặt trời có một vẻ riêng khác nhau. Dù bầu trời quang mây, nhưng mặt trời thì có thể ngượng nghịu, hay có khi lạnh lùng, không đỏ rực, mà vàng ối và những màu khác nữa, còn ánh sáng cũng khác nhau.

Hôm nay, mặt trời ngượng nghịu vì sao ấy, ngượng nghịu đến nỗi những con gà trống cũng gáy vang về điều ấy.

CON ĐƯỜNG ĐANG XANH DẦN RA

Cạnh bìa rừng phía nam, con đường hơi xanh ra, và dù ai đến đây cũng sẽ nhận thấy ngay và thốt lên: «Con đường đang xanh dần ra!» Cái đó sinh ra bao nhiêu tình cảm rạt rào, mà tâm hồn của tôi bé

24*

nhỏ không đủ chứa đựng toàn bộ niềm vui lớn lao ấy...

Chính vì thế niềm vui tràn đầy và hôm nay tôi ghi lại cho mọi người: «Các bạn thân mến của tôi ơi! Con đường đang xanh dần ra!»

TỪ DƯỚI ĐÁM MÂY ĐEN

Từ dưới đám mây đen, một cơn gió cùng với ánh sáng mặt trời bay vút ra, bay mãi đến tận rừng: ánh sáng chiếu xuống, cơn gió lay động và rừng xào xạc reo vang.

MẦM NON HÉ NỞ

Cái đẹp nó là đẹp, khi mở rộng ra trước mọi người, như dòng sông trong cơn nước lũ. Nhưng nếu cái đẹp lẩn tránh chúng ta, thì nó còn đẹp gì nữa và chúng ta chẳng cần gì đến cái đẹp như thế.

Hôm qua, những mầm hương mộc mũm mĩm đã nở ra, nhưng hôm nay chúng không còn là mầm nữa, mà là một đám lá bé tí xanh lục trong những lá kèm đỏ thẫm. Cây anh đào dại chìa những nụ xanh nhọn hoắt như cái dùi con ra, và những mầm non bạch dương nom từ xa màu sô cô la, chắc là đã có những đuôi con màu lục rồi.

Nhìn lên trên, đến tận đọt cao nhất của cây lá bản, và nhìn xuống dưới, đến tận chỗ thấp của lùm cây bụi, đến tận đất, thì thấy những mầm non nở ra, nở ra mãi. Ngồi trên gốc cây một lúc là đã thấy ngay sự biến đổi rồi.

MÙA XUÂN VỘI VÃ

Rõ ràng là trong thiên nhiên có một sự biến đổi nào đấy đang đến gần: hôm qua từ sáng đã xảy ra một sự dừng lại hơi nom thấy, còn hôm nay từ sáng bầu trời phủ đầy những đám mây không đều đặn và thậm chí một cơn mưa nhỏ lất phất rơi xuống, hạt mưa lăn tăn li ti đến nỗi ở ngoài trời vẫn có thể ghi chép vào sổ tay được.

Cây cối ra lá rất nhanh, nếu ta lờ đi chừng hai giờ, rồi quay trở lại cũng chỗ ấy thì nhất định thấy ngay cái gì đấy xảy ra rồi.

Dòng sông vội vàng chảy xiết. Và vì quá vội nên trong lòng nó có những dòng quay tít thành những cuộn nước xoáy. Nhưng dòng sông hùng tráng mang nước đi và mặc kệ tất cả những cuộn nước xoáy ấy: chúng vừa quay, vừa trôi theo nước, như cách đây không lâu những tảng băng đã trôi theo dòng.

NIỀM VUI XUẤT HIỆN

Ban mai huy hoàng, khắp nơi trên cỏ sương long lanh sáng. Chúng tôi đào quanh gốc cây phúc bồn tử, cây táo, đẵn những cọc chống cây phúc bồn tử; tôi lau chùi và thu xếp ngăn nắp nhà xe và dụng cụ.

Nhưng chẳng sao, thậm chí toàn bộ màu sắc, toàn bộ niềm vui mùa xuân không thể đem lại cho tôi sự hài lòng, nếu tôi không đáp ứng được tất cả những cái đó bằng cách ghi chép những hình tượng và ý nghĩ của mình.

Khi có cái gì rạo rực trong lòng tôi, thì niềm vui cũng xuất hiện.

DƯỚI BẦU TRỜI TRONG SÁNG

Hôm qua khi gần tối nhiệt độ đã hạ xuống 12 độ dương, còn buổi sáng 6 độ dương. Thế nhưng cả bầu trời trong sáng, ánh nắng ùa đến rừng, sương mai xông đến cỏ cây, và ngay cả nơi không bao giờ có sương, bây giờ cũng lấp lánh sáng ngời những hạt nhựa chảy ra từ vỏ cây thông.

Nhưng cây bạch dương xanh rờn dường như bốc khói, ở bên trên vòm lá đã sum sê, bây giờ không thể thấy xuyên qua được như mọi lúc, và khi con quạ khoang đậu xuống đám lá xanh thì không trông rõ nó ngay được.

CÂY SỒI

Từ sáng sớm, trời hơi âm u và ngọn gió đùa nghịch. Tôi đã lo là tháng năm xấu trời, nhưng chẳng sao cả, ngày rực rỡ, khắp nơi xanh rờn, và khu rừng thông đen sẫm xa xa dường như điểm tóc bạc vì lẫn màu xanh mơn mởn của những cây bạch dương trắng muốt.

Cây hồ đào đang ra lá. Rất nhiều lá con xanh rờn to bằng cái đầu đinh, nhưng còn điểm lưa thưa trên các cành mảnh dẻ và chìa ra như hai cánh con dang rộng.

«Hãy bay đi, hãy bay đi!» — cơn gió thúc giục chúng. Nhưng những lá con còn chưa hiểu được nỗi lo âu, chưa biết được sự săn sóc: chúng vẫn đứng nguyên chỗ, ngây thơ và kinh ngạc.

Các cây bạch dương đang giữa ngày hội thiếu nữ.

Cây sồi không tin những màu sắc dưới đất và trên

trời, không tin những con đường xanh rờn, những hoa tai vàng của cây hồ đào và tất cả những cái gì có tên gọi là mùa xuân. Ngay từ mùa xuân ánh sáng, cây sồi đã hắt bóng râm xanh lam của nó lên trên mặt tuyết trắng tinh. Bây giờ ở dưới gốc, tuyết tan làm lộ rõ đám lá rụng của nó, và trên đó in bóng râm đen sẫm của bộ xương sồi cong queo. Phải rồi, đúng là nó đã không tin mùa xuân.

Và còn nhiều điều kỳ diệu đã xảy ra trong thiên nhiên, khi cỏ xanh rờn và những bông hoa nhô ra từ dưới đám lá rụng, và trong đám bông hoa của mùa xuân tưng bừng hoan hỉ, cây sồi già cỗi mai táng bóng râm của nó và cũng bắt đầu ra lá. Lúc đó, trong khí hậu của chúng ta, thiên nhiên giúp sức cho cây sồi ra lá và vì thế trời trở lạnh.

— Sao lạnh thế này nhỉ! — bạn bè chúng ta nói.

Và những người khác đáp lại họ:

— Đó là cây sồi đang ra lá đấy!

BUỔI SÁNG CUỐI THÁNG TƯ

Buổi sáng cuối tháng tư tuyệt vời làm sao! Cỏ cây, tất cả đều xanh rờn mơn mởn, trên chân trời màu sô cô la, những cây bạch dương dày đặc mầm non đến nỗi một con chim đậu xuống cành và khuất mất. Cứ như thế mọi việc diễn ra rất đúng: tháng ba — ánh sáng, tháng tư — nước nôi, tháng năm — màu sắc.

Rừng cây còn trụi lá, phảng phất mùi vỏ cây và dịch bạch dương. Đám lá non đầu tiên trên các cây liễu xanh rờn rung rinh như hơi bốc khói, đám lúa thu sống lại, những con đường rừng lộ ra. Hôm nay con

chim tu hú đầu tiên hót vang và con bọ rầy đầu tiên kêu vù vù.

Lần đầu tiên tôi nghe tiếng chim tu hú, nhưng không đoán xem tôi còn sống bao nhiêu năm nữa*, vì tôi chỉ có một điều mong ước: làm cho xong công việc đang làm.

Khi trở về nhà, tôi tìm thấy giữa cây cối đen sẫm một quãng trống, nơi những cây bạch dương trắng muốt tụ họp và tôi đã gặp chúng ở đây.

Chúng còn trụi lá, nhưng tràn đầy nhựa sống và thơm ngát. Song không phải do mùi thơm đó mà tôi biết là chúng đang sống, thật ra tôi cũng chẳng biết do cái gì, nhưng khi nhìn chúng thì tôi cảm thấy ngay rằng: chúng đang sống!

BUỔI GẶP MẶT KHÁCH KHỨA

Ngày hội — đó là buổi gặp mặt khách khứa trong mỗi nhà. Mồng một tháng năm — đó là ngày hội của khách khứa và đặc biệt là trong thiên nhiên: hàng triệu và hàng triệu khách khứa.

SƯỞI NẮNG

Ban đêm nhiệt độ xuống đến không độ. Đốt lò sưởi. Bầu trời lổn nhổn mây, chẳng khác nào đám đất cày trên mảnh ruộng sáng màu, và ở trên cánh đồng cày của chúng ta thường có những chỗ cày sót đen sạm, còn ở trên bầu trời thì có những chỗ trống xanh lam trên đám đất cày sáng màu.

* Theo mê tín, chim tu hú cho biết thời gian có thể sẽ sống. — *ND.*

Hôm qua, trên đường dẫn cây đầy nắng trong rừng, giữa những dãy bạch dương đang tơ và cao vút như bức tường, ở đây rất yên tĩnh vì sưởi nắng. Và rất lạ là cảm thấy mình bất động, còn những cây bạch dương thì cứ chuyển động và mọc lên trông thấy.

Trên một chiếc lá con thơm thơm, xanh mơn mởn, đầy nhựa và lấp lánh, có một con bọ quít con xanh biếc pha lẫn màu lục, óng ánh ngũ sắc, nằm úp và lặng yên. Tôi búng tay đuổi nó, rồi kéo nhánh cây, áp mặt vào và hít hương thơm của nó. Tất cả đều rất tuyệt vời, nhưng chẳng hiểu tôi sợ cái gì ấy. Và cố không suy nghĩ, tôi vội vã trở về nhà.

SỰ MẤT MÁT VÀ NIỀM VUI

Trong niềm vui mùa xuân ấy, khi tôi cúi đầu ngồi trên gốc cây, thì một con chim gì lông trắng bay đến. Và chính lúc đó, trong tâm hồn tôi gợi lại một sự mất mát nào đấy, không đau đớn lắm, nên tôi không thể nhớ lại được.

Nhưng tôi cũng cố xác định hình dáng của cảm giác lạ lùng ấy, và đồng thời vẫn nghĩ đến con chim lông trắng, hồi tưởng lại tất cả những loài chim mà tôi đã biết. Chỉ khi đã ở nhà rồi, qua cửa sổ nhìn thấy con chim ác là thì tôi hiểu ra con chim có lông trắng ấy chính là con ác là.

Còn sự mất mát nào đấy đã đụng phải niềm vui của tôi, thì mãi tôi vẫn không biết là cái gì...

Ban đêm chỉ có 2 độ dương. Buổi sáng thật huy hoàng: vì những buổi sáng như thế này thì tôi sẵn sàng vui vẻ chịu đựng những cơn giá lạnh tháng năm cũng như những cơn giá lạnh khác nữa.

THÁNG NĂM

HẠT SƯƠNG

Trên đường rừng, tôi nhận thấy một hạt sương ngay trên đầu ngọn cỏ xanh nhọn hoắt, như lưỡi lê, đã đâm xuyên qua những củi khô năm ngoái và những lá vàng rụng để vươn lên tìm đường đến bầu trời và ánh nắng.

GIÓ XIBÊRI

Hôm qua, trời đã sắp sửa ấm lên, nhưng ngọn gió Xibêri thổi đến, ngay giữa ban ngày sáng sủa thế mà trời bắt đầu lạnh lẽo, còn ban đêm thì xuống không độ.

Những cây táo còn chưa nở hoa, và nghe nói rằng đối với chúng băng giá sẽ không có hại gì cả. Còn đối với cây anh đào dại thì đằng nào cũng thế thôi: không có băng giá, người ta vẫn bẻ cơ mà.

CỬA SỔ MÀU LAM

Những ngày tháng năm tuyệt đẹp và không nóng lắm, những cây gia trên đường phố Goocki xanh dần ra, những mầm non của các cây gì đấy cạnh mỗi một ngôi nhà gỗ xấu xí ở đường nhỏ xanh dần ra, và mỗi một nhánh con phù hợp với mỗi một ánh lửa nào đấy trong tâm hồn con người.

Không khí tràn đầy hơi nước ấm áp, bầu trời bị phủ kín, và chỉ ở phương đông một cửa sổ tươi sáng, màu lam lộ ra qua màn mây hai ba lớp. Trong nhà và quanh nhà chúng tôi, mọi việc đã xảy ra đúng như trong kinh thánh đã nói về ngày sáng

tạo thứ sáu, — đấng tạo hóa nhìn quanh mình và thốt lên:

— Ta cừ thật, mọi cái đều tốt đẹp cả!

RỪNG THÔNG ÂM VANG

Trong rừng thông âm vang có khi im lặng như tờ đến nỗi tiếng «tu-hú» nghe như tiếng ầm ầm. Và khi nghe nó, ta ngẩng đầu lên nhìn vào dải rừng thông đứng san sát như bức tường thành, thì cứ mỗi tiếng «tu-hú» trên bức tường thành đen sẫm lại hiện ra một cây bạch dương trong bộ áo lá xanh rờn trong suốt đến nỗi qua nó có thể nhìn xuyên vào rừng thông được.

Một tiếng «tu-hú» — hiện ra một cây bạch dương, tiếng «tu-hú» thứ hai — cây bạch dương thứ hai và tất nhiên cây thứ nhất vẫn còn đấy. Và đang đếm tiếng «tu-hú» để đoán xem «mình còn sống bao nhiêu tuổi?» thì bỗng ngừng đếm: đếm làm gì nữa! Cho nên tôi bắt đầu đếm những cây bạch dương kỳ diệu nổi rõ màu xanh mơn mởn trên đám rừng thông đen sẫm.

HƯƠNG THƠM CỦA HỒI ỨC

Hít hương thơm của hoa, vỏ cây và lá rụng năm ngoái, bao giờ ta cũng xúc động vì cái gì đấy giống như hồi ức. Nhưng đôi khi trong số những hương thơm ấy, có một cái gì bắt ta phải hồi tưởng lại, như khi gặp mặt người mà ta biết rõ về bản chất, nhưng không thể nhớ ra tên và không xác định được đã có quan hệ thế nào đối với người ấy.

Tất cả những hương thơm gợi hồi tưởng ấy đã kết hợp từ thời thơ ấu: có cái gì đã xảy ra hồi tôi còn

thơ ấu khi lần đầu tiên gặp được hương thơm như thế. Có lẽ, cả toàn bộ ý thức của chúng ta, phát triển lên giống như vậy từ tư liệu thời thơ ấu ấy, còn tồn tại từ lúc đã sống một cách vô ý thức chăng?

Tất cả những cái mà tôi nhận ra được, đều đã xảy ra với mọi người. Cái mới chẳng qua chỉ là tôi nhận thức được quá khứ và giải thích nó cho mọi người mà thôi.

PHÁT HIỆN

Một tia nắng chói lọi rơi xuống rừng đen tối và phát hiện ra rằng trong đêm nay con nhện đã chăng một sợi tơ óng ánh từ những lá non trên đọt cây thanh lương trà bé nhỏ đến cây sồi đang tơ.

Mặt trời rực rỡ lắm, tia sáng chói lọi lắm đến nỗi xuyên qua được cả lớp lá xanh sẫm dày đặc của lùm thông. Và ở trong đám cây um tùm ấy lấp lánh lên, như chiếc gương soi, cái gốc cây bạch dương đã bị đẵn và ướt đầy dịch.

CHIM TU HÚ

Đôi khi trên đường đi trong rừng ta gặp một cây, trên đó con chim tú hu vểnh đuôi lên, thốt ra tiếng «tu-hú» thường lệ. Nhưng đó không phải là con chim tu hú bí ẩn chân chính của chúng ta đâu.

Con chim tu hú bí ẩn chân chính kia bao giờ nó cũng kêu vang ở đâu đấy đằng xa, xa lắm mà ta rất muốn tự mình đến đấy, nhưng biết rằng không bao giờ đến được!

Khi ánh sáng tháng năm chói lọi ùa vào rừng thông đen sẫm với lùm cây gia bên dưới, khi bóng râm trở

nên đen ngòm, còn ở ngoài sáng, những mầm non to mập của những cây gia đang tơ lấp lánh nở ra, nhưng chưa thành lá, thì chính lúc đó nhất định sẽ được nghe tiếng «tu-hú».

Và dù trong mùa xuân này, chim tu hú không bay đến và cả loài chim ấy đã chết đi trong lúc di cư, thì cũng không sao! Vì tâm hồn ta sẽ hóa thành chim tu hú và bắt đầu gáy vang.

CON BỌ RẦY

Tôi đi lên dốc theo đường dẫn cây và thấy ở trước mặt cả một gò đang bốc khói lên giữa những hàng cây: đó là do trận mưa dông đã thấm vào lòng đất sâu và đất bắt đầu bốc hơi. Từ sáng làn hơi ấm áp ấy, giống như sữa tươi mới vắt, quay trở lại dưới dạng những hạt nước ấm áp.

Trong những ngày này (chừng ba ngày) cứ tối đến bọ rầy bay từng đám dày đặc từ sông lên. Trước đây chúng đã ở đâu nhỉ?

ĐẦY TRÀN

Con chim gõ kiến đã mổ những lỗ con trên thân một cây gia già cỗi bị gãy ngọn: ở lỗ trên, những con chim hét đến ở, lỗ giữa — chim chích xanh, lỗ dưới — chim sâu. Những con quạ con đang lớn lên trong tổ.

Những đọt thông non như những ngón tay khép lại đang nở ra và trở thành giá đèn có ba ngọn nến.

Cây cối đều ra hoa. Chung quanh thật là tuyệt đẹp, tất cả đều thật nhiều đến nỗi tâm hồn tôi — chiếc bình đất nung — không chứa nổi và mọi thứ đầy tràn ra chiếc bình của tôi.

HOA ĐỒNG THẢO

Ngày này qua ngày khác, dông, mưa, nóng, ánh sáng chói lọi, cỏ mọc nhanh, hoa xuất hiện, trong rừng có linh lan rồi và trong vườn có tử đinh hương.

Trong rừng thông, một chiếc hoa đồng thảo lam nhạt đã mọc lên giữa những bụi cây việt quất thấp lè tè, xanh rờn quanh năm.

ĐÁM LÁ RỤNG NĂM TRƯỚC

Tôi nhìn con đường rừng, ngắm những ngọn cỏ non tua tủa như bàn chải, cỏ che lấp đám lá rụng năm ngoái và thu hút chúng vào mình, như phân bón.

Cũng như thế, trong người tôi, trong tâm hồn tôi, giống như trong chiếc bình, niềm vui giống như rượu vang dâng lên và rượu ấy của tôi tràn khắp người làm chìm ngập mọi điều xấu xa.

CẦM LÁI

Hôm qua, trận mưa nhỏ trút xuống nhanh chóng, và mặt trời hiện ra. Ngồi cầm lái ô tô, tôi để ý đến rừng thông: khắp bìa rừng, những cây anh đào dại nở hoa xếp thành một hàng liên tục.

Tôi cảm thấy dường như có ai đấy khẽ đụng vào khuỷu tay tôi và nhỏ nhẻ thì thầm: «Xem kìa!»

Cô dâu tháng năm — cây anh đào dại trong bộ áo trắng phau và ngát hương — đứng giữa những cây thông đen sạm. Nàng mỹ nữ tuyệt vời ấy đứng chỗ nào cũng xinh đẹp cả, và nàng hào phóng không tiếc gì hết, không giữ gìn cho mình gì hết.

— Cứ bẻ đi, bẻ nữa đi, — nàng nói, — may ra còn sống được!

HOA LINH LAN

Có những sinh vật có khả năng nhìn vừa thẳng thắng, vừa trung thực, vừa công nhiên, vừa chói lọi đến nỗi tự mình trở nên giống như mặt trời. Có bao nhiêu loài thực vật ưa ánh sáng như thế với một bông hoa-mặt trời ở giữa.

Nhưng cũng thường có những bông hoa-mơ mộng, chắc chúng cảm thấy mặt trời, nhưng không bao giờ nhìn thấy được, và hình dáng bông hoa của chúng là kết quả mối quan hệ giữa ánh sáng và bóng râm.

CHIM HỌA MI TRÊN CỔNG HÀNG GIẬU

Ban đêm, nhưng cơn rét tháng năm vẫn còn tiếp tục. Nhưng khi có gió, trong thiên nhiên bắt đầu mọi vẻ huy hoàng với những tia nắng ban mai làm cho ta không bao giờ quên được những ngày như thế. Một con chim họa mi say mê quá chừng đến nỗi đã đậu ngay trên cổng hàng giậu và lanh lảnh cất cao tiếng hót.

MÀU XANH

Những cây dương xỉ đã vươn mình ra khỏi những vòi cong, xanh rờn, một màu xanh đặc biệt. Cũng như thế, hàng ngày mặt trời mọc lên: người ta bảo rằng mặt trời vàng, nhưng thực ra ta nhìn thấy mỗi ngày một khác nhau, và thậm chí có khi màu đỏ nữa.

Cũng như thế cả màu xanh của những cây dương xỉ đang tơ, tất nhiên, nó là màu xanh, nhưng đặc biệt vô cùng!

GẶP GỠ

Bướm gặp bướm; chúng nhận ra nhau, vừa bay, vừa lượn, con nọ sát cánh con kia trên những bông hoa. Rồi chúng bay cao, mỗi lúc một cao hơn, cao hơn mãi cho đến khi tới được khoảng rộng mênh mông trên cánh rừng và gió mang chúng cùng đi chẳng biết đến tận đâu. Nhưng hiếm có những cuộc gặp gỡ như thế! Phần lớn những sinh vật trong rừng không nhận ra nhau: bao nhiêu cành cây khác giống gật gù và vẫy vẫy nhau suốt ngày, cũng như cây bạch dương lấy cành quất cây thông đang tơ.

Chúng ta cũng vậy, khi đi trong rừng, tìm kiếm và thầm đợi, đợi mãi khi nào tâm hồn chúng ta sẽ được gặp...

HOÀNG HÔN

Mặt trời cố tình không khuất hẳn, mà chỉ còn lại một mắt nhỏ để liếc nhìn; nó tự nhủ thầm: «Ta cố đợi, dù chỉ bằng một mắt nhỏ, ta liếc nhìn xuống mọi vật, xem chúng sống thế nào khi không có ta».

BAN MAI

Ban mai lại hiện ra trong sương mù và sau đó rực rỡ với muôn vẻ huy hoàng. Những cây thông lá ngắn đứng trẻ lại, còn những cây thông lá dài thì đã cắm nến trên ngọn.

Đàn quạ khoang hốt hoảng kêu gào cái gì đấy, — những con con của chúng đã bay ra khỏi tổ chưa nhỉ? Tử đinh hương ra hoa, còn linh lan thì chớm nụ.

Chung quanh mọi vật đều vội vã, vui mừng, ngất

lời lẫn nhau, và trong cuộc tranh cãi chúng bay tung ra bốn phía, đầy rừng, như trong trò chơi đóng vai người láng giềng: «với ai cũng không vừa lòng cả».

CẲNG CHÓ

Đó là những bông hoa trắng muốt bé bỏng trên rêu xanh lục dưới gốc thông, chín mươi nụ hoa, nhiều ngón hơn hoặc ít ngón hơn trong một cẳng chó. Và nhiều cẳng đứng san sát cùng nhau dưới gốc bạch dương trắng phau trên nền rêu xanh lục, trải rộng ra, giống như một chiếc khăn choàng trắng tinh.

LỐI MÒN

Bụi dưới chân con người, bao giờ cũng nằm ở hai bên rìa lối mòn, nó rất có ích cho cây cối. Và chính vì thế trong mùa xuân sớm, khi những lá cỏ nhọn hoắt chưa đâm qua được những vũng nước con, khi lúa đông còn chưa xuyên qua được lớp cỏ cũ thối nát, hung hung phủ trên mặt đất, thì ở hai bên rìa lối mòn những ngọn cỏ đầu tiên đã xanh tươi mơn mởn nhờ bụi có nhiều phân bón từ dưới chân con người.

HOA BỒ CÔNG ANH

Bây giờ trên các nội cỏ, khắp nơi vàng rực, còn rất nhiều bông hoa, nhưng chẳng bao lâu đến tháng sáu chúng sẽ trở thành những cây bồ công anh mà ai cũng biết, là những kết cấu hình cầu của đám hạt đen có cánh trắng.

Bao nhiêu nghìn, thậm chí bao nhiêu triệu thiếu nhi sẽ giúp cho gió thổi chúng bay tung khắp bốn

phương trời, bao nhiêu cụ phụ lão nhìn chúng sẽ hồi tưởng lại thời thơ ấu xa xôi. Còn đối với tôi, hoa bồ công anh nhắc nhủ tôi rằng, cùng với nó, trên các đầm lầy xuất hiện những con chim mỏ nhác con, những con chim không lớn hơn chiếc hoa bồ công anh với cái mỏ dài cong, kỳ lạ. Và lúc đó bắt đầu việc tập cho chó săn mỏ nhác con.

THÁHG SÁU

LOÀI QUẠ NHỎ

Cứ như tình hình hiện hay thì chim con đã có thể bay được và tự kiếm ăn được rồi, nhưng chúng chưa có kinh nghiệm. Và những con quạ nhỏ đã lớn hẳn rồi, chỉ có khác là mỏ không trắng, mà đen, chúng đậu giấu mình giữa đám lá thông rậm rạp, còn bố mẹ chúng thì suốt ngày tha mồi về cho chúng. Thật là thời kỳ vất vả nhất của chim bố, chim mẹ!

CÂY CỎ MẬT VÀ CÂY ĐỖ TÙNG

Một cây cỏ mật đẹp lộng lẫy, như một nàng mỹ nữ duyên dáng, đã mọc xuyên qua cây đỗ tùng cong queo, sần sùi và nở hoa ở ngoài chỗ sáng. Có thể tưởng lầm rằng đó là cây đỗ tùng đã nở hoa thật!

Một số người đi qua cũng đã tưởng như thế, họ vô cùng ngạc nhiên, thốt lên: «Trường hợp lạ thật: cây cong queo, sần sùi thế kia, mà hoa thì thơm ngát và đẹp nhất lúc này! Chà, trường hợp lạ thật!»

«Thường như thế, thường như thế đấy!» — những con ong đất ở trên cây cỏ mật trầm trầm đáp lại. Còn chính cây đỗ tùng thì tất nhiên nó lặng thinh.

NHỮNG HOA KHÔNG TÊN

Cũng có khi những bông hoa con bé nhỏ, trắng muốt, giống đài hoa năm cánh, xếp đặt trong chùm hoa rất khéo, chẳng khác gì người thợ kim hoàn làm những ổ hoa tai để đặt trong mỗi ổ một hạt kim cương lấp lánh.

Nhưng thay cho những hạt kim cương, trong mùa hè, ở mỗi ổ đều có một hạt sương, và trong tia nắng nó cũng óng ánh muôn màu, như hạt kim cương.

BỤI HOA TẦM XUÂN

Khắp nơi, dân sống ở biệt thự đều đấu tranh với các bà vợ: chồng cố bảo vệ rừng cây, còn vợ thì muốn mở rộng diện tích để trồng cây quả nhỏ và rau tươi. Cuộc đấu tranh ấy diễn ra hầu như ở mọi nhà và đem lại những kết quả khác nhau.

Ở nhà người quen chúng tôi đã xảy ra cuộc đấu tranh vì một bụi tầm xuân to bị rợp cớm dưới những cây lớn nhiều bóng râm. Cuộc đấu tranh vì những cây lớn đã bắt đầu bằng thắng lợi của phụ nữ: người ta đã đẵn những cây lớn đi. Lúc đó, ông chồng tập trung lực lượng, đấu tranh để giữ cho kỳ được bụi tầm xuân và đã thắng lợi. Do đó, ở biệt thự đã xảy ra một sự kiện, giống như phép mầu nhiệm: bụi tầm xuân bị rợp cớm đã vươn ra ánh sáng và bắt đầu nở hoa trong tháng chín, và nở mãi cho đến kỳ băng giá.

Từ đó, vài năm đã trôi qua. Mỗi lần khách khứa yêu cầu chủ nhân chỉ cho xem vườn, thì trước tiên chủ nhân chỉ vào bụi tầm xuân đã lớn ra nhiều và kể

rằng khi nó không còn bị rợp cớm nữa, thì nó sôi nổi đâm lá, ra cành, nở hoa trong tháng chín cho đến kỳ băng giá.

CHIM CHÌA VÔI

Trong rừng, một cột mới đánh dấu khu rừng được cắm xuống, còn cái cột cũ bị vứt nằm bên cạnh, mục mủn ra và sâu bọ ăn nát. Cột mới có ba mặt: với ba con số khác nhau. Loài vật đi qua trên các đường dẫn cây, thậm chí hoảng sợ nhảy lùi lại, cho đến khi con chim chìa vôi đậu lên đỉnh cột.

Khi thấy con chim chìa vôi rung rung chổng đuôi lên và làm bẩn trên cái đầu sói vị đại diện mới của loài người, thì dần dần loài vật đã quen: cái cột đứng — thì mặc kệ nó thôi!

TRƯỚC CƠN MƯA

Trong rừng, ngay trước cơn mưa thường yên lặng như tờ, căng thẳng lạ lùng khi chờ đợi những giọt mưa đầu tiên. Mỗi một chiếc lá bản nhỏ, mỗi một cọng lá kim đều có vẻ riêng đặc biệt duy nhất. Ta nhìn và biết là không có một chiếc lá bản nào khác giống như thế, không có một cọng lá kim nào khác giống như thế, và trong khi chúng giữ vẻ riêng đặc biệt, thì chúng vẫn làm cả những cái mà tất cả những chiếc lá bản và lá kim đều làm.

Cây me đất, một loài cỏ bé nhỏ, thậm chí đã leo lên gốc cây để cho có vẻ đẹp hơn!

Tôi cũng đi đến với chúng và cảm thấy hình như tất cả những lá cây, giống như những con người,

nhưng với vẻ riêng của chúng, đều quay mặt về phía tôi và cầu mưa.

Nhưng tôi làm mưa sao được!

— Nào, lão mưa kia ơi, — tôi nói hú họa với cơn mưa, — thôi đi, đừng làm khổ chúng tôi mãi, hãy bắt đầu đi!

Hoặc là cơn mưa đã vâng lời tôi, hoặc là do may mắn: cơn mưa đã rơi xuống.

QUÃNG TRỐNG TRONG RỪNG

Con đường bị bỏ, chạy qua quãng trống trong rừng, mọc đầy một giống cỏ xanh xanh như bốc khói. Đó chính là loài cỏ mà hồi thơ ấu chúng ta đã đoán: bóp chặt những ngón tay lại và kéo theo chiều cọng cỏ, nếu được một cuộng lá xếp tròn thì là gà mái, hay một cuộng lá có đuôi dài thì là gà trống*. Bây giờ, cây cỏ ấy mọc đầy san sát, xúm xít dày đặc trên con đường bị bỏ ấy, đánh dấu đường đi của con người trên quãng trống đầy hoa, và từ xa cuồn cuộn bốc lên một làn khói hồng hồng.

Nhưng đẹp hơn cả là hoa cẩm chướng rừng, không phải loại đỏ, không phải loại tía, mà là một loại đỏ thắm tuyệt vời, có răng cưa, có những chấm trắng xếp rất đều đặn.

Tôi không thể nào hình dung được, đối với người không có thời thơ ấu, thì các bông hoa thơm như thế nào và phảng phất mùi gì.

Cây tơ hồng bò ra trên đường cát, hoa trắng và hồng, vẫn như trước, phảng phất một mùi thơm

---

* Một lối chơi đoán của trẻ con. — *ND.*

gì xa xăm từ thời thơ ấu, nhưng tôi chẳng tài nào nhớ ra được.

CÂY CỬ ĐỘNG

Ở vùng chúng tôi, đàn quạ nhỏ đang tơ rất thích đậu trên một cây và kêu quang quác. Những con quạ già tha sâu bọ bay đến. Khi con mẹ đậu xuống, cành cây liền cong xuống dưới sức nặng, còn khi nó bay đi thì cành cây bật lên, và con quạ con đu đưa, như trong chiếc nôi.

Do có rất nhiều chim đậu mà ta không thấy được, nên cả cây thông ấy cử động cành lá, cử động toàn bộ, như một con vật sống.

TRONG MÀU XANH TRÊN CAO

Chim bồ các bay vút lên cao, tung đôi cánh rộng, và như mọi con chim khác, khi đã lên cao rồi, thì nó liệng và ngự trị ở đấy, trong màu xanh trên cao.

THÁNG BẢY

MƯA

Buổi sáng lại đến với những thùng đầy nước mưa tươi mát. Sương mù đã ngủ lại trên các nội cỏ. Trong rừng,- suốt ngày trời khi thì sụt sùi khóc, khi thì bật cười. Chỉ đến gần tối, một trận mưa dông to ào ào trút xuống.

NHỮNG ĐỤN CỎ KHÔ

Những ngày tuyệt đẹp. Những đám mây mùa hè to lớn, tròn trĩnh, không che khuất mặt trời, nhưng

bóng râm của chúng trải xuống mặt đất, và ta có thể ngắm nhìn bãi bồi hằng giờ, như ngắm nhìn biển cả.

Sự tĩnh mịch lạ thường của ngày hôm qua đã kết thúc bằng một trận mưa nhỏ, và buổi sáng mưa vẫn còn tiếp tục rơi. Các cô thôn nữ của nông trang suốt ba ngày khô ráo đã cứu cỏ khô ở phía bên kia sông và đã trang điểm cho đồng nội bằng hai đụn cỏ to lớn.

NẤM THÔNG

Thường có khi như thế này: quá say mê tìm nấm thông to và cảm thấy hình như ở đâu đấy đằng xa kia có một tai nấm khổng lồ nằm đấy, to như gốc cây. Tai nấm to quá lấp lánh trong sương, to đến nỗi ta không tin là thật. Không! Trái lại thì đúng hơn, ta quá tin, chỉ có điều sợ bị nhầm nên tự nhủ thầm để phòng khỏi bị hớ:

— Không, cái đó đâu phải là nấm, đó chỉ là gốc cây thôi mà!

«Này, ông bạn ơi, — một giọng nói láu lỉnh thốt lên trong lòng, — nếu ông bạn tin rằng đó là gốc cây, thế thì ông đi về phía ấy làm gì thế nhỉ?»

— Đến đấy chẳng xa đâu, — ta trả lời nó. — Dù sao tôi cũng phải đến đấy cơ mà.

Và ta đi đến đấy, mắt lơ láo nhìn quanh tứ phía như để tìm nấm tràm, thậm chí cố gắng quên hẳn nó đi. Nhưng trong việc đi tìm nấm lắm khi bị đánh lừa: đã thấy tai nấm rồi, nhưng lảng đi một lúc để làm gì đấy ở chỗ khác, và khi nhìn lại chỗ tai nấm thì chẳng có gì cả. Mà cũng có khi xảy ra thế này:

tai nấm hoàn toàn biến mất, ta tìm, tìm mãi, đi quanh đi quẩn, giẫm cỏ, vén bụi cây, vén dương xỉ, — thế mà không có vẫn hoàn không có.

«Hãy xem chừng, nó đi mất đấy!» — giọng nói láu lỉnh thì thầm.

— Cứ mặc cho nó đi mất, — ta trả lời giọng nói ấy. — Tôi đi tìm nấm, chứ không phải đi tìm gốc cây. — Và xoẹt! Ta lấy dao cắt ngang chân trắng của tai nấm tràm hồng hồng.

«Thôi đi, đừng nhát quá nữa, — giọng nói láu lỉnh thốt lên, — hãy làm nhanh lên đi: hãy nhìn thẳng vào sự thật».

— Ừ, đúng thế! — ta trả lời, — đáng lẽ phải nói nói như thế từ lâu cơ! — Và ta đưa mắt nhìn lên...

Trong đời đã bao nhiêu lần ta uổng công vô ích tìm cái gì đấy, ta chờ đợi biết bao, thế mà được một cái hoàn toàn khác cái ta mong ước. Nhưng khi ta đi vào rừng tìm nấm, thì ta tìm thấy đúng thứ nấm mà ta mong ước. Còn nếu tìm thấy nấm thông, thì bao giờ nó cũng là tai nấm tốt hơn tai nấm mà ta đã tưởng tượng. Đôi mắt hau háu của ta nhìn chằm chằm vào nó, dường như muốn hưởng thụ hết toàn bộ vẻ đẹp tuyệt vời trong nó, nhưng ta không hưởng thụ hết được: vì tai nấm mới tìm được lần sau lại cũng tuyệt vời như thế, dường như ta chưa hề thấy nó bao giờ.

GIỌNG MẸ

Sáo mẹ réo rắt kêu, họa mi mẹ chiêm chiếp than vãn, gà rừng mẹ cục cục gọi con.

KIẾN TRÚC CỦA NẤM

Nấm trong thiên nhiên — đó là sáng tạo kiến trúc. Có những tai nấm độc giống hệt tòa giáo đường Hồi giáo...

CÂY GIA NỞ HOA

Những cây gia nở hoa và thơm phức mùi mật ong. Giữa những cây gia có một con ruồi vàng rực mà từ thời thơ ấu ta đã từng biết. Nó đập cánh và đứng nguyên một chỗ trong không trung. Ta tìm thấy nó, ta đi qua và lại nhìn: nó vẫn đứng nguyên chỗ cũ trong không trung.

Thế là câu hỏi ấy về con ruồi vẫn không có giải đáp, và con ruồi đã bị quên bẵng. Bây giờ ta nhớ lại, và câu giải đáp nảy ra trong óc như thế này: tất cả những con gì không cánh đều muốn bay, còn con gì có cánh thì, có lẽ, trong ngày hội cây gia nở hoa, đứng nó cũng thích.

ÂM NHẠC

Ngày huy hoàng hiện ra từ trong đám sương mù dày đặc, ngày tràn đầy, yên tĩnh và ánh chói lọi của những chiếc lá được sương mù tưới ướt, — sự phong phú của thiên nhiên trong mùa hè.

Hôm nay, ban mai tươi sáng, trong rừng tối sẫm yên lặng như tờ. Tôi cảm thấy sự yên lặng đó, đắm mình trầm ngâm suy nghĩ và khi tỉnh lại nhìn ra thì thấy trong ánh hào quang giữa cây cối có những giọt nước sáng tươi của trận mưa đêm từ cành rơi xuống,

và do nước giọt, những cánh lá dương xỉ ở bên dưới rung lên.

Cứ như thế trong chốn yên tĩnh, ta đắm mình trầm ngâm suy nghĩ và thấy mọi vật qua tâm hồn mình, dường như qua chiếc cửa sổ con, và thấy một cách hoàn toàn dễ dàng. Còn khi có gió, thì không phải tự tôi, mà ai đấy thì thầm nói lên, thổi lên, rú lên với tôi. Nếu không biết tất cả những cái ấy là do gió, thì có thể nghĩ rằng không phải tôi đang ở đây, mà có ai khác đã đến đây.

Nhưng có khi làn gió rất nhẹ thoảng đến, lặng lẽ nô đùa những ngọn lá, cành cây. Khi đó tôi cảm thấy hình như tôi đã điếc rồi, nên không nghe thấy được âm nhạc rung lên do sinh vật vô hình ấy đụng chạm vào những lá cây. Lúc đó tôi nhìn những ngọn lá, cành cây lắc lư, dao động và đoán thầm về âm nhạc. Hơn nữa, lúc đó tôi hình dung chúng ta cũng tựa hồ như những chiếc lá: chúng ta rung rinh, lay động, bị xé rách, điếc đặc và chẳng hiểu được âm nhạc từ trong chúng ta mà ra.

GIỮA NHỮNG CÂY SỒI

Trong rừng có nhiều sồi, nhưng mỗi cây sồi đều có bạch dương và hoàn diệp liễu vây quanh.

Thật là thú vị, khi nhìn thấy cây sồi đứng hiên ngang, tự lập. Riêng cây gia yểu điệu như thục nữ không giảm bớt vẻ đẹp của mình và cứ đứng cạnh cây sồi, như hoàn diệp liễu với bạch dương, nhưng cây gia cũng tự lập và chẳng thua kém gì cây sồi.

HƠI THỞ CỦA RỪNG NÚI

Có khi sự yên tĩnh tràn đến núi rừng một cách thật giản đơn, và mọi vật đều lặng thinh, còn bản thân ta thì ngồi yên bất động trên gốc cây. Mà cũng có khi cỏ cây, bụi bờ, chim chóc dường như thỏa thuận với nhau, nói rằng: «Chúng ta sẽ lặng thinh nhé!» Và mọi vật đều lặng yên, còn bản thân ta đắm mình trầm ngâm suy nghĩ và nhìn lại quá khứ xa xăm một cách khác hẳn.

Không một cành cây nào lay động, không một chiếc lá nào rung rinh, và chỉ theo hình dáng những vòm cây mà biết được rằng: cây cối đang đứng, như bằng sáp. Chẳng ai có thể dùng sáp để nặn mọi vật một cách không đều đặn như thế được, mà thực ra như thế thì đẹp hơn đều đặn.

Và bỗng ta cảm thấy ở má, dường như có ai đấy từ trong rừng sâu thổi đến ta. Hay là ta tưởng nhầm thế thôi? Không! Kìa, một cọng cỏ lông công rung động, nó mảnh dẻ, như chiếc que đan dài, cao gần đến ngực, ở bên trên là một chùm bông hoa như cái chổi. Nó gật gà gật gù với cọng khác, và cọng này cong xuống, gật gà gật gù với cọng thứ ba. Còn xa hơn ở đằng kia, cây dương xỉ trên một cọng nhỏ thì thầm trò chuyện với những cây khác, và tất cả bọn chúng cũng chỉ nói về điều mà tôi cảm thấy ở má: trong bầu không khí vô cùng tĩnh mịch, rừng núi ở bên trên đang thở từ trong lòng ra, giống hệt như con người.

TÂM HỒN LẨN TRỐN

Cả bầu trời xám xịt như trong mùa thu, và từ sáng một cơn mưa nhỏ lâm dâm rơi xuống. Tâm hồn ẩn trốn trong ngôi nhà của nó và mừng thầm rằng có chỗ để ẩn nấp khi xấu trời. Rồi trong bầu không khí tĩnh mịch, tâm hồn tỉnh lại và chờ đợi, khi nào muốn đi ra ngoài thì nó lang thang khắp nơi trên cánh đồng, trong rừng núi.

CƠN MƯA

Hôm qua, tôi nằm ngủ thiếp đi khi trời mưa, sáng hôm nay lại gặp mưa và thức dậy khi trời dông. Nhưng cơn dông đó không phải chỉ lướt qua, mà hình như để phủ kín bầu trời lại thành một chiếc áo choàng xám xịt.

Cơn mưa trút xuống, trút xuống mãi, còn ngựa và bò thì cứ gặm cỏ, gặm cỏ mãi trên đồng nội.

CHIM ÉN

Trận nước lũ, gần như trong mùa xuân, làm trôi hết tất cả những thanh cầu từ lâu, và một số bụi liễu gần bờ đã trở thành những hòn đảo. Một con chim én đã đặt đàn con trên một hòn đảo như thế để không ai làm trở ngại việc nó cho con ăn. Và người xúm xít đứng quanh, cả người lớn lẫn trẻ con.

Bọn trẻ con phiền muộn vì không thể nào bắt được chúng, còn người lớn thì ngạc nhiên vì trí khôn của chim én: tìm được một chỗ mọi người trông thấy, nhưng không thể nào đụng đến được.

CHIM THẦN RỰC LỬA*

Buổi sáng, sau trận mưa đêm, khi ánh nắng lấp lánh trên cánh đồng, thì những tia mặt trời xuyên vào rừng đen sẫm và đọng lại khắp nơi thành những vệt vàng chói, rực lửa.

Còn bóng râm đen thì càng đen ngòm hơn, và khi đó cảm thấy hình như chim thần rực lửa đã bay đến rừng và đậu xuống, như trong truyện cổ tích «Con ngựa gù», còn chính ta đang chờ đợi để bắt được một con chim ở chốn bồng lai như thế.

Suốt ngày thời tiết thay đổi luôn: khi thì mặt trời chói lọi, khi thì mưa dầm dề. Đến gần tối, sau trận mưa, mặt trời rực rỡ ló ra, đàn muỗi bốc lên bay chập chờn, còn làn gió không ngừng hẳn, nó lay động cành thông, làm nhiều giọt nước to chói lọi rơi xuống và phân tán đàn muỗi đang nô đùa.

Cả tâm hồn chúng ta cũng thế: niềm vui cuộc sống sôi sục đâu đấy trong lòng, mãi mãi không dịu, mà dâng lên cuồn cuộn, sôi nổi, còn nhiều giọt nước của cái gì đấy không tránh khỏi, rơi xuống niềm vui ấy và giết chết mọi hy vọng được hạnh phúc và tự do...

Lại một buổi sáng chói lọi, nhưng đến gần tối đài truyền thanh lại báo là trời sắp mưa. Mưa thì mặc mưa, nhưng buổi sáng là của tôi. Và dù không có buổi sáng nào nữa, thì buổi sáng này đã là của tôi rồi!

---

* Con vật thần thoại trong truyện cổ tích Nga «Con ngựa gù». — *ND.*

ĐUÔI MÈO

Khi có cơn khí xoáy tụ sắp đến, thì trên trời có những đám mây, gọi là đuôi mèo, báo hiệu trước thời gian mưa tầm tã. Nhưng trên trời cũng xảy ra như thế, khi cơn khí xoáy tản sắp đến: cũng những đuôi mèo ấy báo hiệu thời tiết tốt. Thế nghĩa là vấn đề không phải ở những cái đuôi và không nên chỉ căn cứ vào những đuôi mèo, mà không chú ý đến những dấu hiệu khác để đoán về thời tiết.

Nhưng người ta thường phán đoán chung cả về mọi việc, cũng như về thời tiết: nếu đã có những đuôi mèo thì tức là có mưa.

SAU CƠN DÔNG

Ban mai, giống như hạnh phúc, đã đến.

Sau cơn dông và mưa, tất cả các con đường trong rừng có tia nắng dọi đến đều bốc hơi lên nghi ngút.

Thậm chí cả trong rừng thông con đen sẫm, những tia nắng xuyên qua màn cây thành những luồng xiên, rơi vào tận giữa rừng, và ở trong đó, trong những luồng ánh sáng ấy một cây con hiện rõ lên trang hoàng lộng lẫy, lấp lánh những ánh lửa muôn màu, tựa hồ như sắp đến ngày Tết.

ĐÀN MUỖI CHẬP CHỜN BAY

Chiều hôm, đàn muỗi chập chờn bay lên bay xuống giữa những cây thông trong tia nắng chiều xiên. Chim nhỏ, bươm bướm, ong đất, và tất cả những con gì bay qua những tia nắng ấy thì trong nháy mắt ánh lên màu bạc. Bỗng một giọt bạc to rơi xuống vào ngay

giữa đám muỗi bạc ấy, rồi đến giọt thứ hai và giọt thứ ba. Mỗi giọt đều mang đi mất nhiều con muỗi bay chập chờn ấy, nhưng những con khác không hề mảy may luống cuống, vẫn chập chờn bay lên bay xuống mãi.

Cuối cùng, những giọt mưa trút xuống, và chỉ còn lại một ít muỗi thôi. Làm sao còn bay chập chờn được nữa dưới trời mưa! Nhưng những vị anh hùng bướng bỉnh kia vẫn cứ chập chờn bay lên bay xuống mãi. Rồi thế nào nữa? Mưa tạnh, những dũng sĩ bị thiệt đã khô ráo và lại bốc lên, và đàn muỗi lại chập chờn bay lên bay xuống như trước. Còn chúng ta, chẳng hiểu gì về cái trò chơi dũng cảm ấy, chúng ta nói:

— Chắc là sắp tốt trời!

NHỮNG BÔNG HOA BAY LƯỢN

Trên những luống khoai tây nở hoa bao giờ cũng có những con bướm trắng nhởn nhơ bay lượn, dường như một vài bông hoa đã ngồi một chỗ chán rồi, chúng cũng muốn bay lượn, và bây giờ đó không phải những con bướm, mà là những bông hoa cũng bay lượn trên hoa khoai tây.

THÁNG TÁM

CÂY NGẢI THẢO

Ngày thánh Ilia đã qua, và ở đôi nơi lúa mạch đen đã gặt xong và đánh thành đống, nhưng trời thì vẫn u ám như trước với những cơn mưa ngắn ngủi. Cây ngải thảo đã đen sạm. Khi vô tình nhìn nghiêng

thì tưởng chừng một con người đứng nhìn ta từ một bên.

MÔ TẢ MỘT NGÀY

Sương mù *xuống*. Do sương mù, nên lá cây xanh ướt át, lấp lánh. Trong rừng sương mù vừa *xuống* thì những tia nắng gặp nó ngay. Sương mù *nằm dài* thế nào trên nội cỏ (nằm ỳ: làm gì thì làm, tôi cứ nằm).

Mô tả toàn bộ sương móc trong ngày hè, và cuối cùng: trên cây hoàn diệp liễu hai giọt nước hợp lại, một giọt khô ngay tại chỗ và bay đi.

CUỐI HÈ

Chin én, già và trẻ, bay liệng từng đàn trên mặt nước, và những con can đảm nhất ngừng đập cánh trong chốc lát, đụng nhẹ và để lại trên mặt nước một khoanh tròn.

Tôi ngồi trên bờ sông và đắm mình trong bầu không khí tĩnh mịch.

ĐẾN LÚC

Lá của mọi thứ cây hoa rơi rụng trong rừng, và ta mong đợi thấy những tai nấm giữa những ngọn lá rụng ấy. Và bao nhiêu tai nấm đủ loại hiện ra, bao nhiêu lần ta đã nhầm, nhưng mỗi lần đều quên rằng nếu gặp tai nấm thông thật thì chẳng nhầm đâu.

Đến lúc rừng trở nên chật chội đối với loài nấm, và chúng hiện ra khắp nơi trên đường rừng.

TÔI ĐI VÀO RỪNG

Trong một buổi sáng sương mù, tiết trời rất tốt cho nấm mọc và cho việc săn bắn, tôi đi vào rừng và đợi xem cuộc sống song song của thiên nhiên bắt đầu từ cái gì, cuộc sống của cá nhân tôi, thơ mộng hay là triết lý, — tôi không biết gọi nó như thế nào cho đúng.

Tôi biết chính trong thiên nhiên có một hạt nhân cá nhân của tôi, và nếu tôi sẽ tìm thấy nó, nhìn nó, thì cũng bắt đầu cuộc đời bên trong của tôi lúc đó hoàn toàn phù hợp với thiên nhiên: lúc đó tôi nhìn bất cứ cái gì thì tất cả mọi cái của thiên nhiên đều đáp ứng trong tinh thần tôi. Nhưng hạt nhân ấy của tôi trong thiên nhiên thoáng qua, bắt đầu và đang tự biến dần, và tôi không bao giờ nhớ được hạt nhân đó là cái gì và mọi cái đó đối với tôi đã bắt đầu từ cái gì. Và phải cố gắng để điều mong ước xuất hiện lại.

Tất nhiên, tôi biết là trước tiên phải tăng gấp ba sự chú ý của mình. Và tôi bắt đầu hết sức chú ý.

Có phải những cây dương xỉ vàng tươi kia trong rừng đen sẫm là điển hình cho đầu thu không nhỉ? Có phải trong những cây ấy, trong chứng cớ rõ rệt sự vận động của cuộc sống, có bao hàm hạt nhân của tôi không nhỉ? Tôi cố thử và ghi chép lại. Và hơn nữa tôi thấy: lần đầu tiên sau một mùa hè, những cây bạch dương đã bắt đầu rải rác rắc những đồng tiền vàng xuống những cây thông đen sẫm mọc bên dưới. Như thế, có lẽ, mọi cái đều bắt đầu từ sự vận động trong thiên nhiên, nó thức tỉnh sự vận động của tư tưởng.

Mà cái đó là cái gì thế? Cây thông con gái lá dài, cao chỉ đến ngực tôi, đã ôm phủ chung quanh cây

thông con lá ngắn, như người mẹ ôm ấp đứa con để con khỏi lạnh. Từ sau cây-mẹ, một đọt thông lá ngắn chĩa lên trời như một ngón tay của chòm lá bên trên, và ở bên dưới, từ dưới cây thông-mẹ lá dài thấy lờ mờ vài nhánh màu nhạt hơn màu nhánh của nó.

Những phát hiện đã bắt đầu như thế: những dấu hiệu vận động của cuộc sống đã bắt đầu, vận động của những cây dương xỉ đã vàng và của những lá bạch dương vàng rực trên những cây thông. Những dấu hiệu ấy của vận động làm tôi chú ý đến, và mọi cái bắt đầu từ đấy, từ sự vận động.

Và hôm nay, tôi có thể nói rằng: trước hết là có sự vận động trong thiên nhiên, nó làm cho con người chú ý, và sau khi xuất hiện, cái chú ý đó cần tư liệu, thì nó tìm thấy cây thông con lá dài ưa ánh sáng đã ôm phủ cây thông con lá ngắn cũng ưa ánh sáng.

Và cứ như thế, nhìn vào cây cối, như nhìn trong gương, con người đã nhận thấy cuộc sống của mình.

CHÒM SAO ĐẠI HÙNG

Ban đêm, chắc là mát lạnh, và kính cửa sổ đổ mồ hôi, và khi ta nhìn qua những tấm kính đổ mồ hôi ấy, thì những vì sao phình to lên. Chòm sao Đại Hùng vừa vặn nằm đối diện cửa sổ của tôi. Tôi chẳng hiểu vì sao, nhưng thường thì ta bắt đầu để ý đến chòm sao Đại Hùng từ mùa thu.

MÙA THU

Ban ngày, người ta đã bắt đầu đốt lò sưởi sơ sơ. Hôm nay, mặt trời chói lọi chiếu qua những cửa sổ đổ mồ hôi, và sương dày đặc lấp lánh, không phải

như những hạt kim cương riêng lẻ chói lọi, mà lấp lánh cả cây ngưu bàng hay cả luống củ cải đỏ.

Từ sáng, trên bầu trời, những đám mây gợn sóng tựa hồ những con cừu trắng lông quăn trên cánh đồng xanh lam, và đài phát thanh báo tin ngày hôm nay sẽ không có mưa. Bao nhiêu ngày khô ráo phải trôi qua nhỉ, để kẻ tiêu dùng thiên nhiên không trách mắng thiên nhiên vì mùa hè mưa nhiều?

SƯƠNG MÙ

Sương mù sáng rực. Bằng mắt không thấy gì cả, nhưng tâm hồn tin tưởng rằng từ trong đám sương mù mặt trời sẽ hiện ra.

Ngày mới bắt đầu, hoàn toàn có vẻ như ngày hè, chỉ có khác là do hơi nước và sương mù nên ngày có mái tóc hơi điểm bạc, nhưng nhờ những cơn mưa nên màu xanh lá cây vẫn còn giữ lại được một cách kỳ lạ, so với thời gian bây giờ.

Chỉ có điều, trong một rừng bạch dương, nơi hàng chục cây thông con vây quanh bên dưới mỗi gốc bạch dương và cả rừng bạch dương đứng trong đám thông rậm rạp, thì trông thấy rõ trên cành thông xanh sẫm đã có bao nhiêu lá bạch dương vàng rực rơi xuống rồi.

Chỉ đến gần chín giờ sáng, bờ bên kia sông mới bắt đầu hiện rõ và thực sự trở thành bờ. Nhưng còn chưa thấy được những người làm trên cánh đồng kiều mạch ở bên ấy, mà chỉ có giọng nói của họ từ trong sương mù bay đến tai chúng tôi mà thôi.

Nếu có sương mù thì tất cả cây cối, đặc biệt là những cây thông, cây bụi và thậm chí cả cỏ nữa đôi khi có

những mạng nhện: trên những cây thông, cảm thấy hình như từ trên xuống dưới đều có treo những đĩa bạc.

Nhưng tôi không thể nói được rằng: loài nhện có thích hoạt động trong sương mù hay không, hoặc chính sương mù, những hạt con của nó bám vào mạng nhện như hạt ngọc trai và làm cho chúng ta trông rõ được công việc thường lệ của loài nhện?

THÁNG CHÍN

HƠI ẤM CUỐI CÙNG

Trời lặng gió, và bầu trời xanh lơ treo lơ lửng giữa những cây còn xanh. Từ sáng, mặt trời chậm chạp đi theo con đường của nó xuyên qua sương mù và những đám mây.

Ban đêm, một đợt giá lạnh đã đến, và có lẽ trên các đầm lầy lúc rạng đông, ở phía bắc, nơi mặt trời không chiếu đến, những mô đất đã trắng xóa rồi.

Buổi tối, mảnh trăng non mọc lên từ sau cây cối, trông như một đám cháy. Buổi sáng nắng ráo, nhiều sương ở trong những chỗ râm xanh biếc và đậm đặc.

TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI

Khi thì mưa rơi, khi thì mặt trời vui mừng: trong ngày thời tiết thay đi đổi lại đến một trăm lần!

Khi mọi vật được rửa sạch, chói lọi, rực rỡ trong ánh nắng, thì cả cây thông bé nhỏ, toàn cây trang điểm bằng muôn vàn hạt óng ánh huy hoàng, cũng đứng như một cô bé con, chỉ có điều không nói được: «tôi cũng đã lớn rồi!»

Trong ngày trang trọng như thế này với những sự đổi thay nhiều lần, thường có một phút hoàn toàn yên tĩnh nào đấy: tưởng chừng như tôi đã đi, đi mãi lên dốc, và bây giờ đã đến nơi rồi — tôi nghỉ một phút và sẽ đi xuống thung lũng.

Mùa thu bắt đầu như thế.

CÂY TẦM MA

Lùm cây bụi màu tím đã trở vàng và bên dưới đã phủ đầy một tấm thảm lá vàng rực, còn trong rừng phảng phất mùi bánh bàng.

Lá dâu đất màu huyết dụ. Cây tầm ma đứng cao hơn đầu người đã đen sạm, lá nhỏ dần lại và thủng lỗ chỗ, nó đã già cỗi rồi... Tôi muốn thương xót, vuốt ve nó, sờ mó nó, còn nó, tuy rất già cỗi, vẫn chích đau buốt như trước, như khi đang tơ!

NẤM MỐI GỐC CÂY

Sau những cây thông, nếu nhìn tận bên trong của chúng giữa các thân cây thì thấy rõ một bức tường vàng của thiên đường — bức tường ấy bằng những lá gia được mùa thu mạ vàng. Nấm mối mọc ra rất nhiều. Và người trông rừng nói rằng nếu nhìn kỹ vào khu rừng đã đẵn cây thì thấy là tất cả các gốc đều phủ đầy những nấm mối bé tí: ngày mai, ngày kia sẽ đến mùa của chúng.

Buổi sáng âm u và ấm áp, trời lất phất mưa phùn. Thế này thì rất tốt cho nấm! Và cho cả tôi ở đây cũng thế, chứ không phải như ở Matxcơva.

Tôi đi săn rất tuyệt, ngồi đợi mưa dưới gốc thông.

Những giọt nước rơi, lá cây rung động và vài chiếc lá rụng.

Một ngọn lá con rung rinh vì giọt nước, nhưng vẫn bám được, còn ngọn lá khác rơi xuống.

Từ sáng ẩm ướt, nhìn trên bầu trời thì có hy vọng sẽ sáng sủa. Ngày bắt nguồn từ đêm, chẳng khác nào dòng sông bắt nguồn từ rừng tối sẫm.

GIÓ

Gió, gió mãi, thổi mãi, thổi hoài trong mùa thu, như nó đã thổi trong mùa xuân và mùa hè, và thậm chí nó vui mừng, khi bứt được một chiếc lá khỏi cây và cùng bay đi với lá.

Gió không biết rằng những chiếc lá kia đã chết và không thể bay xa cùng với nó được.

CƠN GIÓ NHẸ

Có khi, cỏ rậm xanh rờn mọc trên đồi, và trong khi đó dưới bóng râm, ở những chỗ trũng, cỏ hầu như đen sẫm. Đôi khi, cơn gió nhẹ thổi đến, mơn trớn những ngọn cỏ xanh tươi, và cả đám cỏ được gió trìu mến, ngời sáng lên.

BÓNG RÂM VUI TƯƠI

Lúc rạng đông, sương mù đặc lại, và những giọt nước rơi trên lá bạch dương. Những chiếc lá nặng dần, rời ra và cùng với giọt nước rơi xuống đất.

Khi mặt trời mọc thì sương mù tan, những giọt nước ngừng rơi và cơn gió nhẹ ban mai nghịch ngợm bắt đầu nô đùa với những chiếc lá hoàn diệp liễu bé nhỏ, còn trên thân màu xám của cây hoàn

diệp liễu, bóng râm những chiếc lá chập chờn nhảy nhót.

Thỉnh thoảng một chiếc lá rời ra và bay đi, và cùng với nó cũng biến mất bóng râm vui tươi của nó.

HOA CHUÔNG

Có khi buổi sáng, hay ban ngày, hay buổi tối đi dần qua, và ta cũng đi theo cùng một nhịp bước. Thật khó nói là phải làm thế nào để các nhịp bước trùng nhau. Nhưng nếu trong khi đi hòa nhịp bước ta sẽ chỉ để ý đến cái gì đấy thôi, thì cái ấy đối với ta sẽ trở thành như con người, còn nếu ta sẽ viết cái gì đấy về nó, thì nó sẽ giống như ta viết về con người.

Bây giờ đây tôi đang ngồi trên gốc cây và tôi thấy: chiếc lá rơi và ngọn gió mang đi; lá rơi dày đến gần đầu gối, thế mà vẫn không lấp được cây hoa chuông cao màu xanh lam. Đến cuối tháng chín nó vẫn tiếp tục nở hoa xanh lam trên nền lá vàng rơi.

Trong rừng tối sẫm, một tia nắng chiếu xuống chùm hoa chuông lưa thưa trên chiếc cọng dài, và hoa chuông sáng mãi không tắt.

Tĩnh mịch. Ở đâu đấy có những con bọ rầy không nom thấy được đang kêu rè rè, làm ta cảm thấy dường như những tia nắng bay vào rừng tối sẫm đã kêu lên như thế trong cảnh tĩnh mịch.

CƠN BĂNG GIÁ ĐẦU TIÊN

Chắc là ban đêm băng giá đã xuống. Buổi sáng, sau cơn băng giá, mặt trời thui cháy những chiếc lá dưa chuột, chúng cuốn lại, đen sạm, và nhiều quả dưa chuột

xanh rờn trước đây do chúng che giấu, bây giờ đã lộ ra.

Đêm lại đầy sao, nhưng ban mai không có băng giá, còn khi mặt trời chói lọi chiếu sáng, thì mùa hè đã trở lại, duy chỉ có những chiếc lá dưa chuột đen sạm giống như cánh dơi trên vườn rau còn ghi lại kỷ niệm của cơn băng giá ngày hôm trước mà thôi.

MÙA CHIM DI CƯ

Gió đưa hương của những chiếc lá bị rữa mục, nhưng chẳng hiểu vì sao khi có ngọn gió ấy thì tâm hồn sảng khoái lạ, dường như ở khắp nơi trong thiên nhiên đang chuẩn bị phân bón cho mùa hè sắp tới, còn trong tâm hồn mình thì lúa xuân đang mọc lên.

Những chiếc lá bạch dương vàng rực, giống như những đàn chim di cư nằm nghỉ tản mát trên lối đi, và như thế trên tất cả các cây thông đều có lá bạch dương. Nhưng đôi khi cả những đàn chim thật cũng đến đậu: bây giờ là mùa chim di cư.

DÒNG SÔNG

Hằng ngày tôi đi trên bờ sông. Khi bầu trời phủ mây thì dòng sông trông có vẻ lạnh lùng và dễ sợ. Còn khi bầu trời sáng sủa thì dòng sông đáp lại ngay niềm hân hoan.

Những đám mây ảm đạm xuất hiện, thì dòng sông đáp lại: nằm lạnh lùng, nhìn có vẻ bí ẩn, giống như con mèo khi nó không cần xin ở con người cái gì cả. Và ta nhìn nó và hiểu, không phải suy từ mình ra, mà từ người khác: thật đúng là con mèo đang nhìn!

TRÊN CÁNH ĐỒNG

Có cái gì đấy nằm trên cánh đồng. Từ xa không nhận ra được là cái gì, nhưng muốn hay không thì cứ phải nhìn, nhìn mãi về phía ấy và tự hỏi mình: «Cái gì nằm thế kia nhỉ?»

Và không phải chỉ nhìn một cách «nghi hoặc», mà có lúc ta nhìn và suy nghĩ thêm gì đấy nữa, đại loại như: cái đó có phải là người bị giết đang nằm đấy không?

Cái gì thế nhỉ? Dù nó là tảng đá đi nữa, nhưng nếu nó đã nằm thì đã có cái gì đáng nghi rồi: chẳng hiểu vì sao, nhưng ta quen rằng trên cánh đồng không thể có cái gì được nằm cả.

THÁNG MƯỜI

RỪNG VÀNG

Ngày lặng gió, trên không trung là những đám mây to lớn có những khoảng sáng của mặt trời. Và tia sáng chiếu đến đâu thì ở đấy hiện ta bức tranh tuyệt diệu với những rừng vàng, và dưới ánh sáng ấy đất đai bùng lên chói lọi, rực rỡ một cách đặc biệt, đến nỗi giá tất cả những cái đó được truyền đạt nguyên vẹn trên bức tranh, thì chẳng ai tin được đó là do họa sĩ vẽ.

MÀU SẮC VÀ ÂM THANH

Có một vài giống nho cho ta một cảm giác đặc biệt của hương vị ngon lành. Cũng như cái gì nhìn được bằng mắt thì đôi khi chuyển thành âm thanh: có một bận trong tháng mười, tôi thấy cây bạch dương vàng

rực trong buổi sáng băng giá đầy nắng, và tôi nghe từ trong cây đó tiếng ngân vang của những cái chuông vàng.

Còn vào mùa xuân, ở chỗ rình săn chim dẽ giun gọi mái thì ánh sáng, và màu sắc, và âm thanh thường xuyên đổi chỗ cho nhau.

SỨC SỐNG

Mọi vật đều bị hủy hoại, mọi vật đều bị tiêu vong nhưng không có cái gì chết hẳn, và thậm chí nếu nó chết đi thì ngay lập tức biến thành cái khác. Kìa gốc cây đang mục nát, nó đã đội chiếc mũ bằng rêu xanh lên đầu. Trong hốc một gốc cây bị đẵn đã lâu, đội chặt chiếc mũ rêu xanh, có một cây nấm đại hồng nhung mọc lên rất đẹp.

Giữa khu rừng quen thuộc, ta bỡ ngỡ, tưởng chừng như tất cả cây cối đã cất mặt nạ xanh rờn chung của chúng và mỗi cây đều trở nên rất đặc biệt. Còn khi ta ngẩng đầu nhìn chúng, thì chúng cũng nhìn ta, mỗi cây nhìn một cách riêng.

NHỮNG TAI NẤM CUỐI CÙNG

Gió tung bay, cây gia hít vào và dường như thở phào ra hàng triệu chiếc lá vàng nho nhỏ. Gió lại tung bay, đem hết sức ùa vào — khi đó thì tất cả những chiếc lá đồng loạt bay đi, và trên cây gia già cỗi chỉ còn lại những đồng tiền vàng thưa thớt trên những cành đen sạm mà thôi.

Ngọn gió nô đùa với cây gia như thế đấy, rồi chạy đến đám mây đen, thổi nó, đám mây đen phun nước xuống và lập tức cả đám mây tan thành mưa.

Ngọn gió đuổi kịp đám mây đen khác và xua đuổi nó. Kia kìa, từ dưới đám mây đen ấy, những tia sáng chói lọi tung ra, và những khu rừng, những cánh đồng ướt đẫm, lấp lánh sáng ngời.

Lá vàng rơi phủ kín những tai nấm vàng, nhưng tôi cũng tìm được một ít cả nấm vàng, cả nấm hoàn diệp liễu, cả nấm bạch dương*.

Đó là những tai nấm cuối cùng.

CHIM MÙA THU

Đã đến lúc những con chim vành khuyên bay từ các khu rừng ướt át, lạnh lẽo đến gần các nhà.

Trong bụi cây, một chiếc lá vàng lay động. Nó lay động vì giọt nước, hay là sau bụi cây có con chim nhỉ?

Bỗng từ một bông hoa phù dung, một giọt nước nhỏ xuống bông hoa thấp hơn, và những giọt nước hợp lại rơi xuống chiếc lá nhài, làm ngọn lá vàng này rơi xuống.

Lúc đó thì mới rõ ra rằng sau chiếc lá là một đầu chim có mào, và nhìn cái đầu ấy tôi cho đó là chim vành khuyên, nhưng thực ra đó là chim chích, và chính lúc đầu nó đã làm lay động chiếc lá nhài, còn giọt nước thì quật nốt làm chiếc lá rụng xuống.

Hôm nay, trong một ngày mà xảy ra hai lần chim vành khuyên lớn bay qua cửa sổ con vào nhà chúng tôi.

---

* Những loại nấm ăn được. — *ND.*

NHỮNG NGỌN ĐÈN MÙA THU

Ở trong rừng hoàn diệp liễu xám này, vào mùa xuân thường có chim dẽ giun gọi mái, còn bây giờ thì chỉ có lá vàng bay mà thôi.

Trong các khu rừng tối sẫm, có những lá cây đỏ rực như những ngọn đèn cháy sáng, có một số lá khác trên nền đen sẫm rực rỡ cháy sáng đến nỗi khi nhìn thì thấy đau mắt.

Cây gia đứng, toàn thân đã sạm đen, nhưng một chiếc lá rực rỡ của nó còn lại, treo lơ lửng, như một ngọn đèn treo trên sợi chỉ vô hình và chiếu sáng.

ÂM U

Buổi sáng âm u, bầu trời rặt một màu xám xịt, nhưng rồi rạng dần, rạng dần, sáng hẳn ra, dường như một người ngủ mở mắt sau một giấc mơ khó chịu và mừng thầm rằng: cái đó chỉ là giấc mơ mà thôi...

Hôm nay, buổi sáng ẩm ướt, đầy sương mù, buổi sáng thức giấc chậm chạp, nó lắng nghe, mà mắt chẳng muốn mở ra.

Sương mù đặc lại, và những hạt nước đọng lại trên những chiếc lá vàng: hạt nước lăn sang chiếc lá khác, ở đấy nó trở thành hai, rơi xuống, và chiếc lá không chịu nổi, cũng rơi xuống cùng với những giọt nước.

SÁNG THU

Từ cây gia, chiếc lá này theo chiếc lá khác lần lượt rơi xuống mái nhà, chiếc thì bay giống như một cái dù con, chiếc thì giống cánh bướm chập chờn,

chiếc thì giống cánh quạt quay tít. Trong khi đó ngày dần dần mở mắt ra, ngọn gió thổi tung lên những chiếc lá vàng trên mái nhà và chúng bay đi đâu đấy đến sông cùng với những đàn chim di cư.

Ta đứng ở đấy một mình trên bờ, đặt tay lên ngực và thả cho tâm hồn cùng với chim và lá bay đi đâu đấy xa xa.

Ta cảm thấy vừa buồn rười rượi, vừa dễ chịu và ta thì thầm khe khẽ:

— Hãy bay đi, hãy bay đi!

Cứ như thế ngày thức giấc chậm chạp đến nỗi khi mặt trời ló ra thì đã đến lúc ăn trưa rồi. Chúng ta vui mừng vì ngày tốt đẹp và ấm áp, nhưng không còn mong gặp những tơ nhện trời bay trong đợt ấm đầu thu nữa: tất cả mọi vật đã bay qua cả rồi, và đàn sếu cũng sắp bay đi, rồi đến đàn ngỗng trời và quạ nhỏ — và thế là hết.

CƠN TUYẾT ĐẦU MÙA

Hôm nay, đột ngột trời băng giá 8 độ âm. Mặt trời rạng rỡ trên bầu trời quang mây, và cả tâm hồn ta hoàn toàn đáp ứng vẻ đẹp huy hoàng của ngày hội lớn. Mà ngày hội ấy đã bắt đầu trong đêm trước: từ chiều tối và suốt đêm, mưa phùn lất phất bay, còn đến sáng thì tuyết xuống — cơn tuyết đầu mùa. Những hạt lạnh đông lại thành mưa, còn ở phía bắc cơn gió nhẹ thổi tuyết bay đi: ở phía nam thì mưa, ở phía bắc thì tuyết. Những con nhện không ngờ băng giá đến đột ngột như thế, đã chăng mạng nhện khắp nơi để chờ những con ruồi đen, còn những con ruồi

trắng — tuyết — mắc đầy ở mạng nhện nặng, như những chiếc võng.

Trong rừng, đầy yên lặng trang trọng. Những cây bụi đứng dưới những cây cao — cây trăn, nhẫn đông, thanh lương trà, anh đào dại — (thật là vô số loại!) đang khoe nhau cây nào còn giữ được trên mình những đồng tiền vàng nhiều hơn.

Rừng cây đứng trên núi, mặt trời mọc lên sau rừng. Và mỗi một cây đen sạm đều hắt bóng màu lam trên mặt đất trắng xóa vì băng giá.

Còn ở giữa cây cối thì những luồng tia sáng tuôn đến những chỗ trống trắng, và những chiếc lá hồ đào cuối cùng, mạ vàng chói lọi trong những luồng tia sáng ấy, trông như bằng vàng thật.

Trên sông, thậm chí ở ngay sát bờ, vẫn chưa có lớp băng mỏng nào cả.

CHIM VÀ LÁ

Trong tia nắng xuyên qua rừng thu, ta không thể nào hiểu được đâu là lá bay, đâu là chim bay.

Còn ở trên quãng trống lớn trong rừng thì cả những chiếc lá vàng rơi cũng chẳng được yên: một số giống như chuột, chạy tung tăng trên quãng trống, số khác cuộn tròn, xoáy lốc, tung bay và khi gặp phải luồng gió thổi trên rừng, thì chúng nhanh chóng lao vút dưới những đám mây đen và giữa những quãng trống màu lam sáng sủa trên trời. Khi đó thì không thể hiểu được đâu là những chiếc lá vút bay, đâu là những con chim di cư tung cánh.

Cây dương xỉ còn đứng xanh rờn, nhưng bây giờ lá vàng thơm ngát, sột soạt dưới chân người, đã phủ ngập lút đến ngọn của nó rồi.

CÂY PHONG

Những cây thông rậm um tùm đã che kín cây phong lá rộng, và vào mùa thu, nó đứng giữa những cây thông mà không nhợt nhạt, trái lại rực rỡ và chói lọi... Khi thời gian đã đến, giống như một số người trước mặt thần chết thì đặt hai tay lên ngực, nó cũng buông rủ những chiếc lá xuống và đứng trần trụi, nhưng hoàn toàn bình thản, vì không còn đòi hỏi ở nó cái gì được nữa.

CHIM CHÍCH XANH

Còn lâu nữa mặt trời mới sưởi ấm, nhưng bây giờ côn trùng đã lạnh cóng và khó tìm được chúng trong vỏ cây. Có lẽ vì thế bây giờ sáng sáng những con chim chích xanh chạy ra trên đường, và có thể nhận ra những con chim này ngay lập tức (chúng thường chạy trên thân cây, đầu vươn lên và chúc xuống) giữa những loài chim khác trên đường, cũng như dễ nhận ra người thủy thủ trên bờ cạn.

CON CHIM SẺ

Trong bụi cây có cái gì đấy cử động, tôi chăm chú nhìn và bỗng vui mừng vô hạn: đó là con chim sẻ, con chim sẻ nhà chúng tôi! Nó sống ở nhà chúng tôi, nó là của chúng tôi, và nó không bay đi đâu xa chúng tôi cả.

HÌNH ẢNH HÒA BÌNH

Gió lặng. Giữa hai hàng cây, một luồng khói thẳng bốc lên như một chiếc cột xanh lam. Từ sáng sớm, đàn muỗi đã chập chờn bay lên bay xuống. Ấm áp, sáng sủa, và thật là tuyệt vời, bình tĩnh, sáng suốt; vào mùa xuân thì chẳng được như thế.

Còn những con chim sẻ sống trên cửa sổ dưới những khung gỗ, thì vui rộn như trong mùa xuân, thậm chí một con ngậm chiếc lông tơ ở mỏ để làm tổ. Chúng đã tìm được một chỗ ở tuyệt trần: cả chúng cũng được tốt, cả chúng tôi cũng không bị làm phiền!

Phải rồi, hôm nay chính là một buổi sáng mà dường như mỗi sinh vật trên trái đất này đã tìm được chỗ của mình, và không ai làm phiền ai cả: đây chính là hình ảnh chân chính của hòa bình trên toàn thế giới.

MÙA THU MỈM CƯỜI

Thời tiết tuyệt vời như thế này thì cả trong tháng tư cũng hiếm có. Những cây bạch dương đã trụi hết lá và đã chuẩn bị để ngủ một giấc đến mùa xuân, thế mà bỗng bây giờ hình như chúng đang chuẩn bị ra lá, như trong tháng tư. Và đàn quạ khoang kêu vang dai dẳng và say sưa như trong mùa xuân. Con gà lôi kêu lầu bầu, và có ai đấy ở trong làng hát thật to, khắp vùng nghe được.

TƯƠNG LAI

Lá trên cây đã rụng hết, nhưng những mầm non các lá tương lai của cuộc sống tương lai giờ đây đã

xác định rồi, và trên mỗi mầm non lấp lánh một giọt nước to trong sáng.

TÌNH CẢM TỰ DO

Từ lâu tôi đã nhận xét rằng khi có cơn gió nhẹ thổi vào rừng lay lắc những cành cây, thì trong đó có một vẻ đẹp sâu sắc lạ thường. Từ lâu tôi đã tìm cách để mô tả cái đó. Hay là kết hợp cái đó với mùa lá rụng ư? Tôi sẽ quan sát.

Những đồng tiền mùa thu lạnh cứng hay khô quắc đến nỗi nghe rõ tiếng chúng sột soạt cọ vào nhau.

Những chiếc lá cọ vào nhau sột soạt, cố gắng bứt ra và bay đi. Nhưng khi bứt ra được thì chúng rơi xuống đất trở thành phân bón cùng với cả khối lá rụng. Nhiều người cũng giống như những chiếc lá kia, nhưng con người chân chính khi được tự do thì tự chắp cánh bay lên, tiến lên, tiến lên mãi.

CHIM ĐA ĐA

Tôi đi lặng yên theo bìa rừng, đôi chân không nện mạnh, không kêu lép nhép, và tôi thấy một con chim đa đa đi trên lối mòn và mổ. Tôi bèn giữ thẳng thân mình đúng vào một vị trí nhất định và hết sức nhịp nhàng, khoan thai rón rén bước. Con đa đa để cho tôi đến rất gần và nó làm cho tôi thích thú vô cùng chẳng kém gì khi tôi có sẵn khẩu súng trong tay.

Hơn nữa, tôi tự giải thích rằng trước đây tôi ham mê săn bắn chính là vì quá thừa sức lực mà thiếu trí tưởng tượng. Bây giờ sức lực tôi còn ít, nhưng trái lại, trí tưởng tượng thì... ồi chà! Phải chăng với chim đa đa chỉ có thể săn bắn mà thôi!

27-1672

THÁNG MƯỜI MỘT

NÀNG BẠCH TUYẾT TRONG RỪNG

Hôm qua, tôi thấy nàng Bạch tuyết trong rừng: một chiếc hoa tai của nàng bằng ngọn lá vàng, nhưng chiếc kia còn xanh.

KHÔNG MANG SÚNG

Trong rừng, tôi lại thấy một con chim đa đa chạy rất gần. Cần chú ý rằng: vào cuối thu khi lá đã rụng và đất đã lạnh cứng, thì rất dễ thấy chim đa đa và chúng để cho ta đến gần. Hôm nay cả con sóc cũng làm dáng với tôi. Và tôi còn thấy rất nhiều chim vành khuyên đủ loại: to có, nhỏ có, lớn có, bé có.

Tôi không mang súng, thật là tốt! Tôi cảm thấy rằng cuối cùng có thể đạt được sự yên tĩnh trong tâm hồn mình, và mỗi chầm trong rừng sẽ mở đầu cho cuộc sống sôi nổi đến mức không thể kịp ghi chép được hết.

Con chim vành khuyên cúi chúc đầu lấy mỏ mổ cái gì đấy từ trong trụ mái hiên. Hai con sẻ sống thường xuyên sau khung cửa sổ đã thấy thế, liền bay đến, xua đuổi chim vành khuyên đi, rồi xem xét khắp, không tìm thấy gì thì chúng quay trở lại cửa sổ.

MÙA ĐÔNG PHẢNG PHẤT

Hôm nay là một ngày huy hoàng, lộng lẫy vô cùng. Mỗi mùa may ra mới có một ngày như thế. Ngoài nắng, mái nhà nhỏ giọt, trong râm băng giá nằm lặng và nằm như thế suốt ngày. Cành cây ngoài nắng buông rơi những giọt nước xuống, còn trong râm giọt nước

ấy đông lại, và chiếc mũ bằng tuyết trắng tinh ở cành trên trở thành que băng ở cành dưới.

Trên sông, băng non đầu mùa trôi, bên ngoài trông có vẻ luộm thuộm, không gọn gàng, nhưng chính cái đó tạo ra cả lớp băng dày đặc từ những mảnh băng nhỏ xíu. Ở sát bờ, băng rất đặc biệt, trắng như đường và có vân hoa. Băng non bám vào lớp băng sát bờ ấy, và ở nơi nào dòng nước chảy xiết thì ở đấy băng non chỉ làm dải băng ven bờ bằng phẳng thành một đường thẳng tắp. Còn ở những vụng con nước chảy lờ đờ thì băng non trở thành một lớp băng mỏng manh và trong trong. Một con quạ khoang dạn dĩ đậu trên tấm băng như thế mà không bị sụt lún. Nó thì dễ dạn dĩ thôi, vì nếu có gì thì có thể tung cánh bay được ngay mà!

Chỉ còn một hai ngày thôi thì cả bờ bên kia với cái vụng con đông lại đã đóng băng đến tận giữa sông. lẫn bờ bên này của chúng tôi, nơi băng non trôi đã bám vào dải băng ven bờ, — hai bờ vốn thù nghịch nhau suốt đời, sẽ gặp nhau, hôn nhau và đóng băng lại trong suốt mùa đông cho đến đầu xuân.

Nhưng bỗng cơn ấm đến bất ngờ, thế là bây giờ hai bờ lại thù nghịch nhau như trước: nước xói lở bờ này, bồi đắp bờ kia.

Trên dòng sông là một bức khảm dày đặc bằng băng, và dường như trước khi đông cứng lại và ngừng chảy, dòng sông tức giận bẻ gãy tất cả lớp băng và dừng lại.

Nhưng hóa ra, dòng sông hơi yên chưa dừng hẳn và vẫn tiếp tục trôi một tí ti cùng với toàn bộ lớp băng.

Chỉ còn một tí ti nữa thôi — và dòng sông sẽ ngừng hẳn.

CHIẾC GƯƠNG SOI CỦA RỪNG

Trong vũng nước trên đường trong rừng, những phần tử nước lạnh nhất khi đông lại đã dâng lên trên mặt. Băng giá đã làm thành một màng trắng và vẽ lên trên lớp màng ấy những bông hoa nhiệt đới gì đấy thật là kỳ lạ đối với chúng ta.

Phải chăng ta có thể hiểu được băng giá cần những bông hoa để làm gì? Nhưng nếu suy từ bụng ta thì sẽ hiểu được thôi: băng giá ấp ủ mộng đến đất nước nhiệt đới xa xăm, và trong khi nó làm những đường vân hoa thì dòng nước ấm đã chui xuống đất.

Và thế là từ vũng nước chỉ còn lại một lớp màng mỏng manh, trắng phau, giòn tan với những đường vân hoa của rong biển nhiệt đới.

Có lúc gần cuối thu, gió thổi tung cả những chiếc lá bạch dương và hoàn diệp liễu rụng trên những cây thông lá ngắn. Nhưng có lúc cuối thu, khi trên các cây thông lá ngắn còn lại những chiếc lá kim của những cây thông lá dài, những chiếc lá ấy xóc vào cành cây treo lơ lửng. Những chiếc lá ấy thì gió không tài nào thổi tung được nữa, và chỉ đến mùa xuân khi tuyết bò từ các cành cây xuống thì nó sẽ mang theo cả những chiếc lá kim dài ấy.

DÒNG SÔNG ĐÓNG BĂNG

Suốt ngày hôm qua trời nắng và đến tối thì trăng rằm. Các bà đi xuống sông lấy nước, khảo nhau:

«Dòng sông của chúng ta sắp đóng băng rồi».

Từ sáng sớm những mảnh băng con rực sáng lên và xếp lại thành một lớp băng mỏng, và băng non đầu mùa trôi trên sông như trong mùa băng tan.

Đất và nước không còn tin những lời hứa hẹn của mặt trời nữa, và thậm chí trong suốt ngày nắng chói lọi nhất, trong bóng râm và trên những sườn phía bắc, những vệt trắng của tuyết vẫn không tan, và — lạ thật! — khi nhiệt độ lên đến mấy độ dương và dưới những tia nắng chói lọi, thế mà trên sông những cục băng con trong suốt, mỏng manh vẫn không ngừng trôi và sau đó chúng tạo thành lớp băng dày đặc. Có người đi ủng ở đâu đây, và mặt đất khô ráo, lạnh cứng bập bùng âm vang dưới bước chân của anh ta.

Đất sắp đông cứng lại rồi!

Dưới chiếc cầu con, băng non bám vào tất cả các nhịp, chỉ trừ một nhịp cầu ở bờ bên kia. Và tất cả băng non đều tuôn chảy qua lối duy nhất đó.

Dòng sông sắp đông cứng lại rồi!

MỌI VẬT ĐỀU DỪNG LẠI

Người ta thả gia súc ra ăn cỏ, (ở vùng chúng tôi bao giờ cũng làm như thế) nếu từ mùa thu cỏ ra lá nhiều, vì từ mùa thu mà cắt bớt lá cỏ thì lợi hơn. Ai cũng tưởng là gia súc xông đến gặm cỏ ngay, nhưng mà không! Những con bò cái và những con bê đứng lặng yên không nhúc nhích, vì chúng rất khoái được đứng sưởi ấm trong ánh nắng cuối cùng.

Còn trên dòng sông, băng non lờ đờ trôi qua lối hẹp giữa hai dải băng ven bờ. Mọi vật đều dừng lại trước mùa đông.

VƯƠNG QUỐC CỦA LOÀI KIẾN

Một mô kiến đất rất to trước đây đã bám cạnh một gốc cây rất to, và qua nhiều năm mô kiến đã phủ lấp cả gốc cây, đã nuốt trửng nó. Rồi qua nhiều năm sau, vương quốc của loài kiến bị diệt vong và ở bên dưới cỏ, nấm và rêu bắt đầu mọc lên, phủ kín.

Bây giờ đến lúc những cây thông non um tùm phủ kín toàn bộ mô kiến từ trên đến dưới.

Hôm nay, tôi đập vỡ vũng nước đóng băng trong rừng. Băng dày đến nỗi dưới nó khô ráo: băng đã uống hết nước rồi.

VẬT HẬU HỌC

Trời 9 độ âm, thế mà dòng sông vẫn cứ chảy, và thùng nước để trong nhà xe lạnh của tôi vẫn không đông. Sau đó băng giá rất nhẹ, dòng sông vẫn cứ chảy và làm cho những dải băng dày ven bờ lớn thêm. Còn thùng nước ở nhà xe thì tôi chẳng nghĩ đến. Thế nhưng, đến khi có những cơn băng giá khá dữ dội thì dòng sông lập tức ngừng chảy, còn nước trong nhà xe đông lại và chọc thủng đáy thùng. Như thế thì không nên sợ cơn băng giá ác liệt đột ngột, mà phải sợ cơn băng giá nhẹ kéo dài từ ngày này qua ngày khác.

Mùa đông cũng vậy, lúc đầu dọa chúng ta bằng những trận tuyết sa và những cơn băng giá, nhưng thực ra thì nó đến một cách bí mật và bỗng nhiên ta cảm thấy: mùa đông thật sự đã xông đến, đã ngự trị đây rồi!

TUYẾT BỘT

Băng giá nhẹ. Từ sáng, tuyết bột tơi mịn rắc xuống trên tuyết hạt sa từ ngày hôm qua. Nó rất cẩn thận, chu đáo phủ trên khắp mọi chỗ gồ ghề của địa hình.

Trời nhá nhem tối, và cảm thấy hình như một con thỏ trắng từ rừng chạy ra và đứng lại. Nhưng đó không phải là con thỏ rừng, mà là cái gì đấy bất động, dù chúng tôi càng nhìn lâu thì càng rõ ràng là nó đang thay đổi. Nhưng đó không phải là nó di động, mà chính là nhịp tim đập làm rung động thân người...

NHỮNG Ý NGHĨ NHƯ CHIM TUNG CÁNH

Chỉ vừa mới đi vào rừng, thì lập tức những ý nghĩ lạ lùng bay tung lên, khác nào những đàn chim, và mọi cái đều chuyển sang vận động, còn bản thân ta bắt đầu hiểu rõ là tất cả những cái đó đều do ta suy ra mà thôi, do ta đến mức cả cây cối ta cũng muốn chúng bay bổng lên cùng với những ý nghĩ như chim tung cánh.

Nhưng cây cối không bay bổng lên, cây cối vẫn đứng lặng và chúng là vật tự thân, không phụ thuộc vào ta: kìa cây thông, kìa cây bạch dương. Chắc chắn là cây cối đứng yên, và chính toàn bộ sự tuyệt diệu của rừng núi là do đấy, là do bản thân ta cùng với những ý nghĩ bay bổng lên, phóng nhanh vùn vụt, và hòa mình vào trong tiếng xào xạc của lá xanh, còn cây cối thì đứng yên một chỗ.

BÌNH MINH VÀ HOÀNG HÔN MÙA THU

Bình minh và hoàng hôn, vàng rực như một quả táo Antônôpca* chín.

Đến tối bầu trời vàng rực của những ngày này ửng hồng, và do đó trời trở ấm.

Một vệt xanh biếc che khuất mặt trời, làm nổi bật ánh bình minh và hoàng hôn vàng rực ửng hồng.

Mặt đất cứng lại và hơi bị phủ một lớp tuyết-bụi trên sườn dốc phía bắc. Tôi bình tĩnh uống trà khi trời đang tờ mờ sáng. Mặt trời mọc, giống như một con chim vàng với đôi cánh đỏ rực, bên trên nó là những đám mây dạng sóng màu tim tím.

THÁP CHUÔNG CỦA RỪNG NÚI

Tuyết đêm rơi xuống đè trĩu các cành cây, còn bây giờ tuyết từ từ tan thành những giọt nước trên các cành, và các cành hơi ngóc lên. Đến gần tối trời trở rét, thì tất nhiên, trước tiên băng giá làm tất cả các giọt nước đông lại, còn ở dưới tuyết, chúng vẫn chảy ra trên các cành, một hạt nước rơi xuống hạt đã đóng băng, và ở đây các hạt đều đông cứng lại và làm que băng dài dần ra. Băng giá bắt tuyết phải ngừng tan khi toàn bộ cây đã phủ đầy những que băng nhỏ và kêu vang.

Buổi sáng, quãng trống trong rừng tràn đầy ánh sáng, và trong tia nắng, những cây thông rực rỡ lấp

* Một giống táo khi chín màu vàng rực. — *ND*.

lánh tựa hồ như những tặng vật huyền diệu và ngọn gió bắt đầu rung chuông ở trên tháp chuông của rừng núi.

DÒNG SÔNG NGỪNG CHẢY

Đến tối, trời trở ấm trong không khí, đất đai đông cứng, trong nước vật gì đã trôi đến thì giờ đây nằm đọng đấy: ném hòn đá trên mặt băng — nó kêu vang nhưng không chọc thủng được, còn băng non thì không trôi nữa.

Mặt trời lặn xuống không phải trong những đám mây thưa thớt, như chiều hôm qua, mà trong những đám mây thật dày đặc. Mặt trăng mọc lên màu đo đỏ, có vẻ giận dữ, nhưng nó soi bóng trong nước mà không có những vết trên mặt, không có gì cả: không mày, không mũi...

DẤU HIỆU MÙA ĐÔNG

Ban ngày trời râm, thế mà băng giá không sợ, cả ban ngày nó vẫn cố thủ và đến tối thì còn tăng thêm. Và cái đó chính là dấu hiệu đáng tin nhất của mùa đông: băng giá và mây đen tạo ra những điều kiện thuận lợi cho các cơn tuyết sa, và chỉ còn hai ba đợt tuyết bột nữa, giống như đợt đầu, và hết, tất cả mọi vật sẽ bị phủ kín và tuyết không tan nữa. Thế là việc đi săn thú với chó săn sẽ chấm dứt.

Thật là giống tháng ba quá chừng đến nỗi tôi tìm kiếm hồi lâu một dấu hiệu nào đấy trong rừng để nếu có người nào đã ngủ thiếp đi hàng chục năm, khi tỉnh dậy có thể xác định được mùa. Và cuối cùng, trên đường đẫn cây phủ đầy tuyết tôi thấy: từ một cây

tấm mạng nhện buông rủ xuống, còn ở dưới cùng thì có một viên gì tròn tròn. «Đó là con nhện bị chết lạnh chăng?» — tôi nghĩ thầm về cái viên tròn ấy. Tôi mở nó ra, nhìn kỹ: thì ra đó là từ vụ sương mù dày đặc tuần trước, những giọt nước đã đọng và đông lại, còn khi tuyết xuống thì những bông tuyết lục giác nhỏ lăn tăn li ti đã phủ kín hạt nước đóng băng, do đó nó trở thành một viên tròn.

Như thế thì rõ là tháng mười một, chứ không phải tháng ba: tháng ba thì không một tấm mạng nhện nào còn lại mảy may gì hết.

THÁNG CHẠP

NHỮNG GIỌT NƯỚC THẬT

Hôm qua tuyết sa xuống nhiều lắm. Và hơi tan đi một ít, nhưng những hạt nước to ngày hôm qua đã đông lại. Hôm nay không lạnh lắm, nhưng tuyết không tan, những hạt nước đá treo lơ lửng và lấp lánh, như giọt nước thật, còn bầu trời thì xám xịt treo lưng chừng trời làm ta có cảm giác dường như nó sắp bay đi...

Tôi đã nhầm: những giọt nước ở ngoài bao lơn là những giọt nước thật!

TRONG THÀNH PHỐ

Ta không còn để ý đến cái gì lất phất từ trên trời rơi xuống và trong không trung thì mù mịt, mênh mông. Trong ánh đèn điện thấy rõ lớp bụi nước lăn tăn li ti rung động, và những bóng đen nổi lên trên:

con người đi ở phía bên kia mà bóng anh ta thì ở đây: cái đầu đi qua lớp bụi nước rung động.

May quá, trong một đêm tuyết tốt đã sa xuống nhiều. Từ cửa sổ nhìn ra trong bóng tối ban mai, dưới ánh đèn điện thấy rõ là tuyết rất tơi mịn trong xẻng của những người quét dọn đường sá, như thế tức là tuyết chưa ẩm.

Hôm qua giữa trưa thế mà các vũng nước trên đường đã đông lại. Đã bắt đầu đóng băng trên mặt đường, và những người dân Matxcơva bắt đầu trượt ngã.

MÙA XUÂN BÓNG ĐEN

Lễ Đông chí. Nhạc sĩ N. chúc mừng tôi nhân «mùa xuân ánh sáng». Chắc là người ta sẽ còn dùng lâu từ ngữ này mà tôi đã đặt ra: mùa xuân ánh sáng. Còn bản thân tôi thì bắt đầu nghĩ về mùa xuân bóng đen: sở dĩ như thế vì chỉ nhờ có bóng đen mà còn cuộc sống trên trái đất.

Nếu chỉ toàn ánh sáng và ánh sáng mà thôi, thì sẽ không có bốn mùa, mặt trời cứ cháy sáng và cháy sáng mãi. Chính nhờ trái đất quay tròn, và sự chuyển động quay tròn đó sinh ra những bóng đen điều hòa ánh sáng để kéo dài cuộc sống trên trái đất.

MỤC LỤC

MÙA HÈ

MÙA THU

MÙA ĐÔNG

BỐN MÙA

CÙNG BẠN ĐỌC,

Nhà xuất bản Tiến bộ sẽ vô cùng cảm ơn các bạn nếu các bạn gửi đến chúng tôi ý kiến về nội dung cuốn sách, chất lượng bản dịch, trình bày mỹ thuật, ấn loát và những đề nghị khác của các bạn.

Địa chỉ chúng tôi: Liên-xô, Mát-xcơ-va, Giu-bốp--xki bu-lơ-va, 21.